Mục lục

. - Mục lục -
. Chương 121: Long mã mang thiên tượng trên mình
. Chương 122: Rùa thần mang sách
. Chương 123: Thiên Nhân hợp Đức
. Chương 124: Lấy con người làm gốc
. Chương 125: Quẻ 56 - Hỏa Sơn Lữ : Đạo của Lữ khách
. Chương 126: Những điều cốt yếu khi lưu trú xa nhà
. Chương 127: Quẻ 57 - Thuần Tốn: Nhu hòa đúng mực
. Chương 128: Khiêm nhường mà bản lĩnh
. Chương 129: Quẻ 58: Thuần Đoài - Hòa Duyệt Tương Xử
. Chương 130: Lạc quan nhân sinh
. Chương 131: Quẻ 59: Phong Thủy Hoán - Khi tan thì hãy tan
. Chương 132: Quy tụ nhân tâm
. Chương 133: Quẻ trong quẻ
. Chương 134: Tự bói tự giải
. Chương 135: Quẻ 60: Thủy Trạch Tiết - Điều chỉnh thích hợp
. Chương 136: Chính thông dân hòa
. Chương 137: Quẻ 61: Phong Trạch Trung Phu - Rộng ban lòng thành tín
. Chương 138: Thành tâm không vọng
. Chương 139: Quẻ 62: Lôi Sơn Tiểu Quá - Lưu dư địa
. Chương 140: Tận dụng tình thế
. Chương 141: Quẻ 63: Thủy Hỏa Ký Tế - Giữ gìn thành quả là điều khó
. Chương 142: Phúc qua họa sinh
. Chương 143: Quẻ 64: Hỏa Thủy Vị Tế - Thận trọng tiến thủ
. Chương 144: Luôn mang hy vọng

Chương 121: Long mã mang thiên tượng trên mình

> Trong "Kinh Dịch - Hệ Từ" nói rằng: "Hà xuất đồ, La xuất thư, Thánh nhân tắc chi." Mảnh ngọc phát hiện năm 1987 ở bụng rùa tại Hàm Sơn, An Huy chính là hình tượng của Lạc Thư, cho thấy truyền thuyết Hà Đồ Lạc Thư không phải là hư cấu. Vậy Hà Đồ Lạc Thư rốt cuộc do ai vẽ? Tại sao những hình tượng từ hàng nghìn năm trước lại hàm chứa nhiều thông tin về âm dương, ngũ hành, phương vị như vậy?

Tại sao chúng ta gọi Kinh Dịch là học thuyết “thiên nhân” (của trời và người)? Thực sự có mối quan hệ lớn với truyền thuyết Hà Đồ Lạc Thư. Tại sao giữa dòng nước lớn của sông Hoàng Hà, bỗng dưng xuất hiện một con long mã rất kỳ lạ, không giống rồng cũng không giống ngựa, bên cạnh bụng nó có những dấu hiệu này (Hình 121-1), là ai đã tạo ra chúng?

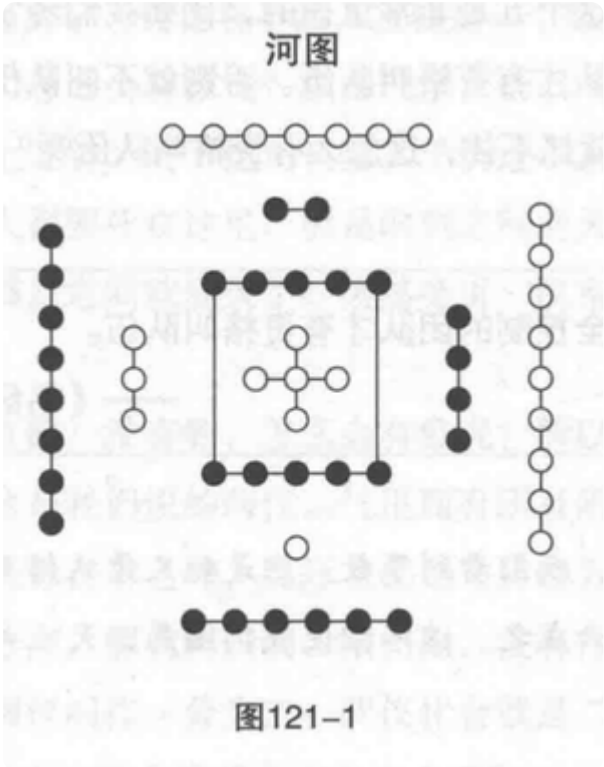


图121–1

Sau đó lại nói, đây là điều mà trời đã ban cho chúng ta, tức là "Thiên thùy tượng" (trời ban tượng). Trời đất ở nhiều nơi đều ban tượng, và sợ rằng con người không hiểu, nên đã tạo ra một số hình tượng kỳ lạ hơn, để mọi người có thể dễ dàng nhận ra hơn. Đúng như vậy, khi thế gian nhìn thấy sau đó, họ cảm thấy đây không phải là hiện tượng thông thường, chắc chắn có ý nghĩa đặc biệt, cần phải suy ngẫm và hiểu rõ.

Trong điểm trắng có vẻ như có số một, ba, năm, bảy, chín, đây đều là những con số. Vì thế, chúng ta từ biểu tượng tìm thấy được số đằng sau đó.

Một, ba, năm, bảy, chín là các số lẻ, là số dương, cũng gọi là số trời, vì thế có Thiên Nhất, Thiên San, Thiên Ngũ, Thiên Thất, Thiên Cửu.

Điểm đen là hai, bốn, sáu, tám, mười, chính xác là số chẵn, là số âm, cũng gọi là số đất, vì thế có Địa Nhị, Địa Tứ, Địa Lục, Địa Bát, Địa Thập.

Nhìn càng lúc càng có trật tự, dùng cách nói hiện đại, càng nhìn càng thấy hệ thống và logic của nó. Chắc chắn không phải là tạo ra một cách tùy tiện, mà trời có ý định muốn nói cho chúng ta một số đạo lý lớn.

Chúng ta hãy lại nhìn tổng thể Hà Đồ một lần nữa, một và sáu là một cặp, hai và bảy là một cặp, ba và tám là một cặp, bốn và chín là một cặp, năm và mười là một cặp.

Và một với sáu chênh lệch năm, hai với bảy chênh lệch năm, ba với tám chênh lệch năm, bốn với chín cũng chênh lệch năm, năm với mười tất nhiên cũng chênh lệch năm.

Mỗi nơi sự chênh lệch âm dương đều là năm, vì vậy số năm được đặt ở giữa, số năm trở thành nhân tâm của toàn bộ Hà Đồ, cũng là nhân tâm của Kinh Dịch.

Bởi vì một người khi duỗi ra một bàn tay có năm ngón tay, tối đa chỉ có thể sử dụng năm ngón tay, nhưng chỉ cần năm ngón tay là có thể nắm bắt toàn thể, vì vậy con người mới là linh hồn của vạn vật. Mỗi bên năm chiếc, cộng lại thành mười, phải chăng rất khéo léo?

Thiên nhất - địa lục chênh lệch 5, địa nhị - thiên thất vẫn chênh lệch 5, thiên tam - địa bát, địa tứ - thiên cửu, thiên ngũ - địa thập, tất cả đều chênh lệch 5.

Chúng ta người Trung Quốc rất coi trọng con số năm này, chẳng hạn như chúng ta thường nói về đội ngũ. Phải biết rằng, chỉ có đội ngũ có thể hoàn toàn kiểm soát mới có tư cách được gọi là đội ngũ. Ngược lại, không gọi là đội ngũ, gọi là đối lục. Bởi vì nó đi loanh quanh, căn bản không thể nắm bắt được, làm sao có tư cách gọi là đội ngũ?

> Qua hình tượng Hà Đồ, chúng ta nhìn thấy con số. Nhưng số lại từ đâu mà có? Trong ca khúc Hà Đồ nói rằng: "Thiên nhất sinh thủy, địa lục thành chi". Điều này không khỏi làm chúng ta bối rối, tại sao thiên nhất lại sinh ra nước? Địa lục lại làm sao kết thành?

Thiên nhất làm thế nào mà sinh ra nước? Và tại sao lại có địa lục để thành nó? Khi nhìn đến đây chúng ta mới ngộ ra, hoá ra **hình tượng không phải là thứ sơ khai đầu tiên, số cũng không phải là thứ sơ khai đầu tiên, thứ sơ khai đầu tiên chính là khí.** Ví dụ như một người khi sinh ra, một hơi thở không đến thì cũng kết thúc, không có gì cả. Con người sống cũng vậy, sống chỉ là một hơi thở mà thôi. Vì vậy tại sao

người Trung Quốc khi cuối cùng đều nói “phải có khí phách”, “phải có khí phách”. Bởi vì khí đến đâu, số đến đó, khí đến đâu, khí số hợp thành, hình tượng liền xuất hiện.

Chúng ta thường nói “khí tượng vạn thiên”, ý nghĩa là gì? Đó là để nói cho chúng ta biết rằng khí thay đổi muôn ngàn hình thức. Vì vậy Khổng Tử nói rất rõ ràng: “Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa kiến hĩ” (Ở trời thành tượng, ở đất thành hình, biến hóa đã thấy). Khí ở trời gọi là tượng, ở đất gọi là hình. Hình là nghiêng về mặt vật chất, tượng nghiêng về mặt tinh thần, nó là thứ thuộc về năng lượng.

Chúng ta nhìn lên trời, ngoài khí tượng ra còn có thứ gì khác không? Không còn gì khác. Nếu trên trời có vật chất, chắc chắn sẽ rơi hết xuống, biết đâu còn gây thương tích cho người. Còn mặt đất hầu như toàn là vật chất, nếu hóa thành khí thì sẽ bay lên trời. Vật chất trên đất biến thành khí, rồi bay lên trời trở thành hình, hình lại rơi xuống... như vậy đã tạo thành chu trình tuần hoàn giữa trời và đất, chúng ta loài người mới có cách để tồn tại.

Chúng ta đều biết “thiên thùy tượng” (trời ban tượng) lúc nào cũng có, nhưng cái cụ thể nhất là gì? Đó chính là Hà Đồ Lạc Thư. Nguồn gốc Hà Đồ từ đâu chúng ta không biết, Long Mã có thực hay không cũng không biết, dù sao chúng ta coi nó như trời ban tượng cũng được, trời ban tượng chính là trời cho Hà Đồ Lạc Thư hiển hiện cho nhân loại. Nó thể hiện không phải là chữ, lúc đó ở đâu có chữ? Có chữ loài người cũng không hiểu được, nó chỉ là một con số. Con số lại từ đâu tới? Tại sao lại có số? Số do khí tạo thành, nên gọi là khí số.

Thời Tam Quốc, Khổng Minh đã nghĩ mọi cách để đốt cháy Thượng Phương Cốc, cuối cùng dẫn dụ cha con Tư Mã Ý vào Thượng Phương Cốc, Tư Mã Ý đều biết mình đã xong, hôm nay cả gia đình sẽ chết ở đây. Nhưng trong phút chốc trời đổ mưa lớn, lượng mưa lớn đến mức tất cả lửa đều bị dập tắt trong nháy mắt. Gia Cát Lượng nói "Hán thất khí số đã cạn", đó chính là nói về khí số. Không có khí, làm sao có số?

Không có số, làm sao có hình? Vậy nên tất cả đều liên kết với nhau. Khí có Âm có Dương, đó là chúng ta nói về Lưỡng Nghi. Trong khí có Âm có Dương, nên chúng ta gọi là Dương khí, Âm khí. Mọi ngày chúng ta luôn nói về những thứ này, thực ra đều là thứ từ Kinh Dịch.

Lưỡng Nghi này, nếu Âm và Dương ly biệt, thì Âm quy Âm, Dương quy Dương, không có tác dụng gì, vậy nên Lưỡng Nghi cần hợp nhất, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi gọi là một chia làm hai, Lưỡng Nghi hợp nhất là hai hợp làm một, cả hai điều này đều cần diễn ra đồng thời. Lưỡng Nghi hợp nhất, sẽ trở thành Ngũ Hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ.

> Hình tượng trong Hà Đồ được gọi là "thiên thùy tượng" là bởi nó thể hiện ra hình ảnh, chính là hiện tượng trong tự nhiên. Chúng ta quan sát tự nhiên cẩn thận, sẽ hiểu được cái gì là số, cái gì là khí. Nhưng, Ngũ Hành mà văn hóa truyền thống Trung Quốc thường nói tới, thì ta nên hiểu thế nào?

Cái gọi là Ngũ Hành là gì? "Hành" chính là khí đang lưu thông, không có khí làm sao có thể lưu thông? Khí đại diện cho sức mạnh chuyển động của vạn vật giữa trời và đất. Và lực lượng này là có hướng: tất cả mọi người đều thấy hướng của nước là xuống dưới, vậy nên nước biểu thị cho lực lượng của khí chảy xuống dưới; lửa hướng lên trên, cho nên lửa biểu thị cho lực lượng của khí phun lên trên, chảy lên trên; cành lá cây cổ thụ hướng ra bốn phương tám hướng; kim loại tụ tập từ bốn phương tám hướng vào một điểm. Một là hướng vào trong, một là hướng ra ngoài, một là hướng lên trên, một là hướng xuống dưới, như vậy là bốn. Còn một cái nữa là thổ, đại diện cho sự cân bằng mà không nghiêng về bất cứ hướng nào, tất cả lực lượng vận hành ổn định đều được gọi là thổ.

Chính vì vậy người Trung Quốc tự hào nhất là chúng ta là Trung Thổ, chúng ta là Trung Nguyên. Cái này chúng ta cần dần dần hiểu rõ. Sự vận hành của khí không thể không có hướng, có hướng rồi, không kể là đi về hướng đông nam tây bắc, hay là hướng lên xuống trái phải, tất cả đều là năm, cho nên gọi là Ngũ Hành.

Đừng giải thích Ngũ Hành là năm loại yếu tố cơ bản cấu thành, cũng đừng giải thích là năm loại chất cơ bản cấu thành, **đó là hướng vận hành của khí.**

Cho nên vạn vật trong vũ trụ, ban đầu là từ khí hóa ra. Cái gì gọi là khí hóa? Là quá trình năng lượng biến thành vật chất. Khí hóa bao gồm cái gì? Bao gồm vật chất có hình thức và năng lượng không hình thức, tức là vật chất và năng lượng, chúng tồn tại cùng nhau.

Phương Tây cho đến Einstein mới làm rõ: **chất năng là có thể chuyển hóa lẫn nhau**. Thật ra Kinh Dịch của chúng ta đã sớm nói về sự chuyển hóa của âm dương, âm cực sẽ thành dương, dương cực sẽ thành âm.

Âm biểu thị cái gì? Biểu thị vật chất.
Dương biểu thị cái gì? Biểu thị năng lượng.

Một sinh một tử, một định một động, tất cả đều là tương đối, cho nên chúng ta không quá coi trọng sự sinh khắc của Ngũ Hành.

Không quá coi trọng là ý nghĩa gì? Bởi vì nó không thể cố định, đó là một loại phản ứng sinh hóa. Chẳng hạn như thổ với cái gì không có liên quan? Không có đất, nước làm sao có thể hình thành? Chúng ta nhìn thấy một dòng sông, một hồ nước nhỏ, một chum nước, đều biết nó phải có đất mới có thể hình thành. Lửa đốt cháy mọi thứ sau đó biến thành đất, kim loại được chôn trong đất, còn cây cối cũng mọc lên từ đất. Chúng nên là một hành động sinh hóa lẫn nhau, không nên quá nhấn mạnh vào sinh khắc, có lẽ sẽ tốt hơn.

> Hóa ra là do hướng vận động của khí hậu mà phát sinh ra Ngũ Hành, có thể thấy Ngũ Hành là tương hỗ lẫn nhau. Nếu hiểu Ngũ Hành như là năm loại vật chất hoàn toàn độc lập: Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, thì đó không chính xác. Nhưng lại, Kim Mộc Thủy Hỏa

> Thổ và Đông Tây Nam Bắc Trung, chúng lại kết hợp như thế nào? Tại sao chúng ta lại nói trong rổ có thể đựng "Đồ Vật (Đông Tây)", mà không nói đựng "Nam Bắc" nhỉ?

Vậy thì Đông Nam Tây Bắc Trung được phối hợp như thế nào? Chúng ta có thể nhìn thấy, “thiên nhất sinh thủy, tại sao cần địa lục thành chi”?

Mọi người thường nói về một từ. Gọi là khí chất, ví dụ như có người có khí chất tốt. Thực ra thiên nhất chính là khí, địa lục chính là chất, như vậy mọi người dần dần sẽ hiểu.

Khí bốc lên từ mặt đất. Mặt trời biến nước dưới lòng đất thành hơi nước rồi cho phép nó bốc lên; Càng lên cao, nó càng lạnh, cực âm trở thành dương, sau đó biến thành nước và cuối cùng rơi xuống - và chu kỳ cứ lặp đi lặp lại đến vô tận. Như vậy, tất cả các ý tưởng của người Trung Quốc đều xuất hiện.

Dương khí sẽ bay lên, Âm khí sẽ hạ xuống, nên Thiên Nhất sinh Thủy, bởi vì nước thuộc phương Bắc; Địa Nhị sinh Hỏa, nên lửa thuộc phương Nam; Thiên Tam sinh Mộc, Mộc thuộc phương Đông, phương Đông là nơi mặt trời mọc lên, mặt trời chiếu sáng mới khiến cho cây cối có thể phát triển thuận lợi. Có nước, có đất, nếu không có mặt trời, cây cối cũng rất khó sống. Phương Tây thường mưa, những nơi nào mưa nhiều thì sản sinh ra Kim. Trung ương được gọi là Trung Thổ, vì thế chúng ta rất tự hào: Trung Thổ quý giá, sinh ra ở Trung Thổ thực sự là hiếm có (Hình 121-2).

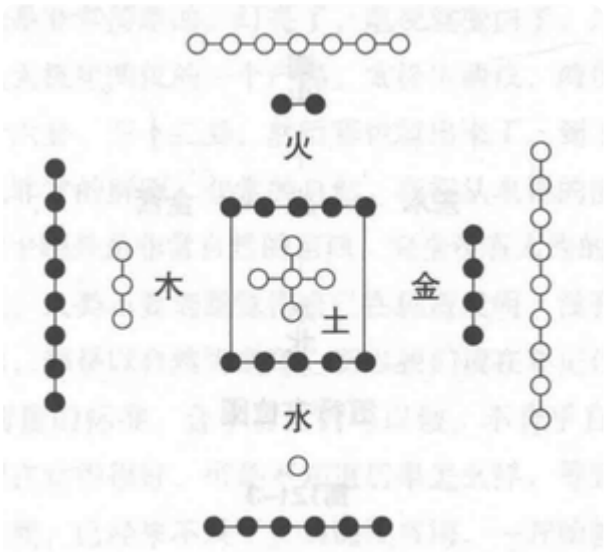


图121-2

Vì vậy, là một người Trung Quốc chúng ta nên cảm thấy rất tự hào, bởi vì tất cả các nguyên tố tốt đẹp đều được chúng ta chiếm hữu. Nói đến khí chất của con người, khí chính là dương, chính là tinh thần, chất chính là thân thể, chính là âm, thân thể rất hùng mạnh, tinh thần tự nhiên sẽ tốt; những người có tinh thần tốt, phần lớn thân thể cũng không tồi.

Từ đây chúng ta biết được, hóa ra chỉ có vài điểm rất đơn giản này thôi, cũng có thể cho chúng ta được rất nhiều sự khai sáng: con người phải đọc sách, không phải dựa vào trí nhớ, cũng không hoàn toàn dựa vào hiểu biết; phải chăm chỉ suy ngẫm, phải dùng tâm huyết để suy ngẫm, nếu không thì làm sao đọc được thông suốt đúng không?

Về phần Thiên Địa, chúng ta rất quen thuộc với **"Thiên Nam Địa Bắc".** Sau khi xác định hướng Nam và hướng Bắc, hướng Đông và hướng Tây lập tức trở nên rõ ràng. Nếu trời ở dưới, đất sẽ lên trên, Đông sẽ chuyển sang bên phải và Tây đương nhiên sẽ ở bên trái. Tại sao quốc tế lại nói về la bàn hướng Bắc, **chỉ có chúng ta nói về la bàn hướng Nam? Lý do chính là ở đây, Hoàng Đế ngày xưa dùng la bàn hướng Nam.** Chỉ có "trung ương", dù thế nào cũng không thay đổi. Do đó, "trung ương thổ" cuối cùng đã trở thành một phần không thay đổi trong Kinh Dịch, được gọi là "bất biến". Vạn biến bất ly kỳ "trung", nghĩa là "trung" này không thể thay đổi.

Chúng ta có thể nhìn thấy từ Hà đồ, phía Đông là Mộc, phía Tây là Kim, hầu hết mọi thứ đều là thuộc tính của Mộc và Kim, vật thể được kết hợp từ chúng được gọi là "đồ vật" (Đông Tây).

Còn Nam là Hỏa, Bắc là Thuỷ, nước và lửa không thể hợp lại với nhau. Dùng lửa để đun nước là được, nhưng nếu muốn kết hợp lửa và nước thành một vật thể thì có lẽ rất khó, do đó không thể tạo "đồ vật". Vì vậy chúng ta chỉ có thể gọi vật thể là "đồ vật" (Đông Tây), không thể gọi là "Nam Bắc", cũng chính là căn cứ vào điều này. Nếu chúng ta nói với người khác: "Hãy đưa cho tôi cái 'Nam Bắc' kia", người đó sẽ không hiểu được.

Thông qua Hà Đồ để hiểu "lý, khí, tượng, số" của Kinh Dịch, chúng ta có thể thu được nhiều điều. Nhưng chúng ta chỉ giới thiệu đại khái là được, cuối cùng vẫn phải bắt đầu từ dịch lý. Mọi người hiểu đạo lý của Kinh Dịch, sẽ không mê mẩn về "tượng, số", không chui vào đó rồi không ra được.

Kể từ thời Hán, chúng ta thấy quá nhiều người chui đầu vào rồi không thể rút ra được. Vì thế mới có Vương Bật mạnh mẽ "quét sạch tượng", ông nói những thứ này toàn là thứ lộn xộn. Thực ra cũng không cần như vậy, bởi vì hiện nay kiến thức của chúng ta đều rất phong phú, khả năng phán đoán cũng tốt hơn thời đó nhiều, nên không cần quá sợ hãi, kết hợp chúng lại nghiên cứu là không có vấn đề. Có một số thứ, chúng ta đương nhiên nên nỗ lực dẫn dắt cho đúng.

> Truyền thuyết nói Hà Đồ Lạc Thư là nguồn gốc của Kinh Dịch. Vậy thông qua phân tích Hà Đồ chúng ta có thể thấy nguyên lý cơ bản của Kinh Dịch rất đơn giản, chấm đen chấm trắng trong Hà Đồ, cũng chính là âm và dương trong Kinh Dịch. Vậy những chấm đen trắng đơn giản như vậy, làm sao có thể cấu thành thế giới muôn màu muôn vẻ mà chúng ta thấy?

Nếu không học qua Kinh Dịch, việc giải thích kinh điển là rất khó khăn. Bởi vì chỉ có thể giải thích dựa trên nguyên văn, không tìm ra nguồn gốc, không biết lý do phía sau nằm ở đâu. Sau khi xem Hà Đồ, chúng ta sẽ

cảm thấy: chỉ những chấm đen trắng như vậy, làm sao có thể có nhiều biến hóa đến thế?

Người Trung Quốc thường nói, làm việc tốt ghi một chấm trắng, làm việc xấu là một chấm đen, những điều đó không phải là nói suông.

Ngày nay, ti vi có màu đen trắng, nguyên lý cũng rất đơn giản. Đèn sáng lên, ti vi trở nên trắng, đèn tắt đi, ti vi trở thành đen, đó chính là sản phẩm của nguyên lý "Thái Cực sinh Lưỡng Nghi". "Thái Cực sinh Lưỡng Nghi", Lưỡng Nghi sinh "Tứ Tượng", sau đó từ từ biến thành "Bát Quái", "Thập Lục Quái", "Tam Thập Nhị Quái", rồi màu sắc xuất hiện. Đến khi "Lục Thập Tứ Quái", màu sắc trở nên rất rõ ràng, rất tự nhiên. Chúng ta có thể thấy từ sự tiến hóa của ti vi, từ "Thái Cực" đến "Lục Thập Tứ Quái" là điều rất tự nhiên, hoàn toàn không có dấu vết của con người.

Vì vậy chúng ta nói, loài người không nên luôn cảm thấy mình đang sáng tạo, phát minh, không có chuyện ấy. Chúng ta chỉ đang học hỏi từ tự nhiên, coi tự nhiên là thầy. Vì thế bây giờ chúng ta phải nhớ, mọi việc đều phải dùng tự nhiên làm chuẩn mực đánh giá, phù hợp với tự nhiên thì làm, không phù hợp với tự nhiên thì tốt nhất không nên làm. Bởi vì chúng ta hiện giờ cảm thấy rất tốt, nhưng không biết hậu quả sẽ như thế nào, đợi đến khi một ngày nhận ra hậu quả xấu đến như vậy, đã quá muộn. Hối tiếc không có ích, phải chú ý từ đầu, làm bất cứ việc gì cũng phải xem xét có phù hợp với tự nhiên hay không. Vì vậy chúng ta mới cuối cùng nói, "Thuận theo tự nhiên", chứ không phải "Nghe theo tự nhiên".

Thuận theo tự nhiên phải kèm theo sự can thiệp của con người, không phải nói nghe theo tự nhiên rồi bỏ mặc mọi thứ, đó là không có trách nhiệm. Chúng ta cần phải tích cực hành động, nhưng không nên hành động một cách mù quáng, làm bừa bãi thì rất tệ, gọi là "tạo nghiệp". Chúng ta cần phải theo quy luật tự nhiên và cùng lúc phải cố gắng hết sức, và kết quả cuối cùng lại nghe theo tự nhiên, đó gọi là "nghe theo số mệnh".

Như vậy, chúng ta đã có sự hiểu biết hoàn toàn về tư tưởng của Trung Quốc. Bởi vì rất nhiều tư duy của chúng ta khác với người phương Tây. Nếu chúng ta luôn không phân biệt rõ ràng cách suy nghĩ của Đông phương và Tây phương, sẽ xuất hiện mâu thuẫn nội tâm, sẽ xuất hiện nỗi đau lớn nhất của con người hiện nay: Miệng nói không đồng nhất với lòng.

Như vậy chúng ta mới biết, một người có phải là người Trung Quốc hay không, cứ nhìn xem anh ta có tu dưỡng văn hóa Trung Hoa không, có đồng tình với văn hóa Trung Hoa hay không. Trong cuộc sống hàng ngày, nếu mỗi hành động của chúng ta đều có thể phát huy văn hóa Trung Hoa, thì đó đã là bình thế gian rồi.

Nhiều người luôn cảm thấy bình thế gian là không thể, làm sao có thể bình thế gian được? Bạn đến Mỹ, người ta nhìn một cái, ồ, người này sao lại khác với tôi? Bạn đến Đức, người ta nhìn một cái làm sao lại khác

với tôi? Ngay cả khi bạn ở Trung Quốc, cũng có nhiều người nước ngoài đến, họ nhìn một cái làm sao lại không giống chúng ta? Như vậy bạn đã bình thế gian rồi.

Chương 122: Rùa thần mang sách

> Truyền thuyết dân gian Trung Quốc kể rằng sông Hoàng Hà nổi cá chép biến thành long mã mang theo bản đồ, gọi là Hà Đồ, còn sông Lạc hiện lên rùa thần mang sách, gọi là Lạc Thư, và Hà Đồ Lạc Thư chính là nguồn gốc của Kinh Dịch. Vậy, tại sao long mã xuất hiện từ sông Hoàng Hà, còn rùa thần lại từ sông Lạc ? Tại sao trong Hà Đồ có các điểm màu đen và trắng biểu thị số từ một đến mười, trong khi số điểm màu đen và trắng trong Lạc Thư lại từ một đến chín, không có mười? Chúng ta lại nên hiểu biểu tượng mà Lạc Thư thể hiện như thế nào?

Chúng ta ngày nay rất tự nhiên nói ra hai từ "bản đồ", thật ra bản đồ là bản đồ, sách là sách, bản đồ là hình ảnh, sách là văn bản. Đương nhiên "văn" này ban đầu được thêm vào bên phẻn chỉ bởi vì khi đó chỉ cho mẫu vật, chưa phải chỉ chữ viết. Hà Đồ sử dụng là bản đồ, Lạc Thư sử dụng là sách, vì thế mới được gọi là Hà Đồ Lạc Thư. Rồi sau đó, trong văn hóa Hệ La có hình và sách.

Sử sách ghi chép về rùa thần mang sách, rùa thần này không ở trong sông Hoàng Hà, mà ở trong sông Lạc. Tại sao lại không ở trong sông Hoàng Hà? Nếu tất cả đều ở trong sông Hoàng Hà, thì sẽ làm mọi người cảm thấy mọi việc đều là cố định, không có sự thay đổi. Để chúng ta biết rằng có những thứ không dễ dàng thay đổi, cũng cần nghĩ đến tính biến đổi; vừa có sự cố định, lại cần phải nghĩ đến sự không cố định; có sự biến đổi thì sẽ có sự bất biến, có sự bất biến thì sẽ có sự biến đổi. Do đó, rùa thần không lựa chọn sông Hoàng Hà, mà lại chọn dòng nước sông Lạc, và không còn là dùng loại long mã đã từng xuất hiện ở Hoàng Hà nữa. Nếu lại là một con long mã xuất hiện, thì mọi người cũng sẽ không chú ý đến nó nữa, vì vậy lần này dùng rùa thần. Long mã dùng thân hình để chứa hình, nếu chứa hình trên đỉnh đầu thì không gian cũng không đủ, mọi người cũng không thể chú ý. Còn rùa thì khác, bởi vì bên cạnh rùa không thể khắc gì được, nên chỉ có trên mai rùa mới có thể có một số hoa văn, mọi người gọi nó là Lạc Thư. Tại sao không gọi là Lạc Đồ nữa? Chính là để chúng ta cảm nhận từ đây, cần phải có sự khác biệt, cần có sự thay đổi, cần phải hơi khác một chút. Như vậy chúng ta dần dần hiểu được: Hà Đồ là kinh, Lạc Thư chính là quyền; Hà Đồ là tiên thiên, Lạc Thư chính là hậu thiên; Hà Đồ là thể, Lạc Thư chính là dụng.

Hà Đồ có ca khúc của Hà Đồ, còn Lạc Thư thì sao? Đương nhiên cũng có, nhưng không giống nhau. Tuy nhiên Lạc Thư không nói về thiên địa, bởi vì thiên địa đã hình thành, không cần phải nói nữa. Bây giờ chính là con rùa thần này, cho chúng ta thấy các con số như sau (hình 122-1): “Đái cửu lý nhất, tả tam hữu thất, nhị tứ vi kiên, lục bát vi túc, ngũ tại trung ương” (đội 9 đạp 1, trái 3 phải 7, 2, 4 là vai, 6, 8 là chân, số 5 ở giữa).

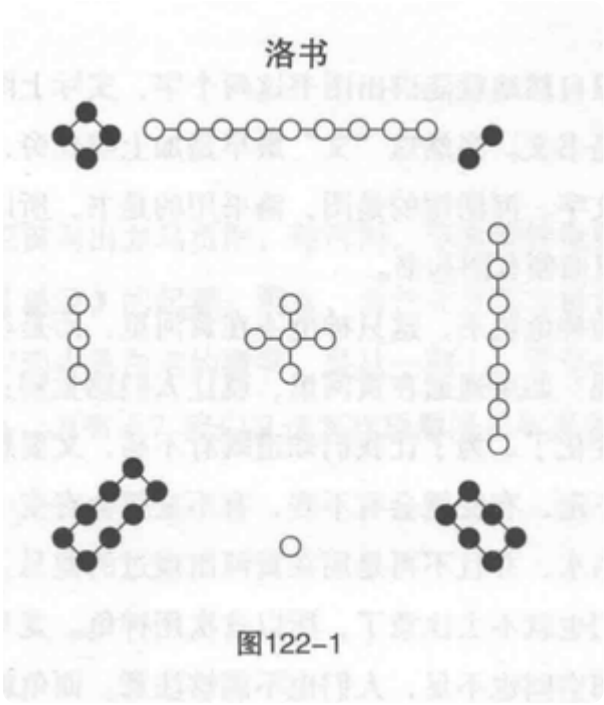


图122–1

Chúng ta trước tiên xem câu đầu tiên, đái, chính là nghĩa đội mũ, có thể thấy là ở trên. Trên là số chín, nhưng không có chữ chín, mà là chín chấm trắng. Tại sao phải dùng chấm trắng? Bởi vì nó là số dương, là thiên số, là số lẻ, nên dùng chấm trắng. Nếu ngay cả cái này cũng thay đổi, thì loài người sẽ rối loạn, không thể hiểu rõ được gì nữa. Có thể thấy cái nên thay đổi mới có thể thay đổi, cái không nên thay đổi tuyệt đối không thể thay đổi. Đái chính là trên đội số chín này, dùng chín chấm trắng để biểu thị. Lý chính là bước đi, chỉ phía dưới. Dưới là một, dùng một chấm trắng, bởi vì nó cũng là thiên số, cũng là số lẻ, cũng là số dương. Trên dưới đều là số dương, tả ba, hữu bảy cũng là số dương. Đạo lý trong đó cần chúng ta từ từ thể hội.

Nhị tứ vi kiên, trên vai hai bên gánh là hai và bốn, chính là âm. Vì vậy hai thì dùng hai chấm đen để biểu thị, bốn thì dùng bốn chấm đen để biểu thị. Lục bát vi túc, phía dưới bên cạnh một số sáu, một số tám, cũng đều là chấm đen. Câu cuối cùng giống hệt với Hà Đồ, nó nói ngũ tại trung ương, trung ương không thể thay đổi. Vậy số mười chạy đi đâu rồi? Chỉ có một hai ba bốn năm sáu bảy tám chín, mười không còn nữa, điều này càng là sự khác biệt quan trọng hơn. Cùng là thiên thùy tượng, nhưng Hà Đồ có mười số, còn Lạc Thư chỉ có chín số, đây là đạo lý gì?

> Hà Đồ và Lạc Thư thường xuyên được đề cập cùng nhau, không chỉ là "thiên thùy tượng" mà còn là nguồn gốc của Kinh Dịch. Tượng hình của Hà Đồ được cấu thành từ những điểm đen trắng, tượng ảnh của Lạc Thư cũng được tạo nên từ những điểm đen trắng, như vậy sự giống nhau giữa Hà Đồ và Lạc Thư, tại sao các con số lại khác nhau? Và tại sao hình ảnh lại khác nhau? Những điểm khác biệt này, chứa đựng ý nghĩa sâu sắc gì?

Chúng ta trước tiên xem xem Đại Vũ năm xưa, tại sao ông chia thiên hạ thành chín châu? Trước đây chúng ta đều nói thiên hạ cửu châu, đại khái là từ một hai ba bốn năm sáu bảy tám chín mà có, thì Lạc Thư đã chia thiên hạ thành chín phần rồi. Trên mai rùa là chín số tụ tập, có đen có trắng, nhìn có vẻ rất lộn xộn, nhưng

thực tế rất có nguyên tắc. Dân tộc Trung Hoa là loạn trung hữu tự, từ đây có thể thấy được. Bề ngoài người Trung Quốc rất lộn xộn, nhưng bên trong lại rất có trật tự. Nếu không hiểu thì thấy rất lộn xộn, nếu hiểu rồi, thì biết là rất có đạo lý.

Hà Đồ nói với chúng ta từ một đến mười, ví dụ như hai bàn tay chính là từ một đến mười. Nhưng Lạc Thư lại nói với chúng ta, thực ra chỉ cần sử dụng tốt chín con số là đủ, vì tám chín không xa mười. Những điều này đều có mối liên hệ mật thiết với tính cách dân tộc của chúng ta.

Còn về tượng của Lạc Thư, so với Hà Đồ thì không có gì khác biệt, dù sao không là điểm trắng thì là điểm đen. Và những điểm trắng đều là số lẻ, đều là số dương, chúng ta gọi đó là số của Thiên. Vậy tại sao trong bản ca Hà Đồ lại phân chia số Thiên, số Địa, trong khi Lạc Thư lại không phân chia số Thiên, số địa, mà chỉ có số? Đây là vấn đề rất đơn giản, vì Hà Đồ đã nói rõ ràng, Lạc Thư lặp lại thì không cần thiết nữa.

Trong Lạc Thư, số một, ba, năm, bảy, chín, mọi người chỉ cần nghĩ là biết đó là số của Thiên. Trong Lạc Thư, các con số như hai, bốn, sáu, tám, chính là số Âm, là số của Địa.

Như vậy chúng ta mới có thể hiểu được, tại sao người Trung Quốc nói chuyện luôn tìm cách tiết kiệm lời, không cần thiết phải có chủ ngữ, động từ, thay đổi thì gian như phương Tây, coi trọng nhiều ngữ pháp. Và điều này rất có ích cho chúng ta để có được những trải nghiệm từ Kinh Dịch.

Cách biểu hiện các điểm đen và trắng trong Lạc Thư cũng khác với Hà Đồ. Hà Đồ cho là cặp âm dương, mười số được chia thành năm cặp. Lạc Thư không như vậy, các số được phân tán. Có lý do gì khi số liệu được phân tán không? Đương nhiên là có lý do.

Trong Lạc Thư có một hình chữ thập, và nó được chéo lại tạo thành chữ thập nghiêng. Điều này cho chúng ta biết, **có bốn góc chính, bốn góc phụ, tổng cộng là tám góc. Như vậy, từ đây, Bát Quái từ từ xuất hiện, hình dạng của Bát Quái từ đây rất dễ nhận ra.**

Bốn góc chính là dương, nếu không làm sao gọi là "chính"? Bốn góc phụ là chẵn, và "phụ" 隅 trông rất giống "chẵn"偶. Chúng ta từ từ sẽ biết, rất nhiều chữ Hán có mối quan hệ với nhau. Tại sao hai từ "phụ" 隅 và "chẵn" 偶 lại giống nhau? Đó là bởi vì chúng đều là âm.

Bốn góc phụ là âm vì chúng đã bị cắt đi. Bốn góc dương là chính vì chúng là hoàn chỉnh.

Chúng ta nhìn đi nhìn lại, sẽ có rất nhiều hình dung, ví dụ như hiện tượng sự phân bố các điểm đen và trắng không giống nhau, cho chúng ta biết, dữ liệu có thể thay đổi, chứ không cố định. Mọi thứ một khi đã được cố định, thì không có sự biến đổi, cũng trở nên rất rắc rối. Như vậy chúng ta mới biết, **người Trung Quốc rất biết thay đổi,** là một loại người rất biến hóa. Nhưng chúng ta phải thêm một câu nữa. Điều đáng kinh

ngạc nhất về người Trung Quốc là biết cách thay đổi điều mà người khác không nhận ra được. **Người khác thấy chúng ta thay đổi, nhưng chính chúng ta lại bảo mình không thay đổi, mình không biến.**

Như vậy, có thể hiểu sâu hơn tại sao Khổng Tử không bắt chúng ta không lừa người khác, **chỉ bảo chúng ta không nên lừa mình**. Đó gọi là "vô tự dối", tức là không lừa dối bản thân mình.

Một, ba, năm, bảy, chín là số lẻ, là số Dương, là số của Thiên, Hà Đồ cùng Lạc Thư là như vậy. Nếu cả điều này cũng thay đổi, thì thật là tai hại, lúc đó loài người không biết phải làm thế nào. Hai, bốn, sáu, tám là số âm, là số chẵn, cũng giống như Hà Đồ một cách chính xác, chỉ là thiếu mất một số mười.

> Lạc Thư và Hà Đồ, nhìn vào tượng thì có vẻ không giống nhau, nhưng thực chất ý nghĩa là giống nhau. Đây cũng là nguyên lý cơ bản trong Kinh Dịch, "biến trung hữu bất biến, bất biến trung hữu biến" (biến đổi trong bất biến, bất biến trong biến đổi). Cho dù là Hà Đồ hay Lạc Thư, số lẻ đều đại diện cho dương, số chẵn đều đại diện cho âm. Nhưng tại sao trong Hà Đồ số chẵn là hai, bốn, sáu, tám, mười, trong khi trong Lạc Thư chỉ có hai, bốn, sáu, tám, không có mười?

So với Hà Đồ, đặc điểm quan trọng nhất của Lạc Thư là năm chữ: "kiến ngũ bất kiến thập" (thấy năm không thấy mười). Hoặc nói thấy năm không hiện mười cũng được, hiển thị số năm và ẩn số mười. Điều này ảnh hưởng quá lớn đối với chúng ta.

Lạc Thư chú trọng vào sự biến đổi âm dương, điểm này chúng ta phải đặc biệt chú ý. Nó đối lập với số mười, số bốn cộng với số sáu này hai số chéo góc cộng lại chính là mười, tám cộng với hai cũng là mười. **Rõ ràng nó ẩn số mười trong bốn góc**, vì thế nó không phải là bừa bãi, cũng không phải là không cần, mà là ẩn ở đó. Tuyệt diệu hơn chính là toàn bộ số của nó cộng lại cộng đi đều là mười. Phía bắc một cộng với phía nam chín là mười, phía đông ba cộng với phía tây bảy cũng là mười. Rõ ràng con số cộng theo chiều dọc là mười, cộng theo chiều ngang vẫn là mười, mười ẩn ở tám hướng, chỉ có trung tâm số năm đứng vững không lung lay. Điều này nói với chúng ta **khi làm bất cứ việc gì cần phải có sự thay đổi, nhưng cũng cần có điều không đổi**; cùng lúc cần nắm chắc điều không đổi, mới có thể yên tâm thay đổi.

Số năm đứng ở trung tâm là không thể thay đổi, nguyên nhân người Trung Quốc luôn luôn muốn củng cố trung tâm lãnh đạo là vì ý nghĩa này. Lãnh đạo trung tâm một khi không vững, thì mọi thứ đều kết thúc. Số năm là thể, sau này chúng ta gọi nó là kinh. Tại sao người Trung Quốc coi trọng kinh điển? Đó chính là vì số năm. Chúng ta nhìn vào Nho giáo, nhân nghĩa lễ trí tín, vân vân, rất nhiều điều đều là năm, điều này có lý do của nó.

Số mười là ứng dụng, là sự thay đổi. Vậy nên sử dụng năm ẩn mười, nghĩa là giữ kinh mà đạt được sự biến đổi, điều này thực sự ảnh hưởng sâu rộng đến chúng ta. Người chúng ta ngày nay chính là thiếu sự tu dưỡng như vậy, động không động đã nói cầu tân cầu biến, cứ dễ dàng tìm kiếm sự mới mẻ và thay đổi, thực ra là việc rất nguy hiểm, bởi vì biến đến cuối cùng thì không có gốc nữa.

Năm là gốc, làm sao có thể thay đổi được chứ? Tại sao năm lại là gốc? Bởi vì năm gồm Thổ, tại sao **Thổ lại là gốc**? Bởi vì kim, mộc, thủy, hỏa khi rời xa đất thì không thể tồn tại. Nếu nước không có đất, nước sẽ chảy đi mất, chính vì có đất nước mới có thể được duy trì và sử dụng; nếu lửa không có đất, lửa sẽ bốc lên cao và cuối cùng cũng biến mất; kim không có đất thì không thể giấu được; mộc nếu không có đất thì không thể lớn lên, không thể sum suê. Vì vậy, đất là thứ quan trọng nhất, là nền tảng cốt lõi và là không thể thay đổi. **Do đó người Trung Quốc rất coi trọng đất**, coi việc sở hữu đất là có của cải, người xưa khi có tiền sẽ mua đất, có mối liên hệ rất mật thiết với điều này. Người Trung Quốc xưa cho rằng tất cả những thứ khác đều là giả, **chỉ có đất đai mới là thật**. Thực sự mà nói, nếu một người mà không có một tấc đất để đứng, thì những thứ khác đều không cần phải bàn. Có thể thấy trung tâm đất là kinh mạch của chúng ta, là sự sống còn của chúng ta.

Sau này chúng ta phát triển nó thành kinh điển, có nghĩa là thứ không thể thay đổi của mọi sự mới được gọi là kinh điển. **Có kinh điển sẽ giúp con người ngộ thông đạo, ta có thể linh hoạt ứng phó**. Lúc đó chúng ta sẽ **không đầu cơ trục lợi nữa, bởi vì bốn chính đều là dương.**

> Thấy năm không thấy mười (Kiến ngũ bất kiến thập) trong Lạc Thư, không chỉ hàm chứa đạo lý sâu sắc của "trì kinh đạt biến", mà còn nói cho chúng ta biết, chỉ có những thứ vạn sự không thể thay đổi, mới có thể được gọi là "kinh điển". Trong Lạc Thư đồng thời cũng bao hàm ngũ hành, mà ngũ hành chính là phương hướng vận hành của khí. Vậy ngũ hành trong Lạc Thư, với Hà Đồ có giống nhau không?

Vận hành khí trong Lạc Thư và so sánh với Hà Đồ thì có rất nhiều khác biệt. Từ một đến ba là vận hành của dương khí, là theo chiều kim đồng hồ, từ bảy đến chín thì là ngược lại, hai cái này không thể kết nối với nhau. Theo lý thuyết, nên là một ba năm, sau đó là chín bảy, đó mới là con đường thuận của dương. Nhưng hiện nay có một thứ là ngược.

Điều này cho chúng ta biết, một người tốt nhất từ nhỏ nên đi con đường chính đáng, nhưng điều này khó có thể xảy ra. Mọi người thử nghĩ xem, nếu mỗi người khi sinh ra không cần giáo dục, không cần học hỏi, tự mình từ từ đi lên con đường chính đáng, thì con người sẽ hoàn toàn giống như động vật. Đó chính là hành động theo bản năng, không hề có tự do ý chí, không có tự chủ, căn bản không thể nói đến sáng tạo, vũ trụ làm sao tiến bộ được? Điểm này chúng ta nhất định phải nói ra. Con người và thú dã khác nhau, con người và động vật khác nhau, chính là con người có bản tính không giống nhau, hoặc gọi là thiên tính. Chúng ta có thể cải tạo, nhưng không thể cải tạo bừa bãi, chúng ta có thể tìm kiếm sự thay đổi, nhưng không thể thay đổi một cách bừa bãi.

Điều này cho chúng ta biết, nếu theo con đường dương mà đi thì tất nhiên không sao cả. Nếu đã đi sai, không biết không hay hoặc không còn cách nào khác, chẳng hạn như bị ép buộc phải đi ngược lại thì phải làm sao? Điều này cũng không sao cả, chúng ta chỉ cần khắc phục là được, đây chính là quan điểm "vô cữu" của Kinh Dịch.

Bây giờ chúng ta biết rằng, dương là đi theo chiều kim đồng hồ. Con người chỉ cần sống, thì nên theo con đường của dương mà đi, như vậy tất nhiên là tốt nhất rồi. Nhưng nếu đã đi ngược lại thì chẳng lẽ không sống nữa sao? Nếu đi ngược lại, thì chỉ cần đi lại một lần theo chiều dương là được, có gì quan trọng đâu! Vì vậy chúng ta dần dần biết rằng, người muốn thành công, có thể thuận lấy thuận thủ, cũng có thể nghịch lấy thuận thủ.

Rất nhiều người là nghịch thủ thuận thủ: Tôi không có cách nào, cơ hội bị người ta chiếm hết, nguồn lực bị người ta kiểm soát hết, tôi chỉ có thể đứng vững đã. Nhưng khi có một chút thành tích rồi, tôi bắt đầu thủ chính rồi, hoặc gọi là thủ trung. Trung chính là thổ, thủ trung chính là biểu thị đứng vững chân. Như vậy chúng ta hoàn toàn có thể nghĩ thông: chúng ta có thể thuận hành, cũng có thể nghịch hành, nhưng bất kể thuận hành nghịch hành, chúng ta đều phải nghĩ đủ mọi cách, cuối cùng quay về chính lộ là đúng rồi.

Còn về âm trong bốn đến hai, tám đến sáu, với hướng của Hà Đồ thì không giống nhau nữa.

Bây giờ chúng ta rõ ràng: Hà Đồ là từ Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, tức là **sinh ra hai loại khí âm và dương**, khí âm là nghịch, khí dương là thuận; nhưng **Lạc Thư nói cho chúng ta biết, Lưỡng Nghi còn có thể biến thành Tứ Tượng.**

Trong Lạc Thư, khí đi theo hướng, xuất hiện bốn hệ thống: một đến ba, bảy đến chín, bốn đến hai, tám đến sáu, bốn hệ thống này là khác nhau. Đây chính là quá trình biến hóa từ Lưỡng Nghi sinh ra Tứ Tượng, đồng thời cũng bảo cho chúng ta biết: chúng ta cần phải từ từ tăng cường sự biến hóa của mình.

Có thể thấy chúng ta không phản đối sự biến đổi, chỉ là chúng ta phản đối sự biến đổi không theo nguyên tắc nào cả. Nếu là vi phạm nguyên tắc, rời khỏi chuẩn mực của Trung Hoa, bỏ quên ngũ đô thì đó chính là sự biến loạn, chính là loạn biến, gọi là "ly phổ". Chúng ta thường nói, như vậy quá "ly phổ" rồi, chính là biến đến mức người ta không thể chấp nhận. Người bây giờ vì đối với Kinh không có nhận thức rất sâu sắc, nên gần như đều đang loạn biến. Vì vậy, chúng ta phải hết sức cẩn thận!

Cho dù là Hà Đồ hay Lạc Thư, không chỉ có hình tượng, có số, quan trọng hơn cả là phải có lý. Vậy thì, lý trong Lạc Thư là gì? Và nó lại được biểu hiện qua tượng và số như thế nào? Chúng ta hãy xem xét lại lý của Lạc Thư. Khi so sánh Hà Đồ và Lạc Thư (hình 122-2), ta thấy vị trí của một, ba, năm không hề thay đổi.

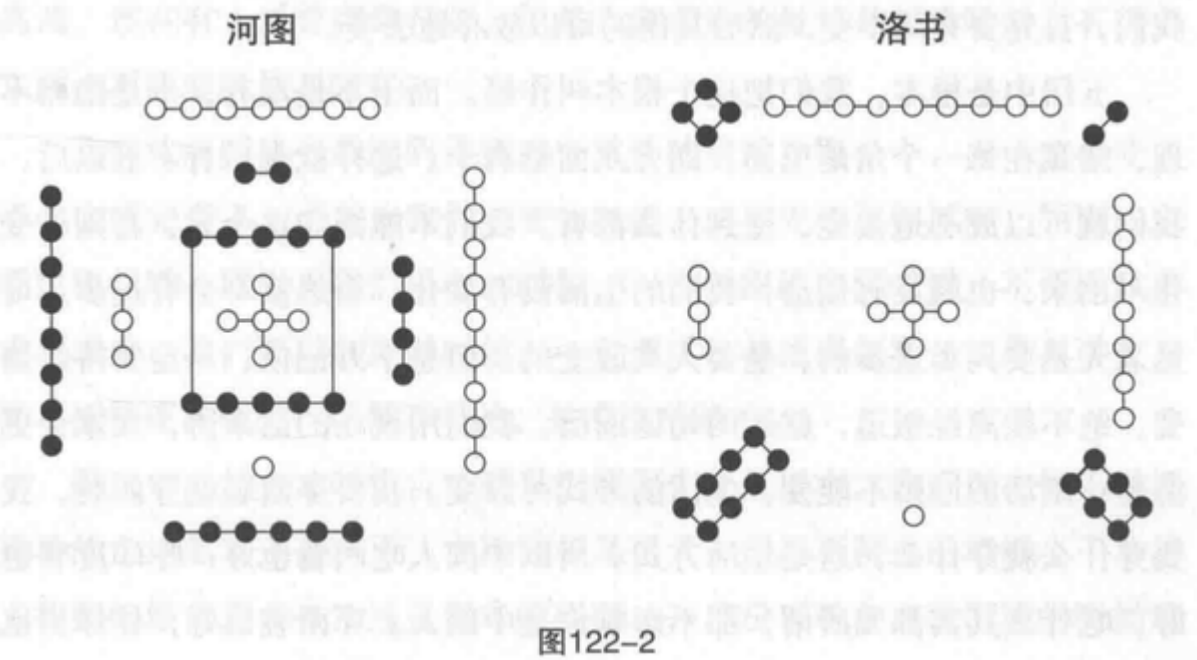


图122–2

Tại sao lại như vậy? Bởi vì một là thủy, nguồn nước này không thể thay đổi. Dù con người có thay đổi đến mấy, cũng không thể không uống nước mà sống, chỉ cần không có nước, con người sẽ không thể tồn tại. Khi con người mới sinh ra, cơ thể gần như toàn nước. Theo sự lớn lên của con người, lượng nước trong cơ thể bắt đầu giảm đi, đến khi già cả nước cạn kiệt, đó chính là thiếu nước. Nước trên trái đất ngày một khan hiếm, loài người cũng vì thế mà càng hoang mang. Nước trong cơ thể con người càng ngày càng giảm, người đó càng yếu đi. Nước là nguồn gốc của sự tồn tại, chúng ta thường nói nước uống nhớ nguồn. Có thể thấy rằng một là không thể biến đổi, bởi vì một chính là Thái Cực, tất nhiên không thể biến đổi. Một chính là dương khí, một chính là chính khí, một chính là thiên, người không thể nghịch thiên, mà phải thuận theo thiên lý.

Ba là mộc, tại sao ba lại là mộc? Bởi vì đó là hướng Đông. Hướng Đông chính là nơi mặt trời mọc, và cây cối cần nhất chính là quang hợp do ánh sáng mặt trời mang lại, vì quang hợp có thể khiến cho cây cối sinh sôi không ngừng. Vì sao hướng Đông và hướng Tây lại khác nhau? Đó là vì sinh khí của chúng không giống nhau. Ba là gỗ, cây cối đại diện cho nơi có sinh khí. Vì thế, từ xa xưa loài người đã tìm được một, tìm được ba, gọi là theo nước, theo cỏ mà sống. Nếu một ngọn núi mà ở trên không có một ngọn cỏ nào, liệu có người sẽ đến đó không? Người ta đến đó làm gì? Không phải là chết cóng thì chính là chết đói. Nếu trên núi cây cối mọc um tùm, con người có thể an tâm đến đó, bởi vì cây cối có thể phát triển tốt như vậy, chắc chắn là ở đó có nước, và có nước, có cây cối thì con người có thể sinh sống. Bởi vì cây cối có thể làm lửa, còn nước có thể dùng để uống, cuộc sống có nước, có lửa, có lẽ là cũng đủ rồi. Do đó, nói rằng một với ba không thể thay đổi.

Năm cũng không thể biến đổi, bởi vì năm là Thổ, là nơi chúng ta đặt chân, là một nền tảng cho sự sinh tồn của chúng ta. Thực tế vị trí một ba năm không thay đổi một lần nữa nói với chúng ta, trước hết phải có sự

bất biến, sau đó những thứ khác có thể yên tâm mà thay đổi. Năm ở giữa là căn bản, chúng ta gọi căn bản này là Kinh. Còn mười không phải là không có, mười ẩn và không hiện ra, lặng lẽ ẩn náu ở mọi ngóc ngách, mọi phía bốn bề đều có mười. Như vậy có nghĩa là sau khi có năm, chúng ta có thể yên tâm mà biến đổi, biến đổi cho đến khi mọi thứ đều có. Chúng ta không thể cứ bám lấy số năm, nếu không thì sẽ không thể biến hóa, cũng sẽ không có sáng tạo, cuộc sống chúng ta không có biến đổi, tất nhiên là sẽ không có tiến bộ. Có thể thấy rằng trời cao muốn loài người tiến bộ, muốn loài người thay đổi. Nhưng nhớ kỹ phải giữ kinh mà đạt được sự biến đổi, tuyệt đối không thể rời kinh phản đạo, chỉ có hai câu này mà thôi.

Chúng ta dùng lời hiện tại để nói, mọi người sẽ rõ hơn: nguyên tắc sống không thể thay đổi, phương thức sống có thể thay đổi. Nếu tôi muốn mặc âu phục thì tôi mặc âu phục, tôi muốn mặc cái gì thì mặc cái đó, đó là cách sống. Vì vậy người Trung Quốc ăn món Tây cũng được, ăn món Ấn Độ cũng được, ăn gì thật ra cũng không sao cả, điều đó không ảnh hưởng bạn là người Trung Quốc. Mặc âu phục cũng tốt, sống trong biệt thự Tây cũng tốt, thật ra đều không sao cả. Điều chúng ta quan tâm là cái đầu óc của bạn, quan điểm của bạn có thay đổi hay không. Nếu quan điểm của bạn thay đổi, không còn giống một người Trung Quốc nữa, thì đó là sự thay đổi loạn, cũng không cần phải bàn cãi nữa.

> Trung Quốc đã bước vào xã hội hiện đại, có thể nói nhật tân nguyệt dị (ngày mới tháng khác), biến số vô thường. Vậy làm một người Trung Quốc hiện đại, chúng ta phải làm thế nào mới có thể đạt được "trì kinh đạt biến"? Lại nên kiên trì những nguyên tắc sống như thế nào? Trong cuộc sống hiện đại, rốt cuộc những thứ gì là không thể thay đổi?

Chúng ta có thể thấy rất rõ ràng, những thứ này của người Trung Quốc không nên thay đổi: **một là siêng năng, hai là tiết kiệm, ba là chịu trách nhiệm, và bốn là lòng trung thành.** Nếu ngay cả những điều này cũng thay đổi, thì con người thật sự quá nguy hiểm.

Người hiện nay chỉ thấy tiền và danh vọng trong mắt, vì danh vọng và lợi ích mà quên mất tất cả những thứ này. Thậm chí còn có nhiều người công khai thề sống một cuộc sống xa hoa, đó chính là đi ngược lại truyền thống. Xã hội Trung Quốc không có chỗ cho sự xa xỉ, chúng ta chỉ có cuộc sống khá giả. Người giàu trước kia, nhất định phải xây bức tường cao, sau đó ẩn mình trong cái gọi là cổng lớn. Bên trong dù thế nào đi nữa, người bên ngoài không thể thấy, ít nhất cũng không làm hỏng phong tục xã hội. Nhưng bây giờ không phải, tôi có tiền thì sao, tiền là tôi kiếm được thì sao, tôi kiếm tiền một cách hợp pháp thì sao. Thực ra không phải thế, chỉ là làm hỏng phong tục xã hội, kích động nhiều người, khiến họ sinh ra nhiều oán giận, những oán giận này cuối cùng sẽ tập trung vào bạn, và khi đó bạn sẽ thất bại. Vì vậy, ngay cả khi làm việc tốt ở Trung Quốc cũng không thể quá cao giọng, hiện nay có người nói muốn làm việc tốt một cách cao giọng, nhưng phía sau bị chỉ trích rất nặng nề. Có rất nhiều thứ, không thể thay đổi là không thể thay đổi.

Chúng ta từ Hệ thống Hà Đồ Lạc Thư ít nhất thu được ba bài học quan trọng: Thứ nhất, con người chắc chắn sẽ thay đổi, không thay đổi thì sẽ chết. Nhưng khi chúng ta cần thay đổi, trước tiên phải nắm vững

nguyên tắc, nguyên tắc phải rất chính xác. Vì vậy, khi chúng ta nói về sự thay đổi, chúng ta phải đồng thời nói về sự bất biến, không thể chỉ nói về sự tìm kiếm cái mới và sự thay đổi. Khi chúng ta nói về sự sáng tạo, chúng ta phải nói về việc cải thiện hoặc sáng tạo. Nếu chỉ nói về may mắn mà không kết hợp với trách nhiệm, thì đó là không đúng, rất nguy hiểm.

Thứ hai, làm thế nào để gọi là may mắn? Đó là phải nắm bắt được cái Thổ là căn bản. Hiện nay chúng ta muốn biến mọi mảnh đất canh tác thành nhà cửa, Trung Quốc có diện tích rất lớn, nhưng đất canh tác đã đủ nhỏ, vậy lương thực tương lai của chúng ta sẽ ra sao? Đây là vấn đề cơ bản. Một khi không có lương thực, chúng ta đói thì không thể ăn tủ lạnh được phải không? Vì vậy, bây giờ tôi khuyên mọi người khắp nơi, dù không có tiền thì cũng nên mua một chiếc thắt lưng da thật. Tại sao ư? Khi thực sự không có gì để ăn, ít nhất chiếc thắt lưng đó có thể ăn được hai đến ba tháng.

Thứ ba, cần phải dạy cho trẻ nhỏ từ khi còn nhỏ là không nên thay đổi lung tung. Chúng ta không thể dạy trẻ từ nhỏ rằng bạn cần phải tìm kiếm cái mới và thay đổi; việc dạy trẻ tìm kiếm cái mới và thay đổi từ nhỏ là quan điểm của người Âu Mỹ. Vậy tại sao người Trung Quốc lại không được? Lý do rất đơn giản: **bởi vì người nước ngoài thực sự không thay đổi, một dân tộc không thay đổi, tất nhiên họ có thể an tâm tìm kiếm cái mới và thay đổi.** Người Trung Quốc từ trong máu đã chứa đầy sự thay đổi, từ nhỏ đã biết thay đổi, vậy thì lại càng không nên yêu cầu thay đổi nữa! Rất nhiều bậc phụ huynh từ nhỏ đã nói với trẻ: bạn phải thay đổi, bạn không thể không thay đổi, không thay đổi sẽ chịu thiệt, bạn cần phải tìm kiếm cái mới và thay đổi. Kết quả là như thế nào? Đến khi trẻ lên lớp năm tiểu học, cha mẹ không còn cách nào khác, giáo viên cũng không thể quản lý được. Nếu một ngày nào đó, chính phủ cũng không thể quản lý được người dân, đó sẽ là lúc không trời không ứng, không đất không linh nữa. **Trì kinh đạt biến, có nguyên tắc mới có thể biến, "vạn biến bất ly kỳ tông", không thể không biến, nhưng quan trọng hơn là không thể loạn biến.** Đây mới là bài học quan trọng nhất chúng ta học được từ Hệ thống Hà Đồ Lạc Thư.

Với những cơ sở này, chúng ta lại xem Kinh Dịch thì sẽ rất dễ dàng. Cái gì là dương cửu, âm lục, cái gì là trong âm có dương, trong dương có âm, cái gì là âm cực thành dương, dương cực thành âm, cũng như sự giao thoa biến đổi giữa âm và dương, tất cả đều trở nên rất rõ ràng. Vì vậy, thực tế từ một nét vẽ mở đầu thiên đạo, đến khi hoàn thành 64 quẻ sau cùng, mọi sự vật trên thế gian đều được Hệ thống Hà Đồ Lạc Thư hiển thị cho chúng ta qua hình, số, khí, lý.

Từ bây giờ, khi nhìn vào một sự vật, trước tiên phải xem hình dáng của sự vật đó, nhìn vào một người, trước tiên phải xem tướng mạo của người đó. Xem tướng mạo của một người, là xem liệu có thể giao tiếp với họ hay không, tướng mạo của người đó đáng tin cậy hay không, tôi có thể nói thật với họ hay không. Sau đó sẽ xem sắc thái của người đó, nếu sắc thái không tốt, liệu rằng trong lòng họ có suy nghĩ không bình thường, có ý định xấu, hoặc là tình trạng sức khỏe không tốt, tại sao sắc thái lại kém như vậy? Sau khi có những nhận định này, chúng ta sẽ tiến hành suy luận.

Suy luận của người Trung Quốc không phải là mê tín, nhận ra rằng chỉ nên nói với một người ba phần lời, phần còn lại không nên nói, phải thử xem sao mới quyết định, như vậy tự nhiên sẽ có sự điều tiết. Điều tiết là gì? Điều tiết là phải tùy theo người, tùy theo thời điểm, tùy theo địa điểm, tùy theo vật, tùy theo sự việc mà thay đổi, đó chính là biến hóa. Có thể thấy, người Trung Quốc mọi lúc mọi nơi đều đang biến hóa.

Nhưng nhất định phải nhớ, "vạn biến bất ly kỳ tông" (vạn biến không rời bản chất), nhất định phải dùng bất biến ứng vạn biến. Khi chúng ta hiểu rõ được nguyên lý này, chúng ta sẽ có cơ sở vững chắc cho cuộc sống, thực ra cuộc đời chúng ta **cũng không cần phải xem bói nữa, chỉ cần làm tốt việc của mình là được.** Chỉ cần nhớ lời của Khổng Tử, "tận nhân sự nhi thính thiên mệnh" (làm hết sức mình và phó mặc cho số phận), chúng ta có thể trở thành người Trung Quốc tự do, tự tại và hạnh phúc.

Chương 123: Thiên Nhân hợp Đức

> Trong truyền thuyết cổ đại Trung Quốc, dù là Long Mã phụ đồ hay Thần Quy tải thư đều được xem là "thiên thùy tượng" (trời hiện điềm). Khi con người nhìn thấy những điềm trời này, từ đó được gợi cảm hứng để nhận thức tự nhiên và cảm nhận bản thân, đây chính là tư tưởng "thiên nhân hợp nhất" độc đáo trong văn hóa truyền thống Trung Hoa. Vậy tại sao dân tộc Trung Hoa không tôn thờ thần linh mà kính sợ trời? Và "thánh nhân" được nhắc đến trong kinh điển cổ đại là chỉ ai?

Dường như chỉ có dân tộc Trung Hoa thích nói về thiên nhân hợp nhất, người nước ngoài không hiểu được thiên nhân có thể hợp nhất bởi con người quá nhỏ bé, trời quá cao xa, làm sao có thể hợp nhất được? Chúng ta gọi Kinh Dịch là môn học về thiên nhân, vậy đạo lý này là gì? Hãy nghĩ xem, khi ngôn ngữ chưa phát triển, chữ viết chưa xuất hiện, con người cũng rất tò mò về thế giới bên ngoài, rất muốn hiểu tại sao lại có những biến đổi như vậy, đây chính là điều mà ngày nay chúng ta gọi là học vấn.

Hãy nghĩ tiếp xem, khi chưa có chữ viết, ngôn ngữ cũng chưa đầy đủ, làm sao để học tập nghiên cứu? Câu trả lời thật ra rất đơn giản, chỉ có ba chữ, gọi là "thiên thùy tượng". Trời không nói năng nhưng sẽ thể hiện hiện tượng cho con người thấy, để mỗi người tự lĩnh hội. Nhưng mỗi người có cách nhìn khác nhau, bởi vì ngộ tính của mỗi người không giống nhau. Thiên thùy tượng cho đến ngày nay vẫn đang diễn ra không ngừng, chỉ tiếc rằng hiện nay chúng ta ngày càng không nhạy cảm với thiên thùy tượng nữa, luôn cho rằng đó chỉ là khoa học, đó chỉ là hiện tượng tự nhiên, không chịu suy ngẫm sâu sắc. Trời đang nói gì? Chúng ta không còn suy nghĩ theo cách này nữa.

Trong Hệ Từ Thượng nói rất rõ: "Hựu thùy tượng, hiện cát hung". Trời hiện tượng xuống, nó sẽ hiện ra điềm tốt xấu. Người dân bình thường không hiểu được, nhưng "thánh nhân tương chi". Thánh nhân sẽ "tương chi", chữ "tương" này nghĩa là bắt chước theo tượng tự nhiên của trời, rồi từ đó suy ra đạo lý. Còn có câu nói mọi người cũng rất quen thuộc, gọi là "Hà xuất đồ, Lạc xuất thư, thánh nhân tắc chi". Tương truyền sông Hoàng Hà từng xuất hiện Long Mã, trên lưng mang hình đồ, nên gọi là Hà Đồ. Sau đó sông Lạc xuất hiện thần quy, trên lưng khắc một số văn thư hay còn gọi là đồ văn, chúng ta gọi đó là Lạc Thư.

Hà Đồ Lạc Thư từ đâu mà có? Có nhiều cách nói khác nhau, nhưng chúng ta dễ dàng nói đó là trời ban cho chúng ta. Dù là thiên thùy tượng, thánh nhân tương chi, hay Hà Đồ Lạc Thư do trời mà xuống, thánh nhân của chúng ta đi bắt chước, đây chẳng phải đều là thiên nhân hợp nhất sao? Đây chẳng phải đều là môn học về thiên nhân sao? Tất nhiên mọi người cũng có thể không tin, nhưng chúng ta hãy nhìn người Nhật Bản, người Nhật Bản thì rất tin tưởng điều này.

Họ hiện nay đã đào một hố rất lớn ở Nhật Bản, chôn tất cả các thiết bị hiện đại vào trong đó. Đó là để chuẩn bị cho một ngày nào đó, khi toàn bộ Nhật Bản bị nước biển nhấn chìm, người người đều chạy đi hết, không còn ai sinh sống nữa, rồi qua hàng chục triệu năm sau, nó lại nổi lên, vì đất liền luôn biến động

không ngừng, sau đó có người đến sinh sống ở Nhật Bản, họ bắt đầu đào xới, kết quả đào được rất nhiều thứ họ không hiểu, chẳng phải đó là phiên bản Hà Đồ Lạc Thư của Nhật Bản sao?

Trong Luận Ngữ - Quý Thị thiên có ghi lại một đoạn lời Khổng Tử nói: "Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn". Khi còn trẻ đọc câu này, "úy thiên mệnh", tôi không có gì thắc mắc, trời trong lòng người Trung Quốc chúng ta luôn đáng kính sợ. "Úy đại nhân", cũng không có gì thắc mắc, vì từ nhỏ chúng ta đối với người lớn đã có chút sợ hãi. Nhưng với câu thứ ba "úy thánh nhân chi ngôn", tôi đã có chút không đồng ý: Thánh nhân có gì ghê gớm? Tại sao nhất định phải kính sợ lời người ấy nói? Lúc đó tôi còn rất trẻ, tôi đã không suy nghĩ kỹ về câu nói này.

Nếu đoạn nói này là do chính Khổng Tử nói ra, thì hoàn toàn khác. Khổng Tử tha thiết nói: Ta không phải thánh nhân. Khổng Tử vốn không cho rằng mình là thánh nhân, nhưng chúng ta nên cùng nhau kính sợ lời thánh nhân. Ý nghĩa của câu nói này rất rõ ràng, chính là nói “thiên thùy tượng” chỉ có thánh nhân mới nhìn thấy được, người thường không thể thấy. Mọi người đều chỉ thấy hiện tượng, nhưng ăn cứ ăn, nhảy múa cứ nhảy múa, đánh mạt chược cứ đánh mạt chược, mọi người đều thờ ơ, cho đến tận bây giờ vẫn vậy.

> Chúng ta vẫn luôn cho rằng "thánh nhân" là Khổng Tử, nhưng Khổng Tử lại nói: "Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn". Có thể thấy "thánh nhân" mà Khổng Tử nói đến là chỉ người khác. Vậy thánh nhân mà Khổng Tử chỉ là ai? Thánh nhân mà Khổng Tử nói đến có những đặc điểm gì?

Thánh nhân có tính cảnh giác cao độ, sức quan sát sâu sắc, khả năng lĩnh hội tinh tường. Chỉ cần nhìn thấy tượng này, liền nghĩ đến nhiều việc, thậm chí biết được những biến đổi trong tương lai, điều này không phải người dân thường như chúng ta có thể làm được. Vì vậy, hiện nay đọc lại Kinh Dịch, tôi cảm thấy mỗi người chúng ta thực sự phải kính sợ lời thánh nhân, không thể coi thường chút nào.

Trong Luận Ngữ - Tử Hãn thiên cũng ghi lại một câu nói khác của Khổng Tử, ông rất cảm thán, nói rằng: "Phượng điểu bất chí, hà bất xuất đồ, ngô dĩ hĩ hồ!"

Ý của ông là nói, thời đại này phượng điểu cũng không xuất hiện nữa, Hà Đồ Lạc Thư đều không còn xuất hiện nữa, vậy người như ta cũng vô dụng rồi! Tất nhiên ông không phải tự ti, mà là cảm thán cả môi trường đã không còn như xưa, con người dù có cố gắng thế nào cũng rất vô vọng.

Còn về việc hiện nay có cần phải xem Hà Đồ Lạc Thư không? Chúng ta không đưa ra quy định cứng nhắc, đây là sự lựa chọn tự do của mỗi người, chúng ta đều phải tôn trọng. Hãy nghĩ xem, khi xưa Phục Hy "ngưỡng quan thiên tượng", chỉ bốn chữ đã cho thấy điều phi thường của con người. Bởi vì tất cả động vật đều không làm được điều này, nên loài người nên thực lòng cảm ơn trời, cảm ơn trời cho chúng ta có thể ngưỡng quan thiên tượng!

Sau khi ngưỡng quan thiên tượng, còn phải có thể đối ứng với địa lý, nên ông lại phủ thị địa lý. Sau đó, dùng những thứ trên thân mình để đối ứng với thiên tượng địa lý, vẽ ra bát quái. Có thể thấy, bát quái lấy thiên tượng làm điểm xuất phát, rồi do con người vẽ ra, đây gọi là môn học thiên nhân, thể hiện thiên nhân là hợp nhất.

Nhưng vào thời đó, vì chưa có chữ viết, nên không có cách nào để giảng giải. Chỉ vẽ ra bát quái, nhưng bát quái có thể làm gì vẫn chưa biết. Như vậy, mãi đến sau này mới có Chu Văn Vương bắt đầu diễn dịch. Đóng góp lớn nhất của Chu Văn Vương là đưa thiên đạo của Phục Hy vào nhân đạo, biến bát quái chồng lên nhau thành 64 quẻ, và mỗi quẻ đều đặt thoán từ, hào từ. Mục đích của Chu Văn Vương là gì? Chính là nói việc quan trọng nhất của loài người là chính trị, chỉ cần chính trị không minh bạch, đó chính là như Khổng Tử nói "phượng điểu bất chí, hà bất xuất đồ", ai cũng không có cách! Do đó Chu Văn Vương từ góc độ chính trị để diễn giải đạo lý của Kinh Dịch.

Nhưng mọi người phải hiểu rõ: với hoàn cảnh lúc đó, Chu Văn Vương không được phép nói rõ ràng ra. Bởi vì Thương Trụ Vương luôn theo dõi ông, chỉ cần ông hơi có chút vượt qua giới hạn, ngay lập tức sẽ có cớ giết ông. Vì vậy có thể nói, Chu Văn Vương đã mạo hiểm tính mạng cao độ để chú giải quẻ hào, nên chỉ có thể dùng cách biểu đạt tương đối hàm súc. Huống chi lúc đó vào thời Ân Thương, người ta đều rất mê tín, niềm tin vào quỷ thần rất đậm đặc, nên chúng ta thấy trong Kinh Dịch thường có những từ ngữ về thần quỷ, tế tự. Nhìn qua có vẻ có chút mê tín, nhưng đạo lý bên trong thực sự đáng để chúng ta suy ngẫm kỹ.

Vì vậy, vào thời đó, một mặt để diễn dịch, Chu Văn Vương phải thuận theo phong khí xã hội lúc bấy giờ; mặt khác để bảo toàn tính mạng, ông phải dùng những từ ngữ về đánh trận, tế tự v.v... để biểu đạt tư tưởng chính trị của mình. Có thể thấy, cát hung trong Kinh Dịch với quan niệm tốt xấu của chúng ta hiện nay, gần như không có liên quan. Cát là nói một người đi theo thiên đạo, cuối cùng dù chết cũng là cát tử, lời nói cũng là cát ngôn. Hung là nói một người không đi theo thiên đạo, cuối cùng dù phát tài lớn, làm quan to, vẫn là hung. Điểm này với quan niệm hiện nay của chúng ta có sự khác biệt rất lớn, nên khi đọc Kinh Dịch, chúng ta nhất định phải đặc biệt cẩn thận.

"Thánh nhân" mà Khổng Tử nói đến chính là Phục Hy và Chu Văn Vương. Phục Hy ngưỡng quan thiên văn, phủ thị địa lý, dựa theo những hiện tượng biến hóa của thiên địa, thủy hỏa, phong lôi, sơn thủy trong tự nhiên, vẽ ra Phục Hy Tiên Thiên Bát Quái Đồ. Chu Văn Vương trong thời gian bị Thương Trụ Vương giam cầm lâu dài, phát hiện sự biến hóa của tự nhiên và sự biến hóa của xã hội loài người là thông với nhau, nên dụng tâm suy nghĩ, dùng bát quái chồng lên nhau, tám lần tám thành sáu mươi tư, viết ra lục thập tứ quái của Kinh Dịch. Nhưng lục thập tứ quái thâm ảo khó hiểu, và người thực sự đưa Kinh Dịch vào cuộc sống thực tế của chúng ta phải kể đến Khổng Tử.

Thời đại của Khổng Tử cách Chu Văn Vương rất xa, tư tưởng quỷ thần đã dần dần nhạt đi. Nên Khổng Tử thấy thời cơ này, liền quyết định: biến thiên đạo thành nhân đạo là chưa đủ, mà phải tiến thêm một bước

biến toàn bộ Kinh Dịch triệt để thành quy tắc hành sự của đời người. Chúng ta ngày nay thường nói, làm người làm việc phải có quy tắc. Thực ra, đây là đóng góp lớn nhất của Khổng Tử đối với nhân loại.

Khi Kinh Dịch đến tay Khổng Tử, đã trở thành quy tắc hành sự mà chúng ta có thể tra cứu hàng ngày, sử dụng suốt đời. Khổng Tử không còn dùng cách thần đạo thiết giáo nữa, mà thuần túy dùng cách giảng đạo lý để thực hiện giáo hóa, nên chúng ta gọi ông là vạn thế sư biểu, không hề quá đáng. Rất tiếc hiện nay chúng ta chỉ biết ông là vạn thế sư biểu, chỉ biết ông là tập đại thành, nhưng không hiểu và lĩnh hội một cách triệt để.

Ý đích thực của Khổng Tử là nói với chúng ta rằng, thiên nhân muốn hợp nhất, chỉ có thể dùng luân lý đạo đức để hợp nhất. Nên toàn bộ Kinh Dịch đến tay Khổng Tử, ông chỉ nói một câu, đó là làm người, điều quan trọng nhất là tu đức. Tu đức là gì? Chính là chỉnh sửa đức hạnh của mình, cũng chính là tu thân. Hàng ngày tu đức, tu cho phù hợp với thiên đạo, đây là mục tiêu lớn nhất của đời người, cũng là thành tựu lớn nhất. Nhưng người hiện đại, có mấy ai nghĩ đến ý đích thực của Khổng Tử? Quá ít.

Người hiện đại từ sáng đến tối bận rộn kiếm tiền, bận rộn tìm cách kết giao quan hệ, rồi từng bước thực hiện ước nguyện của mình, tất cả đều là phí phạm sinh mệnh. Chúng ta không phủ nhận những thứ đó có sự cần thiết tồn tại của nó, nhưng chúng ta nhất định phải nhận rõ, đó là quá trình tu đức của chúng ta, công cụ tu đức, phương tiện tu đức, như vậy là đúng. Chúng ta có cần mở rộng quan hệ nhân tế không? Đương nhiên cần. Nhưng trong quá trình mở rộng quan hệ nhân tế, phải không ngừng nâng cao phẩm đức của mình. Nếu trong quá trình không ngừng mở rộng quan hệ nhân tế, chúng ta làm tổn hại đức hạnh của mình, thì tất cả thành tựu nhìn thấy đều là giả, cuối cùng nhất định là hung, chỉ đơn giản vậy thôi.

Khổng Tử rất rõ ràng nói với chúng ta, kính quỷ thần mà lánh xa họ, bạn tôn trọng họ, ít giao thiệp với họ, bạn càng gần gũi họ càng không xong. Bởi vì điều quỷ thần thiếu chính là tay chân, nếu quỷ thần có tay chân, họ muốn làm gì họ tự có thể làm. Quỷ thần thần thông quảng đại, chỉ là thiếu tay thiếu chân, họ nhất định phải thông qua con người để thực hiện ý nghĩ của mình. Nên khi bạn ở cùng họ, bạn sẽ trở thành công cụ của họ. Vì vậy Khổng Tử muốn chúng ta đặt quỷ thần sang một bên, bạn phải cung kính với họ, nhưng đừng làm môi giới cho họ. Khổng Tử dùng đạo lý để nói với chúng ta, con người làm sao mới có thể cát tường, tại sao sẽ có hung họa, trong đó nhất định có đạo lý, không thể không có đạo lý.

Đồng thời Khổng Tử còn đưa ra một tiêu chuẩn cao hơn cát hung, gọi là cải quá. Khổng Tử rất hiểu nhân tính, ông biết yêu cầu người không phạm sai lầm thực sự rất khó, "nhân phi thánh hiền, thục năng vô quá". Nên Khổng Tử rất khoan dung, ông nói làm sai thì đã làm sai rồi, không cần hối hận, cũng không cần trách người này trách người kia, chỉ cần sửa sai là được. Nói cách khác, làm sai việc thì nhanh chóng tìm cách bù đắp, đây mới là điều quan trọng nhất.

Đóng góp của Chu Văn Vương là đưa tư tưởng thiên đạo của Phục Hy vào đại đạo của đời người. Ông nói với chúng ta, đạo sinh tồn của loài người không nên giống như các loài động vật khác, bởi vì tất cả động vật đều không có chính trị, chỉ có loài người mới có chính trị.

Đóng góp lớn nhất của Khổng Tử, là chỉ ra một cách thẳng thắn và trực tiếp rằng, điều khác biệt lớn nhất giữa con người và động vật chính là luân lý đạo đức, những thứ khác không có gì đáng tự hào. Bạn ăn, động vật cũng ăn, bạn mặc, động vật sinh ra đã có lông da. Động vật trong nhiều việc còn thông minh hơn người, vì nó thuận tiện, không phức tạp như con người. Nhưng động vật không biết thế nào là luân lý đạo đức, chỉ có loài người mới có khả năng nhận thức này, đây là điều Khổng Tử nói trực tiếp. Đây là bản tính của con người, chúng ta phải hiểu rõ điều này. Sau này, Mạnh Tử còn nói trực tiếp về “nhân cầm chi biện” (sự phân biệt giữa người và thú). Sự khác biệt giữa con người và cầm thú ở đâu? Chỉ có chút ít đó thôi. Vì vậy tại sao chúng ta nói người hiểu Kinh Dịch nhất chính là Khổng Tử và Mạnh Tử? Chính là đạo lý này.

> Kinh Dịch cổ xưa trong quá trình ra đời và phát triển, trải qua tam cổ tam thánh: tiên cổ chi thánh Phục Hy, trung cổ chi thánh Chu Văn Vương, cận cổ chi thánh Khổng Tử. Phục Hy quan sát được thiên đạo trong tự nhiên, Chu Văn Vương suy nghĩ phân tích nhân đạo trong xã hội loài người, còn đóng góp lớn nhất của Khổng Tử chính là "thiên nhân hợp nhất". Vậy Khổng Tử dựa vào điều gì để hợp nhất thiên đạo và nhân đạo?

Khổng Tử hoàn toàn đứng trên lập trường nhân đạo để phát huy Dịch học, ông nói con người nên toàn tâm toàn ý suốt đời nỗ lực vì bốn chữ, đó là "thiên nhân hợp đức". Bởi vì thiên nhân nhất định phải hợp nhất, chỉ có thể dựa vào đạo đức để hợp nhất, dựa vào cái khác hoàn toàn không thể hợp được.

Trong Kinh Dịch, phần Văn Ngôn Truyện của quẻ Kiền có câu viết rất rõ: "Phù đại nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức". Những việc làm đều dựa theo lương tâm, có thể hợp với thiên đạo, đây gọi là đại nhân. Chữ "đức" này đồng âm với chữ "đắc" (được), nghĩa là nói, người đi theo đạo sẽ có được, một mặt có phẩm đức, một mặt được thứ gì đó, cả hai đều là đắc. Điều quan trọng nhất, đáng tin cậy nhất trong đời người chính là tu thân, chính là tu thân, tu thân là điều chúng ta phải thực hành suốt đời. Như vậy, chúng ta đã nắm được cái cốt lõi quan trọng nhất của Kinh Dịch.

Khổng Tử nói, người xưa cầu học cho bản thân, người nay cầu học cho người khác, một câu đơn giản như vậy đáng để chúng ta suy nghĩ nghiêm túc. Người xưa học vấn là làm cho chính mình: ta sai chỗ nào, ta phải điều chỉnh thế nào, ta có lỗi với người khác, ta phải tự phản tỉnh thế nào, cả ngày chỉ nghĩ đến việc phẩm đức của mình có được cải thiện không. Bây giờ đâu có như vậy? Chúng ta học vấn đều là để người khác tung hô mình, để người khác khẳng định mình. Như vậy là đang làm gì? Có cần thiết không? Đều là tự chuốc phiền phức. Lời Khổng Tử trực tiếp chỉ ra điểm yếu sâu thẳm nhất của chúng ta.

Toàn bộ Kinh Dịch đều nhắm vào điểm yếu của dân tộc Trung Hoa chúng ta, tôi không nói là khuyết điểm. Thế nào gọi là điểm yếu? Chính là chúng ta rất khó tìm thấy điểm hợp lý.

Khổng Tử nói thành tựu lớn nhất của đời người, chính là câu nói đó, gọi là "tiên thiên nhi thiên phất vi". Tiên thiên là gì? Tượng chưa xuất hiện, người đã nói ra, người nói ra lời còn sớm hơn cả thiên thùy tượng, gọi là tiên thiên, ngày nay gọi là nhà tiên tri. Nhưng các nhà tiên tri ngày nay mười người thì tám người đều nói sai, đây hoàn toàn là do vấn đề tu dưỡng của bản thân họ.

Chỉ nói về việc làm nhà tiên tri thôi, nếu trời phối hợp với bạn, dù bạn nói đúng, nếu trời không phối hợp với bạn, bạn sẽ xấu hổ thôi, đây là đạo lý rất dễ hiểu. Ví dụ nói ngày mai sẽ thế nào? Bạn nói ngày mai trời đẹp. Trời nghe thấy: ngươi nói trời đẹp, ta cố tình cho nó mưa, thế là nó mưa. Vậy tại sao có người nói chuyện linh nghiệm, có người nói chuyện lại không linh nghiệm? Chính là vì chúng ta chưa hiểu câu "tiên thiên nhi thiên phất vi" này. Nếu bạn có bản lĩnh làm được sớm hơn cả thiên thùy tượng, nói ra tình hình tương lai, mà trời vốn không định như vậy, nhưng vì bạn đã nói, thì cứ để bạn nói đúng vậy, trời sẽ phối hợp với bạn, đó chính là thiên nhân hợp nhất.

Còn có một câu gọi là "hậu thiên nhi phụng thiên thời". Trời tôn trọng bạn, bạn cũng phải tôn trọng trời, bạn chưa nói, trời đã thùy tượng, thì bạn không thể đi ngược lại trời, phải phụng thiên thời, tức là nhất định phải thuận theo trời, làm theo chỉ dẫn của trời. Quan điểm giá trị nhân sinh này, từ sau Khổng Tử cho đến nay, đã trở thành niềm tin vĩ đại nhất của dân tộc Trung Hoa. Rất tiếc hiện nay chúng ta nói những lý niệm khác, những niềm tin khác, nói một đống thứ, kết quả là đã vứt bỏ quan điểm giá trị của tổ tiên xa xôi.

> Khổng Tử đưa ra lý niệm "tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời", chính là răn dạy mọi người phải tu đức để đáp ứng thiên đạo, đây cũng là thể hiện cơ bản của thiên nhân hợp nhất. Nhưng dưới ảnh hưởng của lý niệm này, cũng khiến người Trung Quốc hình thành một tính cách phổ biến, tính cách này đối với sự phát triển của xã hội Trung Quốc, đã mang lại ảnh hưởng và trở ngại rất lớn, đây là một tính cách như thế nào?

Như vậy đã xuất hiện một vấn đề, đó là người Trung Quốc ai cũng hy vọng mình nói được tính, điều này rất phiền phức. Mỗi người đều có tâm thái đế vương, cũng không cần tránh né, kết quả là mỗi người nhìn thấy Nghiêu Thuấn đều nói, Nghiêu Thuấn rất tốt, ta muốn làm Nghiêu Thuấn! Nhưng không biết rằng Nghiêu Thuấn là dùng phẩm đức để cảm động thiên địa, chứ không phải dùng uy thế để cảm động thiên địa. Nhìn thấy người ta làm hoàng đế quá tốt, mình cũng muốn làm hoàng đế, như vậy là hoàn toàn sai rồi.

Nếu phát hiện thiên hạ là người có phẩm đức nói được tính, thì ta cũng phải tu đức của ta, hy vọng một ngày nào đó ta cũng nói được tính, đây là chính đạo. Nếu thấy làm hoàng đế rất oai phong, muốn làm gì thì làm, nên ta cũng muốn nói được tính, như vậy không hợp thiên đạo, đương nhiên cũng không đúng. Như vậy, chúng ta sẽ biết tại sao "đại vị thiên định, phi kỷ tự thủ". Được đại vị chính là người nói được tính đó, người ấy là do trời chọn, không phải do người một phiếu một phiếu bầu ra. Một người dùng hết cách để chen vào đại vị, chỉ cần trời không đồng ý, người cũng vô năng làm gì, đây có phải là mê tín không? Thực ra không phải. Có rất nhiều người nghe đạo lý này, rất hứng thú hỏi tôi rằng, vậy tôi muốn làm tổng giám đốc, cũng phải do trời định sao? Tôi nói, tổng giám đốc có lớn đến thế không? Thực ra mỗi người đều xem mình

quá lớn rồi, nếu bạn cho rằng tổng giám đốc rất lớn, nhưng trời nhìn xuống thấy đầy đường đều là tổng giám đốc, vậy tổng giám đốc của bạn tính là gì? Nên chữ "đại" trong "đại vị thiên định" này, là đại rất lớn, đừng tự cho rằng mình rất lớn, suy nghĩ này không được.

Mỗi người chúng ta có thể nói được tính trong những việc nhỏ đã là không tồi rồi, từ từ trong những việc lớn hơn một chút vẫn nói được tính, thì nên mãn nguyện rồi. Còn về việc lớn nhất ấy, chúng ta gọi là việc lớn như trời, vẫn phải xem trời chọn người nào, người này là người đại diện của trời, người ấy nói được tính, chúng ta đừng đi tranh cái vị trí đó, đây mới gọi là đọc hiểu Kinh Dịch, hiểu được bổn phận an thân lập mệnh.

Tại sao nói Khổng Tử là tập đại thành? Chính là vì đến thời ông, đã nói hết tất cả mọi điều rồi. Nên Mạnh Tử đọc sách Khổng Tử, nói Khổng Tử thực là "thánh chi thời giả dã". Nghĩa là nói, Khổng Tử có thể theo sự biến đổi của thời đại, kịp thời chuyển đổi tinh thần của Kinh Dịch, gạt bỏ thần đạo thiết giáo, trực tiếp nói thẳng những điều này chính là quy tắc hành sự của đời người, ông nắm bắt "thời" rất tốt. Nhưng chúng ta phải hiểu rõ, Khổng Tử nói rất rõ ràng, nói ông là "thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ". "Tín nhi hiếu cổ" nghĩa là ông hiểu ý đồ ban đầu của Phục Hy khi vẽ quẻ. "Thuật nhi bất tác" là trình bày ý nghĩa vốn có của Kinh Dịch, không thêm vào ý kiến của mình, không có sáng tác mới. Ông rất hiểu Kinh Dịch là do thiên thùy tượng, rồi thông qua một nét vẽ mở đầu của Phục Hy, ngộ ra bốn chữ, gọi là "thiên lý lương tâm". Thiên lý là trời, lương tâm là người, nên nói thiên nhân hợp nhất. Thiên lý và nhân tâm kết hợp lại, gọi là luân lý đạo đức, tức thiên nhân hợp đức.

Vạn tượng trong vũ trụ đều thể hiện một trách nhiệm tự nhiên. Chúng ta nhìn mặt trời, nó chưa bao giờ hỏi loài người có thiếu tiền điện không, đến lúc phải ra là ra. Mặt trăng cũng vậy, đến lúc phải ra là ra. Nước thì không ngừng chảy. Thực ra nước chảy có mục đích của nó, chính là thông qua quá trình chảy, làm cho những tạp chất bên trong được lọc sạch, nếu không thì thượng nguồn đang giặt quần áo, làm sao người hạ nguồn uống nước được? Đây đều là từng quá trình một, thực ra hiện nay chúng ta làm máy lọc nước chính là dựa theo quá trình nước chảy làm sạch như thế nào. Tất cả phát minh sáng tạo khoa học kỹ thuật đều thể hiện đạo lý và trí tuệ của Kinh Dịch.

> Sự tiến bộ và phát triển của khoa học càng ngày càng chứng minh Kinh Dịch cổ xưa chứa đựng đạo lý bất biến xưa nay. Và đạo lý cơ bản nhất của Kinh Dịch chính là thiên nhân hợp đức. Nhưng Kinh Dịch chứa đựng trí tuệ nhân sinh như vậy, vào thời điểm nào, và vì sao lại xa rời cuộc sống của chúng ta?

Thực ra, từ thời Hán, Kinh Dịch đã suy thoái rồi. Lần này chúng ta dùng quan điểm hiện đại để giải thích lại Kinh Dịch, cũng là dựa theo đạo lý của Khổng Tử. Bởi vì thời đại khác nhau, phải có cách giải thích khác nhau, không phải nói chúng ta cầu mới cầu lạ, hoặc cố ý khác người, chúng ta hoàn toàn không có chút ý

nghĩ như vậy. Chúng ta chỉ cảm thấy sau Khổng Tử, Dịch học đã suy thoái, điều này cũng là tất nhiên. Bởi vì thịnh cực tất suy, ngay cả bản thân Kinh Dịch cũng không thoát khỏi quy luật như vậy.

Tần Thủy Hoàng khi đốt sách, tại sao lại để lại Kinh Dịch? Chính là vì có người nói cuốn sách này không nên đốt, nó là thứ người dân dùng để bói toán. Tần Thủy Hoàng nghe vậy thì nói, được rồi, vậy đừng đốt. Hành động như vậy đúng hay không? Đó không phải điều chúng ta bình luận; hành động như vậy tốt hay không? Chúng ta có thể suy nghĩ xem, câu trả lời vẫn là đạo lý của Kinh Dịch, tức là có tốt có xấu. Mặt tốt là đã giữ được cuốn sách này, mặt xấu là từ đó người ta cho rằng Kinh Dịch chỉ là sách dùng để bói toán. Nên từ thời Hán trở đi, thuật số được phát huy rất nhiều, người ta ngày càng hứng thú với thuật số. Thuật số một khi thịnh hành, đã biến Kinh Dịch từ tín ngưỡng đạo đức thành tín ngưỡng tri thức, đây mới là điều rất đáng sợ. Thú cát tị hung dần dần trở thành trọng điểm của Dịch học. Vậy thì, thú cát tị hung tốt hay không? Nếu một người đầu óc toàn là thú cát tị hung, rất dễ đầu cơ trục lợi. Muốn làm một việc gì, xem quẻ nếu tốt thì làm, không tốt thì không làm, đó chẳng phải là đầu cơ trục lợi sao? Chỉ làm những việc có lợi cho mình, những việc không có lợi cho mình thì không làm, điều này đã đi lệch quá xa với đạo lý của Khổng Tử rồi, còn đạo đức gì nữa?

Ý của Khổng Tử là nói, những việc chúng ta nên làm, dù có khó khăn lớn đến đâu, cũng phải từng bước vượt qua. Những việc chúng ta nên làm, dù kết quả có thê thảm, sau khi cân nhắc thấy nên làm, vẫn phải làm. Bởi vì khi một người thực sự có đức hạnh tốt, hung sẽ biến thành cát, "cát nhân tự hữu thiên tương" chính là đạo lý này. Tại sao lại như vậy? Chúng ta đã nói qua rồi, chính là "tiên thiên nhi thiên phất vi, hậu thiên nhi phụng thiên thời", đây mới gọi là bậc vĩ nhân.

Tất nhiên, có người nói tôi không phải là bậc vĩ nhân, tôi chỉ là người dân bình thường, nên tôi vẫn tin vào bói toán, như vậy cũng được, chúng ta cũng không phản đối. Chúng ta chỉ nói một câu thôi, một người rất giỏi tính toán, gọi là thần toán đi, thần đến mức nào? Thần đến 70% tỷ lệ trúng, đã cao lắm rồi phải không? Bởi vì không thể đạt tới 100%, nếu đạt tới 100%, thì biến thành bạn làm trời rồi. Trời sẽ thấy rất buồn cười: ngươi đã 100% rồi, vậy ta còn tồn tại để làm gì?

Có người nói, việc bói toán này của tôi rất linh, tỷ lệ chính xác đạt tới 70% hoặc 80%. Đã tuyệt vời lắm phải không? Nhưng trùng hợp việc của bạn lại rơi vào 20-30% tỷ lệ không chính xác đó, như vậy chẳng phải rất xui xẻo sao! Chúng ta chỉ nói câu này là đủ rồi, những điều khác mọi người có thể tự lựa chọn.

Chương 124: Lấy con người làm gốc

> Hà Đồ và Lạc Thư xuất phát từ những nơi khác nhau, hình ảnh cũng khác nhau, nhưng vị trí của các số 1, 3, 5 lại hoàn toàn giống nhau, trong đó đại diện cho ngũ hành và phương vị cũng hoàn toàn giống nhau. Điều này hàm chứa ý nghĩa sâu xa gì? Đất nước chúng ta gọi là Trung Quốc, dân tộc chúng ta gọi là Trung Hoa dân tộc, văn hóa chúng ta gọi là Trung Hoa văn hóa, chữ "Trung" mà chúng ta không thể tách rời này, rốt cuộc có ý nghĩa gì? Và nó bắt nguồn từ đâu?

Ngoài Kinh Dịch nói về âm dương, còn có thuyết ngũ hành, thuyết thiên can địa chi, vậy tại sao không thể kết hợp những học thuyết này lại với nhau? Người Trung Quốc thường có quan niệm tích hợp, đem những thứ khác nhau kết hợp lại. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng, bất cứ việc gì, có tính khả thi của nó, ắt cũng có giới hạn của nó. Hiện nay chúng ta đang đối mặt với các học thuyết từ khắp nơi trên thế giới, liệu có thể tích hợp tư tưởng Đông Tây lại với nhau không? Đây là một đề tài rất quan trọng đối với người Trung Quốc đương đại.

Có một quan điểm cho rằng văn hóa Đông Tây chỉ có thể giao lưu, không thể tích hợp. Vậy tại sao văn hóa Trung Hoa của chúng ta có thể tích hợp, nhưng khi gặp học thuyết phương Tây lại không thể tích hợp? Nhìn từ góc độ khoa học sinh học, sẽ thấy rất rõ: khi tích hợp tất cả văn hóa trên thế giới thành một loại, sẽ không thể có sự tương tác nữa, cũng không thể có sự thay đổi nữa, do đó sẽ không tiến bộ, một khi dừng lại cuối cùng sẽ là hủy diệt.

Kinh Dịch rộng lớn, bao hàm tất cả, nhưng bên trong vẫn có âm có dương, không thể biến thành thuần âm, cũng không thể biến thành thuần dương, quan niệm này rất quan trọng. Nghiên cứu Hà Đồ và Lạc Thư, cho chúng ta biết sự việc trên thế giới, có thật thì có thể có giả, có thuận thì có thể có nghịch, có chính thì có thể có phản, trong xã hội có người tốt thì nhất định có người xấu. Những quan điểm này nếu đem đối chiếu với tình hình thực tế, đều rất phù hợp.

Chúng ta có thể nhìn cụ thể hơn, tuy người ta thường gọi chung là Hà Lạc, nhưng Hà Đồ và Lạc Thư vẫn có một số khác biệt (hình 124-1).

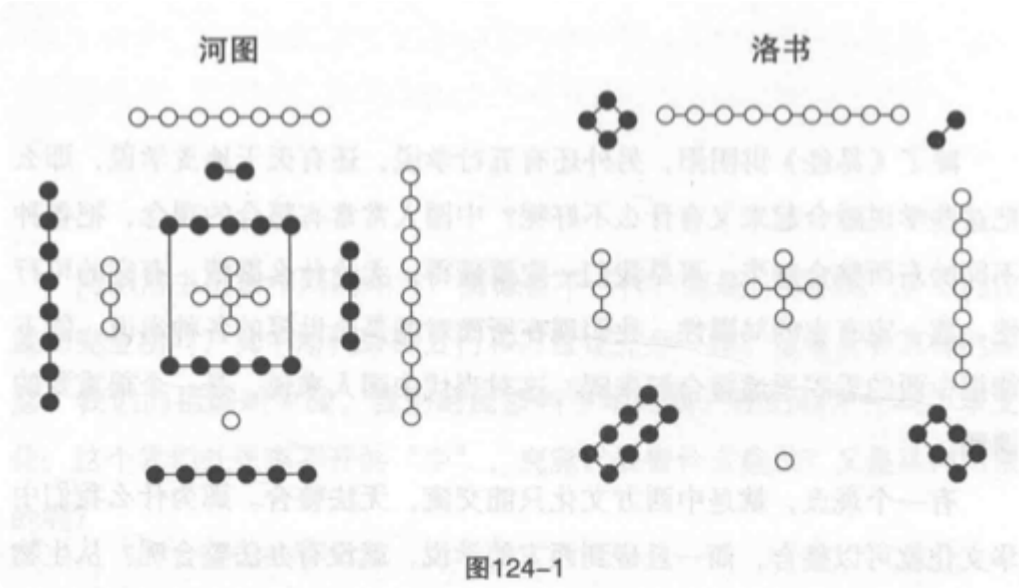


图124–1

Hà Đồ từ 1 đến 10 tổng cộng có 10 số, Lạc Thư chỉ có từ 1 đến 9 tổng cộng 9 số, đây chính là điểm khác biệt. Kiểu ô vuông của Lạc Thư hiện nay được sử dụng rất nhiều, ví dụ như trò chơi khối ma thuật (rubik) mà mọi người thường chơi, rất giống với trận thế của Lạc Thư. Nhìn vào mỗi hàng của Lạc Thư, dù là đường thẳng hay đường chéo, tổng của các số đều là 15. Nếu nhìn từ trên xuống, hàng ngang là 4+9+2=15, hàng giữa là 3+5+7=15, hàng dưới là 8+1+6=15. Dọc có thể thấy 4+3+8, 9+5+1, 2+7+6, tổng đều là 15. Đường chéo có hai đường, 4+5+6, 2+5+8, tổng cũng đều là 15. Có thể thấy đây là một trò chơi số học rất thú vị. Ngày nay rất nhiều người đều chơi, nhưng rất ít người biết rằng, từ thời xa xưa, những con số và hình tượng trên mai rùa, chính là những thứ mà người ta đang chơi bây giờ.

Lạc Thư và Hà Đồ, vị trí số 1, 3, 5 hoàn toàn giống nhau, nhưng vị trí của 6 số còn lại thì hoàn toàn khác nhau. Có thể thấy cùng một đạo lý nếu dùng những cách thức khác nhau để tượng trưng, giải thích, cũng sẽ có đôi chút khác biệt, không phải chỉ có một cách giải thích cố định. Đây cũng là một tinh thần rất quan trọng trong Kinh Dịch, đó là phải tùy người, tùy việc, tùy địa điểm, tùy thời gian mà có sự điều chỉnh thích hợp, không phải nói bất kể tình huống nào, đều chỉ có một cách giải thích.

Vì vậy chúng ta không tán thành việc đoán định mệnh một cách cứng nhắc, cũng có lý do của nó. Bởi vì như vậy sẽ biến những khả năng đa dạng thành chỉ có một kết quả, đó gọi là thuyết định mệnh. Kinh Dịch không phải là thuyết định mệnh, mà là đưa ra nhiều khả năng cho con người tự lựa chọn, như vậy mới liên quan đến đạo đức. Nếu là thuyết định mệnh, thì còn liên quan gì đến đạo đức? Số mệnh vốn không tốt, sau khi tu dưỡng đạo đức tốt sẽ chuyển hóa, số mệnh sẽ trở nên tốt, đó gọi là trời có đức hiếu sinh, cũng cho chúng ta biết tầm quan trọng và sự cần thiết của việc tu dưỡng bản thân.

> Sự giống và khác của Hà Đồ Lạc Thư, chính là nói lên khái niệm cơ bản nhất của Kinh Dịch, tất cả đều trong sự biến hóa. Vì vậy Kinh Dịch còn có tên gọi là Biến Kinh. Sự biến hóa của Kinh Dịch là: Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, tám lần tám là sáu mươi tư quẻ. Vậy Hà Đồ Lạc Thư thể hiện những biến hóa này như thế nào?

Chúng ta có thể nói, Hà Đồ là thể của tiên thiên, còn Lạc Thư là dụng của hậu thiên. Thể và dụng này không thể tách rời, nhưng đều có thuận và nghịch, bởi vì chúng đều là khí. Số chỉ có thứ tự, nhưng khí có thuận có nghịch. Hà Đồ là dương thuận âm nghịch, mỗi bên thành một khí, đó gọi là thái cực sinh lưỡng nghi. Nhưng Lạc Thư cho chúng ta biết trong thuận có nghịch, trong nghịch có thuận, đây chính là lưỡng nghi sinh tứ tượng.

Khí của dương, một bên từ 1 đến 3, một bên từ 7 đến 9, chúng biến thành hai đường khí; khí của âm, từ 4 đến 2, từ 8 đến 6, rất rõ ràng hướng vận hành của khí là ngược với số lẻ. Nhưng Lạc Thư không hoàn toàn như vậy, nó tiến thêm một bước so với Hà Đồ, cho chúng ta biết trong thuận có nghịch, trong nghịch có thuận, cũng tức là trong dương có âm, trong âm có dương, âm dương không thể hoàn toàn tách rời.

Người hiện đại rất thích phân chia mọi thứ rõ ràng, cái này đúng, cái kia sai, cái này đen, cái kia trắng, cái này trên, cái kia dưới, như vậy không phải là rất thỏa đáng. Đã là luôn trong biến hóa, dựa vào đâu mà cố định nói cái này nhất định là tốt? Nếu chúng ta từ nhỏ dạy trẻ em rằng, cái này đúng, cái kia sai, thì cả đời nó sẽ rất đau khổ. Người lớn nên nói với trẻ em rằng, với độ tuổi hiện tại của con, con có thể coi đây là đúng không sao, tương lai khi con lớn lên, con sẽ có những cái nhìn khác, phải để lại cho nó một khoảng trống từ trước. Đúng có thể biến thành sai, sai có thể biến thành đúng, trong tốt có nhiều cái xấu, trong xấu ngược lại có một số cái tốt, điều này mới phù hợp với đạo một âm một dương.

Vì vậy sau khi đọc Kinh Dịch, chúng ta phải điều chỉnh tư duy một cách hợp lý, nếu không thì chỉ học thuộc lòng kinh văn, dùng để đối phó thi cử, hoặc thuộc lòng vanh vách để lừa gạt người khác, không bằng không đọc.

Số 5 không thay đổi vị trí chúng ta dễ hiểu hơn, bởi vì 5 ở giữa, 5 là vị trí của thổ, chính là trung, trung không thể thay đổi lung tung; các số khác đều có thể thay đổi. Tại sao 1 và 3 không thể thay đổi? Bởi vì 1 là vị trí của thủy, thiên nhất sinh thủy; 3 là vị trí của mặt trời. Đông phương là mộc, mà mộc từ đâu mà có? Từ đất mà ra, nên cây cối có quan hệ rất mật thiết với nước và đất. Chúng ta thử nghĩ xem, nếu trên trái đất chỉ có đất mà không có nước, thì không thể có loài người. Có đất và nước, tự nhiên sẽ mọc lên cây cối. Ba thứ này, chúng ta dùng bốn chữ để nói, gọi là "mộc bản thủy nguyên"; còn đất ngược lại không thấy, bởi vì đất là ẩn tính.

Chúng ta có thể nói, nơi nào có thể mọc cỏ, có thể mọc cây, nơi đó nhất định có thể cư trú, theo nước cỏ mà ở mà! Lúc đó tổ tiên chúng ta đã biết, cây cối và nguồn nước đều là căn bản cho sự sinh tồn của con người, nên hai yếu tố này không thể thay đổi, bởi vì hai yếu tố này là tác dụng sinh hóa của tiên thiên. Dù con người không có kiến thức đến đâu, cũng sẽ tự nhiên tìm thấy hai thứ này; thậm chí động vật cũng vậy, nó sẽ tìm ra nước ở đâu, sẽ đi tìm cỏ cây, thậm chí chạy thẳng lên trên cây. Động vật thậm chí còn sáng suốt hơn con người, bởi vì chúng dựa vào bản năng này để sinh tồn. Con người có kiến thức rồi thì dần dần quên đi bản năng, đây cũng là điều mà chúng ta làm người phải hết sức cảnh giác. Chúng ta vốn có rất nhiều

cảnh giác đối với hiện tượng tự nhiên, bây giờ càng ngày càng tụt hậu, xa không bằng động vật thông thường. Nước là nguồn gốc, mà cây cối là nơi chúng ta có thể nhìn thấy, nếu từ xa nhìn thấy nơi cây cối tươi tốt, chúng ta biết nơi đó nhất định có nước. Tất nhiên từ căn bản mà nói, chính là đất làm cho con người có thể tồn tại và phát triển. Những thứ này đều là nguồn gốc cần thiết cho cuộc sống con người, nên vị trí số 1, 3, 5 trong Hà Đồ và Lạc Thư không thay đổi, điều này khiến người Trung Quốc hình thành một quan điểm khó lay chuyển, đó là không thể quên gốc, uống nước nhớ nguồn.

> Bài ca về Hà Đồ nói rằng: Thiên nhất sinh thủy, thiên tam sinh mộc, thiên ngũ sinh thổ. Cũng tức là nói, 1 đại diện cho thủy, 3 đại diện cho mộc, 5 đại diện cho thổ. Thiên nhất sinh thủy là nguồn gốc, là tác dụng sinh hóa của tiên thiên. Vậy tác dụng sinh hóa của hậu thiên là gì? Và điều quan trọng nhất là gì?

Tác dụng sinh hóa của hậu thiên, lấy mộc làm tiên phong. Tiên thiên có nước, sẽ sinh ra mộc hậu thiên, nên ở phương Đông dùng số 3 để đại diện.

Nếu đem số với tác dụng và phương vị của nó kết hợp lại để suy nghĩ tổng thể, sẽ rõ một đạo lý, vạn sự vạn vật thật ra bắt đầu từ 1, nước chính là 1, không có nước thì không thể nói đến gì cả. Vì vậy chúng ta thấy mấy quẻ đầu tiên trong Kinh Dịch, đều có liên quan đến nước. Hiện nay các nhà khoa học cũng nói cho chúng ta biết, con người từ đâu mà có. Sau vụ nổ lớn vũ trụ, sinh vật đều từ trong nước dần dần sinh ra, trong cơ thể con người phần lớn cũng là nước.

Chúng ta còn có một câu nói, gọi là "vạn vật thành ư tam" (vạn vật thành tựu ở số ba). Nghĩa là nói nếu mặt trời không từ phương đông mọc lên, phương đông không thấy mặt trời thì vạn vật cũng không thể sinh tồn được.

Vì vậy, một số 1, một số 3, đối với con người mà nói đều rất quan trọng. Như vậy chúng ta mới biết, số bắt đầu từ 1, nhưng phải đến 3 mới có thành tựu, đạo lý là như vậy.

Số 5 gọi là trung ương thổ, nó đại diện cho bản tính thuần chân vốn có của chúng ta. Cây có gốc, nước có nguồn, người phải có đức, là từ đây mà ra. Cây cối nếu không có rễ thì rất nhanh sẽ hoặc là ngã xuống, hoặc là thối rữa. Nước nếu nguồn đã cạn kiệt, rất nhanh cũng sẽ không thấy nữa. Con người cũng vậy, nếu phẩm đức không tốt, thì tất cả mọi thứ cuối cùng đều là bọt nước, đều là ảo ảnh, rất nhanh sẽ không còn tồn tại.

Hà Đồ, Lạc Thư có quan hệ rất mật thiết với người Trung Quốc, nói câu này người Hà Nam rất vui, bởi vì chúng ta là văn hóa Trung Nguyên. Còn tôi là người nói tiếng Mân Nam, vậy mọi người có biết tiếng Mân Nam cũng gọi là tiếng Hà Lạc không? Tại sao chúng ta ở phía nam Phúc Kiến và Đài Loan nói tiếng này, lại là tiếng Hà Lạc? Đây là một chuyện rất kỳ lạ. Bởi vì người miền Nam Trung Quốc phần lớn là từ Trung Nguyên đến, phía nam Phúc Kiến có một nơi gọi là Tấn Giang, ý nghĩa là chỉ ra, người ta vào thời Tấn từ Hà Nam di cư đến đó. Vì vậy ở đó có một con sông gọi là Lạc Dương Giang, có một cây cầu gọi là Lạc Dương

Kiều, tiếng nói ở đó chính là tiếng nói sớm kỳ của Hà Lạc Trung Nguyên, do đó gọi là tiếng Hà Lạc. Vì vậy là người Trung Quốc, chúng ta phải tìm hiểu kỹ văn hóa Hà Lạc, mà đương nhiên không thể tách rời Hà Đồ, Lạc Thư.

Chữ "trung" trong Hà Đồ và Lạc Thư đều dùng số 5 để biểu thị. Chúng ta vừa duỗi tay là năm ngón tay, nên ý nghĩa của chữ trung hoặc số 5, chính là nói cho chúng ta biết phải có thể kiểm soát toàn diện, chỉ có nắm bắt toàn diện mới có tư cách nói đến số 5. Chúng ta thường nói đội ngũ, chưa bao giờ nói đội lục, đội thất, bởi vì đội lục, đội thất thì có thể không nắm bắt được. Đội ngũ chính là đoàn đội mà chúng ta có thể nắm bắt toàn diện. Ngày nay chúng ta từ sáng đến tối nói đội ngũ cốt cán, vậy đội ngũ cốt cán này cuối cùng có thể nắm bắt được không? Nắm không được, thì không gọi là trung, thì không trung rồi. Từ đó mở rộng ra, tại sao gọi là Trung Quốc? Tại sao gọi là người Trung Quốc? Tại sao gọi là văn hóa Trung Hoa? Tại sao gọi là dân tộc Trung Hoa? Những điều này đều có quan hệ với chữ trung.

> Đất nước chúng ta gọi là: Trung Quốc; dân tộc chúng ta gọi là: dân tộc Trung Hoa; văn hóa chúng ta gọi là: văn hóa Trung Hoa; tại sao tất cả của chúng ta, đều không thể tách rời chữ "trung"? Mà chữ "trung" này, rốt cuộc đại diện cho ý nghĩa gì? Và nó bắt nguồn từ đâu?

Mọi người đều biết, tổ tiên của chúng ta lúc đầu không có chữ, làm sao đột nhiên xuất hiện một chữ trung? Trung chính là thái cực, vậy thái cực làm sao có quan hệ với trung? Nếu dùng quan niệm hiện nay để giải cấu thái cực, tức là phân tích cấu trúc của nó ra, chúng ta sẽ thấy được sự biến hóa của nó (hình 124-2).

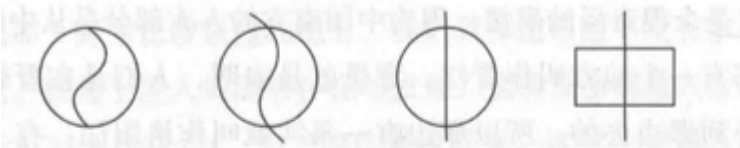


图124–2

Và nó sẽ có rất nhiều kiểu biến hóa, nói cách khác, trung không phải là một mục tiêu cố định, mà là có tính đàn hồi. Chỉ cần trong phạm vi hợp lý đều gọi là trung, viết thành chữ vuông, nó chính là một chữ "trung". Thực ra, ý nghĩa của trung chính là hợp lý, mà hợp lý cũng không phải là một thứ cố định. Bởi vì trên thế giới có rất nhiều yếu tố khác nhau, có rất nhiều điều kiện khác nhau, và môi trường phải đối mặt cũng đều không giống nhau, nên không thể chỉ thiết lập một mục tiêu cố định, hoặc một tiêu chuẩn cố định. Vậy thì, hiện nay chúng ta chịu ảnh hưởng của toán học hóa, công nghiệp hóa, yêu cầu mọi thứ phải chuẩn hóa, thậm chí giáo dục của chúng ta cũng muốn dạy người thành giống hệt nhau, điều này rõ ràng đều là không hợp lý.

Mỗi người đến thế giới này, đều là để làm một người khác biệt, không phải làm người giống nhau. Vì vậy cái mà chúng ta nói là hợp lý nên là đại đồng tiểu dị, chứ không phải cưỡng cầu nhất trí. Vốn không có cách nào cưỡng cầu nhất trí, nếu nhất định phải như vậy, chính là đang làm việc không hợp lý. Như vậy, đặc chất của văn hóa Trung Hoa đã xuất hiện. Vì vậy người Trung Quốc mới nói vương đạo, mà không nói bá đạo. Nếu nhìn rộng hơn một chút, thái cực và trung có thể biến thành như này, lại có thể biến thành như kia, có thể biến ra rất nhiều kiểu dáng. Ví dụ như chữ vạn của Phật giáo, biểu tượng của Hội Chữ thập đỏ, thánh giá của Cơ đốc giáo, dường như đều có liên quan với chữ trung.

Chúng ta đọc Kinh Dịch sẽ rất rõ, tại sao tôn giáo phải tự do? Chính là bởi vì các tôn giáo đều có điểm giống nhau, nếu nói đều giống nhau có thể khó chấp nhận, nên nói là đại đồng tiểu dị. Trong quan niệm của người Trung Quốc, Phật giáo, Cơ đốc giáo, Thiên chúa giáo, Hồi giáo, thực ra đều "đại đồng tiểu dị". Nếu đi hỏi mọi người rằng, tôn giáo này tôn giáo kia là làm gì? Mọi người sẽ trả lời, khuyên người làm thiện, bảo người làm việc tốt, ai cũng có quan niệm này. Vì vậy là người Trung Quốc, nhất định phải nhớ, có thể dùng Kinh Dịch để giải thích tất cả mọi thứ, như vậy bạn mới là người Trung Quốc tiêu chuẩn. Mà bây giờ không phải như vậy nữa, có người sau khi xem kinh Phật, thì dùng những thứ của Phật giáo để giải thích Kinh Dịch; sau khi xem Kinh Thánh, thì dùng những thứ của Cơ đốc giáo để giải thích Kinh Dịch, điều này có vẻ là đảo lộn gốc ngọn, không phải là việc rất hợp lý.

Trung Quốc chính là một quốc gia mọi việc đều cầu hợp lý. Chúng ta không giống phương Tây, động một tí là pháp chế, khắp nơi đều nói pháp chế. Chúng ta là lễ trị, là đức trị, cảnh giới cao hơn pháp chế rất nhiều. Nhưng chúng ta phải nói rõ, đức trị và lễ trị là lấy pháp chế làm nền tảng, điểm này không sai. Người phương Tây chỉ phát triển đến tầng pháp chế, chúng ta từ lâu đã vượt qua, tiến vào đức trị, lễ trị, nói như vậy là rất rõ ràng. Người Trung Quốc rất tuân thủ pháp luật, không tuân thủ pháp luật thì không phải là người Trung Quốc, nhưng pháp luật của chúng ta không phải là chết cứng, mà là linh hoạt, khó là khó ở chỗ này. Thế nào gọi là người Trung Quốc? Thực ra một câu đã nói xong, người luôn luôn có thể ứng biến theo hoàn cảnh, nhưng tuyệt đối không đầu cơ trục lợi mới có tư cách gọi là người Trung Quốc. Thế nào gọi là đạo trung dung? Mọi việc cầu hợp lý, gọi là đạo trung dung. Như vậy chúng ta mới biết, tại sao Nghiêu Thuấn vĩ đại nhất chính là trị trung, dụng trung, tất cả đều có liên quan đến trung.

Đạo trung dung là cốt lõi của văn hóa truyền thống Trung Quốc, nhưng lại bị nhiều người hiểu lầm, họ cho rằng "đạo trung dung" chính là không phân biệt phải trái, chính là dàn xếp ổn thỏa. Mà Kinh Dịch nói cho chúng ta biết, trung chính là hợp lý, đạo trung dung chính là mọi việc cầu hợp lý. Như vậy xem ra, người Trung Quốc quả thực là tôn sùng đạo trung dung, bởi vì người Trung Quốc mọi việc đều cầu một cái hợp lý. Nhưng vấn đề là tiêu chuẩn hợp lý là gì? Tại sao thường xảy ra tình huống công nói công có lý, bà nói bà có lý?

Bất kỳ việc gì đều phải hợp lý, câu này trong xã hội người Trung Quốc chúng ta tranh luận không nhiều. Khó hơn là, thế nào gọi là hợp lý? Cuối cùng phải hợp cái lý của ai? Tranh luận này tương đối lớn. Thông thường mà nói, đều là phù hợp với lý của tôi thì tôi chấp nhận, không phù hợp với lý của tôi thì tôi không chấp nhận, đây là quan niệm không chính xác, là thái độ không tốt. Tuy nhiên, đại đa số người đều như vậy. Điều chúng ta cần phải chú ý là, vô tam bất thành lễ. Thế nào gọi là vô tam bất thành lễ? Chính là thứ nhất phải hợp thiên lý, thứ hai phải hợp nhân lý, thứ ba phải hợp địa lý, cả ba điều này đều hợp mới gọi là hợp lý. Bất kỳ việc gì đều phải xem xét thiên lý, xem xét nhân lý, xem xét địa lý, đem chúng hòa hợp lại thì có thể tìm ra điểm hợp lý. Như vậy chúng ta mới biết, tại sao chúng ta thường nói thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa, chính là biểu thị ba thứ này phải cùng xem xét.

Đã nói thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hòa, vậy có phải con người có thể quyết định tất cả không? Điều này đương nhiên là không thể. Khổng Tử nói rõ nhất, khi chúng ta đã hết sức người rồi, còn phải nghe mệnh trời. Tại sao vậy? Bởi vì trong sáu hào của quẻ Kinh Dịch, ba nhiều hung, bốn nhiều úy, nó xa không bằng hai nhiều dự, năm nhiều công, đây là sự thật.

Hiện nay rất nhiều người cứ tranh luận, con người rốt cuộc là sống vì mình, hay sống vì người khác, đây đều là tranh luận vô nghĩa. “Nhất âm nhất dương chi vị đạo” nói cho chúng ta biết, một mặt phải sống vì mình, một mặt phải sống vì người khác, như vậy mới đúng. Chúng ta tìm được điểm hợp lý, cũng phải xem phản ứng của mọi người như thế nào. Mọi người phản ứng đều rất tốt, chúng ta cũng phải rất cẩn thận: đó rốt cuộc là phản ứng chân tâm, hay là vì quan hệ lợi hại? Mọi người phản ứng đều không tốt, chúng ta cũng phải cảnh giác: trong đó rốt cuộc có vấn đề gì? Như vậy mọi người lập tức sẽ hiểu, tại sao không thể lập tức có phản ứng, không thể lập tức đưa ra quyết định, chính là đạo lý này.

Bởi vì tất cả sự biến hóa âm dương đều rất phức tạp, chúng ta phải bình tĩnh lại, nghiên cứu phán đoán kỹ càng, sau đó tìm hiểu kỹ tình hình, còn phải thử xem, xem phản ứng thế nào, mới có thể bắt đầu đưa ra quyết định ban đầu. Đúng như câu nói, sự việc chậm rãi thì sẽ viên mãn.

Kinh Dịch nói cho chúng ta biết “nhất nhi nhị, nhị nhi nhất”, những quan niệm kiểu này người phương Tây tương đối khó hiểu, họ không hiểu rõ lắm cách tư duy nhất nhi nhị, nhị nhi nhất này. Vì vậy phương Tây tranh luận về thuyết nhất nguyên, đa nguyên đã hơn hai nghìn năm, cũng không có kết luận, bởi vì không phù hợp với hiện tượng tự nhiên. Ví dụ hiện tượng tự nhiên một đám mây trên trời, một đám rất nhanh lại biến thành hai đám, hai đám rất nhanh lại hợp nhất, vĩnh viễn đều trong sự biến đổi. Lại xem âm dương cũng vậy, kéo dài ra thì đứt đoạn, dương thì biến thành âm rồi, hai cái gần nhau, âm lại biến dương rồi, đây đều là hiện tượng chúng ta có thể thấy bất cứ lúc nào.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ một đạo lý, người là sống động, trái đất là sống động, tất cả tất cả đều là sống động, đừng biến chúng thành chết cứng, vì vậy người Trung Quốc rất thích nói "khoảng chừng", đây là trí tuệ rất cao. Nhưng bây giờ đều bị phá hủy rồi, bây giờ có người vừa nghe đến "khoảng chừng", liền cảm

thấy người này sao có thể như vậy? Thực ra toàn bộ Kinh Dịch chỉ nói cho chúng ta bốn chữ mà thôi: "đại để như thử" (đại khái là như vậy). Bởi vì bản sự của con người, dù giỏi đến mấy cũng chỉ có thể nói đại để như thử, còn có thể nói thế nào nữa? Chúng ta có thể nói ra điều chắc chắn ngàn vạn lần không? Không thể. Ngôn ngữ văn tự bản thân đã là chướng ngại, năng lực nhận thức của con người rất có hạn, biểu đạt càng có hạn, dù chúng ta có tài ăn nói đến đâu, nói ra đều là không thể nói hết lời. Nói đến đạo lý "đại để như thử", "khoảng chừng", hy vọng mọi người nhất định dành thời gian từ từ lĩnh hội, nếu không thì đối với Kinh Dịch cũng rất khó có sự hiểu biết sâu sắc.

> Tổ tiên chúng ta đem vạn tượng vũ trụ chia thành sáu mươi tư quẻ, tiếng Anh gọi là tình huống (Situational), đều là một đạo lý. Tổ tiên chúng ta đem mỗi một tình huống trong sáu mươi tư tình huống này lại chia thành sáu đoạn, mỗi đoạn lại chia thành ba giai đoạn, những điều này đều là sống động. Trong ba giai đoạn có thể thấy sáu hào (hình 124-3), hai hào trên cùng gọi là thiên đạo, hai hào dưới cùng gọi là địa đạo, hai hào ở giữa chúng ta gọi là nhân đạo. Điều chúng ta cần hiểu là, tất cả tất cả đều lấy con người làm gốc.

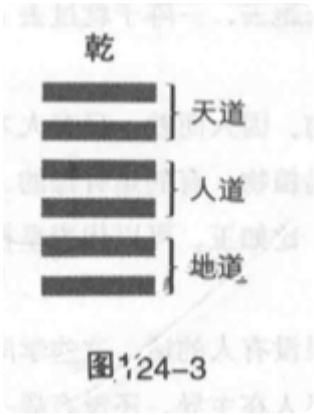


图 124-3

> Tư tưởng "lấy con người làm gốc" chứa đựng trong Kinh Dịch cổ xưa, ngày nay đã được người hiện đại phổ biến công nhận, và trở thành nội dung cốt lõi trong quản lý của xã hội hiện đại. Nhưng chúng ta nên truy tìm nguồn gốc, hỏi một câu, rốt cuộc thế nào gọi là "lấy con người làm gốc"?

Thế nào gọi là lấy con người làm gốc? Trong sáu hào của mỗi quẻ Kinh Dịch, ngoài thượng hào và sơ hào chúng ta rất khó thay đổi ra, bốn hào còn lại đều có thể thay đổi bởi ý chí của con người. Lấy công nghệ phát triển hiện nay của chúng ta làm ví dụ, con người ngồi máy bay lên trời, mới phát hiện phía trên còn có trời, điều này biểu thị trời cao nhất hiện nay vẫn chưa làm rõ được, đất sâu nhất chúng ta cũng chưa làm rõ được. Nhưng trời gần với môi trường sống của chúng ta, đất gần với chúng ta, gần như đều bị chúng ta khai thác, làm rõ hết rồi. Nếu lấy sáu hào của Kinh Dịch đối chiếu với môi trường hiện nay, cũng rất phù hợp.

Điều này chỉ ra rằng, tất cả học vấn đều phải do con người chủ đạo, phải đứng trên lập trường của con người để nghiên cứu học vấn. Đây cũng là điều mà phương Tây rất không tán thành, người phương Tây nói

tôi là vì học vấn mà học vấn, học vấn của tôi không liên quan gì đến con người, có ích hay không có ích cho con người không phải việc của tôi, tôi chỉ muốn tìm kiếm sự thật, chỉ xem chân lý là gì. Còn người Trung Quốc chúng ta thì không phải như vậy.

Có mấy câu mọi người có thể tham khảo, câu thứ nhất: "cát hung họa phúc, nhân nhân nhi hiển" (Điều tốt xấu họa phúc, do con người mà hiện ra). Nếu không có người, sẽ có cát hung họa phúc gì? Chính là vì có người, chúng ta mới cảm thấy cái này không tốt, cái kia tốt; xe không nên đâm vào nhau; người quá đông đúc, áp lực quá lớn, mọi người nên có khoảng cách thích hợp... đều là vì có người, mới có những vấn đề này.

Câu thứ hai: "thuận nghịch động tĩnh, nhân nhân nhi minh" (Thuận nghịch động tĩnh, do con người mà sáng rõ). Thế nào gọi là thuận? Nếu người đều không còn nữa, còn có gì là thuận nghịch? Bão cũng không gọi là bão, động đất cũng không có gì đáng kể. Tất cả những biến động này, đối với động vật mà nói, nhiều lắm là chạy qua chạy lại, một lúc là qua rồi, nếu không có người, cũng không có ý nghĩa gì.

Câu thứ ba: "động thực khoáng vật, nhân nhân nhi sai" (Động vật thực vật khoáng vật, do con người mà phân biệt). Chỉ có con người mới nhìn Đông nhìn Tây, nói đây là động vật, động vật còn phân loại; nói đây là thực vật, có loại có độc, có loại có thể ăn được; nói đây là khoáng vật, đây là thứ quý giá, ví dụ như ngọc, có thể đại diện cho quyền lực hoàng đế, còn có thể đại diện cho cái này cái kia, nói một đống đạo lý.

Những điều này đều chứng minh, nếu không có con người, những học vấn này cũng đều không còn. Ví dụ, cho đến bây giờ tất cả các bệnh viện, đều do con người chủ đạo, vẫn chưa có bệnh viện nào mà viện trưởng là một con chó hoặc một con mèo, bởi vì điều đó là không thể. Đã như vậy, thì dựa vào đâu mà phủ định địa vị chủ đạo của con người trong vũ trụ? Lấy con người làm gốc, thực sự là trí tuệ rất tốt mà Kinh Dịch cung cấp cho chúng ta.

Chương 125: Quẻ 56 - Hỏa Sơn Lữ : Đạo của Lữ khách

> Cuộc đời giống như một chuyến đi xa rời bỏ quê hương, một mình khám phá thế giới chưa biết. Trong cuộc sống thực tế, con người cũng khó tránh khỏi việc phải lên đường, đây chính là hoàn cảnh được thể hiện trong quẻ Lữ. Vậy người hiện đại nên đi du lịch như thế nào để có được thu hoạch? Dù là cuộc hành trình của đời người hay những chuyến đi trong cuộc sống, chúng ta có thể gặp những khó khăn gì? Quẻ Lữ đã đưa ra những cảnh báo quan trọng nào?

Chu Văn Vương năm xưa xếp quẻ Phong vào quẻ thứ 55, bởi con số 55 chính là tổng của thiên số và địa số, cũng chính là "thiên địa chi số" mà chúng ta thường nói, biểu thị sự phong phú, dồi dào, mọi nguồn lực đều có, và được lòng dân. Nhưng Trụ Vương khi thấy Chu Văn Vương thì luôn cảm thấy không thoải mái, tìm mọi cách để kiềm chế ông, thậm chí muốn giết ông, nên đã tìm cớ mời Chu Văn Vương đến. Khi Chu Văn Vương rời khỏi lãnh thổ của mình, ông trở thành một lữ khách, tức người sống tha hương. Tâm trạng và những trải nghiệm của ông lúc đó đều được thể hiện trong quẻ Lữ - quẻ thứ 56 của Kinh Dịch.

Quẻ Phong và quẻ Lữ liên tiếp nhau (Hình 125-1), là một ví dụ rất rõ về nguyên lý "vật cực tất phản" trong Kinh Dịch, vì vậy chúng ta nên nghiên cứu kỹ hai quẻ này cùng nhau.

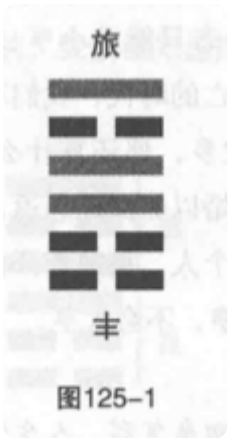


图125-1

Một quẻ Lữ có thể đại diện cho cả cuộc đời con người, bởi vì con người vốn đến trái đất như những lữ khách, chúng ta không phải chủ nhân của nó. Nếu một người hiểu được tâm trạng của "lữ khách", sẽ biết cách sống trọn vẹn cuộc đời. Nhìn từ nghĩa đen, quẻ Lữ chỉ dạy chúng ta cách ứng xử khi ra ngoài du lịch, hoặc khi phải lưu vong, hoặc đi làm ăn buôn bán, hoặc vì nhiều lý do khác phải xa quê. Nhưng nếu hiểu sâu hơn, đó chính là cách một người đến trái đất làm khách trong vài chục năm, nên sống như thế nào để an thân lập nghiệp.

Tạp Quái Truyện đã đối chiếu quẻ Phong với quẻ Lữ: "Phong, đa cố dã. Lữ, thân phản dã." (Phong là có nhiều bạn cũ. Lữ là thân thuộc xa lánh).

Thế nào là Phong? Đó là khi một người bỗng nhiên được bạn bè, người thân đến thăm, và đều là những người bạn cũ, lúc đó họ biết mình đang thịnh vượng. Nhưng khi người thân bạn bè không còn lui tới, gọi điện cũng không nghe máy, người đó đã trở thành lữ khách. Lữ khách ở đây thực ra là tình cảnh rất nghiêm trọng, tức là gia đình tan nát, không còn ai quan tâm nữa.

Tự Quái Truyện nói với chúng ta: "Khí đại giả tất thất kỳ cư, cố thụ chi dĩ lữ" (Người có địa vị cao ắt sẽ mất chỗ ở, nên tiếp theo là quẻ Lữ).

Một người Phong phú đến vô cùng, chúng ta biết không thể duy trì mãi được, vì người khác sẽ nhìn không vừa mắt, tìm mọi cách kéo họ xuống. "Tất thất kỳ cư", có thể cuối cùng đến cả nhà cũng không giữ được. "Cố thụ chi dĩ lữ", cho nên sau quẻ Phong là quẻ Lữ. Hào sơ lục của quẻ Lữ chính là hào thượng lục của quẻ Phong, bởi vì khi đạt đến cực thịnh, sẽ bắt đầu chuyển sang quẻ Lữ. Còn kết quả của quẻ Lữ ra sao, phải xem tâm thái của mỗi người như thế nào.

Chúng ta hãy xem thoán từ của quẻ Lữ (Hình 125-2): "Lữ, tiểu hanh, lữ trinh cát"

(Lữ, hanh thông nhỏ, giữ chính đạo thì tốt).



图125-2

Ở trong quẻ Lữ, tâm thái của một người chỉ có thể cầu "tiểu hanh", cầu tạm an, không thể cầu đại an, cầu trường an. Tại sao? Giả sử trong thời đại quốc phá gia vong, chúng ta buộc phải chạy nạn ra ngoài, nhưng nếu cứ thế bỏ đi luôn, không bao giờ quay về quê hương, vậy còn là người gì nữa? Năm xưa Lưu Bị đồng ý kết thông gia với Tôn Quyền, cưới em gái Tôn Quyền, kết quả sau khi cưới xong thì lưu luyến quên về, quên sạch Kinh Châu, chúng ta đánh giá ông ấy thế nào? Giống như một người bị buộc phải rời khỏi đất nước của mình, kết quả hoàn toàn đánh mất ý chí phục quốc. Do đó, chỉ có thể tiểu hanh, không thể đại hanh.

Là một lữ khách ở xứ người, mới đến nơi lạ, không quen biết ai, chỉ có sống hòa hợp với dân địa phương mới có thể hòa nhập suôn sẻ vào xã hội nơi đó. Vậy làm sao để được dân địa phương chấp nhận? Quẻ Lữ sẽ cho chúng ta những gợi ý gì?

Thoán truyện của quẻ Lữ nói rất rõ: "Lữ, tiểu hanh. Nhu đắc trung hồ ngoại, nhi thuận hồ cương, chỉ nhi lệ hồ minh, thị dĩ tiểu hanh, lữ trinh cát dã. Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai!"

"Lữ" là tên quẻ. "Tiểu hanh" là phải có điều kiện, không phải ai ra ngoài du lịch cũng đều được tiểu hanh. Ở đây có hai điều kiện:

Thứ nhất, "nhu đắc trung hồ ngoại, nhi thuận hồ cương". Hào lục ngũ của quẻ Lữ ở vị trí giữa của quẻ Ly phía trên, và rất nhu thuận. Phía trên có hào thượng cửu, phía dưới có hào cửu tứ, một hào âm nằm giữa hai hào dương, cuộc sống của nó có dễ dàng không? Tất nhiên là không dễ, động một tí là gặp họa, đây chính là trạng thái của lữ khách. Nhưng hào lục ngũ lại xử tốt với cả hào thượng cửu và hào cửu tứ, đây gọi là "thuận hồ cương". Điều này dạy chúng ta, một người đi xa, muốn sống tốt với dân địa phương, thì đừng chê cái này chê cái kia, đừng có những đòi hỏi quá đáng, nhìn đâu cũng thấy không vừa ý. Đừng đi đâu cũng thấy khó chịu, phải biết nhu thuận, mới có thể nhận được sự ủng hộ từ bên ngoài, mới có thể tiểu hanh.

Thứ hai, "chỉ nhi lệ hồ minh". "Chỉ" nghĩa là phải biết giữ phận. Biết mình là khách, khi chưa rõ tình hình địa phương, như phong tục tập quán, nhân vật thế lực, tốt nhất là nên an phận thủ thường, làm việc gì cũng phải biết điểm dừng. Nội quái của quẻ Lữ là quẻ Cấn (Hình 125-3), nhắc nhở chúng ta phải biết dừng lại. Dù sao xa quê hương, ở nơi đất khách quê người không tiện bằng ở nhà. Ngoại quái của quẻ Lữ là quẻ Ly (Hình 125-3), nên phải "lệ hồ minh", tức là nếu muốn hỏi han việc địa phương, nhất định phải tìm đúng người, nếu không rất dễ bị lừa.



图125–3

Trong toàn bộ quẻ Lữ, sơ lục, cửu tứ, lục ngũ, thượng cửu đều bất chính, nghĩa là hai phần ba số hào bất chính, chúng ta có thể thấy điều này đáng thương như thế nào.

"Lữ trinh cát dã", nếu giữ được chính đạo, làm theo hai nguyên tắc trên thì vẫn có thể cát tường. Tất nhiên, tình hình bây giờ hơi khác. Ngày nay chúng ta đều rất mong đợi được đi du lịch, và quá trình cũng rất vui vẻ. Nhưng nếu suy nghĩ kỹ, thực ra bên trong ẩn chứa nhiều nguy cơ, ví dụ trên đường có thể gặp tai nạn xe

cộ, gặp động đất, sóng thần, cho nên nhiều việc nhìn bề ngoài tưởng là tốt đẹp, nhưng suy nghĩ sâu xa thì thường có quá nhiều vấn đề, đặc biệt là trong quẻ Lữ.

Thoán truyện đặc biệt nhắc nhở chúng ta: "Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai!" Trong thời đại của lữ khách, phải nhớ rằng chúng ta có thể rèn luyện tài trí của mình từ việc du lịch, học được nhiều điều, như vậy mới gọi là đi một ngày đàng học một tràng khôn.

> Người xưa đặt "đi một ngày đàng" và "học một tràng khôn" ngang hàng nhau, điều này cho thấy du lịch có thể tích lũy kiến thức, tăng trưởng kiến văn. Tuy nhiên, trong khi có được thu hoạch từ chuyến đi, người ta cũng sẽ gặp một số khó khăn. Vậy quẻ Lữ sẽ nhắc nhở chúng ta phải chú ý những tình huống nguy hiểm nào?

Đừng quên rằng, quẻ Lữ cũng có thể phá hủy ý chí của một người, tại sao? Đất nước tan vỡ, gia đình ly tán, trước đây vốn có nguồn lực dồi dào, nay cái gì cũng thiếu thốn, nếu một người đang giữ địa vị quan trọng trong quốc gia, thì khoảng cách tâm lý càng lớn. Lúc này, chỉ cầu được sống tạm bợ, giữ được mạng sống, đó chính là đánh mất ý chí. Vì vậy, làm sao đối mặt với thời đại của lữ khách, làm sao ứng phó với hoàn cảnh lữ thứ, ý nghĩa rất sâu xa.

Hiện nay nhiều người đi du lịch quan sát nước ngoài, đều chọn mùa thích hợp nhất, đến những nơi đẹp nhất của người ta. Người ta thu tiền của chúng ta, đều cung cấp dịch vụ rất tốt, nên nhiều người cảm thấy nước ngoài tốt hơn, về nhà nhìn cái gì cũng thấy không vừa ý. Như vậy chẳng phải tự chuốc lấy phiền phức sao?

Nếu chúng ta so sánh việc lữ thứ thời xưa với du lịch hiện đại, rất dễ nhận thấy, nội dung của quẻ Lữ hiện đại phong phú hơn, rộng rãi hơn, gần như cái gì cũng liên quan đến nó. Vì vậy, câu "Lữ chi thời nghĩa đại hỹ tai" (Ý nghĩa của thời Lữ thật lớn lao thay) này, trong thời nay càng đáng để chúng ta thảo luận kỹ.

> Ngoại quái của quẻ Lữ là quẻ Ly, đại diện cho lửa, nội quái là quẻ Cấn, đại diện cho núi, như Đại Tượng Truyện nói "Sơn thượng hữu hỏa" (Trên núi có lửa). Vậy chúng ta nên hiểu ý nghĩa của quẻ Lữ từ quẻ tượng như thế nào? Hiện tượng tự nhiên "trên núi có lửa" này cho người quản lý những gợi ý gì?

Đại Tượng Truyện của quẻ Lữ nói: "Sơn thượng hữu hỏa, lữ. Quân tử dĩ minh thận dụng hình, nhi bất lưu ngục"

(Trên núi có lửa, là Lữ. Người quân tử do đó mà sáng suốt cẩn thận trong việc dùng hình phạt, và không để tù nhân bị giam giữ lâu).

Tại sao trên núi lại có lửa? Rất đơn giản, một người lên núi cắm trại, đến tối thì đốt lửa lên, kết quả cỏ cây trên núi đều bắt lửa. Thế là hỏng việc. Thứ nhất, người không chạy thoát được; thứ hai, lửa sẽ lan rộng. Tất

nhiên, bản thân lửa rất tốt, vừa có thể chiếu sáng, vừa có thể sưởi ấm. Nhưng khi xảy ra hỏa hoạn, nó cũng có thể thiêu chết người. Người quân tử thấy cảnh tượng này, trong lòng rất hiểu rõ, phải "minh thận dụng hình, nhi bất lưu ngục" (sáng suốt cẩn thận trong việc dùng hình phạt, và không để tù nhân bị giam giữ lâu).

Nói thật, khi trị lý một quốc gia, lãnh đạo một tập thể, không thể không có uy nghiêm, nếu không ai cũng không nghe quản giáo. Nhưng nếu quá tàn bạo, quá khắc nghiệt, ai cũng không chịu nổi, người ta sớm muộn sẽ bỏ chạy hết, vì vậy phải “minh thận dụng hình”. Hình phạt là cần thiết, nhưng phải đặc biệt cẩn thận, không được sai sót, vì vậy, bốn chữ phía dưới đặc biệt quan trọng: “nhi bất lưu ngục”.

"Nhi bất lưu ngục" là gì? Không phải là không giam phạm nhân trong ngục, mà là thận trọng xét xử án, không tạo ra oan ngục. Chữ "lưu" rất quan trọng. Nếu một vụ án cứ kéo dài năm này qua năm khác mà không đưa ra phán quyết, đến khi người đó bị giam chết trong ngục, đó mới gọi là oan uổng. Điều này còn tệ hơn cả việc kết án, còn tàn nhẫn hơn. Vì vậy, trước khi dùng hình phạt, người quân tử nhất định phải thận trọng xem xét, nếu không sẽ tạo ra oan ngục. Cho nên, "bất lưu ngục" ở đây có ý nghĩa sâu sắc.

Lập pháp phải dựa vào lương tâm, tư pháp phải dựa vào lương tâm, thực thi pháp luật cũng phải dựa vào lương tâm. Nếu giam một người trong ngục, không xét xử vụ án của họ cho đến khi họ chết đi, điều này còn đáng sợ hơn cả việc tạo ra oan ngục, tại sao? Bởi vì rất khó sửa chữa. Tình trạng này dù đối với chính phủ hay đối với dân chúng đều là tai hại lớn. Chu Văn Vương từ năm sáu ngàn năm trước đã chỉ ra cho chúng ta cái tệ hại này, có thể thấy Kinh Dịch thức thời và tiến bộ, bất kể nhân loại phát triển đến mức nào, đạo lý của nó vẫn luôn áp dụng được.

> Quẻ Lữ nằm sau quẻ Phong, tượng trưng cho quá trình sự vật đạt đến đỉnh cao rồi dần dần đi xuống suy tàn, có ý nghĩa cực thịnh tất suy, vật cực tất phản. Tư Mã Quang từng nói: "Do kiệm nhập xa dị, do xa nhập kiệm nan" (Từ tiết kiệm đến xa xỉ dễ, từ xa xỉ về tiết kiệm khó). Khi cuộc đời từ đỉnh cao rơi xuống vực sâu, chúng ta nên giữ tâm thái như thế nào?

Lữ là gì? Chính là hậu quả không tốt của Phong. Khi một người đang ở giai đoạn Phong, nếu có thể nhớ đến những phiền toái khi làm lữ khách, nhiều việc sẽ biết dừng đúng lúc. Cố gắng giảm thiểu đến mức thấp nhất những khổ đau có thể gặp phải trong tương lai khi gặp cảnh lữ thứ, để khi lâm vào cảnh Lữ vẫn có thể giữ lòng đầy hy vọng, tin tưởng rằng một ngày nào đó sẽ khôi phục lại vinh cảnh năm xưa, tâm thái như vậy là rất tốt.

Ví dụ như nhiều Hoa kiều, đặc biệt là những Hoa kiều thời trước, nếu lúc đó họ có thể an cư lạc nghiệp trong nước, cần gì phải lưu lạc đi nước ngoài làm gì? Họ đều là bất đắc dĩ, vì sinh kế mới phải ra nước ngoài làm việc. Nhưng họ không đánh mất ý chí, rất cần kiệm, và tự giữ mình làm người đàng hoàng, cuối cùng sau khi phấn đấu hầu hết cuộc đời, cuối cùng có được thành quả dồi dào, họ trở về quê hương, đây gọi là lá rụng về cội, vinh quy cố hương, cuộc lữ thứ như vậy mới có ý nghĩa. Vì vậy, điểm cuối của Lữ chính là Phong, điểm cuối của Phong tất nhiên là Lữ. Đã như vậy, chúng ta cần gì phải bận tâm quá nhiều?

> Trong cuộc sống hiện đại, du lịch ngày càng được mọi người yêu thích, nó không chỉ có thể làm phong phú trải nghiệm của bản thân, mà còn có thể thư giãn tâm trí, giúp người ta cảm nhận được cái đẹp của cuộc sống. Vậy chúng ta nên chú ý những gì khi đi du lịch?

Người hiện đại xem du lịch như một thú vui, tốt hay không? Cũng tốt, cũng không tốt, phải xem cách du lịch như thế nào. Nhiều người mang theo bộ mạt chược, đi đâu cũng ngồi xuống đánh bài. Thật là kỳ lạ, ở nhà đánh còn hơn, cần gì phải chạy xa như vậy? Lại có người thích nghe hướng dẫn viên nói lung tung, cảm thấy rất thú vị. Thử nghĩ xem, nhiều du khách thích nghe nhất là những câu chuyện như sờ cái này sẽ phát tài, sờ cái kia sẽ may mắn, thực ra đều là những chuyện vô bổ, nhưng người tin lại rất nhiều. Tất nhiên, hướng dẫn viên cũng có nỗi khổ của họ, khi họ nghiêm túc giảng về lịch sử, mọi người đều không thích nghe, ngược lại khi nói lung tung không đâu vào đâu thì mọi người lại nghe rất say sưa, đây cũng là sự thật. Vì vậy, không thể trách một phía, đó là kết quả tương tác của cả hai bên.

Chúng ta không hiểu bản thân, cũng không hiểu thế nào là Lữ thứ, đây là một mặt rất kỳ lạ của người hiện đại. Chúng ta nên biết du lịch là để làm gì. Du lịch giúp chúng ta biết rằng còn có trời cao hơn trời, giúp chúng ta biết mỗi nơi có môi trường sinh thái, phong tục tập quán khác nhau, cần phải tôn trọng lẫn nhau, không chỉ tôn trọng người khác, mà còn phải tôn trọng chính mình.

Chúng ta càng nên thấu hiểu chủ trương của Lão Tử. Lão Tử đề xuất hai chữ, gọi là "tự tân", nghĩa là tự coi mình là khách. Điều này tốt hơn tự do rất nhiều. Một người đi nước ngoài là có tự do sao? Là có thể tùy tâm sở dục sao? Tất nhiên là không. Vì vậy, chúng ta không thể có tự do vô hạn, nhưng "tự tân", nó có cái lợi của tự do mà không có cái hại của tự do.

Thử nghĩ xem, nếu bạn là khách đến một nơi nào đó, tất nhiên có thể tự do xem xét, nhưng phải được chủ nhân đồng ý, không thể tự mình muốn làm gì thì làm, bởi vì bạn dù sao cũng không phải là chủ nhân nơi đây. Đã là khách thì mọi thứ nên nhường nhịn một chút, đừng quá kén chọn, dù không đồng ý với nhiều thứ ở địa phương, cũng nên dùng thái độ thưởng thức để đối đãi.

Tôi thường nghe nhiều hướng dẫn viên nói, phàm là người đến đây du lịch, nếu chê chỗ này không đúng, chỗ kia không đúng, trong lòng tôi đều thấy buồn cười, không biết họ đến đây là để du lịch quan sát, hay là đến để làm khó chúng tôi, đã không vừa ý thì đừng đến là xong. Đây là tâm tư của họ. Nếu đến một quốc gia phát triển hơn nước ta, chúng ta tất nhiên được lợi nhiều, vì có nhiều thứ trong nước không thấy được, ở đó thấy được, thì chúng ta nên tâm hoài cảm tạ, nhưng cũng không nên về nước rồi khinh miệt người trong nước, khen ngợi lung tung. Ví dụ có người từ Ý về, liền ca ngợi bên đó tốt đẹp thế nào, trong nước tệ thế nào. Những người như vậy có nghĩ đến cảm xúc của người nghe không? Bạn ở luôn bên đó là xong, sao còn phải về làm gì? Đây chính là không biết thế nào là Lữ.

Bây giờ chúng ta nên rất rõ, dù là Lữ thứ, dài hạn hay ngắn hạn; dù là đi xa hay ở gần; dù là rất vất vả chạy nạn, hay là rất vui vẻ đi chơi, thậm chí là đoạn tuyệt với đất nước mình, di cư ra nước ngoài, chúng ta đều phải chú ý một số nguyên tắc. Tất nhiên chúng ta vẫn theo thói quen của người Trung Quốc, cũng là điều Kinh Dịch đã nói, tức là "vô tam bất thành lễ" (không có ba thì không thành lễ), đưa ra ba yếu lĩnh, và ba yếu lĩnh này đều phân bố trong hào từ.

Quẻ Lữ, thoán từ rất đẹp, du lịch, tham quan, chu du thế giới, tất nhiên rất vui vẻ, nhưng mỗi một hào đều cho chúng ta cảnh báo cao độ. Quẻ Lữ có sáu hào, có bốn hào bất chính, và chỉ có sơ lục với cửu tứ tương ứng, các hào khác từng đôi một không tương ứng. Sao lại có quẻ như vậy? Thất thời, thất vị, thất nhân, cái gì cũng không có. Tiếp theo, chúng ta sẽ tiếp tục nói về: Những điều cốt yếu khi lưu trú xa nhà.

Chương 126: Những điều cốt yếu khi lưu trú xa nhà

> Đối với những người đơn thân phiêu bạt nơi xa xứ, làm thế nào để thích nghi với môi trường lạ lẫm và bén rễ nơi đó là một vấn đề rất thực tế. Quẻ Lữ trong Kinh Dịch cho chúng ta biết, trên con đường mưu sinh nơi đất khách quê người, chỉ cần sơ sẩy một chút là có thể gặp thất bại và bất hạnh. Vậy quẻ Lữ sẽ chỉ cho chúng ta những nguyên tắc nào để tránh tai họa? Trước những hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm, chúng ta nên điều chỉnh bản thân thế nào để vượt qua khó khăn một cách thuận lợi?

Quẻ Lữ có sáu hào, gồm ba hào âm và ba hào dương. Ba hào âm có thể hiểu như một người đi theo người khác để du lịch; còn ba hào dương là tự mình đi du lịch. Một bên là đi theo người khác, một bên là tự quyết định, tất nhiên đây không phải là sự phân chia cứng nhắc. Bởi vì Sơ Lục không thể tự túc được: Thứ nhất, nó bất chính; Thứ hai, nó ở vị trí thấp nhất trong quẻ Lữ. Rõ ràng là, dù Sơ Lục tự mình đi xông pha hay đi trốn tránh, đều không thể làm được.

Do đó, hào từ của Sơ Lục (Hình 126-1) nói thẳng: "Lữ tố tố, tư kỳ sở thủ tai"

(Ở đậu mà tư cách nhỏ nhen, tẳn mẳn tức là tự chuốc lấy hoạ.)

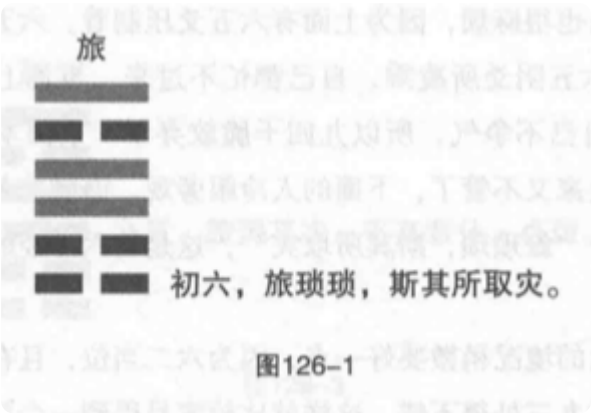


图126-1

"Lữ tố tố", trong chuyến đi có rất nhiều việc vụn vặt phải tự mình xử lý. "Kỳ sở thủ tai" nghĩa là tự mình gây ra phiền phức. Trước đây mọi việc đều được người khác giúp đỡ làm tốt, tại sao bây giờ phải tự mình làm? Phải biết rằng, có khi tự mình làm còn chưa chắc đạt được kết quả tốt. Tất cả đều là tự mình gây ra, tự làm tự chịu.

Một người trẻ, vừa mới tốt nghiệp đại học bước vào xã hội, có làm được ngay việc lớn không? Chỉ có thể bắt đầu từ những việc vụn vặt. Nếu học lực kém hơn nữa, chỉ có thể đi làm công. Nhưng tuyệt đối đừng vì hoàn cảnh trước mắt mà chán nản, nghĩ rằng đời mình không có tương lai.

Tiểu tượng nói rõ nhất: "Lữ tố tố, chí cùng tai dã".

Điều này đưa ra một cảnh báo cho chúng ta, thấy "lữ tố tố" thì nên nâng cao cảnh giác, đừng vì thế mà mất chí. Chỉ có giữ được niềm tin và chí khí phấn đấu mới có ngày vươn lên, nếu không chỉ có thể suốt đời "lữ tố tố". "Chí cùng tai dã", nghĩa đen là đường cùng lối cụt, mất đi ý chí mà gây ra tai họa; ý sâu xa hơn là nhắc nhở chúng ta phải tìm cách thay đổi hoàn cảnh trước mắt.

Trong cả quẻ, Sơ Lục là hào duy nhất có hào tương ứng, đó là hào Cửu Tứ. Đã là Sơ Lục và Cửu Tứ tương ứng, Cửu Tứ lẽ ra phải kéo nó một tay, nhưng tại sao bây giờ Cửu Tứ cũng không giúp? Nguyên nhân rất đơn giản, Cửu Tứ cũng gặp rắc rối vì bị hào Lục Ngũ ở trên áp chế. Lục Ngũ ở trên Cửu Tứ, tức hào âm Lục Ngũ lấn át hào dương Cửu Tứ, bản thân đã bận không xuể, thêm nữa dù muốn giúp Sơ Lục nhưng Sơ Lục không có chí tiến thủ, nên Cửu Tứ đã từ bỏ luôn. Ở trên vốn có người có thể giúp đỡ, nhưng giờ người ta không quan tâm nữa, người dưới thì đứng nhìn lạnh lùng, chế giễu châm chọc. Nhưng Sơ Lục phải đối mặt với thực tế, "lữ tố tố, tư kỳ sở thủ tai", đây là quá trình Sơ Lục phải trải qua, không thể oán trời trách người.

> Quẻ Lữ cho chúng ta biết, những người lữ khách vì sinh tồn mà đi khắp nơi, do không quen biết ai nên thường gặp nhiều khó khăn, thậm chí rơi vào cảnh đói không có cái ăn, lạnh không có cái mặc. Vậy khi người lữ khách nỗ lực vượt qua cảnh ngộ của hào Sơ Lục, tiến vào hào Lục Nhị, cần chú ý điều gì?

Lục Nhị có hoàn cảnh khá hơn Sơ Lục một chút, vì Lục Nhị đắc chính, lại ở hào giữa của nội quái Cấn, đắc trung, đồng thời còn có quan hệ tốt với Cửu Tam ở trên, nhờ vậy dễ nhận được năng lượng giúp đỡ.

Chúng ta hãy xem hào từ của Lục Nhị (Hình 126-2): "Lữ tức thứ, hoài kỳ tư, đắc đồng bộc, trinh"
(Ở đất khách, được chỗ trọn an lành, giữ được tiền bạc, lại có đầy tớ tín cẩn.)

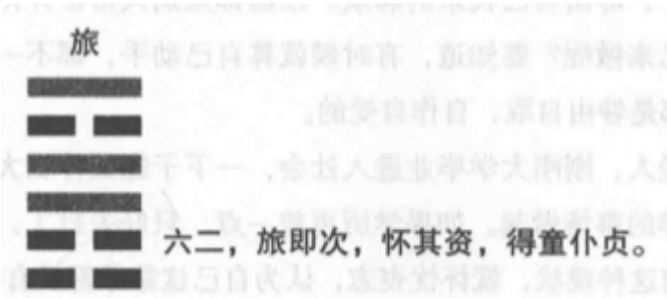


图126–2

"Lữ tức thứ", "lữ" ở đây có ý nghĩa hơi giống lang thang; "tức" là được; "thứ" là nơi ở. Trong chuyến đi, có được một nơi để ở, dù là khách sạn hay phòng khách nhà người ta, dù sao cũng tạm thời có chỗ nương thân. "Hoài kỳ tư" là được người khác cho một số vật tư sinh hoạt. "Đắc đồng bộc trinh" là còn được sắp xếp hai đứa giúp việc. Điều này thật tốt, vì như vậy, Lục Nhị có thể thoát khỏi sự ràng buộc của "lữ tố tố", và có người giúp đỡ làm những việc nhỏ. Tuy lúc này, bản thân chưa thực sự ổn định, nhưng ít ra cũng có thể làm được một số việc.

Khi người lữ khách vất vả mới ổn định được ở địa phương, có người không thỏa mãn với hiện tại, nên được đằng chân lân đằng đầu, muốn có được nhiều tài nguyên hơn. Vậy, hành vi này sẽ dẫn đến hậu quả gì?

Tiếp theo xem Cửu Tam, hào từ (Hình 126-3) là: "Lữ phần kỳ thứ, táng kỳ đồng bộc, trinh lệ"

(Ở đất khách, mà chỗ trọ cháy, mất đầy tớ, dù chính đáng cũng nguy.)

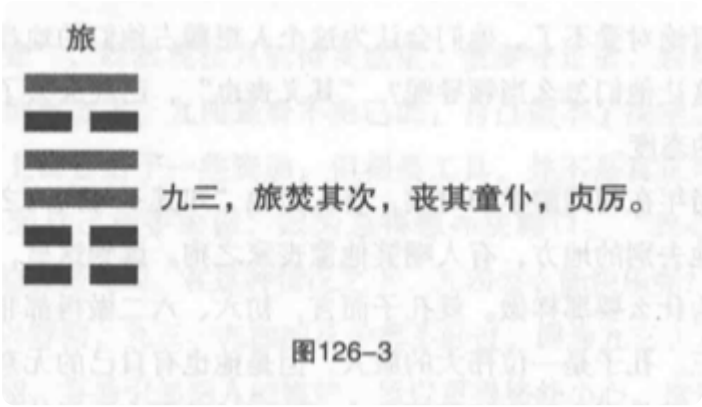


图126-3

"Lữ phần kỳ thứ" nghĩa là trong chuyến đi, nơi ở bị thiêu rụi. "Táng kỳ đồng bộc" là những người giúp việc cũng bỏ chạy hết. "Trinh lệ" là lúc này dù đi đúng đường cũng nguy hiểm. Tại sao? Vì đã đắc tội với chủ nhân rồi.

Mở rộng ý nghĩa của hào này, chúng ta có thể hiểu rõ hơn. Nhiều Hoa kiều đến các nước khác, từ Sơ Lục "lữ tố tố" bắt đầu, dần dần đến Lục Nhị "lữ tức thứ, hoài kỳ tư", rồi "đắc đồng bộc trinh". Đến hào Cửu Tam, họ bắt đầu ngẩng cao đầu. Câu nói chúng ta thường nghe nhất là: phải tham gia chính trị địa phương, vì chính trị mới chi phối được tất cả. Nếu bạn là Hoa kiều, ở Mỹ đã nhiều đời, cơ nghiệp lớn mạnh, rồi ra tranh cử chức thị trưởng New York, làm vậy có tốt không? Ít nhất tôi rất không tán thành, vì chính trị là việc của người bản địa.

Ở nhiều nơi, Hoa Kiều của chúng ta làm rất thành công: họ chỉ kinh doanh công ty, chỉ cầu sống hòa thuận với mọi người ở địa phương, tuyệt đối không can thiệp vào chính trị. Họ rất giữ phận, vừa thể hiện sự tôn trọng đối với người bản địa, vừa thể hiện không có ý định tranh giành với người bản địa. Tại sao vậy? Bởi vì Cửu Tam vẫn ở trong quẻ Cấn, cần biết đủ và dừng lại đúng lúc. Nhưng Cửu Tam vừa đắc chính, lại ở đỉnh của quẻ Cấn, những người như vậy không thỏa mãn với hiện trạng, nên bắt đầu tham gia chính trị, cho rằng chỉ có như vậy mới có thể thực hiện lý tưởng của mình. Kết quả cuối cùng, nhà cửa bị đốt, người theo mình đều chạy hết, thật sự rất nguy hiểm.

Tiểu tượng nói rất rõ: "Lữ phần kỳ thứ, diệc dĩ thương hĩ. Dĩ lữ dữ hạ, kỳ nghĩa tang dã".

Lý do khiến tất cả mọi thứ đều mất hết trong chớp mắt, là vì đã quá đáng. "Diệc dĩ thương hĩ" là việc rất đau buồn, muốn cứu vãn cũng không được, ai bảo lúc đó không biết dừng đúng lúc? Ai bảo cứ nghe những lời nịnh hót của người khác, đẩy mình lên cao, rồi họ bỏ chạy hết, chỉ còn mình trơ trọi lơ lửng giữa không trung? "Dĩ lữ dữ hạ", nếu một người sống ở xứ người, lại âm thầm tranh thủ lòng dân, chính quyền địa phương tuyệt đối không chịu nổi. Họ sẽ nghĩ người này muốn chiếm địa bàn của họ, lôi kéo nhân tâm của họ, làm sao họ có thể lãnh đạo được? "Kỳ nghĩa tang dã" là đã mất đi thái độ mà một lữ khách nên có.

Khi xưa Khổng Tử chu du các nước, có người cười ông "biết không làm được mà vẫn làm", có người ghét ông, bảo ông đi nơi khác, có người chế giễu ông như chó nhà có tang. Đọc đến đây, chúng ta nên hiểu tại sao Khổng Tử phải làm như vậy. Đối với Khổng Tử, Sơ Lục, Lục Nhị làm đều rất tốt, nhưng không thể giữ được đến Cửu Tam. Khổng Tử là một lữ khách vĩ đại, nhưng ông cũng có nỗi bất đắc dĩ của mình. Lý do ông bị đoạn lương ở nước Trần, là vì nước Sở muốn mời ông đến, nước Trần sợ nước Sở dưới sự giúp đỡ của Khổng Tử, một khi trở nên hùng mạnh, nước mình sẽ xui xẻo, nên thà sớm trừ khử ông còn hơn. Đây chính là "lữ phần kỳ thứ" của hào Cửu Tam. Chúng ta nhiều lần khuyên mọi người, đọc Kinh Dịch phải đứng cao hơn một chút, nghĩ xa hơn một chút, như vậy mới có thể nhìn thấy rõ ràng hơn.

> Câu chuyện Khổng Tử bị đoạn lương ở nước Trần cho chúng ta biết, một lữ khách có tài năng, chỉ cần hơi bất lợi cho dân địa phương, là có thể rơi vào cảnh không nơi nương tựa, đói không có cái ăn. Khi người ta vất vả vượt qua ba hào đầu, đến hào Cửu Tứ, tình hình có khá hơn không? Chúng ta nên đối mặt với hoàn cảnh của hào Cửu Tứ như thế nào?

Hào Cửu Tứ đại diện cho những người có tài năng, có khả năng, nhưng bị lãnh đạo kỳ thị, bị đày đi nơi khác. Cửu Tứ ở dưới Lục Ngũ, cuộc sống không dễ dàng. Vì vậy, đi đến đâu, họ đều biết đó chỉ là nơi tạm trú. Bởi vì cấp trên có thể thay đổi ý định bất cứ lúc nào, lại điều họ đi nơi khác.

Hào từ của Cửu Tứ (Hình 126-4) nói: "Lữ vu xử, đắc kỳ tư phủ, ngã tâm bất khoái"

(tới đất khách, được chỗ ở tạm, có tiền của và đồ hộ thân (tượng trưng bằng cái búa), nhưng trong lòng không vui.)

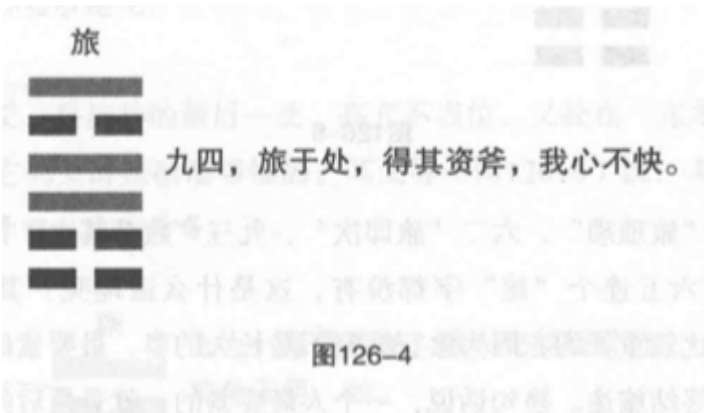


图126–4

"Lữ vu xử", đã phải ở lại nơi này thì phải giữ đạo chính, nếu không có thể lập tức bị đày đi nơi khác. Cửu Tứ là thân bất do kỷ, không thể tự quyết định. "Đắc kỳ tư phủ", tuy cấp trên sẽ cho một số trợ cấp, nhưng đều là công cụ, không phải tài nguyên thực sự có thể sử dụng. Cửu Tứ phải tự mình làm việc, vì dù sao cũng phải kiếm sống. "Ngã tâm bất khoái", "ngã" chỉ Cửu Tứ. Trong hoàn cảnh như vậy, làm sao Cửu Tứ có thể vui vẻ được?

Chúng ta có thể thấy, Cửu Tam, Cửu Tứ đều sống không vui. Bởi vì Cửu Tam, Cửu Tứ đều có tài năng đảm đương một phương, dễ gây ra sự ghen ghét của người khác, nên càng phải đặc biệt cẩn thận. Điều này cho chúng ta biết, khi một người còn nhỏ, ở hào Sơ Lục, Lục Nhị, có sai lầm gì người khác dễ thông cảm, vì người lớn không tính toán với trẻ con. Nhưng đến Cửu Tam, Cửu Tứ, là đã trưởng thành, chỉ cần sai một chút, có thể mất việc, thậm chí nơi ở cũng bị đốt. Thật thê thảm.

> Hào thứ tư của quẻ Lữ cho chúng ta biết, trong chuyến đi, một người có tài năng, dù ở địa vị cao, cũng không thể tùy tâm sở dục, chỉ có kiên trì giữ đạo chính, giữ đúng bổn phận, mới có thể vượt qua giai đoạn nguy hiểm này một cách thuận lợi. Tuy nhiên, cuộc sống vất vả này, đến giai đoạn hào Lục Ngũ của quẻ Lữ, có thay đổi gì không?

Hào từ của Lục Ngũ (Hình 126-5) là: "Xạ trĩ nhất hĩ vong, chung dĩ dự mệnh"

(Bắn con trĩ, mất một mũi tên, sau được khen và phúc lộc (hoặc chức vị: mệnh).

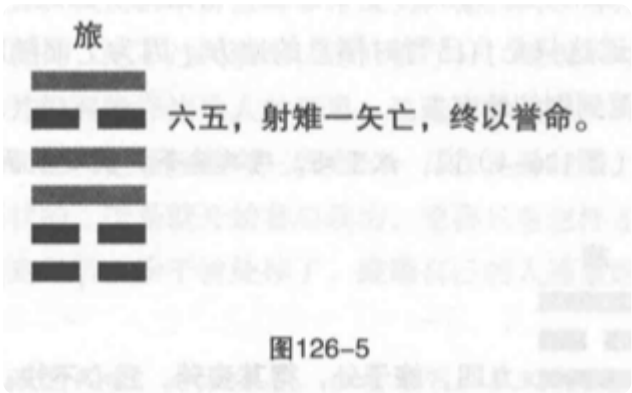


图126-5

Sơ Lục là "lữ tố tố", Lục Nhị "lữ tức thứ", Cửu Tam "lữ phần kỳ thứ", Cửu Tứ "lữ ư xứ", nhưng Lục Ngũ thậm chí không có chữ "lữ", đây là đạo lý gì? Thực ra, không có chữ "lữ" mới là điều quan trọng hơn, bởi vì du lịch rốt cuộc không phải là việc lâu dài, quan trọng nhất là có thể rời đi thuận lợi, kết thúc chuyến đi. Nói cách khác, điều quan trọng nhất với một người là cuối cùng có thể chết một cách an lòng. Đây là điều gợi ý lớn nhất mà hào Lục Ngũ của quẻ Lữ đem lại cho chúng ta. Khi một người phấn đấu đến Lục Ngũ, tuy trên có Thượng Cửu áp chế, dưới lại có hào dương Cửu Tứ, thực sự rất vất vả, nhưng cuối cùng vẫn sẽ được vinh dự xứng đáng.

Tiểu tượng giải thích rất rõ: "Chung dĩ dự mệnh, thượng đãi dã".

"Đãi" có nghĩa là thân cận. Vậy "thượng đãi" có phải là nịnh bợ Thượng Cửu không? Không phải, thực ra ở đây thiếu một chữ, nên gọi là "thượng hạ đãi dã". Lục Ngũ không chỉ có quan hệ tốt với hào Thượng Cửu, mà còn có quan hệ tốt với hào Cửu Tứ. Hai bên đều quan hệ tốt, vì Lục Ngũ là hào âm nhu, nếu bị hai hào dương cương ở trên dưới kẹp tấn công, thì sẽ khó khăn. Vất vả lắm mới đến được vị trí Lục Ngũ, phải quan tâm đến hàng xóm láng giềng, quan hệ trên dưới, cẩn thận từng li từng tí tìm cách thân cận họ, như vậy cuối cùng mới có thể được danh tiếng tốt. Điều này cho chúng ta biết, đi đến đâu, nhất định phải biết ai là chủ nhân, đặc biệt là trên địa bàn của họ. Những người thường xuyên đi du lịch đều có kinh nghiệm này, đắc tội với chủ nhân địa phương, dù chủ nhân vẫn đối xử lịch sự với mình, nhưng người dưới sẽ bắt đầu gây khó dễ đủ đường. Cuối cùng, vẫn là mình xui xẻo nhất.

Vì vậy, dù Lục Ngũ rất nhu nhược, nhưng đừng coi thường nó. Nó có bản lĩnh đối xử tốt với cả Thượng Cửu và Cửu Tứ, đây chính là "thượng hạ đãi dã". "Thượng hạ đãi dã", thực ra là nói biểu hiện của Lục Ngũ, không chỉ khiến cấp trên vui lòng thân cận mình, mà cấp dưới cũng vui lòng thân cận mình, như vậy mới có thể "chung dĩ dự mệnh".

> "Thượng hạ đãi dã" cho chúng ta biết, chỉ có hiểu được tôn trọng dân địa phương, giữ mối quan hệ tốt với hàng xóm láng giềng, mới có thể tránh được rủi ro trong chuyến đi, đồng thời có thể nhận được danh tiếng tốt từ cả cấp trên và cấp dưới, cuối cùng đạt được kết quả "chung dĩ dự mệnh". Nhưng nếu chúng ta một mực mù quáng tự đại, không coi ai ra gì, sẽ gặp phải những khó khăn gì?

Thượng Cửu, là hào cuối cùng của quẻ Lữ, cao ngạo bất chính, lại ở vị trí "Kháng long hữu hối", nên hào từ của nó rất thê thảm.

Hào từ (Hình 126-6) nói: "Điểu phần kỳ sào, lữ nhân tiên tiếu, hậu hào đào. Thất ngưu vu dị, hung"

(con chim cháy mất tổ, người lữ hành trước cười, sau kêu khóc, vì láu táu (vô ý) đánh mất con bò (đức nhu thuận), xấu.)

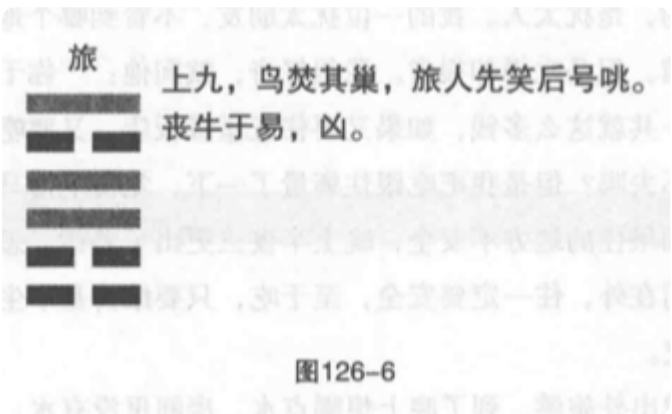


图126-6

"Điểu phần kỳ sào", một lữ khách nếu quá cao ngạo tự đại, coi thường người khác, đi đâu cũng đắc tội với người ta, giống như tổ chim bên dưới có một đống lửa, bất cứ lúc nào cũng có thể đốt cháy cả tổ.

Trong sáu hào của quẻ Lữ, chỉ có hào này trực tiếp nói "hung", tại sao? "Thất ngưu vu dị", trâu trong Kinh Dịch xuất hiện trong tất cả các loài vật là loài thuận phục nhất, kết quả Thượng Cửu lại mất đi khí chất thuận phục của trâu. Nói cách khác, một lữ khách mà đánh mất tâm thái phối hợp, thích ứng với môi trường địa phương, chắc chắn là hung.

Mọi người hãy nghĩ xem, tại sao chúng ta trong chuyến đi luôn gặp vấn đề, không bị lừa thì bị đánh? Bởi vì dân địa phương không ức hiếp chúng ta thì ức hiếp ai? Chúng ta là người lạ, còn huênh hoang trên địa bàn của họ, họ không dạy dỗ chúng ta thì dạy dỗ ai?

Tiểu tượng nói: "Dĩ lữ tại thượng. Kỳ nghĩa phần dã. Táng ngưu vu dị. Chung mạc chi văn dã.".

"Dĩ lữ tại thượng, kỳ nghĩa phần dã", một người trong quẻ Lữ mà còn cao cao tại thượng, thì nguy hiểm chắc chắn rất cao. "Táng ngưu vu dị. Chung mạc chi văn dã", quên đi tâm thái thích ứng với môi trường địa phương, kết quả là không ai quan tâm, chắc chắn sẽ xui xẻo. Điều này cho chúng ta biết, một người ở nơi đất khách quê người mà còn đắc ý vênh váo, coi thường người khác, là cực kỳ nguy hiểm.

Như vậy mọi người mới biết tại sao nhiều người đến nơi khác đều rất khiêm tốn. Người làm tốt nhất điều này trên toàn thế giới là người Do Thái. Một người bạn Do Thái của tôi, đi đến đâu cũng nhất định ở khách sạn tốt nhất, nhưng ăn uống thì rất tiết kiệm. Tôi rất tò mò, nên hỏi anh ấy: "Tại sao anh làm vậy?" Anh ấy nói: "Tôi chỉ có ngần ấy tiền, nếu vừa ở khách sạn 5 sao, vừa ăn đồ cao cấp, chẳng phải là tự làm khó mình sao? Nhưng tôi đã cân nhắc giữa ăn và ở, thấy rằng ăn uống sơ sài một chút có thể chấp nhận được, nhưng nếu chỗ ở không an toàn, nửa đêm xảy ra chuyện gì thì sao?" Đúng vậy. Khi đi xa, chỗ ở nhất định phải an toàn, còn ăn uống, chỉ cần duy trì cuộc sống cơ bản là được, không cần quá cầu kỳ.

Có lần tôi đi du lịch, đến tối muốn uống nước, trong phòng không có nước, tôi đi xuống bếp tìm. Đến bếp không thấy ai, nhưng đã bắt đầu cháy. Tôi vội hô hoán bếp cháy rồi, không ai nghe thấy, nên chạy ra xung quanh xem, thì thấy các đầu bếp đang đánh bài. Tôi nói cháy rồi, thế mà không ai tin. Không còn cách nào, tôi phải kéo một người vào xem. Đây là một ví dụ sống động.

Suốt cả đời chúng ta, bất kể khi nào đi du lịch, đều phải hiểu phong tục tập quán địa phương, gọi là "nhập gia tùy tục". Vì vậy, chúng ta phải dùng thái độ của quẻ Tốn, tức là thái độ thuận theo để sống một đời. Như vậy mọi người mới hiểu, tại sao sau quẻ Lữ lại là quẻ Tốn. Quẻ Tốn nói một người phải nhu hòa đúng mực, phải hiểu những gặp gỡ trong đời, nhất định phải thuận theo nó, mới có thể đối phó với tình huống thực

sự. Chỉ khi đi vào tình huống thực sự, chúng ta mới biết điều gì là hợp lý, điều gì là không hợp lý, rồi sống tốt một đời. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói: Nhu hòa đúng mực.

Chương 127: Quẻ 57 - Thuần Tốn: Nhu hòa đúng mực

> Khiêm nhường, thuận thảo, từ xưa vẫn là đức tính truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Văn hóa khiêm nhường của Hoa Hạ truyền từ hàng nghìn năm đến nay đã hình thành nên tính cách dân tộc đặc trưng của chúng ta. Trong Kinh Dịch, có một quẻ nói về sự khiêm nhường thuận thảo - quẻ Thuần Tốn. Chúng ta thường nói "Mãn chiêu tổn, khiêm thụ ích" (Kiêu mạn thì tổn thất, khiêm nhường thì được lợi), làm người làm việc khiêm tốn điềm đạm, thường thể hiện kiến thức và tu dưỡng của một người đã đạt đến độ chín muồi nhất định, cũng thể hiện được cảnh giới nhân sinh và sức hấp dẫn nhân cách của người đó. Vậy điều này có phải đòi hỏi chúng ta phải luôn khiêm nhường, nhẫn nhịn trong mọi việc không? Nếu vậy thì còn nguyên tắc gì nữa? Quẻ Tốn trong Kinh Dịch có thể giải đáp những nghi vấn này không?

Quẻ Tốn (Hình 127-1), ngoại quái là Tốn, nội quái cũng là Tốn, gọi là thượng Tốn hạ Tốn, nhưng đồng thời cũng không nên quên hạ Tốn thượng Tốn, tức là thái độ trên dưới phải nhất quán.



图127-1

Nếu quẻ Tốn chỉ nói về việc làm người phải khiêm nhường thì gọi là quẻ Thuận cho xong, sao phải gọi là quẻ Tốn? Có thể thấy, quẻ này không phải bảo chúng ta phải luôn luôn khiêm nhường, tuyệt đối không có chuyện đó. Chắc mọi người đều đã thấy, sau khi gió thổi qua, cỏ ngả theo hướng gió, nhưng khi gió ngừng, cỏ lại đứng thẳng, khôi phục dáng vẻ ban đầu. Vì vậy, chỉ một cơn gió thì không thể có hiệu quả. Chỉ có từng đợt từng đợt gió thổi liên tục mới có thể dần dần thay đổi được vật ban đầu, mới khiến cái cũ thuận theo cái mới.

Nếu đổi hào dương trong quẻ Tốn thành hào âm, hào âm thành hào dương, sẽ thành quẻ Chấn (Hình 127-2).

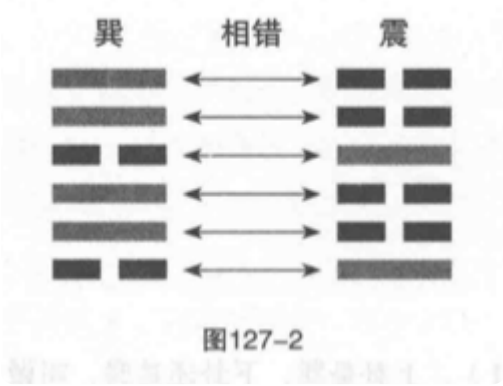


图127–2

Ý nói, nếu chỉ làm cho nó cảm động, chưa chắc nó đã thuận theo, mà nhất định phải chấn động, khi nó sợ hãi rồi thì tự nhiên sẽ thuận theo. Ví như cái trống, khi nó đang vang rền, dù chỉ gõ nhẹ thì lực dội lại cũng rất mạnh.

Con người ta vốn rất nhạy bén, người khác chỉ cần điểm nhẹ là tỉnh ngộ, nhưng sau này càng ngày càng trở nên không nhạy bén. Điều này không liên quan đến bản tính con người, hoàn toàn là do thói quen hình thành sau này. Khi thói quen sau này trở thành phổ biến, nó sẽ thành phong tục. Quẻ Tốn đang nói với chúng ta về việc thay đổi phong tục, tức như chúng ta nói hiện nay là "di phong dịch tục", vì vậy cần nghiên cứu kỹ nguyên tắc và phương thức trong đó.

> Quẻ Tốn không phải bảo chúng ta việc gì cũng phải khiêm nhường, chỗ nào cũng phải nhẫn nhịn, mà phải giống như gió thổi cỏ rạp - gió đến thì cỏ mới rạp xuống, gió đi thì cỏ vẫn đứng thẳng, đây là một phương cách uyển chuyển trong xử thế. Vậy, Tạp Quái Truyện và Tự Quái Truyện giải thích quẻ Tốn như thế nào?

Trước tiên xem Tạp Quái Truyện: "Đoài kiến nhi Tốn phục dã" (Đoài thì hiện ra còn Tốn thì ẩn giấu). Khi lật ngược quẻ Tốn lên sẽ thành Quẻ Đoài, Tốn và Đoài là hai quẻ tổng hợp của nhau (Hình 127-3).



图127–3

Quẻ Đoài có hai hào dương ở dưới, một hào âm ở trên, có vẻ như đang phấn chấn, tươi cười. Còn quẻ Tốn, một hào âm bị hai hào dương đè ở dưới, như thể rất khó chống đỡ, và hào âm bị chia thành hai đoạn,

giống như giọt nước mắt sắp rơi, rất ủy khuất. Do đó, Quẻ Đoài thể hiện sự vui vẻ hiện rõ trên mặt, rất dễ nhận thấy. Còn quẻ Tốn là ẩn giấu tâm thái khiêm nhường bên trong, thật giả thế nào người khác khó phân biệt được.

"Tốn phục dã", "phục" có nghĩa là ẩn giấu. Che giấu đi, không thể hiện ra, vì thể hiện ra là tự chuốc lấy phiền phức, không có lợi cho bản thân. Cần biết rằng, **người việc gì cũng thuận theo là người không có nhân cách; người việc gì cũng đối đầu với người khác là người thiếu tu dưỡng.**

Tự Quái Truyện nhắc nhở chúng ta: "Du nhi vô sở chỉ, cố thụ chi dĩ Tốn, Tốn giả nhập dã" (Đi du lịch mà không có chỗ dừng chân, nên tiếp nhận bằng quẻ Tốn, Tốn là đi vào).

Khi một người đi xa, không có chỗ nương thân, sẽ nhận ra rằng vẫn phải khiêm nhường với người, vẫn phải hòa hợp với mọi người, vẫn phải nhập gia tùy tục. Tự Quái Truyện nói thẳng với chúng ta: "Tốn giả nhập dã" (Tốn là đi vào).

Khi ở nơi xa lạ, nhất định phải khiêm nhường mới có thể hòa nhập vào môi trường mới. Giống như gió vậy, tuy rất mềm mại nhưng có thể len lỏi vào mọi ngõ ngách, không gì cản được. Nhưng quẻ Tốn này không thể chỉ dựa vào ấn tượng ban đầu mà đánh giá. Nó không chỉ bảo chúng ta làm người phải khiêm nhường, nghe lời nhiều, cứ theo phong tục mà làm là không sao. Nếu như vậy, như chúng ta đã nói, mọi việc đều phát triển theo hướng ngược lại, nếu nó càng ngày càng xấu mà bạn vẫn thuận theo, hậu quả có thể đoán trước được. Chúng ta phải nhớ rằng, điều đúng đắn mới thuận theo; điều không đúng đắn, sao phải thuận theo? Tuy nhiên, dù không thuận theo cũng không nhất thiết phải cứng đối cứng, vẫn có thể dùng cách khác để ứng phó, thậm chí ngược lại ảnh hưởng đến họ, khiến họ tự thay đổi, đây mới là ý nghĩa thực sự của sự thuận theo, mới là ý nghĩa thực sự của quẻ Tốn.

Quẻ Tốn cho chúng ta biết, khiêm nhường có điều kiện nhất định, phải phù hợp với quy luật khách quan, tuân theo đạo tự nhiên, chúng ta mới nên thuận theo. Những điều trái với quy luật tự nhiên, chúng ta phải lấy thuận làm phương pháp, đi vào bên trong sự việc để ảnh hưởng đến sự phát triển của tình thế, từ đó giữ vững chính đạo. Vậy điều này có phải có nghĩa là khiêm nhường không cần chọn lựa đối tượng? Nếu đối với ai cũng khiêm nhường, chẳng phải là mù quáng theo đuổi sao? Điểm tinh tế trong đây rốt cuộc nằm ở đâu?

Chúng ta hãy xem thoán từ của quẻ Tốn (Hình 127-4): "Tốn, tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân"

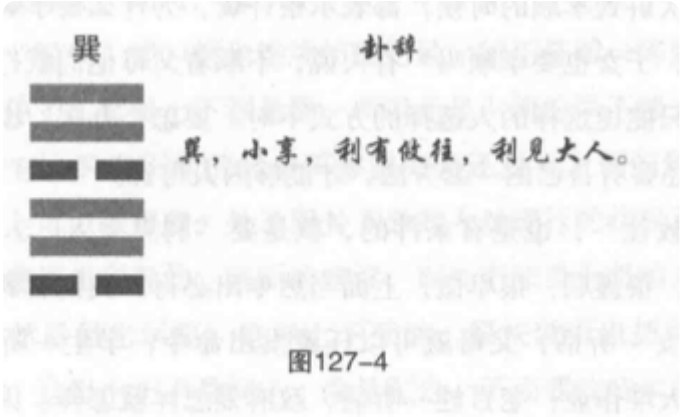


图127–4

"Tốn" là tên quẻ. "Tiểu hanh" nghĩa là một người rất thuận thảo, nhiều nhất chỉ đạt được sự hanh thông nhỏ nhoi, không thể đại hanh, đại thông được. Tại sao vậy? Một người quá thuận theo, người khác sẽ không còn coi trọng họ nữa, ban đầu thái độ với họ còn khá hợp lý, nay thấy họ thuận theo như vậy, người khác rất dễ được đằng chân lân đằng đầu, bắt đầu không ngừng tăng yêu cầu, cuối cùng người này vẫn không thuận theo nổi, làm sao có thể đại hanh được?

"Lợi hữu du vãng", với tâm thái, thái độ này, làm bất cứ việc gì cũng tương đối thuận tiện, tương đối có lợi. Nhưng điều này vẫn có điều kiện, đó là "lợi kiến đại nhân", tức là thể hiện ở bậc đại nhân mới có lợi, nếu không thì vẫn bất lợi. Nói cách khác, đối tượng mà chúng ta mời đến nhất định phải là bậc đại nhân, và bản thân chúng ta cũng phải có chút tu dưỡng của bậc đại nhân.

Tiếp theo xem thoán truyện: “Trùng Tốn dĩ thân mệnh. Cương Tốn hồ trung chính nhi chí hành. Nhu giai thuận hồ cương. Thị dĩ tiểu hanh. Lợi hữu du vãng. Lợi kiến đại nhân.”

"Trùng tốn" nghĩa là hai quẻ Tốn chồng lên nhau. "Trùng tốn dĩ thân mệnh", muốn ban bố một mệnh lệnh, nhất định phải nói đi nói lại nhiều lần cho rõ ràng, mọi người mới hiểu được, mới nhớ được, mới làm được. "Cương tốn hồ trung chính nhi chí hành", "cương" chỉ hào Cửu ngũ, Cửu ngũ không chỉ đắc chính mà còn rất đắc trung. "Chí hành" nghĩa là lệnh ban ra phải được thực hiện. Cửu ngũ dương cương đắc chính, vừa hợp lý vừa đúng đắn, có nghị lực và ý chí có thể toàn lực thúc đẩy.

"Nhu giai thuận hồ cương", hào âm sở dĩ phải thuận theo hào dương, là vì thuận theo nó mới thắng được nó. Vì vậy, tại sao nhu nhược có thể thắng cương cường, chúng ta có thể tìm thấy câu trả lời trong quẻ Tốn. Nhu nhược thuận theo cương cường, cuối cùng thay đổi được cương cường, là đã thắng. Nếu không, nhu nhược mãi mãi không thể chống lại cương cường, đừng nói đến chuyện thắng. Nhu thuận theo cương còn phải chú ý một điểm, phải có mục tiêu hợp lý, ý chí kiên cường, bền bỉ không nản để thực hiện lý tưởng của mình.

"Thị dĩ tiểu hanh", chỉ có thể có được sự hanh thông nhỏ nhoi, không thể đại thông, đại an. Ý nghĩa của quẻ Tốn không phải bảo chúng ta một mực thuận theo, nên mỗi lần nói đến hiếu thuận, chúng ta đều tỏ ra nghi

ngờ. Tại sao phải hiếu thuận? Nếu lời cha mẹ sai, con cái cũng phải hiếu thuận sao? Có người nói, không thuận theo cha mẹ thì họ sẽ đánh mắng, làm khó mình. Chúng ta chỉ có thể nói những người này chọn cách không đúng. Phải làm thế nào? Dùng nhu để thuận theo cương, nhưng trong đó vẫn phải có một bộ phương pháp của riêng mình, mới có thể tùy người mà ứng xử thích hợp.

"Lợi hữu du vãng" cũng có điều kiện, đó là phải "lợi kiến đại nhân". Trong quẻ Tốn, hào âm ở dưới, rất khiêm nhường, rất thuận thảo, rất khiêm tốn, trên đương nhiên lệnh ban ra phải được thực hiện.

Thực tế chúng ta thấy cũng như vậy, con cái càng nghe lời, cha mẹ càng có thể tùy ý ra lệnh; học sinh càng nghe lời, thầy cô càng có thể giao nhiều bài tập; dân chúng càng nghe lời, chính quyền càng muốn làm gì thì làm. Vì vậy, làm con cái phải xem mệnh lệnh cha mẹ đưa ra có hợp lý không; làm học sinh phải xem lượng bài tập thầy cô giao có phù hợp không; làm dân chúng phải xem chính sách của chính quyền có vì dân chúng mà suy nghĩ không. Nếu có thì đương nhiên phải thuận theo, nếu không thì đừng thuận theo. Khi không nên thuận theo, vẫn có một bộ phương pháp riêng để không thuận theo, đây gọi là quẻ Tốn.

Quẻ Tốn không phải bảo chúng ta phải lấy sự khiêm nhường làm cách sống, bởi đó là cách của tiểu nhân. Chúng ta phải hiểu rằng, **đối với người khiêm nhường có một điều kiện, hợp lý mới thuận theo; không hợp lý thì đừng thuận theo.** Tôn trọng người khác là tốt, nhưng vì lợi ích cá nhân mà nhọc công tâm cơ để lấy lòng người khác, đó là việc đáng xấu hổ.

Một người muốn làm việc lớn, ngoài việc gánh vác công việc ra, còn một điều kiện rất quan trọng gọi là gánh vác oán trách, bởi vì chỉ gánh vác công việc thôi, chỉ có thể làm việc nhỏ mà thôi. Gánh vác cả công việc lẫn oán trách, thì không thể chỗ nào cũng khiêm nhường được, nên cãi lại thì cãi lại, việc không nên làm thì không làm, có ý kiến thì phải nói. Nhưng phải nhớ kỹ, phải nói sao cho đối phương nghe được, phải nói sao có kết quả, phải làm sao không hại chết mình, như vậy mới gọi là Tốn.

> Khiêm nhường thuận thảo, chọn điều thiện mà theo, mới là hành vi và thái độ chúng ta nên có khi làm người làm việc. Trong cuộc sống thực tế, làm người khiêm nhường có lễ, cung kính hiền lành mới dễ được người ta chấp nhận, từ đó được giúp đỡ. Vậy Đại Tượng Truyện của quẻ Tốn lại cho chúng ta một trí tuệ nhân sinh như thế nào?

Đại Tượng Truyện của quẻ Tốn nói: "Tùy phong, Tốn. Quân tử dĩ thân mệnh hành sự"

(Gió nối tiếp nhau, là quẻ Tốn. Người quân tử nhờ đó mà ban bố mệnh lệnh làm việc).

"Tùy phong" là gì? Đó là gió liên tục nối tiếp nhau, chứ không phải theo một cơn rồi hết, hoặc thổi một lúc rồi ngừng. Quẻ Tốn trên dưới đều là Tốn, nên chỉ có gió trên thôi thì không đủ, còn cần gió dưới giúp sức; chỉ có gió dưới cũng không đủ sức mạnh, còn cần gió trên tăng cường sức mạnh. Chúng ta lập tức có thể liên tưởng, người ở nội quái của quẻ Tốn không hài lòng với hiện trạng, muốn thay đổi phong tục, bèn đưa

ra những đề xuất tích cực. Còn người ở ngoại quái của quẻ Tốn, cần phải điều chỉnh hợp lý, rồi làm gương. Như vậy trên dưới tương tác, rất nhanh có thể thay đổi được tất cả phong tục không tốt. Ở đây trên dưới không phải cùng làm một việc, mà là phối hợp. Bên dưới muốn thay đổi phong tục, nhưng sức không đủ, nên cung cấp ý kiến, để bên trên điều chỉnh sau đó, đi đầu làm gương, một khi làm được sẽ thay đổi được toàn bộ hiện trạng.

Người quân tử thấy tình huống này, liền lĩnh ngộ phải "dĩ thân mệnh hành sự". "Thân" tức là giải thích đi giải thích lại, báo đi báo lại. Không thể nói mình đã nói rồi, còn người ta nghe có rõ không thì không liên quan đến mình. Là người quân tử, muốn ban bố một mệnh lệnh mới, đều phải qua suy nghĩ kỹ càng, bản thân rất rõ ràng, nhưng muốn người khác hiểu ngay không phải dễ dàng. Vì vậy, phải nói đi nói lại mệnh lệnh của mình nhiều lần, so sánh, giảng đạo lý, rồi thực hiện một thời gian, để mọi người hình thành thói quen, mới coi như hoàn thành nhiệm vụ.

Thực ra chúng ta có thể thấy, hiện nay các cơ quan chính phủ có nhiều bộ phận, ví dụ Bộ Tài chính có chính sách mới nào đó, nếu chỉ một mình Bộ này thông báo cho nhân dân thì hiệu quả không cao. Bởi vì mọi người nghe xong sẽ nghĩ chỉ có Bộ Tài chính có ý kiến như vậy, có khi các Bộ khác không ủng hộ, vậy tại sao chúng ta phải nghe? Nhưng chúng ta cũng thường nói một câu, không ở cương vị đó đừng bàn chuyện của cương vị đó. Việc của Bộ Tài chính, dù chuyển sang bộ phận quản lý, họ cũng không quản được, nếu quản thì lại tỏ ra họ nhiều chuyện. Thực ra, nếu đọc quẻ Tốn, chúng ta sẽ biết không phải như vậy. Chính phủ nếu có chính sách mới liên quan đến toàn dân, các bộ phận nên thống nhất bước đi, đồng thời từ các tầng lớp khác nhau, các phương diện khác nhau nói cùng một điều, nhân dân mới biết mệnh lệnh mới chắc chắn sẽ không thay đổi nữa, tự nhiên rất dễ chấp nhận.

> Trong cuộc sống thực tế, khi ban bố một mệnh lệnh hay thực hiện một biện pháp, sự thúc đẩy đơn phương hay một lần của bộ phận thực hiện, hiệu quả thường không tốt. Chỉ có kiên nhẫn ba lệnh năm nhắc, thông qua giám sát và nhắc nhở hết lần này đến lần khác, nhân dân mới có thể dần dần chấp nhận. Còn thoán truyện của quẻ Tốn nói với chúng ta, "Nhu giai thuận hồ cương, thị dĩ tiểu hanh" (Nhu đều thuận theo cương, nên được tiểu hanh). Ở đây nhu thuận theo cương với "nhu nhược thắng cương cường" của Lão Tử, lại có mối quan hệ kỳ diệu gì?

Đạo Tốn và "nhu nhược thắng cương cường" của Lão Tử là tương thông. Trong sáu hào của quẻ Tốn, chỉ có hai hào âm nhu nhược, còn lại bốn hào đều là dương cương. Nhưng cuối cùng, bốn hào dương cương đều bị hai hào âm nhu chuyển hóa hết. Như vậy chúng ta mới biết, nhu có sức mạnh của nhu. Nếu cứng đối đầu với đối phương, chỉ có thể lưỡng bại câu thương, không có lợi gì. Nhưng hiện nay, nhu biết cách vận dụng phương pháp, có bản lĩnh của riêng mình, cuối cùng chiến thắng được cương cường. Điểm này đáng để chúng ta suy ngẫm kỹ.

Nói chung người ta đều biết phải nhu, nhưng một khi bị kích động, thường không nhu được nữa, đây là vì con người rất dễ bị ảnh hưởng bởi cảm xúc. Chúng ta luôn nói "nhu có thể khắc cương", đạo lý

là đúng, nhưng người thực sự làm được không nhiều. Quẻ Tốn rất quan trọng, nó được xếp sau quẻ Lữ là để nói với chúng ta, đã nếm đủ đắng cay, đừng cứng đầu nữa, **đừng để cảm xúc chi phối, phải học cách dùng nhu**, nếu không cuối cùng vẫn sẽ xui xẻo.

Nhưng làm sao để chứng minh nhu nhược thắng được cương cường? Điều này rất dễ. Lấy ví dụ, bạn vừa mắng xong một người, trong lòng lập tức sẽ nghĩ họ có trả thù mình không, có thể khi mình không đề phòng họ sẽ hãm hại không, có thể tìm người sau này làm khó mình không... Nói chung người ta đều vậy, lúc mắng người thì lý lẽ nghe có vẻ có lý, mắng xong thì bắt đầu lo sợ. Vậy tại sao không rút kinh nghiệm? Cơn giận nhất thời thường gây ra hậu quả không lường, khi chúng ta đỏ mặt tía tai đều là không để ý hậu quả, chỉ muốn nói cho hả giận, nhưng một khi bình tĩnh lại, liền bắt đầu lo lắng sợ hãi.

Tin rằng ai cũng có cảm giác này, cách tốt nhất là rút kinh nghiệm và bài học quý báu, dần dần tu dưỡng bản thân, dùng lý trí để chỉ đạo cảm xúc.

Nói đến "bách thiện hiếu vi tiên" (trong trăm điều thiện, hiếu đứng đầu), ít nhất chúng ta không dám phản đối. Dù có người trong lòng cười thầm: thời đại nào rồi mà còn nói về hiếu? Nhưng không ai dám đứng ra nói, thế này còn tốt. Nhưng câu tiếp theo "vạn ác dâm vi thủ" (trong vạn điều ác, dâm đứng đầu), lập tức có người dám đứng ra nói. "Bách thiện hiếu vi tiên, vạn ác dâm vi thủ", nửa sau đã bị phong khí phương Tây phá vỡ hoàn toàn, nếu nửa trước không giữ được, dân tộc Trung Hoa sẽ đi về đâu? Văn hóa Trung Hoa sẽ tự giữ mình thế nào?

Chúng ta luôn nhấn mạnh, thuận không phải là cách để lập thân. Nếu thuận trở thành cách lập thân, thì làm người quá dễ dàng, chỉ cần "đúng đúng đúng", "được được được" là xong. Nhưng như vậy, chúng ta còn có tương lai gì? Nhân loại còn có hy vọng gì?

> Quẻ Tốn không phải bảo chúng ta lấy thuận làm cách lập thân. Truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa truyền thừa mấy nghìn năm, là bảo chúng ta chọn điều thiện mà theo, bên trong ngay thẳng bên ngoài viên mãn. Trong xã hội hiện đại với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, chúng ta lại nên vận dụng trí tuệ của quẻ Tốn như thế nào để có được sự phát triển tốt hơn?

Xin hỏi mọi người, trong ba hào của ngoại quái Tốn, hào nào là chủ quẻ? Của hiếm mới quý, đương nhiên là Lục tứ. Cũng với lý do đó, chủ quẻ của nội quái là Sơ lục. Chúng đều là hào âm, lấy nhu làm chủ. Một mặt nói với chúng ta phải khiêm nhường, mặt khác nói với chúng ta đây là hành vi thấp kém, đừng luôn như vậy, nếu không sẽ không còn khí tiết và giá trị gì.

Cần biết rằng, quẻ Tốn là một kỹ thuật biến thông, khi không thể không thuận thì phải thuận, khi không thuận sẽ bị hy sinh thì tuyệt đối phải giữ mạng là trọng. Chúng ta thường nói "người dưới mái hiên, không thể không cúi đầu", nhưng không thể luôn cúi đầu khom lưng. Vì vậy, chúng ta có thể nói, quẻ Tốn không phải là một sự viên hoạt, mà nên là một sự “viên thông”. Cái gọi là viên thông, chính là uy vũ không thể

khuất phục. Nhưng đến dưới mái hiên thấp, tâm cam tình nguyện cúi đầu, bảo toàn mình là để đi con đường xa hơn. Nói cách khác, quẻ Tốn nói về một sự ứng biến quyền nghi, chứ không phải nguyên tắc lâu dài. Làm người, phải thuận một cách hợp lý, nên thuận mới thuận, không nên thuận thì đừng thuận, nhưng không thuận không nhất thiết phải thể hiện ra.

Nói đến đây, chúng ta có thể hiểu ban đầu, làm cha mẹ phải theo con, không phải vì mình đã nói rõ, mà vì con không hiểu chuyện, phải bảo đảm an toàn cho nó. Làm thầy phải theo học sinh của mình, bảo đảm nó học được, nên học sinh thi không đạt là thầy mất mặt, không hoàn toàn là lỗi của học sinh. Tất nhiên, trường cũng không thể quy định môn nào cũng phải đạt mới được tốt nghiệp. Những điều này, sau khi học quẻ Tốn, chúng ta phải suy ngẫm kỹ. Thực ra rất nhiều việc, là do chúng ta tự làm sai hướng, kết quả mới đi ngược lại ý muốn.

Quẻ Tốn cho chúng ta tư tưởng trung tâm là khiêm nhường, nhưng vẫn phải có làm có vi. Khiêm nhường có vi, mới là quẻ Tốn thực sự, đạo Tốn thực sự. Tiếp theo, chúng ta sẽ tiếp tục bàn về: khiêm nhường mà bản lĩnh.

Chương 128: Khiêm nhường mà bản lĩnh

> Trong cuộc sống, chúng ta thường nghe những từ như "hóa dân thành tục" (cải biến phong tục tập quán của dân), "hóa nhược yển thảo" (mềm mại uyển chuyển như cỏ yển). Những điều này thực ra đều nói về việc giáo hóa dân chúng, có thể thấy sự thẩm thấu về tư tưởng là phương tiện quan trọng để "di phong dịch tục". Và chúng ta thường cho rằng, bất luận là việc ban bố mệnh lệnh quốc gia hay thực thi chính sách, đều do cấp trên trực tiếp ban xuống. Quẻ Tốn trong Kinh Dịch lại bảo chúng ta, những điều này thực ra đều là hiện tượng bề ngoài, tình hình thực tế lại hoàn toàn ngược lại, trong đó là chuyện gì? Muốn thành công trong việc di phong dịch tục cần một quá trình phức tạp và khó khăn, sáu hào trong quẻ Tốn lại được giải thích từng hào một như thế nào?

Nội ngoại quái của quẻ Tốn đều là Tốn, đều có hai hào dương, một hào âm. Tuy hào âm là chủ quẻ, nhưng vị trí đều rất thấp kém. Chúng ta có thể xem xét riêng biệt, nội quái Tốn đưa ra một số ý tưởng mới, ngoại quái Tốn đối với những ý tưởng mới này, sau khi qua lọc lựa và điều chỉnh nhất định, rồi mới phổ biến ra. Nói chung người ta thường cảm thấy như bất cứ việc gì của dân tộc Trung Hoa chúng ta đều là từ trên xuống dưới, lôi lệ phong hành, thực tế cũng có thể nhìn từ một góc độ khác, tức là bắt đầu từ dưới lên lan tỏa, rồi từng lớp từng lớp đào thải, dần dần chín muồi, đến trên thì mới do ngoại quái ban bố mệnh lệnh. Nói cách khác, bề ngoài nhìn như từ trên xuống dưới, thực tế thường là từ dưới lên trên, đây gọi là thân dân, gọi là thuận ứng dân ý. Vì vậy, chúng ta là giao lưu trên dưới, trên thuận dưới, dưới thuận trên, mà không phải một phía. Như vậy mới hợp với đạo một âm một dương.

Hiện nay chúng ta hãy xem từ nội quái trước, bởi vì nó là gốc rễ, là nền tảng, là nguồn gốc. Tất cả những gì cần thay đổi, đều là do dân chúng có nhu cầu như vậy, chúng ta mới đi thay đổi, chứ không phải cấp trên nghĩ làm thế nào thì làm thế đó. Điểm này cũng có thể được chứng minh từ lịch sử, phàm là những trường hợp thành công đều là dần dần từng lớp từng lớp phản ánh lên trên. Cuối cùng sau khi cấp trên phán quyết xong, mới từ trên xuống dưới để thực thi.

> Tục ngữ nói: "Biết tiến thoái, hiểu được mất". Việc gì nên thoái thì thoái, nên tiến thì tiến, đây là một sự lý tính và sáng suốt, cũng là một sự khoáng đạt và tỉnh táo. Nhưng trong cuộc sống thực tế, chúng ta lại nên nắm bắt mức độ này thế nào? Rốt cuộc khi nào nên tiến, khi nào nên thoái? Trong tình huống tiến thoái lưỡng nan, chúng ta lại nên làm thế nào? Hào Sơ lục trong quẻ Tốn, lại cho chúng ta một cảnh báo như thế nào?

Vị trí Sơ lục này, vốn nên là hào dương, nay hào âm đặt ở vị trí này, thể hiện không chỉ địa vị rất thấp kém, mà tài năng cũng yếu. Một thân phận thấp kém như vậy, muốn làm gì cũng rất khó khăn.

Chúng ta hãy xem hào từ của Sơ lục (Hình 128-1): "Tiến thoái, lợi vũ nhân chi trinh."

(Tiến lui tự do, thêm vào cái chí hướng bền của hạng võ dũng thì có lợi.)



图128–1

"Tiến thoái", nghĩa là tiến cũng không đúng, thoái cũng không xong, do dự không quyết, khó xử hai bề. Mọi người có thể thấy, khi người trẻ cảm thấy có điều không ổn, liền muốn đề xuất cải cách, đây là ý tốt. Nhưng lời họ nói không ai nghe, ý kiến họ đưa ra cũng không ai để ý, vậy còn có thể làm sao? Vì vậy những người trẻ này cứ tiến tiến lùi lùi, có khí không lực, như thể sợ đầu sợ đuôi, không dám quyết đoán. Thực tế, là vì thân phận và địa vị của họ không đủ để tạo ra ảnh hưởng lớn.

Theo lý mà nói, nhìn toàn bộ nội quái, Sơ lục là đầu đàn, nên nói ra lời trong lòng, nhưng toàn bộ môi trường khiến nó tiến thoái lưỡng nan. Vì vậy, sau khi hào từ mô tả hiện tượng này, tiếp theo nói một câu "lợi vũ nhân chi trinh". Ý nói làm một võ sĩ, cứ mãi tiến thoái lưỡng nan như vậy, không dám quyết định gì cả, thì còn đánh trận gì nữa? Làm đầu đàn còn có tác dụng gì? Vì thế, đây là đưa ra một cảnh báo, hoặc là đừng nói Đông nói Tây, hoặc là phải dũng cảm nói ra.

Tiểu tượng nói rất rõ ràng: "Tiến thoái, chí nghi dã. Lợi vũ nhân chi trinh, chí trị dã."

"Tiến thoái, chí nghi dã", sở dĩ sẽ tiến thoái bất định như vậy, là vì đối với ý chí của mình sinh ra hoài nghi. Ý chí của mình còn không đủ kiên định, còn trách ai được nữa? Hiện nay rất nhiều người trẻ phẫn thế tật tục, cái này nhìn không vừa mắt cái kia cũng nhìn không vừa mắt, nhưng lại không có cách nào để thay đổi, lúc này nên thể hội một chút ý nghĩa của hào Sơ lục. Phải trước tiên định vị rõ bản thân mình, rồi xem mình có đủ ý chí không.

"Lợi vũ nhân chi trinh, chí trị dã", "chí trị" là trị lý ý chí của mình, phấn chấn ý chí của mình. Hoặc là không làm, làm thì phải dũng cảm đứng ra, lớn tiếng nói ra ý kiến của mình và kiên trì. Thực ra tất cả sự thay đổi, toàn bộ sự đổi mới phong tục, đều cần ý chí vô cùng kiên cường của người trẻ. Do đó, Tiểu tượng đã cho hào Sơ lục rất nhiều khích lệ. Phải như quân sư vậy, gặp việc trầm ổn không nhút nhát, phải phấn chấn ý chí của mình, thể hiện ra thái độ dũng cảm. Một người ý chí phải kiên định, như vậy gặp việc mới không do dự quyết định, người khác mới coi trọng mình, mới đến nghe mình đang nói gì.

> Bất kể là triển khai chính sách mới hay thay đổi phong tục cũ, trong quá trình thực hiện thực tế đều không thể suôn sẻ một mạch, điều này đòi hỏi người thực thi phải có một tâm thái đúng đắn. Vậy, khi đối mặt với vấn đề, là chọn việc gì cũng thuận theo dân ý,

> khiêm nhường nhượng bộ, hay là đại đao khoái phủ, mạnh mẽ thực thi? Hào Cửu Nhị và Cửu Tam trong quẻ Tốn lại được giải thích như thế nào?

Hào Cửu Nhị và hào Sơ Lục tình huống không quá giống nhau. Bởi vì hào Cửu Nhị đã là người chủ đạo của toàn bộ sự thay đổi, không phải là người xung phong, đi thử nghiệm kia. Cửu Nhị có mưu có dũng, phải đi thúc đẩy cải cách.

Vì vậy, hào từ (Hình 128-2) nói: "Tốn tại sàng hạ, dụng sử vu phân nhược, cát, vô cữu."

(Thuận nép ở dưới giường, dùng vào việc lễ bái, đồng cốt rối ren thì tốt, không có lỗi.)

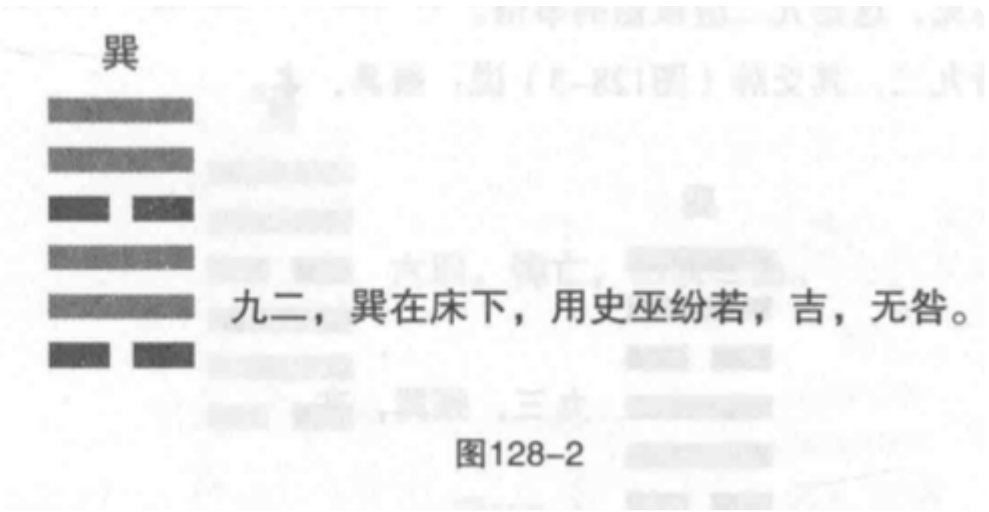


图128–2

"Tốn tại sàng hạ", có nghĩa là gì? Trước đây, giường của chúng ta được chia thành trên dưới, không giống như bây giờ đều như nhau. Người ngủ giường trên, thường là người có trọng lượng hơn. Người mà bất cứ lúc nào có việc đều được gọi đi, phần nhiều là ngủ giường dưới. Nếu hai người một già một trẻ, thì người lớn tuổi nhất định ngủ giường trên, người nhỏ tuổi sẽ ngủ giường dưới.

"Dụng sử vu phân nhược", "dụng" là học theo. "Sử" là người cầu nguyện với thần linh. "Vu" chỉ người giáng thần, tức là người được thần nhập vào để nói ra một số thông tin của thần. "Phân nhược" là nhiều ý kiến. Một xã hội nếu muốn thay đổi, muốn cải biến phong tục, không thể chỉ có một ý kiến. Có người chủ trương thay đổi thế này, có người đề xướng biến đổi thế kia, mỗi người có ý kiến riêng của mình, phải làm sao? Tại sao phải học theo người cầu nguyện với thần, học theo người thay thần truyền đạt thông tin, điều này lại nói gì?

Chúng ta cần phải nói rõ, trong Kinh Dịch, thần là ý nghĩa của tự nhiên. Con người phải học từ tự nhiên, lấy tự nhiên làm tiêu chuẩn để đánh giá lời ai nói phù hợp hơn với quy luật tự nhiên. Kinh Dịch nhiều lần đề cập đến việc tế tự, thành kính cầu nguyện với thần minh, đều đang nói với chúng ta rằng, không phải anh nói là được, người khác nói cũng không được. Vì vậy, làm đế vương đều phải tế trời; làm quan lớn, bất kể có

quyền thế lớn đến đâu, đều phải bẩm báo tổ tiên, tế cáo thần minh. Tất cả đều đang nói với chúng ta rằng, không phải một mình người đó quyết định. Họ còn phải học từ tự nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên. Nếu làm được điểm này, thì rất cát tường, đi thay đổi cũng không có di chứng gì, tức là "vô cữu".

Tiểu tượng nói: "Phân giả chi cát, đắc trung dã."

"Trung" là hiện tượng tự nhiên của vũ trụ, nói theo cách hiện đại, gọi là hợp lý. Cửu Nhị hợp lý cân nhắc những lời mọi người nói, tôn trọng ý kiến của mỗi người, và tìm ra những điều tương đối hợp lý, sau đó lại tham khảo ý kiến mọi người, từ từ bàn bạc ra một ý kiến mà đa số có thể chấp nhận được, đây là việc Cửu Nhị nên làm.

Tiếp theo xem Cửu Tam, hào từ (Hình 128-3) nói: "Tần tốn, lận."

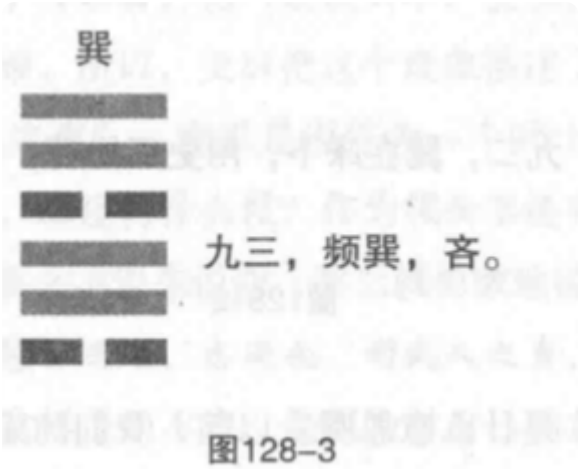


图128–3

"Tần tốn", "tần" là nhăn mày. Rất đau khổ, nhăn mày, hạ mình khúm núm. "Cô" là rất đáng tiếc, nở nụ cười đắng, có vẻ không còn cách nào khác. Điều này nói với chúng ta, một người quá cương cường sẽ rất khó coi.

Vì vậy, Tiểu tượng của Cửu Tam nói: "Tần tốn chi lận, chí cùng dã."

Bạn tự cho mình là anh hùng, rất cương cường, nhưng lại không có quyền thế như vậy. Cửu Tam bị Lục Tứ áp chế, phía trên lại không có người ủng hộ, dù có khí phách anh hùng đến đâu, cuối cùng cũng chỉ là chí cùng mà thôi. Thế không đủ mạnh, chí không đủ vững, là vì quá cương cường. Chỗ nào cũng thể hiện sự cương cường, mọi người đều đề phòng, phản cảm, ngược lại không đạt được hiệu quả mong muốn.

Chúng ta có thể thấy, Cửu Nhị vốn không cát nhưng cuối cùng lại trở thành cát, là vì nó rất thành kính. Nó nói với mọi người rằng, những chủ trương này, những thay đổi này, hoàn toàn không có thành phần lợi ích và cảm xúc cá nhân, tất cả đều là xử lý công bằng, thuận theo tự nhiên trời đất mà quyết định. Còn Cửu Tam

tuy đắc chính, nhưng nó không trung thực, lại thấy có Lục Tứ, liền can thiệp vào, không thể ngăn âm, nhất định là không thuận lợi.

> Quẻ Tốn cho chúng ta biết, một chính sách mới được triển khai hoặc phong tục cũ được thay đổi, đều là từ dưới lên trên lan tỏa, dần dần trưởng thành, sau đó mới được cấp trên sắp xếp, thực hành, rồi trên làm dưới bắt chước, như vậy mới có thể nhanh chóng lan rộng trong xã hội. Đây mới là điều dân chúng mong đợi - trên thuận dưới, dưới thuận trên. Lấy thuận làm đạo, mới được vạn sự hanh thông. Vậy, hào Lục Tứ trong quẻ Tốn lại nói với chúng ta điều gì?

Hào từ của Lục Tứ (Hình 128-4) nói: "Hối vong, điền hoạch tam phẩm."

(Hối hận mất đi; đi săn về, được chia cho ba phần.)

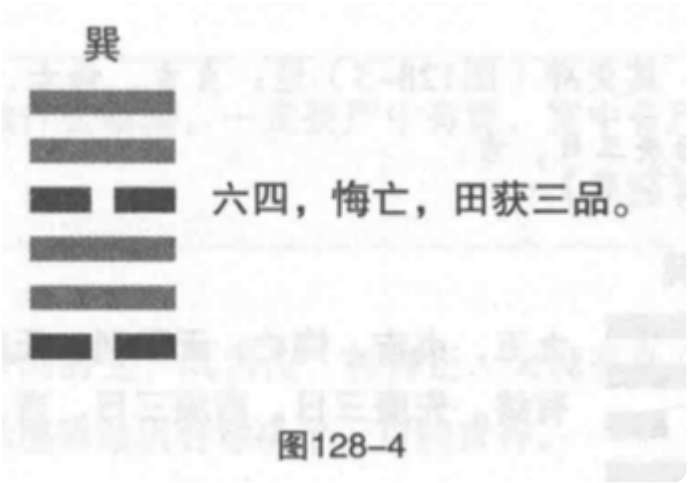


图128–4

"Hối vong", trước đây đã nói qua nhiều lần rồi, trong Kinh Dịch phàm nói "hối vong" là vốn có hối nhưng giờ không còn nữa. Lục Tứ bên dưới là Cửu Tam, đây gọi là nhu thừa cương; còn phía trên là Cửu Ngũ, là hào dương. Một hào âm nhu, kẹp giữa hai hào dương cương, khó xử hai bên, làm sao không có hối được? Ở đây Lục Tứ đối trên đối dưới đều phát huy đạo nhu thuận của mình, ở chung rất tốt với họ, tự nhiên không có hối, mà còn có thể "điền hoạch tam phẩm". Ý nói là khi đi săn bắn, có thể bắt được rất nhiều lễ phẩm.

Tại sao ở đây lại nói "điền hoạch tam phẩm"? Bởi vì thời đó việc lớn của quốc gia chỉ có hai: một là tế tự, hai là quân sự. Rõ ràng, quẻ Tốn không liên quan đến quân sự, tuy hào Sơ Lục nói "lợi vũ nhân chi trinh", nhưng tuyệt đối không phải là muốn tiến hành hành động quân sự, tuyệt đối không có ý niệm động võ đó. Vì vậy, chúng ta có thể tưởng tượng được, quẻ Tốn là liên quan đến tế tự. Đi săn bắt được nhiều lễ phẩm, dùng để tế trời đất, hoặc chia sẻ với khách, đều có thể.

Tiểu tượng nói với chúng ta: "Điền hoạch tam phẩm, hữu công dã."

Đã có thu hoạch lớn như vậy, nhất định sẽ thành công ngay. Chúng ta chỉ cần thuận theo mà đi, không cần lo lắng có di chứng gì. Lục Tứ dùng nhu thừa cương, vốn là có hối, nay vì thu được nhiều săn phẩm, có thể chu toàn mọi mặt, trên có thể giao phó với Cửu Ngũ, dưới thì giao hảo với Cửu Tam, tự nhiên "hối vong" (không hối hận nữa).

> Hào Lục Tứ trong quẻ Tốn nói với chúng ta, trong cuộc sống phải giữ đạo thuận tòng, luôn kiên định thực hiện những chính sách đã đề ra, mới có thể đạt được thành công trong sự nghiệp. Vậy, trước khi triển khai một chính sách mới hoặc biện pháp mới, là một người lãnh đạo, cần phải làm thế nào mới có thể thuận theo dân ý, vạn sự hanh thông? Hào Cửu Ngũ trong quẻ Tốn lại cho chúng ta những gợi ý gì?

Tiếp theo xem Cửu Ngũ, hào từ (Hình 128-5) là: "Trinh cát, hối vong, vô bất lợi. Vô đạo hữu chung. Tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật, cát."

(giữ đạo chính thì tôt, hối hận mất đi, không có gì là không lợi, mới đầu không khá mà cuối cùng tốt; (đinh ninh như) trước ngày canh ba ngày, (đắn đo như) sau ngày canh ba ngày, tốt.)

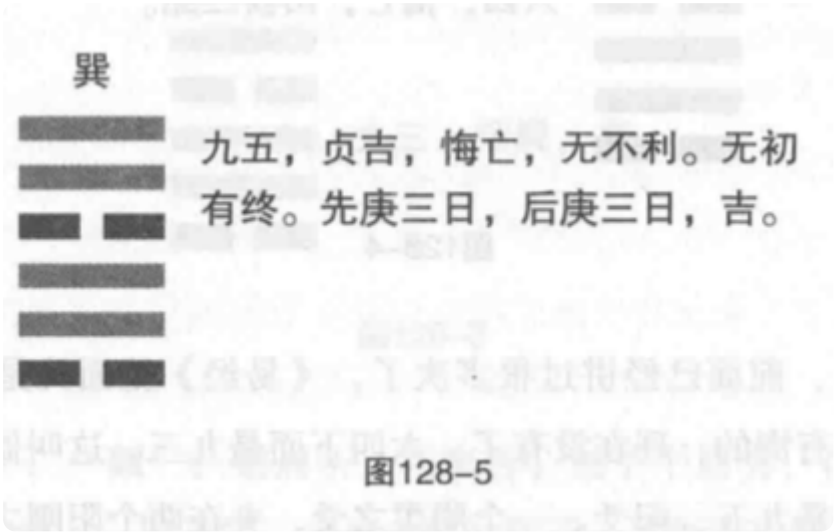


图128–5

Cửu Ngũ ngay từ đầu đã nói "trinh cát", không chỉ "trinh cát", mà còn "hối vong", thêm "vô bất lợi", tức là làm thế nào cũng đúng. Cả quẻ chỉ dựa vào Cửu Ngũ mà thôi, Cửu Ngũ không phải tự cho mình là đúng, muốn thay đổi thế nào thì thay đổi thế đó, mà là trước hết lắng xuống, lắng nghe sự lan tỏa của nội quái, xem xét toàn bộ quá trình của họ, và suy nghĩ sau này đến chỗ mình phải phán quyết thế nào, điều chỉnh thế nào mới có thể phù hợp với lòng dân, thuận theo dân tình, thỏa mãn nhu cầu các mặt, như vậy tự nhiên "trinh cát", cũng không có chỗ để hối tiếc, không có chỗ bất lợi.

Tuy nhiên, hào từ tiếp theo nói bốn chữ: "vô đạo hữu chung". Dù Cửu Ngũ làm như vậy, nhưng một khi ban lệnh xuống, vẫn có người không hài lòng. Bởi vì mọi người có nhiều ý kiến khác nhau như vậy, không ai có thể chu toàn hết được, không thể đưa ý kiến của mọi người vào hết, không tránh khỏi bỏ sót một số, ắt

khiến người khác cảm thấy có sự thiên vị, từ đó càm ràm về Cửu Ngũ, thậm chí chống đối. Lúc này phải làm sao? Đừng vội, chỉ cần làm được "tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật", kết quả cuối cùng sẽ rất tốt. "Canh" đồng âm với "canh" trong biến canh (thay đổi). Ba ngày trước khi ban lệnh mới cần thay đổi, nên giao tiếp đầy đủ với mọi người, ba ngày đầu sau khi dự định có hiệu lực, lại cho mọi người một khoảng thời gian đệm, trong thời gian này những người vi phạm quy định mới chỉ bị cảnh cáo thôi, không bị xử phạt, để mọi người dần dần quen, như vậy cả quá trình sẽ rất thuận lợi. Vì vậy, làm bất cứ việc gì, nhất định phải trong nghiêm có khoan, trong khoan có nghiêm. Đối với người lãnh đạo mà nói, phải cương trung hữu nhu, nhu trung đới cương, lực đạo như vậy mới là thuận nhất, cũng phù hợp nhất với yêu cầu của đạo Tốn.

Cửu Ngũ là chủ hào của cả quẻ, vừa đắc chính đắc trung, làm việc chính trực, lại không có tư tâm, rộng thu thập ý kiến các mặt, và theo quy luật tự nhiên đưa ra quyết định hợp lý, tự nhiên cát tường.

Tiểu tượng nói rất rõ ràng: "Cửu ngũ chi cát, củ chính trung dã".

Cửu Ngũ dựa vào địa vị của mình, là đủ rồi. Hào từ ngay từ đầu không có bất kỳ điều kiện nào, đã nói "trinh cát", ý là tuy có một quá trình, nhưng Cửu Ngũ trong quẻ này có ảnh hưởng tuyệt đối, dựa vào quyền thế, địa vị của mình, lệnh ra phải theo, cũng không có nhiều lo lắng, nên làm thì làm luôn.

> Quẻ Tốn cho chúng ta biết, trước khi ban hành một chính sách hay biện pháp mới, nhất định phải thông báo trước cho mọi người, thu thập ý kiến các bên, đạt được thỏa thuận rồi mới chính thức ban hành, và thông qua "tiên canh tam nhật, hậu canh tam nhật" để mọi người chấp nhận. Như vậy mới có thể thu được hiệu quả tốt, từ đó khiến trên dưới đều thuận. Vậy, làm người lãnh đạo, khi đối mặt với dân chúng, làm sao để vừa không quá cương cường, lại không quá khiêm thuận, cái "độ" của sự thuận này phải nắm bắt thế nào? Hào Thượng Cửu trong quẻ Tốn, lại đưa ra cho chúng ta một cảnh báo như thế nào?

Hào từ của Thượng Cửu (Hình 128-6) nói: "Tốn tại sàng hạ, táng kỳ tư phủ, trinh hung."

(Thuận nép ở dưới giường, mất đồ hộ thân, cứ giữ thói xấu đó thì càng bị hoạ.)

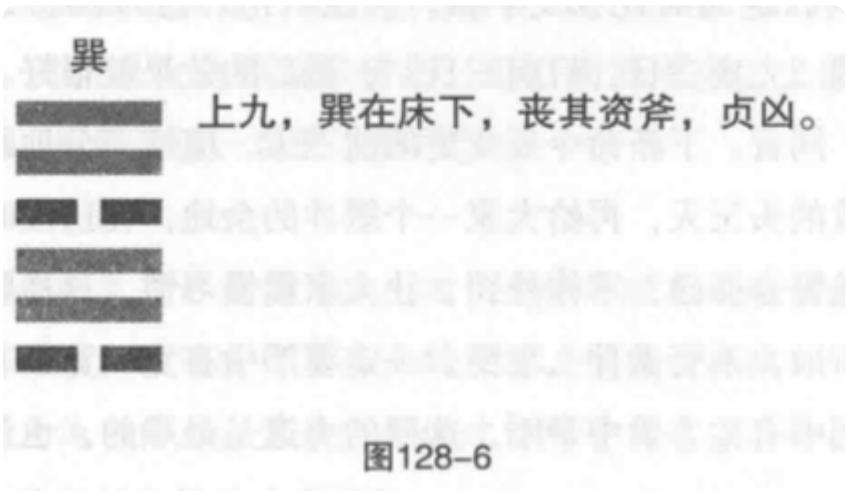


图128–6

Thượng Cửu là "tốn tại sàng hạ", Cửu Nhị cũng là "tốn tại sàng hạ", nhưng hai cái này rõ ràng khác nhau. Cửu Nhị phía sau có Cửu Tam, tuy Cửu Nhị là giường dưới, ở dưới giường trên, nhưng vẫn có thể ngủ được. Còn Thượng Cửu phía sau trống không, thực sự ở dưới giường, chứ không phải giường dưới, hoàn toàn không có cả vị trí để nằm, điều này giống như "táng kỳ tư phủ" (mất tiền của và khí cụ). Làm một người lãnh đạo, điều quan trọng nhất là phải có khả năng quyết đoán, nên quyết thì quyết. Ở đây, dùng cái rìu để ví với khả năng quyết đoán. Bây giờ ngay cả công cụ để quyết đoán cũng đánh mất rồi, biểu thị đã không còn khả năng phán đoán sự việc, quyết đoán sự vật nữa.

"Trinh hung", dù làm đúng đắn, cuối cùng vẫn hung, bởi vì khiêm thuận quá đà. Hào cuối cùng của quẻ Tốn, chính là nói với chúng ta đừng bao giờ khiêm thuận quá đà. Một người khiêm thuận quá đà, dù làm rất đúng đắn, hậu quả cũng không tốt. Bởi vì nhiều người sẽ nảy sinh ý đồ xấu, thấy bạn quá khiêm thuận như vậy, cần gì phải thuận theo bạn, như vậy sẽ tự tạo thêm nhiều phiền toái không đáng có cho mình.

Tiểu tượng nói: "Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã. Táng kỳ tư phủ, chính hồ hung dã."

"Tốn tại sàng hạ, thượng cùng dã", không có chỗ ngủ, mất đi nơi an thân lập mệnh. "Táng kỳ tư phủ, chính hồ hung dã", đánh mất công cụ quyết đoán, ngay cả khả năng phán đoán cũng không còn, dù rất chính trực, kết quả cuối cùng vẫn hung. Câu này có ý tiếc nuối, khó được chính trực như vậy, nhưng có tác dụng gì đâu?

Một người quá mức khiêm thuận, dù bản thân rất chính trực, vẫn sẽ bị người khác bắt nạt, nhưng cũng không thể quá cương cường, nếu không lại đắc tội với người, vậy phải làm sao? Vì vậy, Kinh Dịch sau quẻ Tốn, sắp xếp Quẻ Đoài.

Ý nói, một người nội tâm phải kiên trì nguyên tắc của mình, nhưng bên ngoài có thể thể hiện nhẹ nhàng hơn, thoải mái một chút. Quá thuận không tốt, quá cương cũng không được, tốt nhất là nội cương ngoại nhu. Quẻ Tốn và Quẻ Đoài là quẻ tổng của nhau, cho nên khi chúng ta lật ngược quẻ này lại, lại phát hiện ra một tư duy khác, đó là làm thế nào để hòa vui với người khác, mới có thể kiên định ý chí của mình, khiến nguyên tắc của mình được mọi người công nhận, và từng bước từng bước thực hiện. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói: Hòa Duyệt Tương Xử.

Chương 129: Quẻ 58: Thuần Đoài - Hòa Duyệt Tương Xử

> Ai cũng mong muốn cuộc sống của mình hạnh phúc mỹ mãn, tràn đầy niềm vui, nhưng không biết rằng dưới bề mặt của một số "niềm vui" lại ẩn chứa nguy cơ, thậm chí có thể dẫn đến tai họa. Vậy, chúng ta phải làm thế nào để loại bỏ những mối nguy tiềm ẩn và tận hưởng niềm vui thực sự, an toàn? Quẻ Đoài trong Kinh Dịch lại đưa ra phương pháp chỉ dẫn như thế nào?

Tự quái truyện nói: "Nhập nhi hậu duyệt chi, cố thụ chi dĩ Đoài, Đoài giả duyệt dã."

"Duyệt" 说 thông với "vui" 悦. Quẻ Đoài 兑 mang một cảm xúc vui vẻ, hân hoan, phần nhiều là nghe được lời hay, hoặc nói lời hay để lấy lòng người khác. Như vậy chúng ta dễ dàng nghĩ đến, lời nói và Quẻ Đoài có mối quan hệ không thể tách rời.

"Nhập" có nghĩa là khiêm nhường, thuận thảo. Người nói chuyện rất khiêm thuận, đối phương nghe thấy rất dễ chịu, nhìn thấy rất vừa mắt, sẽ cảm thấy rất vui vẻ. "Cố thụ chi dĩ Đoài", ở đây dùng "Đoài" 兑 mà không dùng "duyệt" 说, ý nhắc nhở chúng ta đừng chỉ nghe lời hay, cũng đừng dùng ngôn ngữ để lấy lòng người, vì vậy, bỏ bộ "ngôn" 讠 đi là có lý do. "Đoài giả duyệt dã" (quẻ Đoài chính là vui vẻ), nhưng phần lớn giao tiếp giữa người với người vẫn phải thông qua ngôn ngữ, đây là điều khó tránh khỏi, điều chúng ta có thể làm là phải nâng cao cảnh giác.

Thoán từ của Quẻ Đoài đơn giản rõ ràng (hình 129-1), chỉ có ba chữ: "Hanh, lợi trinh."



图129–1

Quẻ Đoài xuất phát từ quẻ Kiền, thoán từ của quẻ Kiền là "nguyên hanh lợi trinh", "nguyên hanh lợi trinh" với "hanh lợi trinh" khác nhau một chữ "nguyên". Trong thoán từ của Quẻ Đoài không có chữ "nguyên", là để nhắc nhở chúng ta phải đặc biệt chú ý đến nguồn gốc, chú ý đến những động cơ không thể nhìn thấy.

Một người nghe được lời hay, trong lòng sẽ vui vẻ; nhìn thấy cảnh đẹp, cũng sẽ cảm thấy rất hân hoan. Nhưng lúc này, phải nhanh chóng chú ý động cơ người ta nói lời hay là gì, mục đích người ta cho bạn thấy vẻ đẹp là gì. Đây gọi là nguyên, nguyên là ẩn mà không hiện. Ngược lại, cái nhìn thấy được là "hanh lợi trinh".

Nội và ngoại quái của quẻ Thuần Đoài đều là Đoài, hào âm nhu của nội quái là Lục Tam, rõ ràng ở bên ngoài; hào âm nhu của ngoại quái là Thượng Lục, cũng ở bên ngoài. Vì vậy, nhu ở ngoài, cương ở trong, biểu thị bên trong rất có nguyên tắc, bên ngoài có thể cười hì hì, đây cũng là điều chúng ta thường nói “nội phương ngoại viên”.

Một người xử sự có thể ôn hòa, nhưng thao thủ trong tâm phải kiên trì. Nguyên tắc trong tâm chúng ta không thể bị thanh sắc bên ngoài ảnh hưởng, nghe lời hay mà quên mất nguyên tắc, thấy sắc đẹp mà bỏ đi nguyên tắc, hậu quả tự nhiên không thể hanh thông.

> Quẻ Đoài nhắc nhở chúng ta, thông qua lời ngọt ngào để lấy lòng người khác, hoặc bị người khác lấy lòng, đều không thể hanh thông. Vậy, rốt cuộc điều gì mới là niềm vui thực sự, không có di chứng? Chúng ta lại phải làm thế nào để có được niềm vui đáng tin cậy này?

Thoán truyện của Quẻ Đoài nói: “Đoài. Duyệt dã. Cương trung nhi nhu ngoại. Duyệt dĩ lợi trinh. Thị dĩ thuận hồ thiên. Nhi ứng hồ nhân. Duyệt dĩ tiên dân. Dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn. Dân vong kỳ tử. Duyệt chi đại. Dân khuyến hỹ tai.”

"Đoài, duyệt dã", Đoài (兌) với “duyệt” (說) khác nhau một bộ ngôn, ý nhắc nhở chúng ta đừng dùng lời nói để lấy lòng người khác.

Trước đây không có chi phiếu, sau khi có rồi, chúng ta nói chi phiếu phải đổi thành tiền mặt "兑现" (Đoái hiện - nghĩa là đổi/quy đổi thành tiền mặt), chữ "đoái" 兑 này chính là từ quẻ Đoài mà ra, tôi thấy dùng rất hay. Thấy chi phiếu đổi được tiền mặt, trong lòng chúng ta đều rất vui vẻ, bởi vì đây là thứ thực thực tại tại, không phải nói hay nghe, cũng không phải sắc đẹp trước mắt, nên có thể yên tâm vui vẻ trong lòng. Vì vậy, nếu tưởng tượng Đoài là niềm vui trong lòng thực sự, rất đáng tin cậy, thì sẽ lợi trinh.

"Thị dĩ thuận hồ thiên, nhi ứng hồ nhân", nếu niềm vui của một người rất thực tế, rất đáng tin cậy, không có di chứng, sau này sẽ không sinh ra nhiều hối hận. Nhiều người khi uống rượu rất vui vẻ, dám nói mọi điều, về nhà sau đó liền hối hận ngay, hối hận vì đã nói ra những điều không nên nói, khiến ăn ngủ không yên. Vì vậy, trong niềm vui, người ta thường vô tình mắc sai lầm, dẫn đến di chứng rất đáng sợ. Nhưng con người thường hay quên, tuy lần này nhớ bài học, nhưng lần sau khi gặp chuyện, lại phạm vào sai lầm ban đầu. Một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, thực là vô phương cứu chữa.

Chúng ta nhất định phải biết rằng, con người trong lúc vui vẻ là lúc không có sức đề kháng nhất. Khi một người trong lòng rất vui vẻ, tính cảnh giác thấp nhất, kém nhất. Nếu có thể nhớ nguyên tắc lớn này, lần sau khi vui vẻ có nên thể hiện ra không, thể hiện đến mức độ nào, thể hiện với ai, thể hiện ở đâu, sẽ nắm bắt được rất chuẩn xác, đây gọi là "thuận hồ thiên, nhi ứng hồ nhân".

> Ngay khi chúng ta nhắc nhở mình phải lý tính đối đãi với niềm vui, Thoán truyện của quẻ Đoài lại nói: "Duyệt dĩ tiên dân, dân vong kỳ lao. Duyệt dĩ phạm nạn, dân vong kỳ tử." Vậy, rốt cuộc là niềm vui như thế nào mà có sức mạnh lớn đến vậy, có thể khiến người ta quên đi lao khổ, quên cả sinh tử? Điều này có mâu thuẫn với thái độ đối với "niềm vui" của quẻ Đoài không?

"Duyệt dĩ tiên dân, dân vong kỳ lao", nếu chính quyền thực hiện các biện pháp để trước hết để dân chúng được sống an ổn (chúng ta không nói phú túc, chỉ nói an ổn), họ sẽ không từ lao khổ để phục vụ chính quyền. "Duyệt dĩ phạm nạn, dân vong kỳ tử", nếu dân chúng gia đình mỹ mãn, cuộc sống vui vẻ, dù phái họ đi phục vụ quân sự, đi chống địch, họ cũng không từ chối dù phải chết. Bởi vì dân chúng sẽ cảm thấy chính quyền chăm sóc mình như vậy, bây giờ là lúc khẩn cấp, đất nước gặp nạn, kẻ làm trai có trách nhiệm, tự nhiên không từ chối, không sợ chết.

"Duyệt chi đại, dân khuyến hĩ tai", "khuyến" là ý khuyến khích. Ý nghĩa của quẻ Đoài rất trọng đại, bởi vì nó có thể khích lệ lòng người, khuyến khích sĩ khí. Nói thực lòng, chính quyền bình thường là để phục vụ dân chúng, nhưng đến lúc khẩn cấp, như thời chiến loạn, lẽ nào toàn là lãnh đạo tự đi đánh trận? Dĩ nhiên là không. Vì vậy, dân chúng khi cần thiết nhất định sẽ gánh vác trách nhiệm bảo vệ quê hương đất nước, và điều này phải dựa vào việc chính sách của chính quyền trong thời bình có làm dân chúng hài lòng không, có khiến gia đình họ mỹ mãn không. Nếu được như vậy, lãnh đạo có thể lập tức khích lệ được sĩ khí của dân chúng, họ cũng sẽ chấp nhận sự triệu tập của lãnh đạo, dũng cảm tiến lên.

Trong quẻ Đoài, Lục Tam ở vị trí “nhân”, là nói chính quyền phải thực hiện một số biện pháp cai trị nhu hòa để được lòng dân, nhưng chỉ dựa vào dân chúng thì không có tác dụng. Nói thật, một quốc gia có thể thắng trận hay không, thứ nhất không phải dựa vào vũ khí, vũ khí tốt mà kết quả thất bại có rất nhiều lý do; thứ hai không phải dựa vào người đông, trong lịch sử những ví dụ ít thắng nhiều cũng không ít. Vì vậy, quan trọng nhất là xem trời có phù hộ không.

Chúng ta học hào Thượng Lục sẽ biết, tất cả biểu hiện của chính quyền, ví dụ như khích lệ lòng dân, nhất định phải dựa theo thiên lý, không thể có tư tâm, không thể vì lợi ích của mình. Chính quyền phải có nguyên tắc, có thể khiến mọi người trong bầu không khí vui vẻ, phấn chấn lên, đoàn kết nhất trí, cùng nhau nỗ lực. Nói thật, Thượng Lục dựa theo thiên lý, Lục Tam được lòng dân, trời giúp người giúp, Quẻ Đoài mới có thể thực hiện hoàn toàn.

Đại tượng truyện của Quẻ Đoài nói: "Lệ trạch, Đoài. Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập."

Hai đầm nước ở cạnh nhau, giống như hai người nói chuyện rất vui vẻ, cả hai đều bày tỏ tâm tình không giữ lại gì, mà lại không có di chứng, đây là tình huống rất khó có được, người thường không thể hưởng được.

"Quân tử dĩ bằng hữu giảng tập", quân tử thấy hai đầm nước ở cạnh nhau, tạo nên cảnh tự nhiên khiến người rất vui vẻ, nghĩ đến việc mình đọc sách, có tâm đắc tốt, thì phải tìm một người nói chuyện hợp ý để cùng chia sẻ. Hai người chí đồng đạo hợp, cùng nhau thảo luận, kiểm chứng lẫn nhau về tâm đắc và kinh nghiệm của mình, là một việc rất vui vẻ.

Điều này giống như Luận Ngữ ngay từ đầu đã nói: "Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?" Chúng ta học xong, nhanh chóng đi làm, trong hành động và thực tiễn kiểm tra xem mình học có đúng không. Học rồi, lại làm được, tất nhiên rất vui vẻ, lúc này rất muốn có người để chúng ta bày tỏ tâm tình. Có thể thấy, lời của thánh nhân nói, thực ra đều thông với nhau, chỉ là trong những trường hợp khác nhau, nói những lời khác nhau mà thôi. Vì vậy, chúng ta đừng cho rằng thánh nhân lúc nói thế này, lúc nói thế kia, không có nguyên tắc. Thực ra, "ngô đạo nhất dĩ quán chi", họ luôn không rời khỏi quỹ đạo đó.

Ngày nay, người ta cũng thường tụ tập với nhau, uống bia, hát karaoke, nhưng điều này hoàn toàn khác với việc "bằng hữu giảng tập". "Bằng hữu giảng tập", tình bạn càng ngày càng sâu sắc, biết rằng sau này vào lúc quan trọng, sẽ tìm đến nhau để bàn bạc. Hát karaoke, mọi người đều bận tìm bài hát mình muốn hát, ai cũng không nghe ai hát, đó là tụ tập một cách mù quáng, tâm với tâm hoàn toàn cách biệt. Về nhà sau đó, mệt lử người, chẳng thu được gì. Đối chiếu trước sau xưa nay, chúng ta sẽ phát hiện, người xưa quả thật thông minh hơn chúng ta nhiều.

Nói đến đây, chúng ta phải nhắc nhở mọi người, quẻ Tốn và quẻ Đoài, đều không phải là đạo của quân tử, **đều là đạo tiểu nhân thiển cận, chỉ có thể tề gia, không thể trị quốc**. Trong gia đình coi trọng tình thân, cha với con có nói có cười, đây là biểu hiện của tình thân. Nhưng trong cơ quan tổ chức là để làm việc, không thể cười đùa, nói chuyện tùy tiện. Khi việc bên ngoài đều làm tốt rồi, về nhà cả nhà đoàn tụ, nếu lại làm mặt lạnh thì không phải. Vì vậy, Quẻ Đoài và quẻ Tốn trong nhà rất có tác dụng, nhưng ở bên ngoài thì phải đặc biệt cẩn thận. Bởi vì xử lý công việc, đặc biệt là công vụ, không thể để tình cảm chi phối, không thể cảm xúc hóa, không thể tùy ý mà làm, nếu không sớm muộn sẽ có vấn đề.

Đặc biệt là những người có quyền có thế, họ cho rằng mình nắm quyền sinh sát, muốn thế nào thì thế đó. Tất nhiên, bề ngoài người ta sẽ không làm gì họ, nhưng họ sẽ gieo mầm họa rất nghiêm trọng cho tập thể, tổ chức này.

> Quẻ Đoài nhắc nhở chúng ta, niềm vui phải có nguyên tắc, phân biệt rõ trường hợp, đặc biệt khi đối với công việc, càng không thể cảm xúc hóa. Nhưng nếu chúng ta cố tình không làm theo lời nhắc nhở của Quẻ Đoài, sẽ tạo ra hậu quả như thế nào?

Lấy một ví dụ, Tề Hoàn Công là một trong Xuân Thu Ngũ Bá, thời đó ai cũng sợ. Một ngày, ông nói: "Thịt trong thiên hạ ta đã ăn hết rồi, chỉ có thịt người chưa ăn, cũng không biết mùi vị thế nào." Người nói vô tâm, kẻ nghe hữu ý, ông có một đại thần tên là Dịch Nha, về nhà sau đó liền hấp con trai mình, ngày hôm sau dâng cho Tề Hoàn Công ăn, Tề Hoàn Công còn ăn ngon lành. Sau này Tề Hoàn Công bệnh nặng, Dịch Nha và những người khác phong tỏa cung môn, không cho bất kỳ ai vào, khiến Tề Hoàn Công chết đói.

Có thể thấy, một người thích cái gì, bị người khác nhìn thấy sau đó, sẽ biến thành một điểm yếu, người ta sẽ lợi dụng thứ bạn thích để mê hoặc bạn, cuối cùng chỉ có mình bạn xui xẻo. Vì vậy, người càng có quyền thế cao, càng không thể biểu lộ hỉ nộ trên sắc mặt, chỉ cần để cấp dưới của mình biết sở thích của mình, là nguy hiểm rồi.

Ví dụ, lãnh đạo thích câu cá, cấp dưới sẽ đi tập câu cá, nhưng anh ta không đi câu cùng lãnh đạo, mà câu ở nơi rất xa, rồi dần dần đến gần lãnh đạo, lãnh đạo sẽ không nghi ngờ, còn cảm thấy mình trước đây không chú ý đến, nên tỏ ý hối tiếc. Như vậy lãnh đạo không còn ý thức phòng vệ, cấp dưới vừa câu cá vừa nói với lãnh đạo đủ thứ chuyện lăng nhăng, lãnh đạo rất dễ bị khống chế, sau đó cấp dưới bên ngoài lợi dụng uy thế của lãnh đạo để làm bậy, mà tất cả trách nhiệm đều đổ lên đầu lãnh đạo. Điều này lại trách ai được? Lời hay ai cũng thích nghe, thiếu nữ xinh đẹp thanh xuân, ai cũng thích nhìn, chính vì thế, mới có vấn đề không ngừng.

> Đối mặt với việc tiểu nhân nịnh bợ lấy lòng, chúng ta phải đề phòng gấp bội, tránh sau này bị lột da rút gân, rơi vào bẫy. Nhưng đối với niềm vui do sở thích cá nhân mang lại, chúng ta có cần phải kiểm soát không? Sở thích thuần túy cá nhân khi mang lại niềm vui cho chúng ta, còn tiềm ẩn những nguy cơ nào?

Quẻ Đoài dùng hình ảnh đầm nước, đầm nước có thể nuôi dưỡng vạn vật, lại có cảnh sắc rất đẹp, tươi tốt sinh sôi, mọi người đều thích, nhưng cũng có thể rơi xuống chết đuối. Bất cứ việc gì đều có hai mặt, ban ngày nơi đây chèo thuyền rất vui vẻ, nếu cảm thấy chưa đã, rất muốn trải nghiệm không khí chèo thuyền ban đêm, kết quả chết đuối trong đó cũng không hiếm thấy. Chỉ là mỗi lần mọi người đều thấy chuyện xảy ra với người khác, cảm thấy chuyện này sẽ không xảy ra với mình, chỉ cần thêm chút cẩn thận là được. Thực ra, con người đều như vậy, nên bi kịch cứ lặp đi lặp lại, đây thực sự là chỗ ngu muội của loài người.

Phải biết rằng, có ba điều có thể làm vui lòng người khác. Khổng Tử đã nói hai điều đầu tiên: Thứ nhất là "xảo ngôn" (lời khéo léo), thứ hai là "lệnh sắc" (dung mạo xinh đẹp). Một người rất giỏi nói chuyện, chúng ta phải đề phòng nhiều hơn, nếu không nghe lời họ nói, không phân biệt đúng sai mà đã hoa lòng nở mặt, thì có thể sẽ gặp rắc rối. Một người rất biết cách ăn mặc, cũng phải đề phòng dụng ý của họ là gì. Như vậy, tính cảnh giác của chúng ta sẽ dần dần được nâng cao. Nếu cảm thấy nghe rất thoải mái, không xem thì phí, thường sẽ tự chuốc lấy hậu quả.

Quân tử sở dĩ không đấu lại được tiểu nhân, là vì quân tử cho rằng mình tu dưỡng tốt, sẽ không bị lừa, mới xảy ra vấn đề. Thực ra, người càng nghiêm túc chính trực, càng dễ xảy ra vấn đề. Chúng ta thường nói, người trẻ tuổi chưa từng lui tới nơi giải trí, khi lớn tuổi càng không nên đến, điều này rất có lý. Bởi vì khi trẻ đã từng trải nghiệm ở đó, hiểu rõ những chuyện trong đó, xử lý rất lão luyện, sẽ không dễ bị lừa. Nhưng già mới biết hoa thơm, rất khó cưỡng lại sự cám dỗ, khó mà toàn thân rút lui.

Điều thứ ba có thể làm vui lòng người, là cảnh sắc đẹp đẽ. Đây là cảnh báo mà quẻ Đoài đưa ra. Nhiều người đi những nơi phong cảnh đẹp để nghỉ dưỡng, thường lưu luyến không muốn về, trì hoãn công việc. Tất nhiên, người thích du lịch thỉnh thoảng đi thư giãn không có gì sai, nhưng vì thế mà mê mẩn du lịch, thậm chí mục đích làm việc cũng là để đi du lịch khắp nơi, có lẽ hơi quá đáng.

Thoán từ của quẻ Đoài bảo chúng ta "hanh", thực ra chỉ là hanh thông trong thời điểm nhất thời mà thôi. Thử nghĩ xem, bao nhiêu người thích leo núi, cuối cùng chết trên đường núi; bao nhiêu người thích chèo thuyền, cuối cùng chết trong nước. "Nghệ cao nhân đảm đại", chính là vì họ cảm thấy mình càng ngày càng quen thuộc, nên càng ngày càng thờ ơ, càng ngày càng vô tư vô lự, mới xảy ra chuyện. Cảm thấy sẽ không sao cả, ngược lại chính là lúc sẽ xảy ra chuyện, đây chính là đạo lý của Kinh Dịch. Vì vậy, con người có nên vui vẻ không, điều này cũng đáng để chúng ta thảo luận.

Chúng ta thường nói "sinh ư ưu hoạn, tử ư an lạc" (Sinh ra trong hoạn nạn, chết đi trong an lạc), lẽ nào an lạc không tốt? Không phải vậy, mà là con người sau khi an lạc, sẽ trở nên lỏng lẻo, không tích cực nữa, sẽ tiêu hao thời gian để làm một số việc mà trong mắt người khác không được nghiêm túc. Như vậy tất nhiên không thể "lợi trinh".

Nhân sinh ngắn ngủi, từng phút từng giây đều rất quý báu. Chúng ta thường nói, phải tìm vui trong khổ. Làm sao để có thể tìm vui trong khổ? Cuộc đời con người sóng gió không ngừng, họa hoạn vô cùng, nhưng chúng ta vẫn phải sống tiếp, cần phải có một thái độ đúng đắn, lạc quan, đây mới là điều mà sáu hào trong quẻ Đoài muốn nói với chúng ta. Vì vậy, tiếp theo chúng ta sẽ nói về: Lạc Quan Nhân Sinh.

Chương 130: Lạc quan nhân sinh

> Trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đời, không thể tránh khỏi việc gặp phải các trở ngại thậm chí tai họa khác nhau. Tuy nhiên, quẻ Đoài trong Kinh Dịch lại dạy chúng ta rằng, **gặp phải tai họa là để nhắc nhở chúng ta có thể tránh được tai họa**. Vậy phải làm thế nào để tránh được tai họa xảy ra? Nếu không kịp thời phòng bị, trong quẻ Đoài còn có những phương pháp nào chỉ dẫn chúng ta biến hung thành cát?

Hào sơ cửu của quẻ Đoài là khó khăn nhất, nhưng việc khó khăn nhất cũng là việc dễ giải quyết nhất, bởi vì nó rất ít liên quan. Chúng ta hãy xem hào từ của hào sơ cửu (hình 130-1): “Hòa đoái, cát.”

(Hoà thuận, vui vẻ, tốt.)

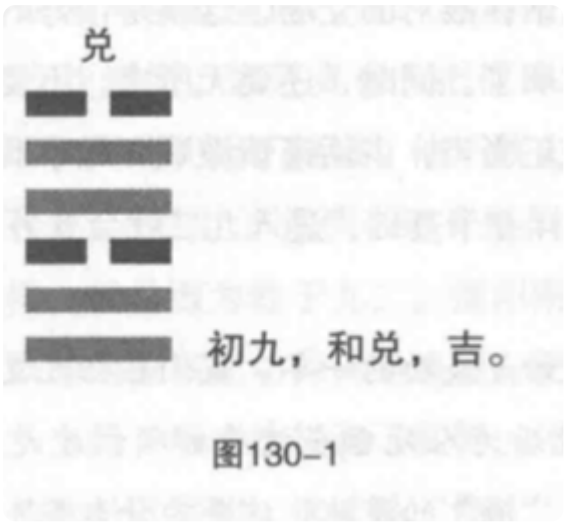


图130–1

"Hòa" nghĩa là hòa thuận, đối xử hòa khí với nhau. Hào sơ cửu, ở trên không có người ủng hộ, cũng không có hào nào tương ứng với mình, chỉ còn cách đối xử hòa khí với mọi người. Nhưng vào lúc này, nhiều người quên mất mình là “tiềm long”, tốt nhất không nên có quá nhiều ý kiến, quá nhiều biểu hiện, ngược lại thích nói thế nào thì nói thế ấy, vui thích thế nào thì làm thế ấy, không quan tâm đến hoàn cảnh, điều này nhất định sẽ ảnh hưởng không tốt đến tương lai của mình. Do đó, người trẻ chỉ cần phô bày hết tài năng, cuối cùng nhất định sẽ chịu thiệt, bởi vì rất dễ bị đè nén, bị lạnh nhạt. Đến lúc đó, dù có tài năng trời cho cũng không phát huy được. Vì vậy, hào từ của hào sơ cửu trước tiên đề cập đến "hòa", ý nghĩa là để nói cho chúng ta biết thế nào gọi là đạo Đoài, nguyên tắc đầu tiên của nó là phải đối xử hòa khí với người khác. Đối xử hòa khí không phải là làm qua loa, không phải là mọi người đều sống như vậy nên mình cũng mơ hồ theo, mà là phải có kiến giải của riêng mình, điểm này vô cùng quan trọng.

Chúng ta cần giải thích rõ hơn về chữ "hòa". "Hòa" không phải là hòa hoãn, không phải là không có đúng sai, mà là biết rất rõ một việc, đó là mình đúng không có nghĩa người khác sai, người khác đúng cũng không có nghĩa mình sai. Nhưng thông thường người ta không có suy nghĩ như vậy, họ đều cho rằng nếu tôi đúng thì hiển nhiên mọi người đều sai, mọi người đúng thì có nghĩa tôi đã sai. Vì vậy, "hòa" còn có một

tầng ý nghĩa khác, đó là **hòa mà không đồng**. Tuy có ý kiến khác nhau không sao, nhưng vẫn phải giữ hòa khí. Trong một tập thể, việc mọi người có sự khác biệt là rất bình thường, nhưng chắc chắn phải có một phần giống nhau, trước tiên tìm ra phần chung, sau đó bình tĩnh từ từ bàn bạc. Đây mới là ý nghĩa thực sự của "hòa đoài".

Tiểu tượng nói rất rõ: “Hòa đoài chi cát, hành vị nghi dã”

(Điều cát trong hòa đoài là hành vi không bị nghi ngờ).

Hành vi, lời nói không bị người khác nghi hoặc, mới được cát thuận. Tại sao nói như vậy? Chính là người khác không rõ mục đích ngôn hành của bạn là gì: là muốn lấy lòng họ, hay đả kích họ, hoặc lôi kéo người khác để đối phó với họ... Thông thường người ta đều có những nghi ngờ như vậy. Nếu một người trẻ có thể hòa mà không đồng, không nịnh hót người khác, không bợ đỡ người khác, cũng không đứng ở vị trí đối địch với người khác, đây chính là tu dưỡng rất tốt. Khi mọi người đều không nghi ngờ thì tự nhiên sẽ cát thuận. Đồng thời, còn phải vô cầu, đừng động một tí là yêu cầu người khác giúp đỡ, mọi việc dựa vào bản thân, hành vi đường hoàng chính đáng, nói năng cẩn thận khiêm nhường, làm việc không có ý lấy lòng người khác, cũng không đắc tội với người khác, có được nền tảng như vậy, tiến vào cửu nhị sẽ có một cảnh tượng khác.

> Tục ngữ nói: “Khởi đầu tốt là một nửa thành công”. Chúng ta đã đặt nền tảng tốt ở hào sơ cửu, có một khởi đầu tốt, về sau trong cách đối nhân xử thế phải càng thuận lợi hơn, nhưng sau khi tiến vào hào cửu nhị, lại đột nhiên rơi vào cảnh ngộ "hối"! Tại sao vậy? Chúng ta phải làm thế nào mới có thể thoát khỏi khó khăn, khiến "hối" tiêu tan?

Trước đó đã nói, quẻ Đoài là từ quẻ Kiền mà ra. Cửu nhị là “long hiện tại điền”, lúc này có thể đạt được gì? Chúng ta hãy xem hào từ của hào cửu nhị trong quẻ Đoài (hình 130-2): “Phu đoài, cát, hối vong.”

(Trung trực mà vui vẻ, tốt, hối hận mất đi.)

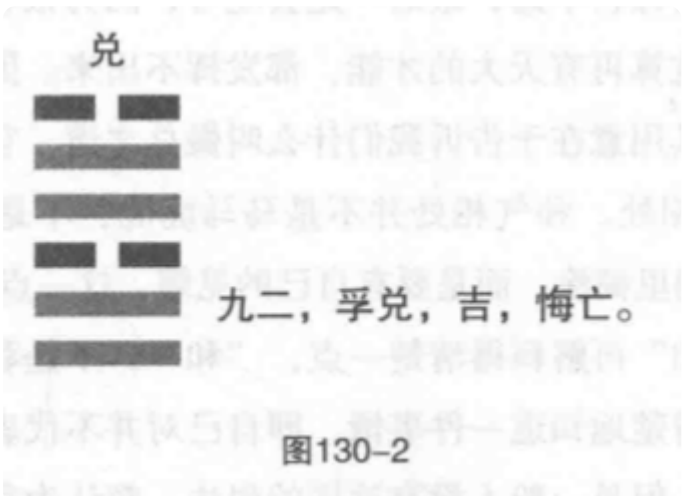


图130–2

"Phu" nghĩa là thành tín. Cửu nhị dùng thành tín của mình để khiến mọi người vui vẻ. Cửu nhị đắc trung, vốn nên rất cát thuận, tại sao lại "hối vong"? Cửu nhị bất chính, vị trí thứ hai nên là hào âm, nay hào dương chiếm vị trí này, tuy đắc trung nhưng lại thất vị, thất vị thường có hối. Đặt vai trò của mình sang một bên, ngược lại đi lấy lòng người khác, đây là tâm ý không tốt, tâm ý không tốt làm sao có kết quả tốt được?

Thời Tống Thần Tông, có một người mà mọi người đều rất quen thuộc, tên là Tư Mã Quang. Tư Mã Quang từ nhỏ đã khác với người khác, đặc biệt thông minh ham học. Và sau này làm Tể tướng mười lăm năm, được lòng dân sâu sắc, điều này đối với ông là rất nguy hiểm. Bởi vì mọi người sẽ nghi ngờ, ông được lòng dân như vậy, có phải muốn cướp ngôi vua không? Vì thế khi Tống Thần Tông băng hà, Tư Mã Quang không dám đi viếng, nếu không sẽ càng khiến mọi người nghi ngờ hơn, tự chuốc lấy phiền phức. Nếu thực sự có người tôn ông lên, lại thêm một lần "hoàng bào gia thân", thì chẳng phải tệ hại đến cùng sao! Vì vậy, để tránh hiềm nghi, ông không dám đi. Nhưng nhiều người khuyên ông phải đi, hoàng thượng băng hà làm sao có thể không đi, không đi chẳng phải chứng tỏ trong lòng có quỷ, càng khiến người khác nghi ngờ sao?

Sở dĩ Tư Mã Quang như vậy, là vì ở vào vị trí cửu nhị, rất dương cương, có nhiều thành tích chính trị, được lòng dân sâu sắc, nhưng lại bất chính. Làm Tể Tướng phải để công lao cho hoàng đế, đưa lòng dân hướng về hoàng đế, làm sao có thể hướng về mình? Dĩ nhiên, sau đó ông cân nhắc lợi hại, vẫn đi, may mắn là tất cả mọi người đều không nghi ngờ ông, còn nói ông thật là một tể tướng tốt. Đây mới là "hối vong", vốn có hối nhưng nay đã tiêu tan, trở thành vô hối. Tại sao lại như vậy?

Tiểu tượng giải thích rất rõ: “Phu đoài chi cát, tín chí dã.”

"Tín" là thành tín trong lòng, không dùng lời nói để lấy lòng người. Tư Mã Quang đi rồi, không thể nói mọi người đừng nghi ngờ mình, nếu không sẽ là "nơi này không có ba trăm lạng bạc"; cũng không thể nói hôm nay đến thể hiện mình không có tư tâm, điều đó càng tệ hơn, vì ngụ ý là vốn có tư tâm. Tóm lại, muốn dùng ngôn ngữ để thuyết phục người khác, thực ra là hạ sách, không nói còn tốt, càng nói càng phiền phức. Vì vậy, Tư Mã Quang đơn giản là không nói, chỉ thể hiện ra sự thành tín của mình, thành tâm thành ý, vô tư vô lự, người khác nghĩ thế nào về ông cũng không còn cách nào, như vậy tự nhiên sẽ giải tỏa được nghi hoặc của mọi người.

> Tục ngữ nói: “Vạn sự khởi đầu nan”. Nhưng quẻ Đoài lại ngược lại, ở vị trí ban đầu là hào sơ cửu, vừa xuất hiện đã có hào từ "cát tường"; hào cửu nhị tuy "có hối" nhưng vẫn có thể lợi dụng thành tín để khiến hối tiêu tan. Tuy nhiên, đến hào lục tam thì xuất hiện cảnh ngộ "hung". Tại sao quẻ Đoài lại càng đi càng gian nan, chúng ta phải làm thế nào mới có thể biến hung thành cát?

Bây giờ chúng ta tiến vào hào lục tam, hào từ (hình 130-3) nói: “Lai đoài, hung.”

(Quay lại cầu vui với người ở dưới, xấu.)



图130–3

Hào sơ cửu là cát, cửu nhị là hối vong, lục tam thẳng thắn nói hung, tại sao hung? Lục tam không tương ứng với thượng lục, nên hướng xuống nịnh bợ cửu nhị, tốn công lấy lòng nó, hiển nhiên bất chính. **Một người nếu cố tình muốn lấy lòng người khác, kết quả tự nhiên là hung.** Ban đầu người ta có thể không có cảm giác, nhưng dần dần sẽ bắt đầu đề phòng, dù bạn có ý tốt, trong mắt họ cũng biến thành xấu. Bạn cười với họ, họ cho rằng bạn cười giả tạo; bạn lịch sự với họ, họ nói lễ nhiều tất có mưu đồ. Lúc này bạn hoàn toàn không có cách nào.

Tiểu tượng nói với chúng ta: “Lai đoài chi hung, trụ bất đáng dã.”

Sở dĩ có hung, là vì không đặt đúng vị trí của mình, không đóng tốt vai trò của mình. Thử nghĩ xem, khi mọi người đều ca ngợi lãnh đạo của bạn, bạn có nên thuận theo họ mà cũng ca ngợi như vậy không? Điều này rất khó phân biệt. Nếu mọi người đều là người của mình, đều nói lãnh đạo tốt thế nào thế nào, bạn không thể một câu cũng không nói, nếu không sẽ thể hiện bạn không đồng ý, như vậy chẳng phải tệ hại sao? Nếu những người ca ngợi lãnh đạo đều là khách, bạn cũng đi theo khách mà nói, sếp sẽ cảm thấy kỳ lạ, không biết bạn đang đứng về phía mình hay phía khách. Nhiều việc không đơn giản là đúng thế này sai thế kia, mà là trong hoàn cảnh này đúng, trong hoàn cảnh kia có thể lại trở thành sai, đây mới là Kinh Dịch.

> Lục tam bất chính, làm thế nào cũng rất phiền phức, nhưng vẫn phải nhớ vị trí ban đầu của mình là "tịch dương nhược lệ" (夕陽若厲, ndlr: xế trưa mùa hè, biểu thị thời điểm mặt trời đã qua đỉnh điểm của ngày và bắt đầu nghiêng về chiều trong mùa nóng nhất của năm, đang chuyển từ thịnh sang suy), lúc này phải cẩn thận, còn thận trọng hơn cả hào sơ cửu và cửu nhị, mới không có hung. Kinh Dịch nói đến hung, chính là nhắc nhở chúng ta có thể không hung, nếu không sẽ biến thành thuyết định mệnh, bói được quẻ này, gặp phải hào kia nhất định hung, không có chuyện này. Nếu nói mọi việc rất cố định, đoán chắc như đinh đóng cột, chúng ta đều không nên tin, bởi vì bất cứ việc gì đều có sự thay đổi, có dư địa để xoay chuyển, có cách để hóa giải.
>
> Kinh Dịch nhắc nhở chúng ta, bất cứ việc gì đều có dư địa để xoay chuyển. Vậy thì, cảnh "hung" phát sinh trong nội quái của quẻ Đoài, tam hào của ngoại quái sẽ hóa giải như thế nào?

Hào từ của cửu tứ (hình 130-4) nói: “Thương đoài vị ninh, giới tật hữu hỉ.”

(cân nhắc xem nên cầu vui ở phía nào mà chưa quyết định được rồi sau theo chính bỏ tà, đáng mừng.)

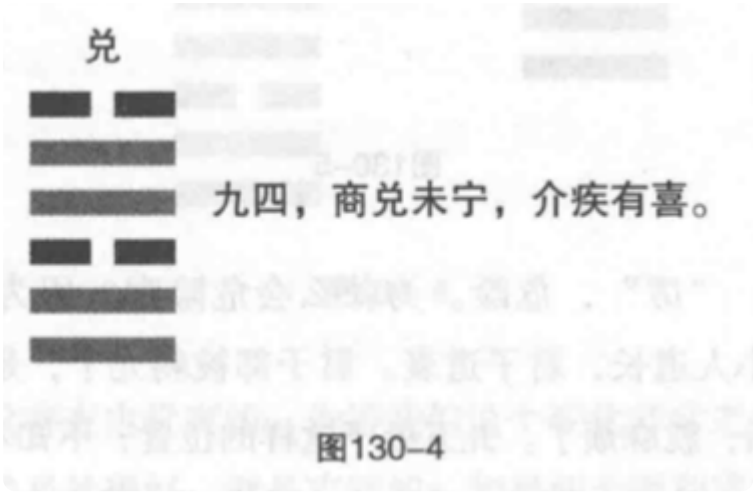


图130–4

Cửu tứ, vừa bất chính, lại không tương ứng với hào sơ cửu, hơn nữa phía dưới lục tam là hào âm, phía trên cửu ngũ còn cứng rắn hơn nó, vậy phải làm sao? Hào từ cung cấp cho chúng ta một lối thoát rất tốt, gọi là "thương đoài", nghĩa là có việc gì thì cùng nhau bàn bạc tốt đẹp, chứ không phải đem những điều mình nghi ngờ dũng cảm đưa ra. "Vị ninh", cuộc sống không nhất định an định, bởi vì toàn bộ môi trường đều bất lợi, nhưng cửu tứ có thể phát huy chức năng lớn nhất của mình, chính là thuận theo cửu ngũ, để nó đi theo con đường quang minh chính đạo.

"Giới tật hữu hỉ", cửu tứ ngăn cách cửu ngũ với lục tam, khiến cửu ngũ không gặp phải tai họa do lục tam mang đến, như vậy chức năng của cửu ngũ đã đạt được. "Hữu hỉ" nghĩa là cửu tứ vốn có họa, nhưng nó ngăn cách được những điều có thể gây bệnh, và khiến nó hóa vô hình, nên được hỉ.

Tiểu tượng nói: “Cửu tứ chi hỉ, hữu khánh dã.”

Cửu tứ thật sự có thể ngăn cách cửu ngũ với lục tam, phân biệt thiện ác rất rõ ràng, không để chúng trộn lẫn vào nhau, như vậy đối với quốc gia, đối với xã hội đều có đóng góp, đây chính là điều mà chúng ta thường nói là phúc quốc lợi dân. Cửu tứ đã làm một việc phúc quốc lợi dân, tuy bất chính, tuy môi trường không tốt, rất bất an ninh, nhưng trong môi trường như vậy, nó báo cho cửu ngũ biết phải cẩn thận với lục tam. Cửu tứ không những không thể đi xuống so sánh với lục tam, mà còn phải áp chế nó, bảo vệ chính đạo của cửu ngũ, như vậy mới có công lao, mới có hỉ khánh.

Quẻ Đoài, quan trọng nhất toàn quẻ thực ra vẫn là hào cửu ngũ, nhưng cửu ngũ rất nguy hiểm, hào từ (hình 130-5) trực tiếp nói: “Phu vu bác, hữu lệ.”

(Nếu tin kẻ tiểu nhân mà tiêu mòn (bác) hết đức trung chính của mình thì nguy.)

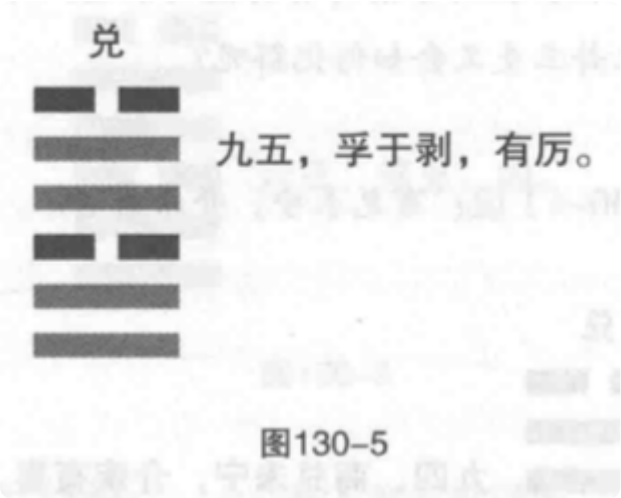


图130–5

"Hữu lệ", "lệ" là nguy hiểm. Tại sao lại nguy hiểm? Bởi vì "phu vu bác". "Bác" chính là “tiểu nhân đạo trưởng, quân tử đạo suy” (Đạo của kẻ tiểu nhân đang lên, đạo của người quân tử đang suy). Quân tử đều bị bóc lột hết, đây là cảnh báo cửu ngũ nếu tin vào thượng lục thì sẽ phiền phức. Cửu ngũ ở vào vị trí như vậy, vô tình sẽ đi thân cận thượng lục, rất dễ rơi vào cảnh nguy hiểm. Còn thượng lục không có cát cũng không có hung, bởi vì nó có thể cát có thể hung, làm tốt thì có thể tránh được “Kháng long hữu hối”, làm không tốt thì là “Long chiến vu dã”.

Do đó, chúng ta đặc biệt nhắc nhở, Cửu ngũ vừa đắc chính vừa đắc trung, là vị trí quan trọng nhất của toàn quẻ, tất cả đều xem nó có thể đi theo chính đạo hay không. Nếu cửu ngũ hành vi bình thường, đi theo chính đạo thì hào sơ cửu, cửu nhị sẽ sống, lục tam không dám tùy tiện, cửu tứ cũng có biểu hiện, như vậy tất cả đều tốt. Nhưng hành vi của cửu ngũ rất dễ bất thường, bởi vì nó rất dễ thân cận thượng lục, rất dễ bị tiểu nhân vây quanh, tiểu nhân một khi nịnh hót, lấy lòng, cửu ngũ sẽ đắm chìm trong đó, biến thành hôn quân, mà người khác lại không dám nói thẳng. Nhưng cửu ngũ đắc chính, có quyền có thế, chỉ cần tâm chính là có thể hóa giải được nguy hiểm.

Tiểu tượng nói: “Phu vu bác, trụ chính đương dã.”

Đây là lời nói ngược, vì không dám nói thẳng. Ý của Tiểu tượng là nói, cửu ngũ nhớ vị trí của mình là chính đương, thì sẽ không “phu vu bác”; nếu "phu vu bác" thì phải cẩn thận, tuy vị trí là chính đương nhưng hành vi có thể không chính đương. Tiểu tượng nói rất quanh co, bởi vì đối với cửu ngũ không thể nói thẳng, nếu không chọc giận nó, chỉ có mình gặp xui xẻo.

> Hào cửu tứ tuy có thể ngăn cách ảnh hưởng của lục tam đối với cửu ngũ, nhưng không thể ngăn cản cửu ngũ đi thân cận thượng lục. Tuy nhiên, chỉ cần cửu ngũ thân cận thượng lục, rất dễ rơi vào cảnh nguy hiểm, vậy thì thượng lục đúng là một vai trò như thế nào? Tại sao lại tạo ra ảnh hưởng nghiêm trọng như vậy đối với hào cửu ngũ? Và trong lịch sử đã từng xuất hiện những nhân vật kiểu thượng lục nào có ảnh hưởng tích cực đối với hào cửu ngũ?

Hào từ của thượng lục (hình 130-6) chỉ có hai chữ: “Dẫn đoài.”

(Đem sự vui thú tới.)



图130–6

Thượng lục, không có cát cũng không có hung, nói cho chúng ta biết sự thay đổi này rất lớn. Toàn quẻ chỉ cần mối quan hệ giữa cửu ngũ và thượng lục tốt thì sẽ cát thuận; nếu hai bên vì lợi ích mà câu kết với nhau thì toàn quẻ sẽ xong.

Ở đây, chúng ta có hai cách giải thích: Thứ nhất, thượng lục ở địa vị cao, không chịu dễ dàng xuất sơn để giúp đỡ cửu ngũ; thứ hai, bản thân thượng lục là tiểu nhân, thời thời khắc khắc muốn đến dụ dỗ cửu ngũ. Dĩ nhiên, Kinh Dịch khuyên chúng ta đi theo chính đạo, nên tốt nhất chúng ta giải thích thành: thượng lục là người có địa vị cao, nhưng cần cửu ngũ đến cầu họ, thể hiện sự thành ý của mình.

Thượng lục có thể ví như bậc đại thần của quốc gia, chỉ là hiện đã lui vị, không màng đến thế sự, hoặc vốn chưa ra khỏi núi. Trong lịch sử, có hai người là ví dụ tốt nhất về thượng lục. Một người là Khương Tử Nha. Khương Tử Nha tám mươi tuổi mới gặp Văn Vương, chứ không phải tự mình chủ động đi tìm. Tại sao ông lại làm như vậy? Bởi vì ông đã từng tìm, nhưng Trụ Vương hoàn toàn không coi ông ra gì. Ban đầu ông muốn thay đổi Trụ Vương, khiến toàn bộ nhà Thương khôi phục lại tình hình quốc gia dân phong rất tốt trước đây, nhưng Trụ Vương hôn quân vô đạo, hoàn toàn không có cơ hội. Vì vậy, Khương Tử Nha đặt hy vọng vào Văn Vương, nhưng ông biết nếu đi tìm Văn Vương, mình sẽ phải nhìn sắc mặt của Văn Vương, nói không chừng còn bị nghi ngờ. Do đó, ông câu cá bên sông Vị mà không dùng lưỡi câu, ông muốn câu con cá lớn, chính là Văn Vương. Quả nhiên, Văn Vương thành tâm thành ý đến cầu giáo với ông, mời ông xuất sơn, lập nên nhà Chu. Người thứ hai là Khổng Minh, ông được gọi là Ngoạ Long, nằm ở nhà chờ người khác đến mời. Vì vậy, như Khương Tử Nha và Khổng Minh mới gọi là "dẫn đoài", còn "dẫn đoài" tốt hay không, rất khó nói. Nếu Khương Tử Nha không gặp được Văn Vương, Khổng Minh không gặp được Lưu Bị, cả đời

đã xong, lịch sử sẽ không lưu lại tên tuổi của họ. Đây cũng là dụng ý của thượng lục vô cát vô hung, tức là không biết là cát hay hung, xem mình làm thế nào.

Không chịu ra khỏi núi, chính là không "thuận thiên ứng nhân". "Thuận thiên" là nói thời cơ đã đến, không thể không xuống núi; "ứng nhân" là nói bách tính kỳ vọng vào bạn, bạn phải có đóng góp. Nếu một người có năng lực nhưng ở trên núi làm ẩn sĩ, thì có tác dụng gì? Vì vậy, Mặc Tử mới chủ trương nói: "Ma đỉnh phóng chủng, dĩ lợi thiên hạ". Chỉ cần có lợi cho thiên hạ, việc gì cũng sẵn sàng làm, dù phải mài mòn đỉnh đầu, đi nát gót chân cũng cam tâm tình nguyện. Nhiệt tình của Mặc Tử cũng là một gợi ý rất tốt mà "dẫn đoài" mang lại cho chúng ta.

Người sinh ra đời khóc lóc, cuối cùng nhất định phải cười mà ra đi. Làm sao mới có thể cười mà ra đi? Chính là không lãng phí thời gian và tinh lực của mình, không đi khắp nơi tìm cách lấy lòng người, làm vui lòng đám đông, mà là thực thực tại tại, quy quy củ củ làm một số việc có thể được ngàn thu vạn đại ghi nhớ, đây chính là con đường mà Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Tăng Tử đã đi. Họ mới thực sự là đại diện cho "đạo Đoài". Tôi rất vui vẻ, tôi dạy con trẻ cuộc đời phải vui vẻ, tôi khiến các quan viên của tôi rất vui vẻ, phàm là người gặp tôi, ở cùng tôi đều rất vui vẻ... Phải biết niềm vui này là giả tạo, là nổi trên bề mặt, là không chắc chắn, là không thể lâu dài. Phạm Trọng Yêm nói với chúng ta: "Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Tăng Quốc Phiên cũng nói: "Ưu dĩ chung thân, lạc dĩ chung thân" (lo suốt đời, vui suốt đời). Họ đều là những người rất hiểu đạo Đoài.

Người không thể hoàn toàn sống vì niềm vui, nếu không cuộc sống sẽ không có ý nghĩa, không có giá trị, điểm này người hiện đại cần phải hiểu rõ. Vui thì sẽ không vui, đến nhanh đi cũng nhanh, trèo cao thì ngã đau. Vì vậy, chúng ta phải gửi gắm niềm vui vào trong tâm mình, chứ không phải gửi gắm vào bên ngoài, bởi vì tất cả mọi việc bên ngoài đều là biến động, không đáng tin cậy. Niềm vui của một người nếu gửi gắm vào bên ngoài, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng. Người ta không phải là không thể thể hiện niềm vui, mà là phải xem thời gian, địa điểm, hoàn cảnh có phù hợp với sự thể hiện đó không. Đồng thời, mỗi lần muốn thể hiện niềm vui, nên chú ý vấn đề "độ", vừa phải xét đến bản thân, vừa phải xét đến người khác.

Dù thế nào, con người đều đòi hỏi niềm vui, nhưng nhất định phải cẩn thận, bởi vì sau niềm vui chính là tan rã. Bạn bè tụ họp, mọi người đều rất vui vẻ hạnh phúc, ăn ngon uống ngon, nhưng trên đời không có tiệc nào không tàn. Vì vậy, sau quẻ Đoài chính là quẻ Hoán, Hoán chính là tan rã. Lần sau, chúng ta tiếp tục nói về: Khi tan thì hãy tan.

Chương 131: Quẻ 59: Phong Thủy Hoán - Khi tan thì hãy tan

> Tục ngữ nói: "Người có buồn vui ly hợp, trăng có tròn khuyết sáng tối." Ly tán là vấn đề không ai có thể tránh khỏi, quẻ Hoán trong Kinh Dịch chính là tượng trưng cho cảnh ngộ ly tán. Vậy ly tán với tư cách là một trạng thái bình thường của cuộc đời, chẳng lẽ chỉ mang đến cho con người nỗi buồn? Con người nên học được những gì từ trong cảnh ngộ ly tán?

Tin rằng mỗi người đều có cùng một trải nghiệm, thời gian vui vẻ dường như luôn trôi qua đặc biệt nhanh, tiếp đó là ly tán, mỗi người một ngả. Có tụ có tán, vốn là tình người, dĩ nhiên cũng có thể nói là một kiểu vô thường, bởi vì không biết khi nào thì tụ lại với nhau, không biết khi nào lại tan. Nhìn từ toàn bộ cuộc đời, cũng là một đạo lý như vậy. Đứa trẻ chào đời, cả nhà đều vui mừng vì sự ra đời của nó, nhưng rồi thoáng chốc, đứa trẻ đã lớn, rời khỏi nhà, một năm khó được về nhà đoàn tụ vài lần, thế này còn là tốt. Lớn thêm một chút nữa, cha mẹ qua đời, anh chị em cũng rất khó tụ họp lại với nhau, đây cũng là sự thật.

Vì vậy, làm một con người, nếu không hiểu thế nào gọi là ly tán, nên đối mặt với ly tán ra sao, thì đối với toàn bộ cuộc đời mà nói là một khuyết điểm lớn. Chúng ta thường nói một câu là tụ ít ly nhiều, đặc biệt là thương nhân, thời gian xa nhà còn dài hơn thời gian ở nhà, càng nên tìm hiểu xem quẻ Hoán là gì.

"Hoán" là từ đâu mà ra? Chúng ta thấy khi gió thổi đến mặt nước, nước không thể không động. Bởi vì dù gió có mềm mại đến đâu, vẫn có một sức mạnh, vì thế, nước sẽ tạo nên từng gợn sóng lan tỏa ra bốn phía, đây chính là Hoán.

Tạp Quái Truyện nói rất rõ: “Hoán, tán dã” (Hoán là tan rã). Ly tán gọi là Hoán. Tự Quái Truyện cũng nói với chúng ta: “Thuyết nhi hậu tán chi, cố thụ chi dĩ hoán, hoán giả tán dã” (Vui vẻ rồi sau đó tan rã, nên tiếp nhận bằng quẻ Hoán, Hoán là tan rã). Cảm giác của người ta khi ly tán trong lúc buồn thực sự không bằng cảm giác khi đang vui vẻ tụ họp bỗng nhiên phải tan rã, vì vậy sau quẻ Đoài, rất khéo léo tiếp theo là quẻ Hoán.

Tạp Quái Truyện và Tự Quái Truyện giải thích giống nhau, có thể thấy dù nhìn thế nào, hoán đều là ly tán. Thực sự là như vậy sao? Có vẻ cũng không phải. Bởi vì kết quả của ly tán ra sao, điều này mới quan trọng hơn. Một xã hội, nếu nhân tâm ly tán, không có sự đồng thuận, lúc này đạo đức con người chắc chắn sẽ suy giảm nhanh chóng. Đặc biệt là khi xã hội động loạn bất an, rất ít người nghĩ đến vấn đề đạo đức, lừa được thì lừa, cướp được thì cướp, cũng không ai quản.

Do đó, chủ ý của quẻ Hoán chính là muốn chúng ta hóa giải ly tán. Cùng sống với nhau, tôi tin rất ít người có suy nghĩ “phải tan rã thì cứ tan rã”. Vậy thì, ai có khả năng hóa giải được tình trạng ly tán, và tạo lại điều kiện để tụ họp? Dĩ nhiên là người cầm quyền, người dân thường thì không có cách nào. Xã hội rối loạn, mọi người lo việc riêng của mình, lúc này chính quyền trở nên rất quan trọng. Chúng ta thường nói, chức năng

quan trọng nhất của chính quyền chính là hai chữ: giáo hóa. Trong lúc xã hội động loạn bất an, nhân tâm ly tán, trách nhiệm của chính quyền là phải thay đổi tâm thái của nhân dân. Trong lúc vô hình trung, để mọi người dần dần khôi phục sự đồng thuận ban đầu, coi trọng việc tu dưỡng đạo đức, khiến xã hội khôi phục sự bình yên, đây mới là ý nghĩa thực sự của quẻ Hoán.

> Bất kể là gia đình ly tán, hay xã hội ly tán, lòng người đều loạn động bất an, do đó chủ ý của quẻ Hoán là nói cho mọi người biết làm thế nào để thoát khỏi cảnh ngộ ly tán. Tuy nhiên, thoán từ của quẻ Hoán vừa mở đầu đã nói "Hoán, hanh", đây là chuyện gì? Con người làm thế nào mới có thể trong ly tán mà đạt được hanh thông?

Chúng ta hãy xem thoán từ của quẻ Hoán (hình 131-1): “Hoán, hanh. Vương cách hữu miếu, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.”
(Lìa tan: hanh thông. Vua tới nhà Thái miếu, vượt qua sông lớn thì lợi, giữ đạo chính thì lợi.)

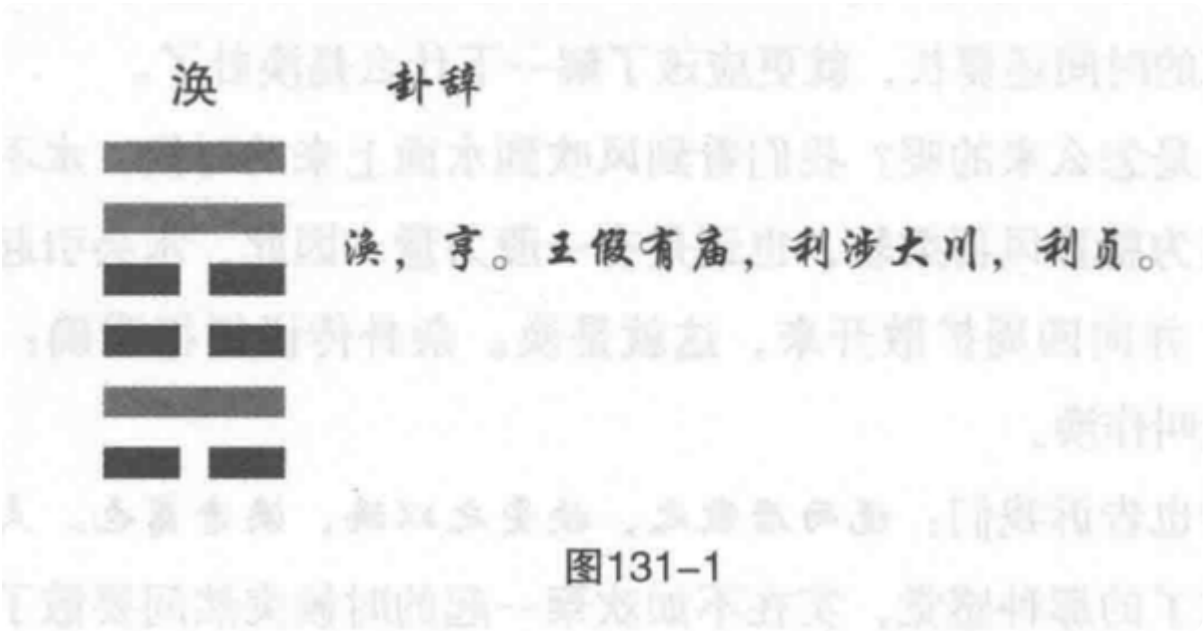


图131-1

"Hanh" không phải là hanh vô cớ, cũng không phải nói ly tán chính là hanh, mà là khi ly tán đừng bi ai, đừng nhượng bộ hiện thực, đừng tự phụ tự bỏ, phải có điều tác thành, khiến nó hanh thông. "Vương cách hữu miếu", khi ly tán, vua phải tự mình đến tông miếu tế bái.

Nhiều người, đặc biệt là người nước ngoài, đều phê phán người Trung Quốc mê tín, thờ cúng thần tượng/ngẫu tượng (偶像). Dĩ nhiên, nhiều người nước ngoài có hiểu lầm về người Trung Quốc, thực ra là do người Trung Quốc không hiểu, không thể nói ra được nguyên do, mới tạo ra kết quả như vậy. Chúng ta đã nói nhiều lần rồi, người Trung Quốc tuyệt đối không mê tín, không bao giờ thờ ngẫu tượng. Chúng ta thờ thiên địa, thánh hiền, tổ tiên.

Thứ nhất, người Trung Quốc thờ thiên địa, nhưng thiên địa có phải là ngẫu tượng (偶像) không? Thiên địa là môi trường tự nhiên chúng ta sinh sống, làm sao có thể coi là ngẫu tượng? Thứ hai, người Trung Quốc thờ thánh hiền, thánh hiền cũng không phải là ngẫu tượng.

Thật ra mà nói, trong xã hội Trung Quốc, ai cũng không phục ai - tôi tại sao phải phục anh, anh hơn tôi ở chỗ nào? Vì vậy trong xã hội Trung Quốc, muốn nổi tiếng rất khó. Do đó, nhiều người nói, nước ngoài tốt hơn, người trẻ có thể nhanh chóng nổi tiếng. Chúng ta phải hiểu, môi trường sinh thái của Đông Tây là khác nhau. Trong xã hội Trung Quốc, một người muốn nổi bật, người giúp đỡ ít, kẻ đè nén nhiều, như vậy mới thể hiện được sự khó có được. Vì thế mà mấy nghìn năm qua, thánh hiền của chúng ta không nhiều, may mắn lắm mới có một Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, đếm được trên đầu ngón tay. Như vậy chúng ta mới biết trong xã hội Trung Quốc, một người muốn nổi bật khó khăn đến nhường nào, nên chúng ta đặc biệt tôn kính số ít thánh hiền nổi bật lên được, vì đó là điều rất khó có được. Thứ ba, người Trung Quốc thờ tổ tiên của mình. Có thiên địa, có thánh hiền, có tổ tiên, mới có chúng ta, đạo lý đơn giản chỉ có vậy.

Vì vậy, "Vương cách hữu miếu", vua thường xuyên đến tông miếu tế bái, mục đích là để tụ tập lòng tin của dân chúng, để dân chúng cảm nhận được vua của mình là người có trách nhiệm, muốn truyền thừa văn hóa của chúng ta, không vì lợi ích và quyền thế cá nhân, mà là vì dân chúng mà nỗ lực phấn đấu.

Ngày xưa, Hoàng đế muốn tế thiên không dễ dàng như vậy, giao thông không phát triển, thông tin rất khó khăn, các điều kiện hoàn toàn không thể tưởng tượng được như bây giờ, đi một lần rất khó khăn. Do đó thường phải thông báo cho thiên hạ, để tất cả mọi người đều biết Hoàng Đế vì dân chúng mà vất vả đi cầu phúc từ thượng thiên.

"Lợi thiệp đại xuyên", "đại xuyên" là ý nói quẻ Khảm. Quẻ Hoán có nội quái là quẻ Khảm, quẻ Khảm chính là ý nghĩa hiểm nạn. Thật ra mà nói, trong lúc xã hội động loạn bất an, nhân dân ly tán đau khổ, muốn tổ chức lại nó, thiết lập lại trật tự xã hội, đâu dễ dàng. Điều này giống như một chiếc thuyền nhỏ, muốn vượt qua một con sông vừa rộng lớn vừa nước chảy xiết thì cũng khó khăn, nguy hiểm như vậy. Nhưng là, với tư cách một vị vua phải tự mình đi tế bái tông miếu, để thiên hạ đều cảm nhận được lòng thành của mình, dù nó nguy hiểm, việc vượt qua cũng rất có lợi. Vì vậy, hai chữ cuối cùng của hào từ là "lợi trinh".

> Khi xã hội trong tình trạng nhân tâm ly tán, động loạn bất an, cần có người cầm quyền thành tâm vì dân để quy tụ nhân tâm. Tuy nhiên, chỉ dựa vào lòng thành, vẫn không thể tái thiết trật tự xã hội, khiến xã hội ổn định đoàn kết. Vậy để làm điều này, người cầm quyền còn cần phải làm gì nữa?

Thoán truyện giải thích rõ ràng hơn: “Hoán, hanh. Cương lai nhi bất cùng, nhu đắc chính hồ ngoại nhi thượng đồng. Vương cách hữu miếu, vương nãi tại trung dã. Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công dã.”

"Hoán" là tên quẻ. Trong thời đại ly tán, muốn hanh thông, cần phải làm được hai điểm sau.

Thứ nhất, "cương lai nhi bất cùng". "Cương" chỉ cửu nhị. Quẻ Hoán nội quái là quẻ Khảm, là thủy. Nước lưu động không cùng, nên gọi "cương lai nhi bất cùng". "Bất cùng" nghĩa là không dứt nguy hiểm. Một người ở vào thời đại ly tán, tuy sẽ gặp nhiều nguy hiểm, nhưng chỉ cần có ý chí kiên cường, vẫn có thể đối phó được.

Thứ hai, "nhu đắc chính hồ ngoại". "Nhu" chỉ lục tứ. Lục tứ ở vào ngoại quái, tức vị trí bên ngoài, nhưng tuy ở bên ngoài, nó có một điều tốt, chính là có thể đồng lòng với cửu ngũ, toàn lực phối hợp với nó. Thật ra mà nói, đế vương nếu không có quan lại đắc lực, cũng là việc vô thành.

"Vương giả hữu miếu, vương nãi tại trung dã", thực sự khi thiên hạ đại loạn, vốn ngay cả cửa cũng không dám ra, bây giờ có thể ra ngoài, tại sao vậy? Bởi vì cửu ngũ đắc trung đắc chính. Đế vương thấy thiên hạ loạn như vậy, đã áp dụng nhiều biện pháp, khiến dân chúng tạm ổn định, như vậy ông mới có cách tế thiên.

"Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc hữu công dã", tối thiểu phải có công cụ mới có thể vượt qua sông lớn, tối thiểu phải có một số việc làm chắc chắn, cho rằng nguy hiểm có thể hóa giải được, mới dám đối mặt với quần chúng. Nếu không thì trốn còn không kịp.

Đại tượng truyện của quẻ Hoán nói: “Phong hành thủy thượng, hoán. Tiên vương dĩ hưởng vu Đế lập miếu.”

Quẻ Hoán, ngoại quái là quẻ Tốn (phong), nội quái là quẻ Khảm (thủy), gọi là Phong Thủy Hoán (hình 131-2).



图131–2

Gió thổi trên mặt nước, nước dập dềnh tản ra bốn phía, giống như đám đông tụ tập ở đó, đột nhiên nghe thấy tiếng động bất ngờ, tán loạn chạy đi. Ví dụ dễ thấy nhất là lúc họp chợ, mọi người từ bốn phương tám hướng dần dần tụ tập lại, tiến hành trao đổi, thông thương hàng hóa, đột nhiên có biến động gì đó, mọi người vội vàng ôm đồ đạc của mình chạy vội, có người tiện tay mang luôn đồ của người khác. Qua các thời

đại đều như vậy, văn minh, khoa học dù phát triển đến đâu cũng vô dụng. Đây là bản tính của con người, khi ngay cả sự sống còn không đảm bảo, nói gì cũng vô ích.

"Tiên vương dĩ hưởng vu đế, lập miếu", khi một đế nghiệp được thiết lập, đế vương phải xây dựng tông miếu, hàng năm đi tế tự, và hình thành một bộ chế độ. Mục đích là để nói cho con cháu đời sau đừng quên những khó khăn khi tổ tiên lập nghiệp, đừng để cơ nghiệp bị hủy hoại trong tay mình, nếu không sau này chết đi, sẽ không có mặt mũi gặp tổ tiên.

> Trong tượng quẻ Hoán, hạ Khảm thượng Tốn, ẩn chứa ý nghĩa phong hiểm, giống như sau khi gió thổi trên mặt nước, có thể chỉ tạo nên gợn sóng nhỏ, nhưng cũng có thể gây nên sóng dữ. Mỗi sự lựa chọn trong cuộc đời thực ra đều chứa đầy rủi ro, vậy con người nên đối phó thế nào? Từ quẻ Hoán chúng ta lại có thể nhận được những gợi ý gì?

Quẻ Hoán nói với chúng ta cách đối mặt với rủi ro, làm thế nào để hóa giải, làm thế nào để an toàn vượt qua, chứ không phải vừa thấy có rủi ro liền trốn tránh. Nếu không, ngày ngày phải chạy trốn, còn làm được việc gì? Bình thường nếu gặp tình huống này, tốt nhất là bình tĩnh đánh giá mức độ rủi ro, phòng ngừa trước. Thực ra, đối với rủi ro, chủ yếu là phải phòng ngừa trước, chứ không phải đợi khi xảy ra mới hoảng loạn, hoặc làm người khôn sau, đây mới là quan niệm đúng đắn. Bất cứ việc gì, trước tiên đánh giá xem mức độ rủi ro của nó lớn thế nào, nếu rủi ro quá cao thì tìm cách giảm thiểu. Chúng ta có thể làm là giảm thiểu đến mức không thể giảm nữa, rồi hỏi mình "không làm có được không?", nếu bắt buộc phải làm thì phải dũng cảm đối mặt.

Điều chúng ta có thể làm, không phải là loại bỏ rủi ro, bởi vì rất rõ ràng nội quái của quẻ Hoán chính là quẻ Khảm, hoàn toàn không tránh được. Chúng ta chỉ nói đến việc giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất mà thôi. Thấp đến mức nào? Đến mức bản thân có thể gánh vác được, công ty không vì thế mà phá sản. Một người, nếu đợi đến khi không có chút rủi ro nào mới làm việc, tốt nhất là đừng làm gì cả, bởi vì điều đó là không thể.

Nói chung, có tụ ắt có tán, có tán ắt có tụ, tán rồi lại tụ, điều này cho chúng ta một sự khích lệ rất tốt. Sự sinh trưởng của tự nhiên, cũng chính là một quá trình thăng trầm tuần hoàn tất yếu như vậy, chúng ta phải dùng tâm thái bình thường để đối mặt. Thoán từ "Vương cách hữu miếu" nói cho chúng ta biết, mỗi người đều phải kính thiên, hoặc phải tìm một mục tiêu để mình tôn kính. Kiểm soát bản thân một chút, biết rằng không phải mọi ham muốn đều có thể đạt được, phải tự kiềm chế thích đáng, đừng quá đáng. Đồng thời, trong cuộc sống thường ngày, cũng phải hình thành thói quen tốt.

Chúng ta đều biết, người nước ngoài gặp nhau thường ôm chặt lấy nhau, như thể sau này sẽ không gặp lại. Người Trung Quốc không bao giờ làm việc này, bởi vì chúng ta hiểu đạo lý của Kinh Dịch. Chúng ta nói "tái kiến", có thể có hai tình huống, một là sẽ gặp lại nhau, hai là từ đây không gặp lại. Xét riêng hai chữ "tái kiến" mà nói, kết quả đều không xác định, tùy thuộc vào cách chúng ta phản ứng, đây mới là Kinh Dịch. Ôm

nhau thật chặt, có lẽ đời này không còn cơ hội gặp lại, biểu hiện của bạn đã được trời biết, trời sẽ thỏa mãn bạn, đây gọi là “tâm tưởng sự thành”. Người Trung Quốc miệng nói "tái kiến", còn trong lòng nghĩ gì là chuyện khác. Vì vậy biểu hiện rất bình thản, trời cũng biết bạn muốn gặp lại người đó, nên sẽ sắp xếp cho các bạn tán rồi lại tụ.

Người Trung Quốc nói năng làm việc thường không cường điệu, nhiều người cho rằng người Trung Quốc đè nén cảm xúc của mình. Thực ra, chúng ta không phải đè nén bản thân, mà là biết rằng bất cứ việc gì cũng phải vừa phải, nếu không sẽ bất lợi cho mình. Ví dụ, người Trung Quốc tế tổ tiên, đều chọn vào tiết Thanh Minh một năm một lần, không phải ngày nào cũng đi. Là đế vương, tế thiên phải cung kính, phải tắm rửa thay áo, thể hiện sự thành kính của mình. Điều này là làm cho tất cả mọi người xem, ý nói là ta làm như vậy mà các ngươi còn không tin ta, thì nói gì cũng vô ích. Do đó, mục đích của chúng ta là nói, trong thời đại ly tán, không thể nói cứ để như vậy, mà là mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm.

> Thời đại ly tán mang lại cho con người không chỉ rủi ro, mà quan trọng hơn là cơ hội rèn luyện ý chí, thực hiện giá trị nhân sinh. Vậy, con người làm thế nào để nắm bắt tốt cơ hội này? Ở trong thời đại ly tán, trách nhiệm của mỗi người phải là gì?

Một người, sinh vào thời đại ly tán, phải cảm thấy may mắn chứ không phải xui xẻo, bởi vì hiếm có cơ hội như vậy để rèn luyện bản thân, có điều tác thành. Chỉ khác một ý nghĩ, kết quả sẽ thành một trời một vực. Phải làm thế nào? Bạn là cá nhân thì bắt đầu từ cá nhân; là một tập thể nhỏ, thì bắt đầu từ tập thể nhỏ, phải xây dựng sự đồng thuận. Nhiều người suốt ngày nói về đồng thuận, nhưng không biết đồng thuận là gì. Nói đơn giản, tối thiểu làm người phải có dáng vẻ của con người. Dù thế đạo lộn xộn thế nào, chúng ta cũng phải cố gắng giữ gìn sự ngăn nắp của mình, dù áo vải thô, màu sắc không đẹp, cũng phải mặc sạch sẽ, và sắp xếp nhà cửa gọn gàng. Điều này có hai lợi ích: Thứ nhất, thân thể khỏe mạnh. Thứ hai, giữ đầu óc tỉnh táo, làm việc từng bước một, từng chút một. Phải biết rằng nhân lúc loạn để làm bất cứ việc gì, đều không có kết quả tốt.

Tôi tin rằng ai cũng có ấn tượng như thế này, khi chúng ta nghèo khó, bỗng chốc qua vài năm, đã thay đổi rất nhiều. Thay đổi rất nhanh, không phải dài lâu, chỉ sợ không chịu làm. Không chịu làm, mãi mãi không thay đổi; chỉ cần làm, nhất định sẽ có thành quả tích lũy từng chút một. Trong lúc ly tán, điều quan trọng nhất là khôi phục lại những giá trị quan vốn có của chúng ta. Làm người, chỉ cần có giá trị quan mà thôi, dù thế nào cũng phải có khí phách, dùng hết khả năng của mình, trước tiên phải làm tốt bản thân, sau đó giúp người thân làm tốt. Mỗi gia đình đều như vậy, quốc gia lập tức sẽ khác.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, cuộc đời con người chủ yếu là xem sống có giá trị hay không. Sống không có giá trị, thì cũng như đến một chuyến vô ích. Cuộc đời rất vất vả, phải học hành, phải tìm việc, phải thế này, phải thế kia, nếu chúng ta lại sống một cuộc đời không có giá trị, thực sự không đáng. Vì vậy, dù thế nào cũng phải làm người cho tốt, đã đến thì yên phận, nhiều lúc là không có sự lựa chọn.

Thánh hiền của chúng ta rất thông minh, họ nói với chúng ta như vậy, muốn xây dựng lại trật tự xã hội trong thời loạn, chỉ cần một chữ là đủ, chữ đó là "hiếu". Chúng ta người Trung Quốc rất coi trọng đạo hiếu, con cái hiếu kính cha mẹ, bầu không khí trong gia đình rất hòa thuận, mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cũng rất thân thiện. Vì vậy, hiếu có thể quy tụ nhân tâm. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói về: Quy tụ nhân tâm.

Chương 132: Quy tụ nhân tâm

> Khi gia đình ly tán, nhân tâm ly tán trở thành hình thái chủ yếu của một xã hội, điều đó cho thấy xã hội đã mất trật tự. Lúc này những người trong cuộc, làm thế nào để vừa bảo toàn mình, vừa quy tụ nhân tâm, tái thiết trật tự xã hội? Đối với điều này, sáu hào của quẻ Hoán lại có thể đưa ra những giải đáp nào?

Quẻ Hoán có ba hào âm, ba hào dương, phối trí rất cân đối, một âm thì phối một dương, tiếp đến hai âm, lại phối hai dương. Có thể thấy nó đã sắp xếp cho chúng ta nhiều vấn đề, chỉ cần chúng ta tuần tự tiến dần, làm theo trình tự, là có thể hóa giải được. Hào quan trọng nhất của toàn quẻ chính là cửu ngũ. Nói cách khác, trong tình thế ly tán hỗn loạn này, những việc làm của cửu ngũ chính là chìa khóa để có thể thay đổi toàn bộ cục diện. Vì vậy, cửu ngũ là nhân vật chính chịu trách nhiệm thiết lập sự đồng thuận, thay đổi tình trạng hỗn loạn hiện tại. Bốn hào dưới - sơ lục, cửu nhị, lục tam, lục tứ, đều là để giúp đỡ hào cửu ngũ.

Chúng ta bắt đầu từ hào sơ lục, hào từ của nó (hình 132-1) nói: “Dụng chứng mã tráng, cát.”

(Dùng con ngựa mạnh để cứu vớt, tốt.)

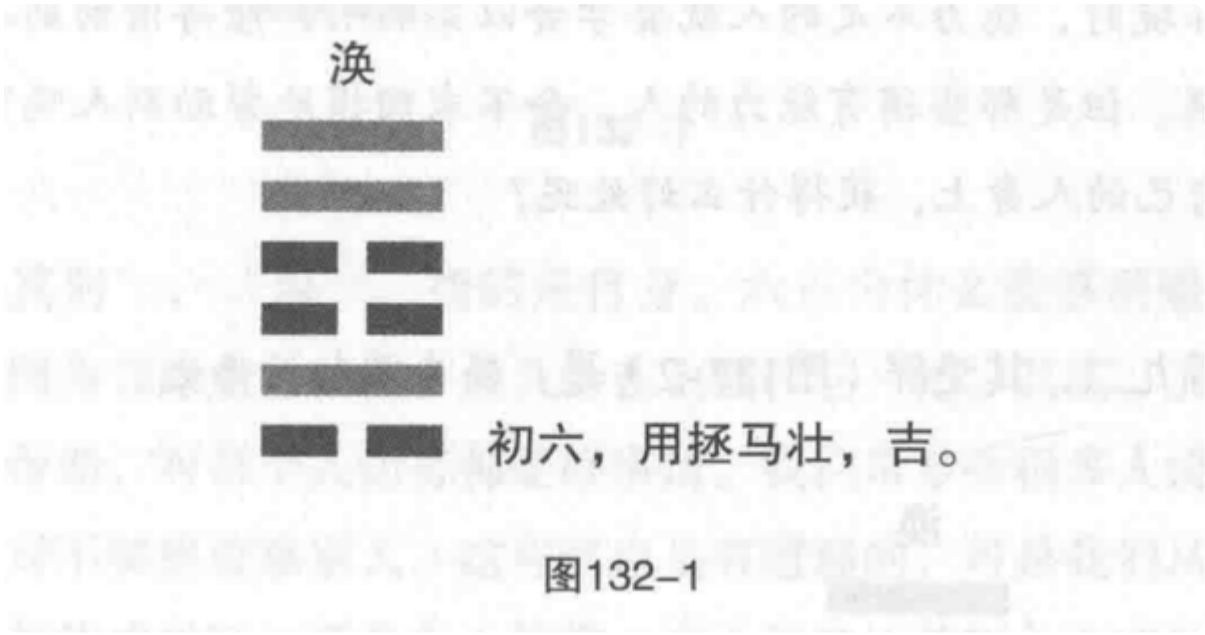


图132–1

"Dụng chứng mã tráng", "chứng" nghĩa là cứu giúp. Hào sơ lục nói với chúng ta, tài năng của một người có hạn, dù muốn tận trách nhiệm cũng không tận được. Hơn nữa hào sơ lục bất chính, bản thân rất nhu nhược; phía trên lại không tương ứng với lục tứ, không có người hỗ trợ, nên thấy tình hình rối loạn như vậy, rất muốn làm điều gì đó, nhưng lực bất tòng tâm, bởi vì tài năng của mình không đủ để đối phó với tình thế hiện tại. Phải làm sao? Hướng lên tìm lục tứ vô dụng, chỉ còn cách tìm cửu nhị. Cửu nhị khỏe mạnh, giống như ngựa vậy, mạnh mẽ có sức lực, có thể kéo hào sơ lục một phen, như vậy hào sơ lục mới có thể cát thuận.

Vậy, cửu nhị dựa vào đâu để cứu giúp sơ lục? Bởi vì cửu nhị cũng không tương ứng với cửu ngũ. Nếu cửu nhị tương ứng với cửu ngũ, hai bên họ hợp lại với nhau, dù sơ lục có cầu xin cửu nhị thế nào, nó cũng không giúp đỡ. Vì vậy, có lúc sự việc cũng vô tình như vậy. Trước tình thế rối loạn, phải tự mình cân nhắc, định vị: tôi có thể làm được gì, tôi nhỏ bé tiếng nói nhẹ, người khác không coi trọng thì phải làm sao? Lúc này, đành phải tìm một người giúp đỡ mình, dựa vào họ, đi theo họ. Thật ra mà nói, muốn trốn thoát, cũng không phải một người muốn chạy là có thể chạy được. Một người khi đối mặt với tình cảnh ly tán, nhất định phải bình tĩnh, cân nhắc một chút điều kiện của mình, cân nhắc một chút đi theo ai thì tốt hơn. Có thể thấy, bình thường chúng ta phải có một chút hiểu biết về những người xung quanh, như vậy trong lúc khẩn yếu mới có thể đưa ra lựa chọn đúng đắn.

Tiểu tượng nói: "Sơ lục chi cát, thuận dã."

Hào sơ lục vào lúc này tốt nhất không nên cưỡng cầu, mà là phải thuận theo cửu nhị, bởi vì mình là nhu, cửu nhị là cương. Sơ lục phải thể hiện ra sự sẵn sàng đi theo cửu nhị, có việc lặt vặt gì, giúp cửu nhị làm, không làm liên lụy đến cửu nhị. Điều này hoàn toàn dựa vào sự tu dưỡng của sơ lục, gọi là dĩ nhu thuận cương.

Lão Tử trong Đạo Đức Kinh nhiều lần nhấn mạnh quan niệm "nhu nhược thắng cương cường", khi ở trong môi trường ly tán hỗn loạn, người không đủ năng lực phải biết dùng nhu thuận cương, biết mượn sức người khác để tránh tai họa. Nhưng những người có chút năng lực, liệu họ có giúp đỡ người khác mà không cầu báo đáp không? Họ lại có thể nhận được những lợi ích gì từ những người dựa vào mình?

Tiếp theo xem hào cửu nhị, hào từ của nó (hình 132-2) là: "Hoán bôn kỳ kỉ, hối vong."

(Lúc ly tán, nên đựa vào hào 1 làm ghế ngồi thì hối hận mất đi.)

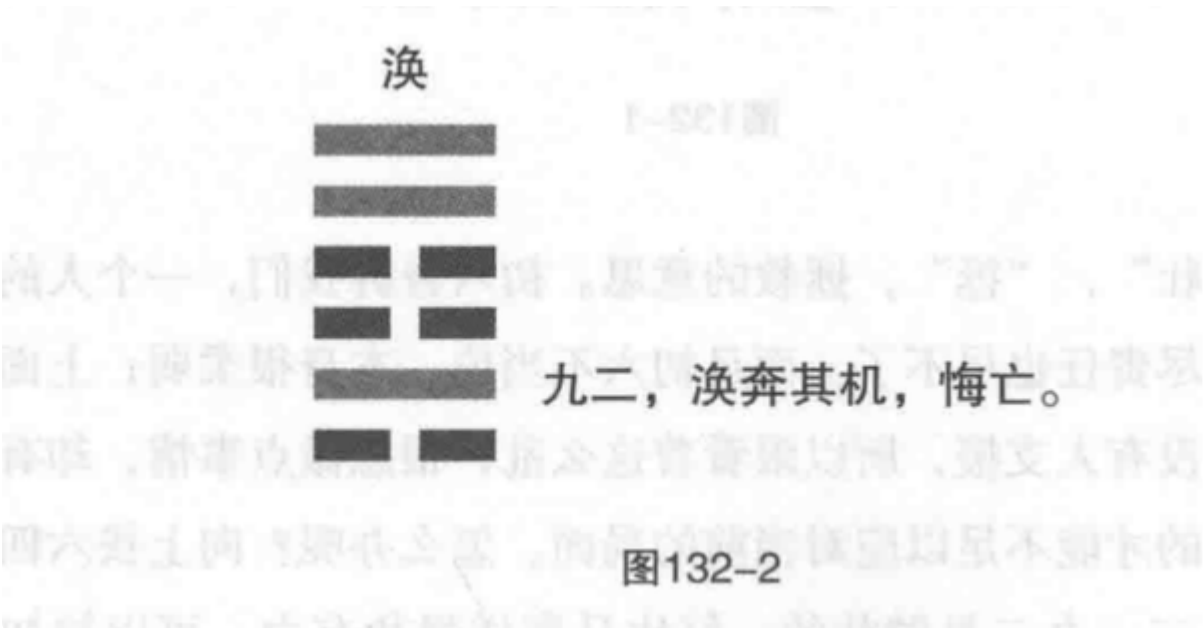


图132-2

Cửu nhị hào dương ở vị trí âm, bất chính, nên phải nhân lúc sơ lục thuận theo mình, không nên nâng cao giá trị của mình, không nên chê bai sơ lục. Nếu cửu nhị lại chê bai sơ lục, bản thân cũng rất khó chạy được.

"Hoán bôn kỳ kỉ": "Hoán" là ly tán; "kỉ" là cái ghế nhỏ, còn gọi là cơ án, tức là vật dụng có thể dựa vào. Cửu nhị chuẩn bị chạy, phải tìm người đáng tin cậy, chứ không phải đi cao ngạo. Cửu nhị có thể tìm lục tam, nhưng lục tam tương ứng với thượng cửu, hoàn toàn không màng đến nó. Còn sơ lục sẵn sàng quy thuận cửu nhị, cửu nhị lại thấy nó có thể dựa vào được, nên chạy về phía sơ lục, vì vậy vốn có hối nhưng bây giờ cũng tiêu tan. Có nhau làm bạn, giúp đỡ lẫn nhau, đối với sơ lục và cửu nhị mà nói, đều có lợi. Đây chính là lý do chính tại sao quẻ Hoán đặt một âm một dương sát cạnh nhau.

Lục tam thì phiền phức, quẻ Hoán nội quái là Khảm, và lục tam ở phía trên của quẻ Khảm, vị trí này nguy hiểm vô cùng.

Chúng ta hãy xem hào từ của lục tam (hình 132-3): “Hoán kỳ cung, vô hối.”

(đánh tan lòng riêng tư của mình đi thì không hối hận.)

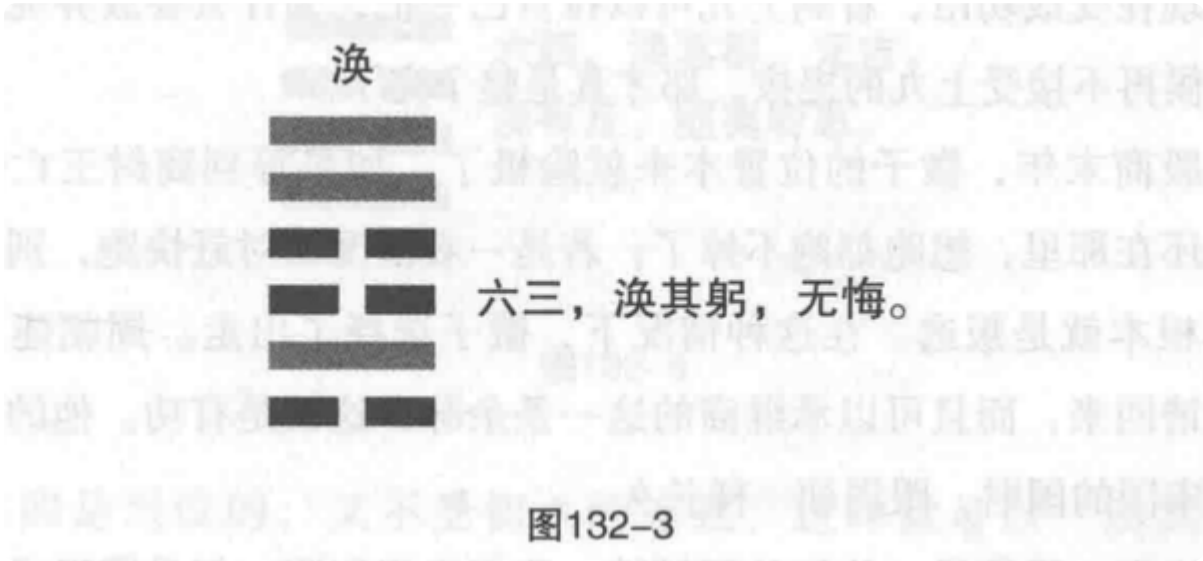


图132–3

"Hoán kỳ cung", "cung" chỉ bản thân. Tại sao lục tam có thể tiêu trừ được sự rối loạn liên quan đến bản thân? Chính là vì nó tương ứng với thượng cửu, thượng cửu sẽ kéo nó một phen từ trên. Thực ra, phía trên có người đề bạt, có người giúp đỡ, đối với mỗi người mà nói đều là chuyện tốt. Chúng ta thường nghe nhiều người nói, người phải dựa vào chính mình, tuyệt đối đừng nghĩ đến việc dựa vào người khác. Điều này dĩ nhiên cũng có lý, nhưng chúng ta từ hào sơ lục và cửu nhị đều có thể cảm nhận được, có người dựa vào, có người giúp đỡ thì vẫn tốt hơn. Lục tam ở vào vị trí cực kỳ nguy hiểm như vậy, vốn rất tệ hại, may mắn là phía trên có người đề bạt, khiến lục tam có thể tự thân thoát khỏi cảnh ngộ ly tán này.

Quẻ Hoán nội quái là Khảm, đại diện cho hiểm; ngoại quái là phong, đại diện cho thuận. Vì vậy, đừng luôn phàn nàn mình ở trong cảnh nguy hiểm, hoặc luôn tiếc nuối tình trạng hiện tại, mà là nói đi là đi, đồng thời còn phải đi đúng hướng. Lục tam từ nơi nguy hiểm đi đến nơi thuận lợi, đương nhiên vô hối.

Chúng ta lấy một ví dụ để giải thích, người này Khổng Tử cũng rất tán thưởng, tên là Vi Tử. Vi Tử là anh của vua Trụ nhà Thương. Cuối đời nhà Ân Thương, Trụ Vương xa xỉ dâm dật, bạo ngược hiếu sát, Vi Tử nhiều lần can gián nhưng không được chấp nhận, nên chọn ra đi, xa lánh Trụ Vương. Sau khi nhà Thương bị nhà Chu tiêu diệt, Vi Tử cầm đồ tế lễ đến xin hàng nhà Chu, sau đó được phong làm vua nước Tống, kế thừa tế tự nhà Thương. Vậy tại sao Vi Tử có hành vi phản bội mà lại được Khổng Tử ca ngợi? Việc làm của ông, người đời có nên noi theo không?

Chúng ta người Trung Quốc từ xưa đến nay như vậy, diệt trừ một người xong, sẽ giúp con cháu họ tiếp nối hương hỏa. Trừ khử một người, không có nghĩa là phải tiêu diệt toàn bộ tông tộc của họ. Vi Tử chính là lục tam, vốn là phản bội, bây giờ biến thành công thần, thấy thượng cửu có thể kéo mình một phen, tại sao phải từ bỏ? Nếu lúc này còn không chấp nhận sự đề bạt của thượng cửu, thì mới thực sự là hoàn toàn xong đời.

Vào cuối đời nhà Thương, vị trí của Vi Tử vốn đã vô cùng nguy hiểm, nếu đợi đến lúc Trụ Vương mất nước, ông còn ở đó thì muốn chạy cũng không chạy được; nếu vừa thấy tình hình không ổn liền chạy ngay, người ta chắc chắn sẽ chỉ trích ông là phản bội. Trong hoàn cảnh này, Vi Tử đã chọn rời đi. Sau khi nhà Chu thành lập, ông lại được mời về, hơn nữa còn có thể kế thừa dòng dõi nhà Thương, đây chính là có công. Con cháu của ông làm vua nước Tống, cùng tồn tại lâu dài với nhà Chu.

Như Tỷ Can, như Khương Tử, họ hy sinh một cách hùng tráng, chúng ta cũng rất kính phục, nhưng so với Vi Tử, vẫn là Vi Tử có trí tuệ hơn. Nguyên khí của quốc gia không thể tùy tiện để mất đi, điều này còn quan trọng hơn cả quyền lợi, danh dự cá nhân. Chi bằng vì bảo tồn hương hỏa mà chịu nhục sống sót, dù một thời không được mọi người thông cảm, nhưng lâu dài vẫn là vô hối.

Chúng ta lại xem Ngụy Trưng thời Đường Thái Tông, ông là một vị gián thần nổi tiếng trong lịch sử. Năm xưa trong cuộc tranh giành ngôi thái tử, Ngụy Trưng không đứng về phía Đường Thái Tông, mà là giúp đỡ thái tử Lý Kiến Thành. Đường Thái Tông phái người đến nói với Ngụy Trưng mời ông qua giúp đỡ, ý định rất rõ ràng. Ngụy Trưng cũng rất rõ, vị trí của mình cực kỳ nguy hiểm, bởi vì chỉ cần hai quân giao chiến, phe Đường Thái Tông nhất định thắng.

Vì vậy, Ngụy Trưng đã nói một câu: “Nguyện vi lương thần, vật vi trung thần”. Thà làm bề tôi hiền lương, còn hơn làm bề tôi trung thành. Đây chính là "hoán kỳ cung", tức là có thể kịp thời tiêu trừ sự rối loạn liên quan đến bản thân. Nếu Ngụy Trưng nói mình là trung thần, trung thần không thờ hai chủ, nói như vậy cuối cùng

sẽ buộc Đường Thái Tông phải giết ông. Vì vậy, sự lựa chọn của ông là thà làm một bề tôi hiền lương sáng suốt còn hơn làm một kẻ trung thành ngu xuẩn, như vậy đối với toàn thiên hạ cũng có đóng góp lớn hơn.

> Khi nhân tâm ly tán, xã hội động loạn bất an, quốc gia và dân chúng đều cần bề tôi hiền lương hơn là bề tôi trung thành. Tuy nhiên, bề tôi hiền lương muốn cuối cùng phát huy tác dụng, còn cần được quân vương tin tưởng, phải làm thế nào mới được tin tưởng? Hào lục tứ của quẻ Hoán lại sẽ mang đến những gợi ý gì cho mọi người?

Lục tứ đã thoát khỏi nội quái, đã vượt qua hết hiểm Khảm, tiến vào thượng Tốn, tức là tiến vào cảnh thuận.

Chúng ta hãy xem hào từ của hào lục tứ (hình 132-4): "Hoán kỳ quần, nguyên cát. Hoán kỳ khâu, phỉ di sở tư."

(Giải tán bè phái của mình đi, rất tốt. Vì như vậy là giải tán cái nhỏ để tập hợp cái lớn lại thành gò đống; điều đó người thường không thể nghĩ tới được.)

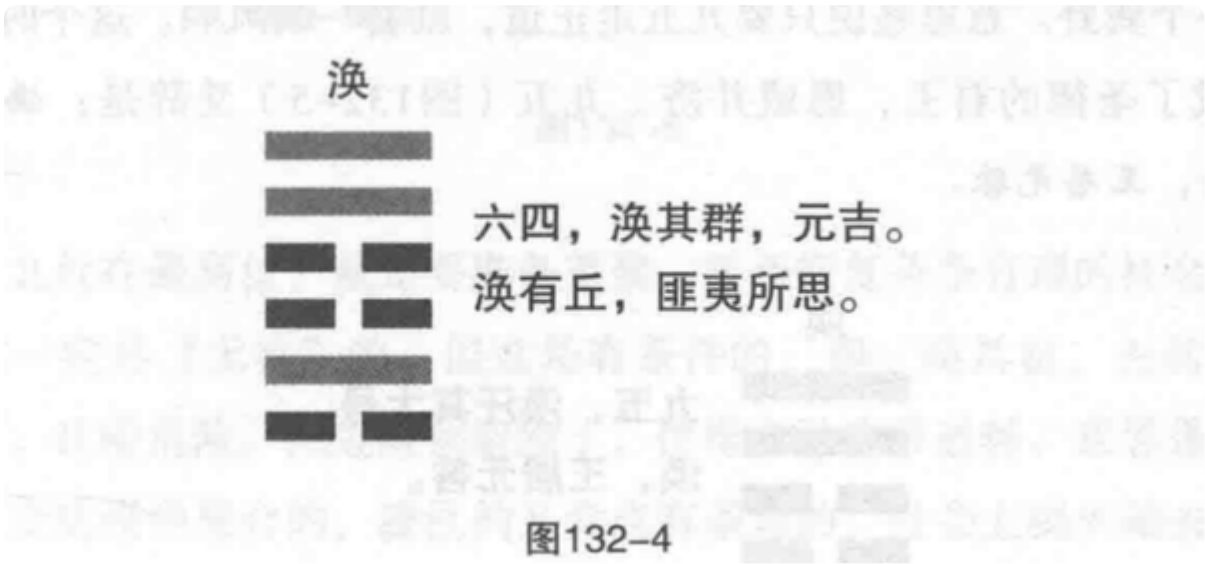


图132-4

Lục tứ đắc chính, lại không chịu sự liên lụy của sơ lục, như vậy có thể "hoán kỳ quần".

"Quần" chỉ xã hội nhân quần dựa vào tổ chức quốc gia. Con người là động vật sống theo quần thể, do đó nhất định phải có một tổ chức, tổ chức này gọi là chính quyền. Chúng ta có thể thấy hoàn cảnh của lục tứ, phía trên là dương cương của cửu ngũ, một hào âm bị một hào dương đè, cuộc sống cũng không tốt. Nhưng nó rất may mắn, bởi vì cửu ngũ không tương ứng với cửu nhị, nên cửu ngũ cũng sẽ chấp nhận sự giúp đỡ của lục tứ. Thật ra mà nói, một người dù có tài giỏi đến đâu, cũng phải xem lãnh đạo có tin tưởng không.

Nhìn toàn quẻ, từ sơ lục đến lục tứ bốn hào này, hào nào được cửu ngũ tin tưởng, hào đó mới có thể phát huy năng lực của mình, nếu không thì không có cách nào. Do đó, lục tứ có thể "hoán kỳ quần", chính là vì

nó không có tư tâm, toàn lực giúp đỡ cửu ngũ, mới có thể "nguyên cát". Lục tứ thấy rõ cửu ngũ đi theo chính đạo, nên giúp đỡ cửu ngũ tuyệt đối lấy toàn bộ quốc gia làm trọng, hơn nữa cửu ngũ cũng rất tin tưởng nó, cảm ơn nó có thể đến giúp đỡ, như vậy tự nhiên có thể nguyên cát.

> "Hoán kỳ khâu, phỉ di sở tư" (ndlr: phân tán, làm tan rã những trở ngại (được ví như gò đống, đồi núi) đang chắn đường; không phải là điều đáng lo ngại hay tiêu cực, mà là cần thiết và có lợi), không giống như tưởng tượng được suôn sẻ như vậy. Làm gì có chuyện nói lục tứ đi phụ tá cửu ngũ, sau đó có thể suôn sẻ hoàn thành việc mình muốn làm? Lục tứ phải xem cửu ngũ chính hay không chính, tin tưởng hay không tin tưởng mình, còn phải xem biểu hiện của mình thế nào, trong này có rất nhiều điều kiện. Nhưng lục tứ với cửu ngũ có sự đồng thuận bên trên, mà không có sự nghi kỵ lẫn nhau, điều này rất khó có được.

Phía trước đã nói qua ví dụ của Tư Mã Quang. Ông biểu hiện rất tốt, tốt đến mức không dám đi gặp hoàng đế, như vậy không có cách nào đồng thuận bên trên, không có cách nào được bên trên tin tưởng.

Bây giờ không phải vậy, lục tứ dù biểu hiện thế nào, bên trên đều đồng ý, đều không cho rằng nó có ý đồ khác. Chính vì lục tứ có sự đồng thuận bên trên, nên mới được nguyên cát.

Chúng ta tiếp tục xem cửu ngũ. Cửu ngũ đắc trung đắc chính, phía dưới có lục tứ, phía trên có thượng cửu, cùng tạo thành một quẻ Tốn. Ý nói chỉ cần cửu ngũ đi theo chính đạo, sẽ được thuận buồm xuôi gió. Lúc này cửu ngũ biến thành vị vua thánh đức, ân uy song hành.

Hào từ của cửu ngũ (hình 132-5) là: “Hoàn hãn kỳ đại hiệu, hoán, vương cư vô cữu.”

(Ban bố hiệu lệnh lớn khắp nước như mồ hôi phát ra ở khắp thân thể, phát hết kho lẫm của vua để chu cấp cho dân, không có lỗi.)

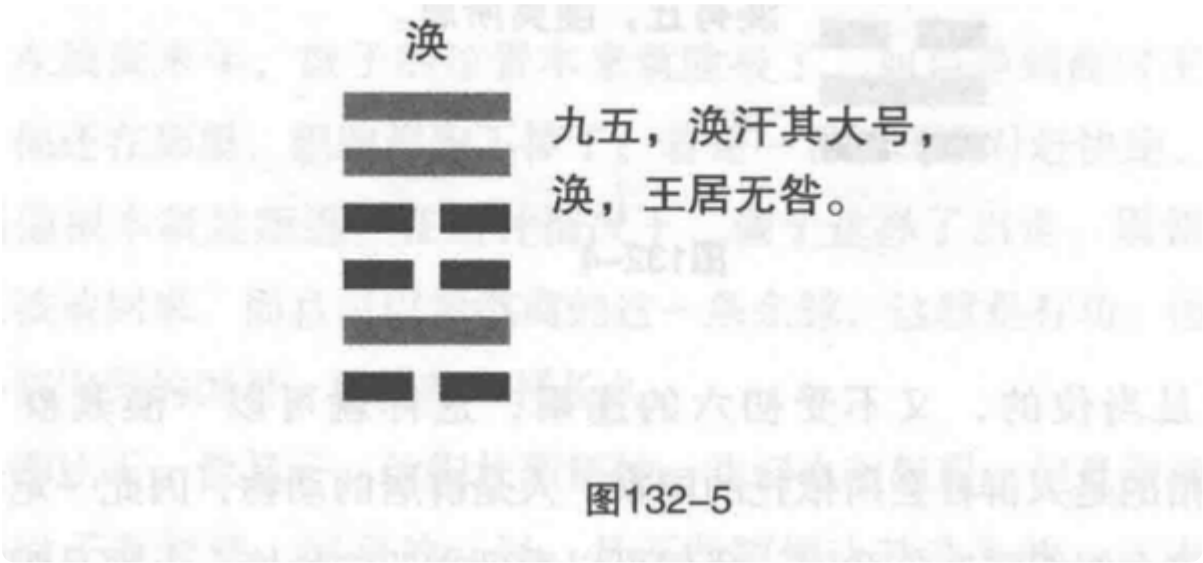


图132–5

"Hoàn hãn kỳ đại hiệu", "hoàn hãn" là đổ mồ hôi; "đại hiệu" là hiệu lệnh lớn. Cửu ngũ hành sự chính đáng, mọi việc vì công, nên dám ban bố hiệu lệnh, và khi ban bố hiệu lệnh giống như đổ một thân mồ hôi vậy.

Đây gọi là mệnh lệnh của vua một khi đã ban ra, tuyệt đối không được hối hận. Chúng ta nói, muốn khiến tình trạng ly tán suy bại khôi phục lại trật tự bình thường, hoàn toàn dựa vào cửu ngũ.

"Hoán, vương cư vô cữu", vua có thể giữ vững đức nghiệp của mình, không có chút di chứng nào, thì dù ban bố hiệu lệnh thế nào, người phía dưới đều sẽ toàn lực ủng hộ.

> Tình trạng ly tán động loạn mà quẻ Hoán đại diện, muốn có sự chuyển biến tốt, quan trọng nhất thực ra là quy tụ nhân tâm. Bách tính cùng với hiền sĩ, dưới sự lãnh đạo của vua, cùng nhau nỗ lực chỉnh đốn trật tự, thì có thể hóa giải ly tán, ổn định xã hội. Vậy thì, hào thượng cửu của quẻ Hoán còn có thể phát huy tác dụng gì, và tại sao không thể thiếu nó?

Hào từ của thượng cửu (hình 132-6) nói: "Hoán kỳ huyết, khứ dật xuất, vô cữu."

(Tan (trừ) được máu (vết thương cũ), thoát khỏi kinh sợ, không có lỗi.)

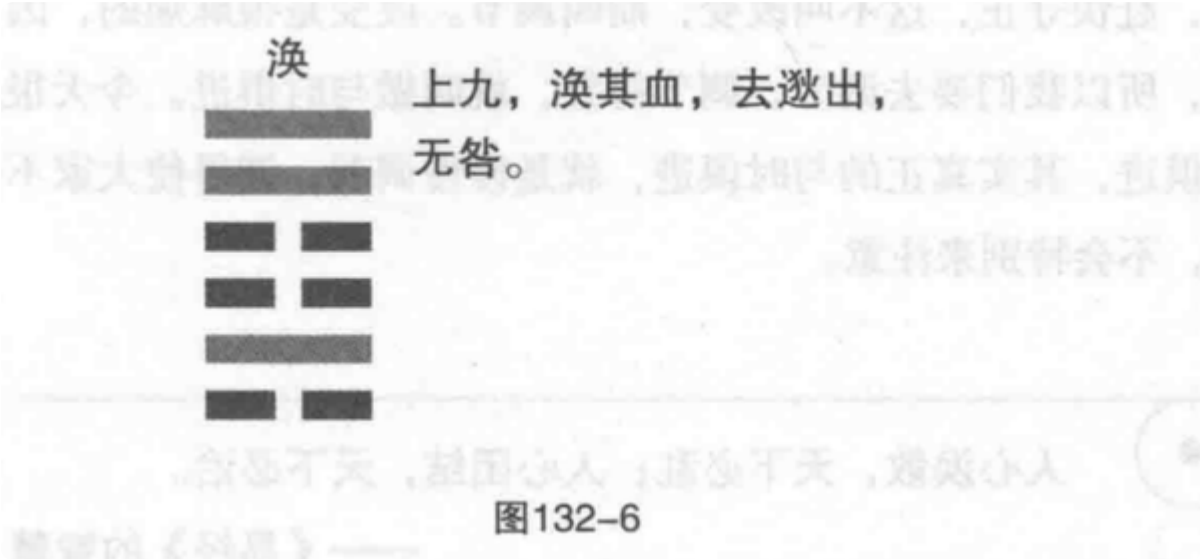


图132-6

Thượng cửu ở vị trí cao nhất, chính là phải chuẩn bị tụ họp lại, khôi phục lại trật tự xã hội có điều có lý, nên nó nhất định là "vô cữu". Nhưng điều này có điều kiện, đó là "hoán kỳ huyết, khứ dật xuất".

"Huyết" ví như nguy hiểm. Giải trừ hết nguy hiểm, khiến cho mình rất thông suốt, ý nói tất cả những gì ly tán lại biến thành dần dần tụ hợp, những gì lộn xộn lại biến thành có điều lý, tình trạng lừa lọc lẫn nhau trong xã hội cũng dần dần biến mất, điều này đương nhiên vô cữu.

Thực ra, thượng cửu cách xa hạ Khảm nhất, nó chỉ cần phối hợp tốt với cửu ngũ, thiên hạ sẽ dần dần khôi phục bình thường. Thượng cửu đại diện cho các bậc đại thần trong nước, họ có trách nhiệm đánh thức mọi người, đặc biệt là đánh thức quân vương, như vậy mới có thể vô cữu. Vì vậy, "hoán kỳ huyết" dụng ý ở chỗ thấy nguy hiểm này đã sắp qua đi rồi, thượng cửu phải "khứ dật xuất", tức là đứng ra, nói ra những lời cần nói. Như vậy mọi người mới có thể tránh xa tổn thương, khôi phục bình thường.

> Chúng ta có thể thấy, trong việc tiêu trừ hỗn loạn này, hạt nhân dẫn dắt chính là cửu ngũ, người thực sự toàn lực là lục tứ, cuối cùng kêu gọi mọi người trân trọng thành quả khó có được này, là thượng cửu. Vậy, phương pháp mà thượng cửu sử dụng là gì?

Tiểu tượng nói rất rõ: “Hoán kỳ huyết, vận sự dã.”

Phương pháp mà thượng cửu sử dụng chính là nói cho mọi người biết đừng đấu đá nữa, mà là phải toàn lực củng cố trung tâm lãnh đạo, như vậy mới không xảy ra "lưỡng hổ tương đấu, tất hữu nhất thương" (hai con hổ đánh nhau, ắt có một con bị thương). Đấu đá lẫn nhau qua lại, đối với mọi người đều không có lợi, tốt nhất là từ nay về sau vứt bỏ cục diện ly tán, xem xét làm thế nào để tụ hợp, mới có thể hợp tác hài hòa. Dùng lời nói hiện nay là phát triển hòa bình. “Nhân tâm ly tán, thiên hạ tất loạn; nhân tâm đoàn kết, thiên hạ tất trị”. Lịch sử từ xưa đến nay đều như vậy. Giống như nước vậy, nếu nước chảy ra bên ngoài, chúng ta biết nó là động loạn; nếu nước yên lặng xuống, chúng ta biết thiên hạ thái bình đã không còn xa.

Lúc này phải nhanh chóng thay đổi tác phong ly tán đó, nhanh chóng giữ chính đạo, đây không gọi là thay đổi, mà gọi là điều tiết. Thay đổi rất phiền phức, bởi vì thay đổi quá đột ngột, nên chúng ta phải đi điều tiết. Điều tiết thích đáng, gọi là “dữ thời câu tiến” (cùng tiến với thời đại). Ngày nay nhiều người nói về dữ thời câu tiến, thực ra dữ thời câu tiến thực sự, chính là điều tiết từ từ, điều tiết sao cho mọi người không cảm thấy đột ngột, không đặc biệt chú ý.

Thật ra mà nói, người ta bất kể ở đâu, chỉ cần bị người khác chú ý, thường là xui xẻo. Thử nghĩ xem, mọi người đều nhìn chằm chằm vào bạn, vốn chỉ là một chút lỗi nhỏ, cũng sẽ bị phóng đại lên, thế thì cần gì phải gây sự chú ý? Vì vậy, chúng ta mới chợt hiểu ra, tại sao sau quẻ Hoán là quẻ Tiết, ý nói là khi thiên hạ sắp thái bình, phải kịp thời làm tốt việc điều tiết. Giống như nước vậy, từ những con sóng động loạn dần dần yên tĩnh xuống, đây mới hợp với đạo lý tự nhiên.

Quẻ Tiết là quẻ thứ sáu mươi trong Kinh Dịch, đây là một quẻ rất quan trọng. Sáu mươi đại diện cho một hoa giáp, một hoa giáp là sáu mươi năm. Con người từ một tuổi sống đến sáu mươi tuổi không dễ dàng, lúc này gần như sắp bước vào tuổi già rồi. Vậy phải điều chỉnh mình thế nào mới có thể có được một tuổi già tốt đẹp hơn? Vì vậy, sau quẻ Hoán, tiếp đến là quẻ Tiết.

Chương 133: Quẻ trong quẻ

> Kinh Dịch là một hệ thống hoàn toàn dựa trên tự nhiên mà phát triển. Tự nhiên luôn luân chuyển không ngừng, từng giây phút đều trong trạng thái biến đổi. 64 quẻ trong Kinh Dịch cũng không phải là những thực thể độc lập, tĩnh tại mà phát triển thành các biến quẻ, quẻ hỗ, quẻ tổng, quẻ thác, quẻ giao và các kiến thức dịch lý khác. Vậy giữa 64 quẻ có mối quan hệ biến đổi phức tạp như vậy có ý nghĩa gì? Việc nắm được các mối quan hệ biến đổi này sẽ mang lại lợi ích gì cho cuộc sống của con người?

Chúng ta thường nói về Bát Quái trong Kinh Dịch, điều này không sai, Kinh Dịch vốn chỉ có 8 quẻ. Có người nói không phải 8 quẻ mà là 64 quẻ. Đúng vậy, 64 quẻ chính là sự biến hóa từ 8 quẻ cơ bản, cũng gọi là bát quái. Vậy chỉ với một vài quẻ đơn giản như vậy có thể biểu đạt được tất cả mọi việc trên thế gian không?

Thực ra chúng ta không cần phải nghi ngờ, bởi vì nếu bát quái có thể biến thành 64 quẻ, thì 64 quẻ cũng có thể biến thành rất nhiều quẻ khác. Bởi vì mỗi quẻ thực tế đều đại diện cho nhiều quẻ khác.

Bây giờ chúng ta lấy quẻ Hoán làm ví dụ, khi mỗi hào của nó chuyển từ âm sang dương hoặc từ dương sang âm, nó lập tức biến thành một quẻ khác (hình 133-1).

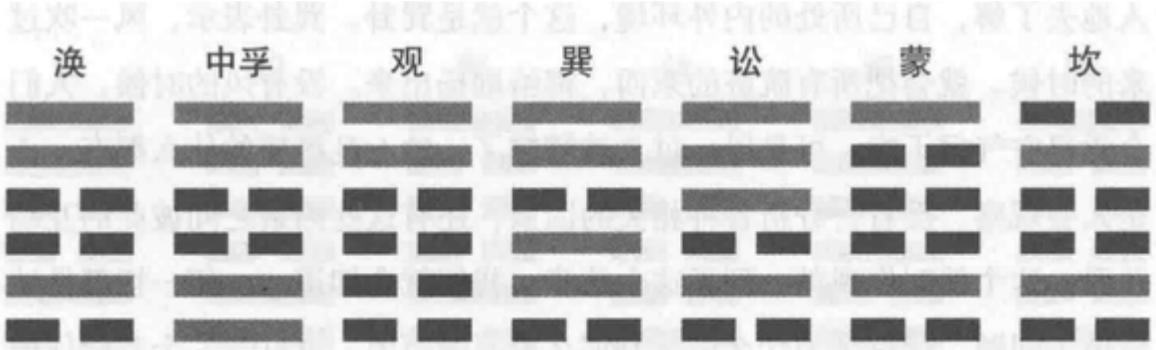


图133–1

Sơ lục biến thành sơ cửu, quẻ Hoán lập tức biến thành quẻ Trung Phu, là quẻ thứ 61 trong Kinh Dịch. Nếu biến cửu nhị thành lục nhị thì quẻ Hoán lập tức biến thành quẻ Quan, là quẻ thứ 20 trong Kinh Dịch. Nếu biến lục tam thành cửu tam, nó lập tức biến thành quẻ Tốn, là quẻ thứ 57 trong Kinh Dịch. Lục tứ biến cửu tứ, quẻ Hoán biến thành quẻ Tụng, quẻ thứ 6 trong Kinh Dịch. Cửu ngũ biến lục ngũ, quẻ Hoán biến thành quẻ Mông, là quẻ thứ 4 trong Kinh Dịch. Thượng cửu nếu biến thành thượng lục thì quẻ Hoán lập tức biến thành quẻ Khảm, là quẻ thứ 29 trong Kinh Dịch.

Hóa ra khi một hào thay đổi, cả quẻ đều thay đổi, từ đó dần dần nảy sinh ra câu "Khiên nhất phát nhi động toàn thân" (Động một sợi tóc mà cả thân thể đều chuyển động). Vậy những biến đổi như vậy có ý nghĩa gì không? Tất nhiên là có ý nghĩa. Chúng ta hãy xem xét 6 quẻ có liên quan được biến ra từ quẻ Hoán, chúng có ý nghĩa đại diện như thế nào?

Chúng ta hãy xem từ trên xuống dưới: khi hào thượng thay đổi thì xuất hiện quẻ Khảm. Điều này cho chúng ta biết rằng trong lúc phân tán, cần phải bình tĩnh để thích ứng với hoàn cảnh khó khăn.

Khi một sự kiện đột ngột xảy ra khiến lòng người hoang mang, bình thường một gia đình quan tâm lẫn nhau, nhưng khi gặp nguy cấp, có thể mỗi người tự thoát thân, đúng như câu "Đại nạn đáo đầu các tự phi" (Khi gặp đại nạn mỗi người tự chạy). Đây là sự thật, cũng khó nói là có gì sai. Trong lúc nguy cấp, nếu không có khả năng lớn, cũng khó có thể giúp mọi người đều thoát nạn an toàn. Bản thân không thoát được thì cũng không cần kéo người khác cùng chết. Vì vậy khi gặp nạn, có người chạy không thoát, có người chạy thoát được. Người thoát được có thể quay lại nghĩ cách cứu những người không thoát được, đôi khi hiệu quả còn tốt hơn. Bởi vì bất kỳ việc gì cũng không chỉ có một cách giải quyết, có thể có nhiều phương pháp, nên cần suy nghĩ kỹ.

Nhưng chúng ta phải nhớ kỹ, khi gặp khó khăn (lâm Khảm), tuyệt đối không được oán trời trách người, không được nổi cơn giận bất chợt. Tại sao việc này lại xảy ra với tôi? Tại sao tôi xui xẻo thế? Tại sao không phải người khác xui xẻo? Tại sao tôi phải chịu rủi ro này? Nếu nghĩ như vậy thì ngay cả cửa ải đầu tiên cũng không qua được.

Tại sao khi hào thượng cửu của quẻ Hoán thay đổi lại biến thành quẻ Khảm? Chúng ta có thể quay lại, với tâm thái khai mông để tìm kiếm thiếu sót của mình. Xem xét là do phương hướng không đúng, hay phương thức có vấn đề, hay là từ căn bản đã có vấn đề. Như vậy ngược lại có thể tránh được tranh chấp do không hòa hợp gây ra. Quẻ Mông có thể hóa giải quẻ Tụng không phải thông qua trốn tránh tiêu cực, bởi vì không thể trốn tránh được, mà chỉ vì có thể nghĩ trước được, phân tích hậu quả có thể xảy ra trong tương lai, có thể dẫn đến tranh chấp hay không. Do đó sẽ đi sâu tìm hiểu môi trường bên trong và bên ngoài mình đang ở, đây chính là quẻ Tốn. Quẻ Tốn biểu thị, khi gió thổi qua sẽ cuốn bay tất cả những thứ dơ bẩn. Khi không có gió, người ta cảm thấy không khí rất sạch, nhưng khi gió qua đi thì tệ hại, trên mặt đất lộn xộn đủ thứ. Do đó người ta sẽ quan sát, phản tỉnh, phân tích các yếu tố liên quan và mối quan hệ tương tác giữa các yếu tố đó với nhau, đây gọi là quẻ Quan. Đến bước này, chúng ta sẽ biết tất cả đều là do vấn đề về lòng tin, đây chính là lý do tại sao quẻ Trung Phu lại quan trọng như vậy. Có thể thấy, khi bất kỳ một hào nào trong quẻ thay đổi, sẽ dẫn đến một chuỗi biến đổi. Nhưng bất kỳ sự biến đổi nào cũng đều có liên quan đến quẻ gốc, mà không tách rời quá xa quẻ gốc.

Thực ra biến quẻ không chỉ nhìn từ trên xuống dưới là một quá trình hoàn chỉnh, nhìn từ dưới lên trên cũng vậy: khi lưu lạc phân tán, trước tiên người ta phải quay về tìm ở bản thân, bồi đắp lòng tin của mình, rồi thêm vào việc quan sát kỹ tình hình hiện tại, mới có thể hiểu thêm về cốt lõi của tình hình, như vậy sẽ không dẫn đến tranh chấp; sau đó còn phải thỉnh giáo người hiểu biết, gợi mở những điểm mù của mình, để được an toàn thoát hiểm.

> Có thể thấy nắm được quy luật của biến quẻ chính là nắm được các bước then chốt để giải quyết vấn đề. Ngoài ra trong kiến thức dịch lý còn có một loại biến đổi của quẻ gọi là quẻ hỗ. Vậy quẻ hỗ mang lại những gợi ý gì cho con người?

Mỗi quẻ đều có 6 hào, ngoài việc mỗi hào thay đổi sẽ biến thành một quẻ khác ra, nếu 6 hào không thay đổi thì trong đó cũng chứa 5 quẻ, chúng ta gọi là quẻ hỗ.

Chúng ta có thể xem quẻ Hoán (hình 133-2), lấy sơ lục, cửu nhị, lục tam, lục tứ, cửu ngũ, năm hào này xem như 6 hào.

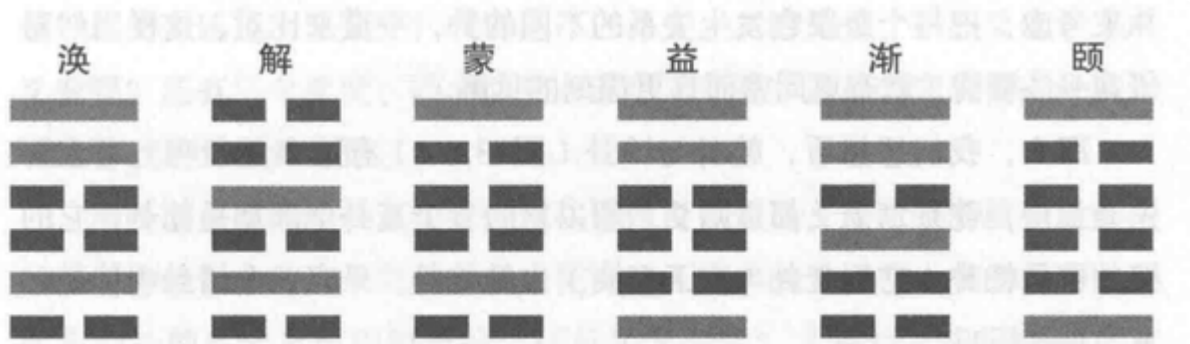


图133–2

Cách thức cụ thể là: sơ lục, cửu nhị, lục tam tính là nội quái, cửu nhị, lục tam, lục tứ tính là ngoại quái, sẽ biến thành quẻ Giải, là quẻ thứ 40 trong Kinh Dịch. Lấy sơ lục, cửu nhị, lục tam tính là nội quái, lục tam, lục tứ, cửu ngũ tính là ngoại quái, thì biến thành quẻ Mông, là quẻ thứ 4 trong Kinh Dịch.

Chúng ta cũng có thể bắt đầu từ cửu nhị cho đến thượng cửu, xem như 6 hào, cửu nhị, lục tam, lục tứ là nội quái, lục tứ, cửu ngũ, thượng cửu là ngoại quái, thì biến thành quẻ Ích, là quẻ thứ 42 trong Kinh Dịch.

Cũng có thể lấy lục tam, lục tứ, cửu ngũ, thượng cửu, bốn hào này xem như 6 hào, thì lục tam, lục tứ, cửu ngũ là nội quái, lục tứ, cửu ngũ, thượng cửu là ngoại quái, sẽ biến thành quẻ Tiệm, quẻ thứ 53 trong Kinh Dịch.

Chúng ta cũng có thể lấy các hào giữa nhị và ngũ, tức cửu nhị, lục tam, lục tứ, cửu ngũ, bốn hào này biến thành một quẻ, thì đó là quẻ Di, quẻ thứ 27 trong Kinh Dịch.

Từ một quẻ Hoán, chúng ta có thể phân tích kết hợp ra quẻ Giải, quẻ Mông, quẻ Ích, quẻ Tiệm, quẻ Di. Vậy điều này có ý nghĩa gì không? Tất nhiên là có ý nghĩa. Khi nhìn thấy hào sơ lục của quẻ Hoán, lập tức phải nghĩ đến đó là hào sơ lục của quẻ Giải, là hào sơ lục của quẻ Mông, lại là hào sơ lục của quẻ Tiệm. Đem hào từ của các sơ lục này ra, tổng hợp lại, sẽ cho chúng ta nhiều chứng cứ phụ trợ, nhiều tư liệu để tham khảo gián tiếp, có thể tăng cường nhận thức của chúng ta về hào này.

Năm quẻ hỗ cộng với quẻ gốc là sáu quẻ. Thêm vào sáu quẻ được biến ra từ sáu hào ở trên là mười hai quẻ. Vậy còn nữa không? Tất nhiên là còn, bởi vì mỗi quẻ đều có quẻ tổng, đều có quẻ thác, đều có quẻ giao.

Chúng ta vẫn lấy quẻ Hoán làm ví dụ (hình 133-3), quẻ tổng của quẻ Hoán là quẻ Tiết, quẻ thác là quẻ Phong, quẻ giao (trao đổi trên dưới) là quẻ Tỉnh.

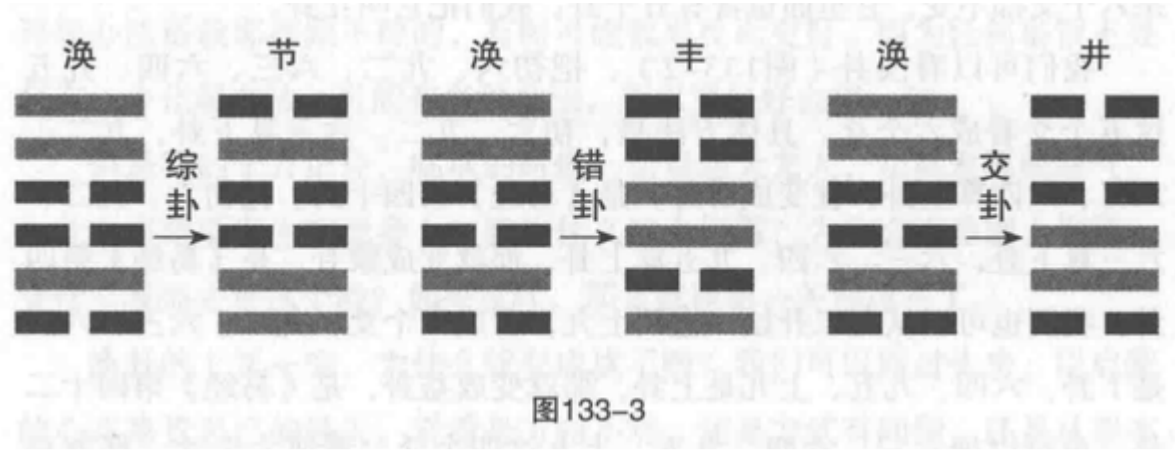


图133–3

Vậy trên cơ sở mười hai quẻ, thêm vào ba quẻ nữa là mười lăm quẻ. Cho nên nói, chỉ nhìn một quẻ Hoán, thực tế trong đó đã có mười lăm quẻ này, có mối liên hệ với nhau, phức tạp đan xen. Do đó khi đọc xong 64 quẻ, chúng ta phải luyện tập, kết hợp mỗi hào với các hào có liên quan để xem xét, đối chiếu mỗi quẻ với các quẻ có quan hệ khác nhau với nó, như vậy tất nhiên khi phán đoán một sự việc sẽ có cái nhìn kỹ lưỡng và sâu sắc hơn.

Vậy, chúng ta hãy nghĩ xem, quẻ Càn và quẻ Khôn (hình 133-4) có phức tạp như vậy không? Có người trước tiên sẽ nghĩ, quẻ Càn có sáu hào đều là hào dương, nên năm quẻ hỗ của nó đều là quẻ Càn, quẻ tổng cũng là quẻ Càn, quẻ giao (trao đổi trên dưới) cũng là quẻ Càn, chỉ có một quẻ thác gọi là quẻ Khôn. Thực sự là như vậy sao?

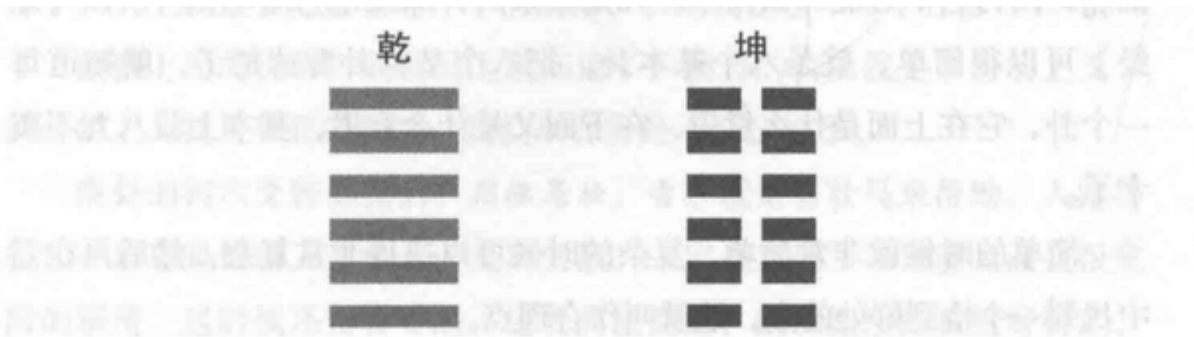


图133–4

Quẻ Càn thực sự có sáu hào đều là hào dương, vậy nếu hào sơ thay đổi thì sao? Sẽ biến ra một quẻ mới, đó là quẻ Cấu. Nếu hào nhị thay đổi, lại là một quẻ khác. Nếu hào tam thay đổi, cũng là một quẻ mới. Cũng có nghĩa là, chỉ cần sáu hào lần lượt thay đổi từng hào một, sẽ biến thành sáu quẻ khác nhau, có thể thấy nó vẫn có sự biến đổi (hình 133-5).



图133– 5

Vậy nếu hai hào thay đổi thì sao? Không cần nghi ngờ, hai hào thay đổi còn phức tạp hơn. Rốt cuộc là hào một hai thay đổi hay hào một ba thay đổi? Hoặc là hào hai ba thay đổi, hào hai bốn thay đổi, hào ba năm thay đổi, hào ba sáu thay đổi? Còn có ba hào thay đổi, bốn hào thay đổi, năm hào thay đổi nữa? Tất cả đều sẽ biến ra rất nhiều quẻ, có thể thấy nó cũng biến đổi đa dạng.

Quẻ Khôn cũng như vậy. Thực ra bây giờ chúng ta dần dần có thể biết, đơn giản nhất lại là phức tạp nhất. 62 quẻ trong Kinh Dịch chính là biến ra từ hai quẻ Càn Khôn đơn giản như vậy. Vì thế rốt cuộc chúng ta xử lý việc là dùng cách đơn giản hay phức tạp? Kinh Dịch nói với chúng ta, hễ gặp việc rất đơn giản thì phải phức tạp hóa nó lên, nếu không chắc chắn sẽ "Đại ý thất Kinh Châu" (Do chủ quan mà mất Kinh Châu), chắc chắn sẽ "Âm câu lý phiên thuyền" (Lật thuyền trong rãnh nước), bởi vì không thể đơn giản như vậy được.

Còn với những việc phức tạp thì hãy đơn giản hóa nó đi. Vì vậy Kinh Dịch có thể rất đơn giản, chỉ là 8 quẻ cơ bản. Khi đã hiểu rõ 8 quẻ cơ bản này rồi, sẽ biết mỗi quẻ, ý nghĩa của nó khi ở trên là gì, ở dưới là gì, về cơ bản đã nắm được tám chín phần.

Khi đơn giản thì cực kỳ đơn giản, khi phức tạp có thể phức tạp vô cùng, sau đó tìm một điểm vừa phải ở giữa, đây gọi là điểm hợp lý.

> Muốn tìm điểm hợp lý khi xử lý việc, cần phải hiểu được sự tiết chế. Trong Kinh Dịch, quẻ tổng của quẻ Hoán chính là quẻ Tiết chuyên phân tích cách tiết chế. Vậy giữa quẻ Hoán và quẻ Tiết có những mối quan hệ phức tạp đan xen nào? Ý nghĩa của quẻ tổng là gì?

Chúng ta có thể thấy, quẻ Hoán và quẻ Tiết (hình 133-6), một cái là quẻ thứ 59 trong Kinh Dịch, cái kia là quẻ thứ 60 trong Kinh Dịch.

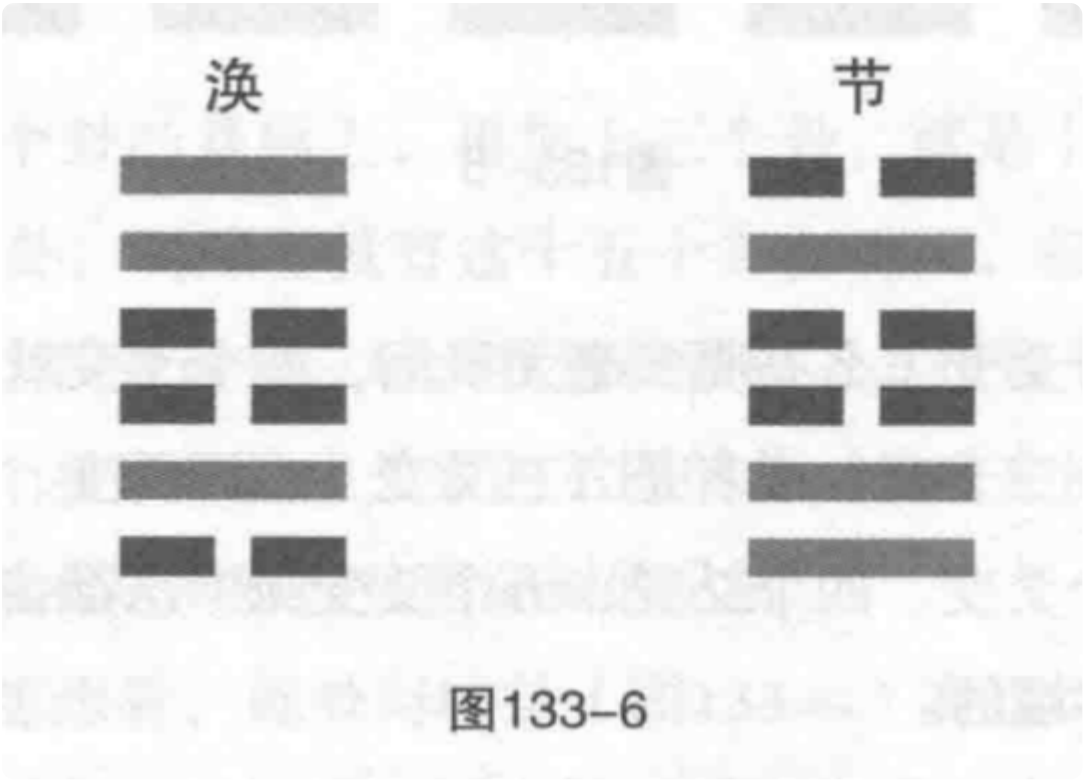


图133–6

Kinh Dịch thường thì hai quẻ liền nhau có quan hệ mật thiết nhất, chúng thường là quan hệ đảo ngược lẫn nhau. Nghĩa là khi quẻ này đi đến cực đoan, sẽ chuyển sang điểm bắt đầu của quẻ kia, quẻ kia từ điểm bắt đầu lại đi đến cực đoan, rồi quay lại. Đời người cứ lặp đi lặp lại như vậy, tại sao lại như thế? Bởi vì con người là động vật có thói quen. Chúng ta gọi nó là tập tính, hoặc gọi là tập khí, cũng có thể gọi là thói quen.

Mỗi người chỉ có vài thói quen mà thôi, hễ gặp việc là quen theo tư duy và cách làm của mình, mà những thói quen về tư duy và cách làm này chưa chắc đã tốt. **Những thứ mang tính thói quen, chính là cái mà người ta thường gọi là lối mòn.** Và những lối mòn này mỗi người đều khác nhau, nhưng đối với một người thì đó là những lối mòn cố định. **Đời người là phải giảm bớt những lối mòn này đi,** nếu không thì cuộc đời chúng ta tu sửa cái gì?

Căn cứ vào lời giải thích ở trên, chúng ta lập tức biết được, hào sơ của quẻ Hoán chính là hào thượng của quẻ Tiết, hào thượng của quẻ Hoán chính là hào sơ của quẻ Tiết. Chúng ta hãy xem có phải như vậy không.

Hào sơ lục của quẻ Hoán bảo chúng ta: "Dụng thu mã tráng, cát" (Dùng ngựa khỏe mùa thu, tốt). Nghĩa là có ngựa khỏe giúp đỡ, người chạy rất nhanh, ý nói giúp người thoát nạn. Mà lưu lạc phân tán, chắc chắn là đã xảy ra việc rất lớn và nguy hiểm, lúc này mà còn chậm chạp, còn muốn bàn bạc, hoặc thu xếp đồ đạc rồi mới đi thì hoàn toàn không chạy thoát được. Lúc này điều quan trọng nhất là hy vọng có công cụ tốt để

giúp thoát nạn. Vậy tại sao phải thoát nạn? Chúng ta hãy xem hào thượng của quẻ Tiết, hào sơ lục của quẻ Hoán biến thành hào thượng của quẻ Tiết, gọi là: "Khổ tiết, trinh hung, hối vong" (Tiết chế quá khổ sở, chính mà hung, hối hận mất).

“Khổ tiết” nghĩa là tiết chế quá đáng, áp chế khiến dân chúng không thể sống nổi, chỉ có thể chạy trốn khắp nơi. Tại sao dân chúng phải vội vàng bỏ chạy? Chính vì người cai trị quản lý quá nhiều, quá nghiêm khắc, khiến dân chúng thà bỏ chạy. Bỏ chạy tất nhiên rất nguy hiểm, nhưng dân chúng thà mạo hiểm, chạy không thoát chết thì thôi, cũng cho rằng còn hơn sống ở đây. Tại sao hào sơ lục của quẻ Hoán lại như vậy? Xem hào thượng của quẻ Tiết là thông, hóa ra có mối liên hệ như vậy.

Hào thượng cửu của quẻ Hoán nói rằng: "Hoán kỳ huyết, khứ dịch xuất, vô cữu", nghĩa là phải tránh xa tai họa đó, bởi vì không thể loại bỏ được tai họa, nên không nói là tốt, chỉ nói là không có lỗi mà thôi.

Hào sơ cửu của quẻ Tiết thì nói: "Bất xuất hộ đình, vô hữu" (Không ra khỏi cửa sân, không có lỗi). Cũng giống như vô cữu (không lỗi). Tại sao lại làm cho dân chúng thê thảm đến thế? Chính là vì bình thường không có giáo hóa. Nếu một nơi làm cho dân chúng thà chạy ra ngoài, mà lại biết rõ chạy trốn là rất đáng sợ, vậy nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, cẩn thận truy xét, sẽ biết là do không có giáo hóa. Vậy đến lúc cần tiết chế, càng cưỡng chế thì người ta càng chạy nhanh. Do đó lúc này cần phải đặt ra một bộ chính sách giáo hóa khác, trước tiên là phải giữ bí mật, bởi vì một khi để người chạy trốn biết được, họ sẽ đánh giá: Tôi có đáng để quay lại không? Tôi chạy xa hơn nữa thì có tốt hơn không?

Vì vậy với tình huống như vậy, chúng ta nhất định phải kết hợp hai quẻ lại xem mới có thể hiểu được nguyên nhân và kết quả trong đó.

Hiện nay chúng ta nói nhiều nhất là Trung Quốc đã đứng dậy rồi, nhưng các nước khác có tôn trọng chúng ta không? Có nước tôn trọng, có nước không tôn trọng, đương nhiên, điều chúng ta mong muốn nhất bây giờ là, đã vất vả hùng mạnh rồi, dân chúng đừng có tâm lý phân tán, phải có thể tiết chế, có thể tập trung, có thể đoàn kết. Tại sao hai quẻ này quan trọng như vậy? Chính là vì chúng có thể chuyển biến lẫn nhau bất cứ lúc nào. Chúng ta nhất định phải nghĩ ra một bộ phương pháp mới để dân chúng có niềm tin.

Đây là ví dụ chúng ta nêu ra để nói, thực ra mỗi quẻ đều như vậy. Mỗi quẻ đều có năm quẻ hỗ, đều có quẻ tổng, đều có quẻ thác, đều có quẻ giao, có nhiều thứ như vậy. Chúng ta mới biết, 64 quẻ thực tế sẽ biến hóa thành 4096 quẻ. Thế là đủ rồi, nếu còn muốn làm tiếp nữa thì ai cũng không chịu nổi.

Nếu một người dành cả đời chuyên nghiên cứu Kinh Dịch, cho dù trong lĩnh vực Kinh Dịch có sáng tạo ra nhiều cách thức hơn nữa, cũng không đáng được khuyến khích, bởi vì không làm được việc gì khác. Ngoài ăn cơm, ngủ nghỉ ra, còn có thể làm được gì nữa? Sẽ có đóng góp gì nữa? Vì vậy tổ tiên chúng ta dạy rằng,

làm bất cứ việc gì làm đến tương đối là được rồi, tiếp tục nữa là quá đáng. Đó chính là đạo lý mà Kinh Dịch sau khi giảng về quẻ Hoán lập tức phải theo sau một quẻ Tiết.

Thực tế, chúng ta trong nhiều phương diện đều rất phân tán. Ví dụ như sự chú ý rất phân tán, cái này phải chú ý, cái kia phải chú ý, sợ bỏ sót một chút, có cần thiết như vậy không? Muốn cái này, cũng muốn cái kia, cái gì cũng muốn, đây cũng là phân tán. Chê ở đây kiếm tiền không đủ, còn phải mở công ty chi nhánh ở nơi khác, muốn mở chi nhánh trên toàn cầu, đó hoàn toàn là quẻ Hoán rồi. Nếu không biết dừng bước, cái gì cũng tham lam không biết đủ, kết quả cuối cùng chỉ có tan rã mà thôi, uổng công vô ích.

Khổng Tử rất hiểu rõ những biến đổi này, vì vậy ông mới nói: "Bất chiêm nhi dĩ hỹ" (Không cần phải bói nữa). **Nếu đã hiểu rõ ràng những biến quẻ này thì còn cần bói toán làm gì nữa?** Khổng Tử đã giảng giải mọi việc cho chúng ta rất rõ ràng, đi đến quẻ này thì quẻ tiếp theo là gì, rồi nghĩ lại quẻ trước là gì, sau đó suy nghĩ xem mình nên đi đâu? Có thể cứ tiếp tục đi, cho dù đi sai đường cũng được, bởi vì lúc nào cũng có một con đường cho người ta đi. Đường là do người đi mà thành, làm sao có thể không có đường đi được?

Ý của Khổng Tử là nói, khi đã hiểu rõ những điều này rồi, còn cần phải bói toán nữa không? Nếu muốn bói toán thì chỉ có một con đường an toàn nhất, thuận tiện nhất, hiệu quả nhất - tự bói tự giải. Vì vậy tiếp theo chúng ta sẽ bàn về cách tự bói tự giải.

Chương 134: Tự bói tự giải

> Tương lai rốt cuộc sẽ xảy ra những biến đổi gì? Bây giờ phải làm thế nào để tương lai tốt đẹp hơn? Đây có thể là những câu hỏi mà ai cũng muốn biết. Còn chức năng bói toán của Kinh Dịch là dựa vào sự biến đổi của số và quy luật tự nhiên để dự đoán tương lai. Vậy rốt cuộc phải bói toán như thế nào mới có thể nắm bắt chính xác nhất quy luật biến đổi của tương lai? Những phương pháp bói toán này có căn cứ không? Sau khi bói thành quẻ rồi thì phải giải đoán thế nào cho đúng?

Nhiều người rất quan tâm, tại sao chúng ta mãi không nói đến việc bốc phệ? Điều này là có lý do. Bởi vì bói quẻ là việc rất hấp dẫn, nếu chưa có hiểu biết ban đầu về dịch lý mà đã vội vàng đi bói toán, rất dễ lao đầu vào, khó có thể thoát ra. Những tổn hại đó rất khó khắc phục. Mỗi chúng ta đều rất muốn biết tương lai sẽ biến đổi thế nào, điều này hoàn toàn có thể hiểu được. Đặc biệt là thời đại hiện nay, sự thay đổi nhanh chóng đến mức ngoài dự đoán của mọi người. Do đó chúng ta đều sẽ nghĩ, ngày mai sẽ ra sao? Năm sau sẽ thế nào? Mấy năm này sẽ có những biến đổi gì? Tôi nên làm thế nào? Cũng có nghĩa là, chúng ta rất quan tâm đến việc dự đoán, đến những biến đổi trong tương lai. Mà Kinh Dịch có thể thông qua phương thức bói toán để nói cho chúng ta biết những biến đổi trong tương lai, vì vậy nhiều người rất hướng về điều đó.

Chúng ta vẫn tôn trọng lời nói của Khổng lão phu tử: "Bất chiêm nhi dĩ" (Không cần phải bói nữa). Cái "bất chiêm nhi dĩ" này của ông, không phải nói phản đối bói toán, không có ý này; cũng không phải nói bói toán là không tồn tại, là mê tín, cũng không thể như vậy; càng không phải nói các người đều không biết bói, một mình ta bói, ông không ích kỷ như vậy. Ông chỉ nói, mọi người vẫn phải hiểu rõ dịch lý ban đầu, khi thực sự muốn bói thì mới tương đối an toàn. Chúng ta làm sao biết được những điều này? Bởi vì Hệ từ truyện nói rất rõ ràng: "Quân tử cư tắc quan kỳ tượng nhi huyền kỳ từ, động tắc quan kỳ biến nhi huyền kỳ chiêm" (Người quân tử khi ở nhà thì xem xét tượng của nó và ngẫm nghĩ lời của nó, khi hành động thì xem xét biến của nó và ngẫm nghĩ việc bói của nó). Trong đó đều dùng chữ "huyền", huyền là ý nghĩa thưởng thức và suy ngẫm.

Khổng Tử nói khi chúng ta rảnh rỗi, hãy lấy quẻ dịch ra xem, quan sát sự biến đổi của tượng mỗi quẻ, xem những lời quẻ và hào từ nói gì, để hiểu sâu hơn về những đạo lý này, bởi vì mọi việc đều có đạo lý, không thể không có đạo lý. Khi chúng ta hành động thì phải xem sự biến đổi của quẻ này, thứ tự quẻ tại sao lại sắp xếp như vậy, có lúc chúng ta cũng có thể mượn việc bói toán rồi thưởng thức, suy ngẫm, xem có những tham khảo gì. Ông nói câu này có ý nghĩa là không để chúng ta phụ thuộc vào bói toán. Con người một khi phụ thuộc vào bói toán sẽ mất đi tính chủ động, ngay cả phẩm giá sinh tồn cũng không còn. Chúng ta nghĩ xem, mỗi khi làm một việc gì đều phải bói quẻ, điều đó cũng giống như người làm nô lệ cho quẻ. Quẻ bảo làm thì làm, quẻ bảo không làm thì không làm, con người hoàn toàn là công cụ, còn có giá trị gì nữa? Vì vậy chúng ta nhất định phải hiểu rõ, trong tình huống nào, tuân theo quy trình nào, dùng tâm thái gì để bói toán, sau đó mới có thể gọi là "huyền kỳ chiêm".

Khổng Tử còn nói: "Cực giáo tri lai chi vị chiêm" (Giáo học đến cực điểm để biết tương lai gọi là bói). Đây là giải thích thế nào là bói toán, chính là thông qua sự biến đổi của số trong việc bói toán để dự đoán tương lai. Thực ra khoa học bây giờ cũng đang dự đoán tương lai, gọi là học dự báo, cũng có thể gọi là học xu hướng, học tương lai. Ngay cả dự báo thời tiết thực ra cũng đang nói cho chúng ta biết những biến đổi của thời tiết trong tương lai, chỉ là không thông qua bói toán mà thôi, nhưng cũng thông qua một loạt biến đổi của số để dự đoán, nguyên lý trong đó là tương thông.

> Khổng Tử không chỉ giải thích về bói toán trong Hệ từ truyện, rằng bói toán chính là dự đoán tương lai thông qua sự biến đổi của số, mà còn giảng giải cặn kẽ về cách bói toán. Vậy những bước bói toán này dựa trên cơ sở gì? Khi bói toán, số sẽ có những biến đổi như thế nào? Và phải dựa vào những biến đổi này để bói thành quẻ như thế nào?

Chúng ta hãy xem Hệ từ truyện chương 9, trên đó viết rõ ràng: "Đại diễn chi số ngũ thập" (Số của Đại diễn là 50). Chúng ta để bói quẻ, ngày xưa dùng 50 cọng cỏ thi. Vì tính quý hiếm và khó có được của cỏ thi, nên không nên một lúc nhổ hết, để sau này không còn nữa thì sẽ tệ. Bây giờ chúng ta không dùng 50 cọng cỏ thi, dùng 50 đôi đũa, 50 cành cây, 50 đồng xu, 50 cái nút áo, chỉ cần là 50 vật giống nhau đều có thể bói quẻ được, và cũng không có gì khác biệt.

Tại sao nói "Đại diễn chi số ngũ thập"? Diễn là ý nghĩa diễn dịch, suy diễn. Về con số 50 có nhiều cách nói, có người nói thế này, có người nói thế kia, mọi người đều có thể tham khảo. Bây giờ, chúng ta hãy xem thứ tự 64 quẻ trong Kinh Dịch, quẻ thứ 50 là gì? Quẻ thứ 50 chính là quẻ Đỉnh. Ý nghĩa của quẻ Đỉnh là nói: Tôi bây giờ muốn bói một việc, cầu xin bất kể là vị thần nào, đều phải đỉnh lực tương trợ! Con số đại diễn rốt cuộc từ đâu mà ra, vì lúc đó không giảng rõ ràng, nên sau này mọi người đều phải suy đoán, vậy chúng ta cũng suy đoán, không phải đơn giản hơn sao?

"Kỳ dụng tứ thập hữu cửu" nghĩa là trong 50 cọng cỏ thi dùng 49 cọng, có một cọng không dùng. Đạo lý này là gì? Điều này dễ hiểu hơn. Bởi vì nếu nói dùng 50 cọng, hai bên chia vừa khéo một bên 25, thế không tệ sao? Bởi vì hai bên đều là số lẻ. Nếu bỏ đi một cọng, còn lại 49 cọng, bất kể lấy thế nào, đều là một bên số lẻ, một bên số chẵn, như vậy phân ra âm dương rồi. Hơn nữa quẻ thứ 49 trong Kinh Dịch đúng là quẻ Cách, ý nghĩa của quẻ Cách là nói phải có sự biến cách, muốn cách cũ đổi mới, bỏ cũ đổi mới, vì vậy mới cầu xin thần minh đỉnh lực tương trợ. Thông qua cách biểu đạt như vậy, người bói quẻ có thể tập trung tâm niệm lại với nhau, phát ra sức mạnh của lòng thành tín. Giải thích như vậy không đơn giản sao? Còn cọng không dùng kia thì coi như Thái cực, Thái cực là bất động.

Sau đó là "Phân nhi vi nhị dĩ tượng lưỡng" (Chia làm hai để tượng trưng cho Lưỡng nghi), lấy ra một cọng, nói: Nhờ cậy, xin đỉnh lực tương trợ! Tôi bây giờ muốn có một phen tác vi, cách cũ đổi mới, xin hãy cho biết tình hình thế nào. Sau đó chia 49 cọng làm hai. Chia làm hai chính là Thái cực sinh Lưỡng nghi, phân âm phân dương.

"Quải nhất dĩ tượng tam" (Treo một để tượng trưng cho Tam tài), là từ một bên lấy ra một cọng, móc vào giữa ngón áp út và ngón út của tay kia, thành ra tam tài, đại diện cho thiên địa nhân tam tài, hoàn toàn phù hợp với đạo lý của Kinh Dịch. "Quải nhất dĩ tượng tam", lấy bên trái hay bên phải? Nhìn từ mặt trước và mặt sau, trái phải vừa khéo ngược nhau, nên lấy thế nào cũng có đạo lý.

Ví dụ chúng ta đến chùa, nên đi theo bên nào? Chúng ta thường nói tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, rốt cuộc là lấy hướng ngồi để xác định hay lấy hướng đối diện để xác định? Rất khó làm rõ. Những hướng mà chúng ta nói trước đây, đại khái đều là lấy hướng ngồi để xác định, đều lấy nó làm chủ, không lấy ta làm chủ. Lưỡng nghi ở bên trái tượng trưng cho trời, ở bên phải tượng trưng cho đất, từ số bên phải lấy ra một cọng tượng trưng cho người, móc vào kẽ ngón út tay trái, để tượng trưng cho thiên địa nhân tam tài.

Lấy cỏ thi bên phải, dùng tay phải đếm bốn bốn. Nghĩa là lấy bốn cọng làm một đơn vị tính, đếm nghĩa là số, một lần đếm là bốn cọng, tượng trưng cho xuân hạ thu đông của một năm. Đếm đến cuối cùng, xem số cỏ còn lại, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, đều tính là số lẻ, liền đặt số lẻ này vào giữa ngón thứ ba và thứ tư của tay trái. Đây chính là "quy kỳ ư chấp dĩ tượng nhập".

Tiếp theo lấy số cỏ bên trái, và dùng tay phải đếm bốn bốn. Đây cũng là "thao chi dĩ tứ, dĩ tượng tứ thời" (Đếm bốn để tượng trưng cho bốn mùa). Đếm đến cuối cùng, xem số cỏ còn lại, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, đều tính là số lẻ, và đặt số lẻ này vào giữa ngón thứ hai và thứ ba của tay trái. Đây chính là "ngũ tuế tái nhập, cố tái vật nhi hậu quải" (Năm năm lại có nhuận, nên lại đặt rồi mới treo). Đến đây là biến lần thứ nhất.

Kiểm tra số cỏ đặt giữa ngón ba và bốn của tay trái từ phía phải còn lại, và số cỏ đặt giữa ngón hai và ba của tay trái từ phía trái còn lại, nếu bên phải còn một cọng thì bên trái phải còn ba cọng, phải hai thì trái cũng hai, phải ba thì trái phải một, phải bốn thì trái cũng bốn. Tổng cộng số cỏ còn lại bên trái và phải, cùng với một cọng ở ngón út tay trái, chính là số cỏ của một quải hai vật, hoặc là năm cọng, hoặc là chín cọng. Liền đặt năm cọng hoặc chín cọng này sang một bên, lần biến thứ nhất hoàn thành.

Lại gộp số cỏ đã đếm bên trái phải lại, kiểm tra số lượng, hoặc là 44 cọng, hoặc là 40 cọng, lại chia hai, treo một, đếm bốn, quy vật, như lần biến thứ nhất. Cuối cùng kiểm tra số cỏ còn lại hai bên, phải một thì trái phải hai, phải hai thì trái phải một, phải ba thì trái phải bốn, phải bốn thì trái phải ba. Tổng cộng số cỏ còn lại hai bên, cùng với cọng treo ở ngón út tay trái, chính là số cỏ của một quải hai vật, hoặc là bốn cọng, hoặc là tám cọng. Liền đặt bốn cọng hoặc tám cọng này sang một bên, đây là biến lần thứ hai.

Lại gộp số cỏ đã đếm hai bên lại, kiểm tra số lượng, hoặc 40 cọng, hoặc 36 cọng, hoặc 32 cọng, như lần biến thứ hai, chia hai, treo một, đếm bốn, quy vật. Cuối cùng kiểm tra số cỏ còn lại hai bên, giống như lần biến thứ hai, thì gộp số cỏ còn lại với cọng treo lại, đặt sang một bên, đây là biến lần thứ ba.

Ba lần biến thành một hào, tính toán số cỏ đặt và vật cùng số cỏ đã đếm qua trong ba lần biến, liền biết được hào gì. Nếu ba lần biến tổng cộng được 13 cọng đặt vật, lấy 49 cọng trừ đi, thì biết ba lần biến tổng cộng số cỏ đã đếm qua là 36 cọng, lấy 4 chia, vì khi đếm cỏ là đếm bốn bốn, chỗ này nên lấy 4 chia, được 9, đây là thái dương. Nếu ba lần biến tổng cộng được 25 cọng đặt vật, thì biết ba lần biến tổng cộng số cỏ đã đếm qua 24 cọng, chia 4, được 6, đây là thái âm. Nếu ba lần biến tổng cộng được 21 cọng đặt vật, thì biết ba lần biến tổng cộng số cỏ đã đếm qua 28 cọng, chia cho 4, được 7, đây là thiếu dương. Nếu ba lần biến tổng cộng được 17 cọng đặt vật, thì biết ba lần biến tổng cộng số cỏ đã đếm qua 32 cọng, lấy 4 chia, được 8, đây là thiếu âm.

Như vậy ba lần biến thành hào sơ, liền vẽ hào sơ ra. Tiếp theo không cần sắp xếp cỏ lại, tức dùng 49 cọng cỏ, chia hai, treo một, đếm bốn, quy vật, lại qua ba lần biến thành hào nhị. Sau đó mỗi ba lần biến đều như vậy. Một quẻ sáu hào, mười tám lần biến thành một quẻ. Khi vẽ quẻ thì vẽ từ dưới lên trên. Chín lần biến đầu thành ba hào, xuất hiện một quẻ ba vạch ở trong, tức là hào sơ nhị tam, gọi là nội quái. Chín lần biến sau lại xuất hiện một quẻ ba vạch ở ngoài, tức là hào tứ ngũ thượng, gọi là ngoại quái. Được nội quái là tiểu thành, được ngoại quái là đại thành. 64 quẻ đều như vậy.

> Có thể thấy bói toán chính là trải qua 18 lần biến đổi của số, cuối cùng thành quẻ. Nhưng mục đích của bói toán không phải là có được một quẻ tượng, mà là để dự đoán tương lai; sau khi bói thành quẻ, con người phải giải đoán quẻ ý như thế nào để chỉ đạo cuộc sống tương lai?

Bây giờ sẽ nêu một ví dụ thời Tam Quốc, để mọi người biết cách bói toán và giải quẻ như thế nào. Thời Tam Quốc có một sự kiện rất nổi tiếng, gọi là "Đại ý thất Kinh Châu" (Do chủ quan mà mất Kinh Châu). Bây giờ chúng ta không bàn có phải chủ quan hay không, chúng ta chỉ lấy một ví dụ về quá trình này.

Tôn Quyền nghe nói Quan Vũ thất bại, ông rất căng thẳng, vì không biết kết quả rốt cuộc sẽ ra sao. Trong triều Đông Ngô có một người rất nổi tiếng trong giới Dịch học, tên là Ngu Phiên. Tôn Quyền nói với Ngu Phiên rằng, ông giỏi bói toán như vậy, hãy bói thử xem, Quan Vũ lần này sẽ thế nào? Ngu Phiên đành phải bói. Bói ra số đầu tiên là bảy, là hào sơ cửu. Số thứ hai vẫn là bảy, là hào cửu nhị. Số thứ ba là tám, là hào lục tam. Số thứ tư là tám, là hào lục tứ. Số thứ năm là chín, là hào cửu ngũ. Số cuối cùng là tám, là hào thượng lục. Vậy mọi người thử xem, toàn bộ quẻ tượng đã ra rồi, vừa khéo là một quẻ Tiết (hình 134-1).

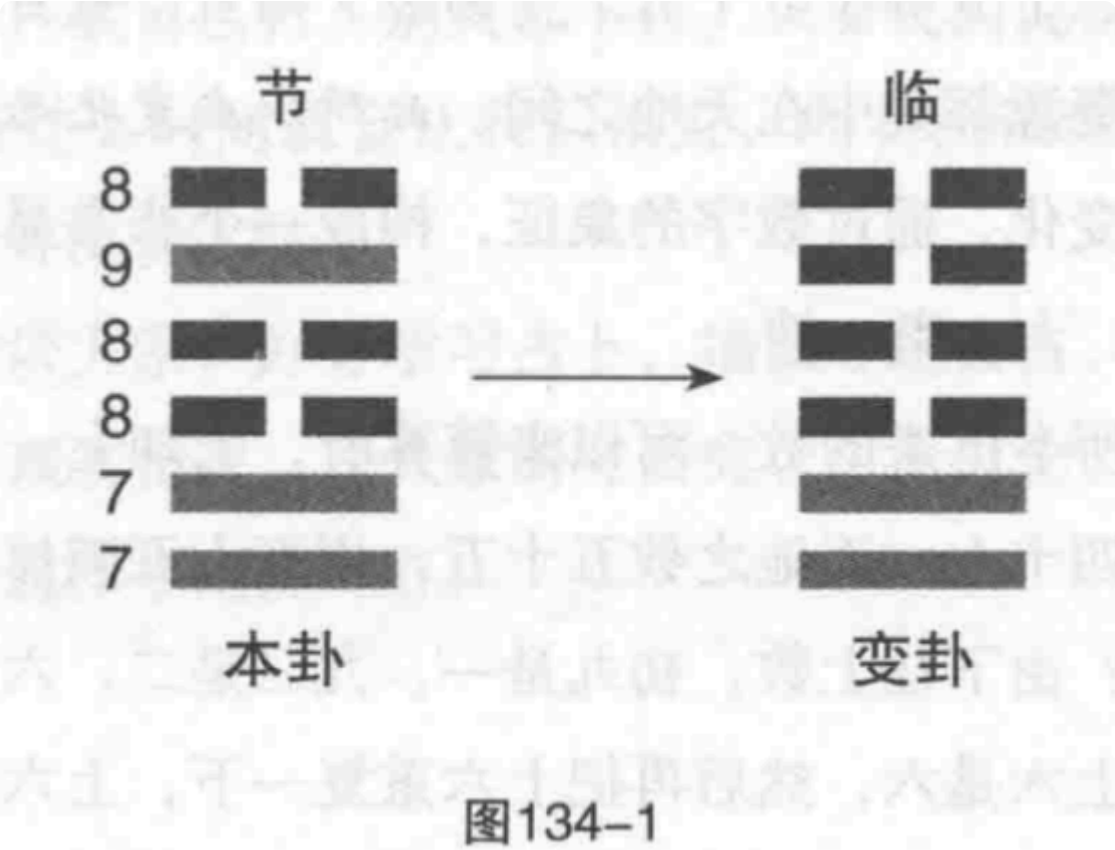


图134–1

Chúng ta nói về trung hiếu tiết nghĩa, và Quan Công chính là đại diện cho chữ Tiết, ông có khí tiết cao ngất trời xanh, nên bói được quẻ này. Trong quẻ này có số 7 có số 8 có số 9, mà 7, 8 là không biến, bởi vì 7 là thiếu dương, 8 là thiếu âm, đều không biến. Chỉ có số 9 là thái dương, sẽ biến, dương sẽ biến âm. Quẻ ban đầu này gọi là bản quái, và khi hào cửu ngũ biến thành âm, sẽ biến thành một quẻ khác. Vì vậy kết quả bói ra, bản quái là quẻ Tiết, quẻ biến là quẻ Lâm (hình 134-1).

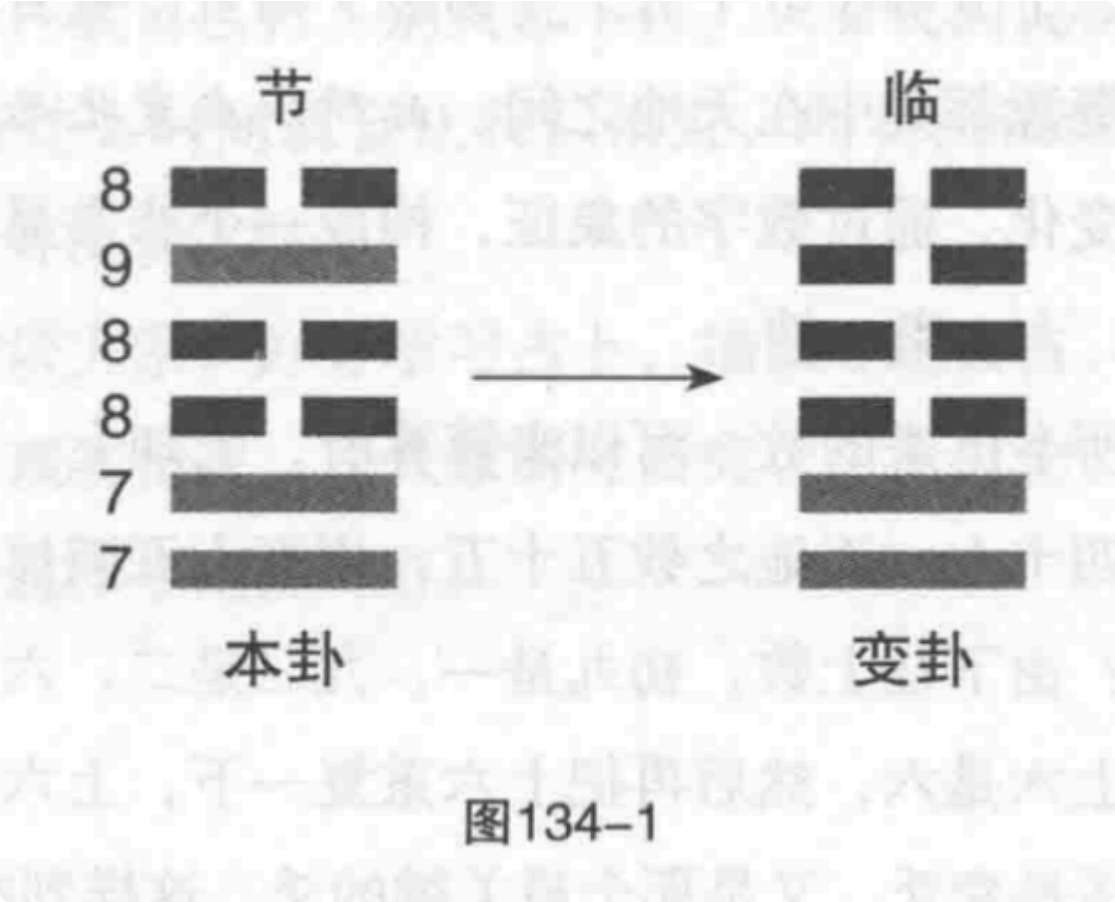


图134–1

Quẻ đã bói ra rồi, phải giải quẻ thôi. Tình hình lúc đó tất nhiên rất gấp rút, vậy rốt cuộc sẽ thế nào? Ngu Phiên nói, không quá hai ngày Quan Vũ sẽ bị chém đầu. Tại sao ông dám đoán chắc như vậy? Chính là vì ông hiểu rõ tình hình lúc đó, nếu ông không hiểu rõ tình hình lúc đó, đoán chắc như vậy không phải quá nguy hiểm sao? Vậy xem sự biến đổi của quẻ này, hào cửu ngũ đại diện cho ai? Đại diện cho Quan Vũ. Lúc đó ở Kinh Châu Quan Vũ chính là người chủ sự, không có ai lớn hơn ông ta nữa, ông chính là "cửu ngũ chi tôn" (người đứng ở ngôi vị cao nhất), nên việc này đương nhiên sẽ xảy ra với Quan Vũ. Và Quan Vũ là người coi trọng trung hiếu tiết nghĩa nhất, đã là quẻ Tiết biến thành quẻ Lâm, xem hào sơ cửu và hào cửu nhị, trong hai ngày, đầu ông ta sẽ bị chặt. Kết quả đã trở thành sự thật, bởi vì Ngu Phiên rất hiểu rõ tình hình lúc đó.

Nếu không hiểu rõ những tình hình thực tế này, chỉ dựa vào một quẻ tượng thì làm sao đoán quẻ được? Thông thường thì dựa vào hai thứ: một là dựa vào hào biến. Ví dụ quẻ Tiết này chỉ có một hào biến, là hào cửu ngũ biến, các hào khác đều không biến, điều đó thể hiện tất cả biến đổi đều tập trung vào hào này.

Ngoài ra còn một manh mối nữa, đó là Hệ từ thượng truyện chương 9 nói: "Thiên số nhị thập ngũ, địa số tam thập. Phàm thiên địa chi số, ngũ thập hữu ngũ" (Số trời là 25, số đất là 30. Phàm số trời đất, có 55). Thiên số là số lẻ, 1,3,5,7,9 tổng cộng năm số, năm số cộng lại là 25. Địa số là số chẵn, 2,4,6,8,10, năm số cộng lại là 30. 30 cộng 25 bằng 55. Quẻ thứ 55 trong Kinh Dịch là quẻ gì? Chính là quẻ Phong, tất cả nguồn lực đều tập trung giữa trời đất. "Thử sở dĩ thành biến hóa nhi hành quỷ thần dã" (Đây là lý do tạo thành

biến hóa và vận hành quỷ thần). Kinh Dịch thông qua sự biến đổi của số, thông qua sự tượng trưng của số, tạo thành một hệ thống biến hóa rất linh hoạt, có thể quán thông trời, đất, người, quỷ, thần.

Chúng ta có thể tính từ số bói ra trong quẻ Tiết xem sao, 7 cộng 7, cộng 8, cộng 8, cộng 9, cộng 8, tổng cộng là 47. Số trời đất 55, lấy 55 trừ đi 47 là 8. Vậy hào nào là 8? Từ dưới đếm lên, hào sơ cửu là một, hào cửu nhị là hai, hào lục tam là ba, hào lục tứ là bốn, hào cửu ngũ là năm, hào thượng lục là sáu, rồi lại lặp lại hào thượng lục một lần, hào thượng lục là bảy, hào cửu ngũ vừa khéo là tám. Có thể thấy hào cửu ngũ vẫn là hào biến, lại là hào then chốt nhất, đoán như vậy càng chắc chắn hơn.

Vậy hào từ của hào cửu ngũ nói gì? "Cam tiết, cát, vãng hữu thượng" nghĩa là: nói Quan Vũ không oán hận, mà là cam tâm tình nguyện: chết thì chết, tôi đã hết sức rồi, không hổ thẹn với lòng. Tuy nhìn có vẻ thê thảm, thực tế thuộc về cái chết tốt đẹp, ông ấy chết mà tâm an lý đắc! Việc bói quẻ như vậy rất giàu tính kịch tính. Đương nhiên, nhất định phải kết hợp với tình hình thực tế để phán đoán.

Vì vậy chúng ta đề nghị mọi người, sau khi bói quẻ ra, phải đối chiếu với tình hình thực tế. Nếu chênh lệch quá xa thì phải có thái độ hoài nghi: là quá trình bói quẻ có vấn đề, hay là báo hiệu biến đổi trong tương lai? Phàm là điềm báo hiện tại không có một dấu vết gì, thì phải cẩn thận, rất có thể tương lai sẽ đi theo con đường này, nên phải nâng cao cảnh giác, phòng ngừa từ sớm. Nếu những việc này đều đã qua rồi, hai năm trước đã như vậy rồi, vậy tại sao bây giờ vẫn chưa có biến đổi? Vậy thì phải từ biến quái mà xem xét. Ví dụ như bói quẻ về Quan Vũ, nếu quẻ Tiết đã trở thành quá khứ, thì xem biến quái của nó là quẻ Lâm. Xem hào lục ngũ của quẻ Lâm, bởi vì hào lục ngũ của quẻ Lâm là từ hào cửu ngũ của quẻ Tiết biến ra. Nếu xem hào từ của hào lục ngũ quẻ Lâm, sẽ biết đang nhắc nhở điều gì, suy đoán như vậy sẽ đúng tám chín phần.

Chúng ta có thể thường xuyên luyện tập bói quẻ, đoán quẻ, ghi chép lại từng tình huống, sau đó đối chiếu lại, rồi tổng kết kinh nghiệm bài học. Như vậy dần dần sẽ tìm ra một lối đi, một lối đi mà mình rất quen thuộc, rất hữu dụng. Tại sao cứ nói là cho mình, mà không phải cho người khác? Có phải điều này rất ích kỷ không? Thực ra hoàn toàn không ích kỷ. Ví dụ, Khổng Tử đã nói với chúng ta: "Cổ chi học giả vi kỷ, kim chi học giả vi nhân" (Người xưa học là vì mình, người nay học là vì người). Chúng ta học vấn là để nâng cao bản thân, bói quẻ là để nói cho mình biết suy nghĩ thế nào mới chu toàn, chứ không phải nói bậy làm càn để hại người. Chúng ta làm người làm việc đều phải khiêm tốn cẩn thận, chứ không phải coi thường tất cả: chỉ mình mình giỏi, người khác đều không giỏi. Chỉ cần chúng ta nói mình giỏi, trời sẽ thấy buồn cười, không chừng lúc nào đó sẽ khiến chúng ta mất mặt, làm cho chúng ta rất khó xử. Đây chính là không học tốt quẻ Khiêm, quẻ 15 trong Kinh Dịch.

Vì vậy chúng tôi đề nghị mọi người, hãy học tập bói toán cho tốt, rất chân thành mà bói, rất cẩn thận mà giải. Giải xong còn phải tham khảo tình hình thực tế, nghiên cứu thảo luận với mọi người, rồi hình thành một phán đoán tương đối đáng tin cậy, như vậy mới tương đối thỏa đáng.

Chương 135: Quẻ 60: Thủy Trạch Tiết - Điều chỉnh thích hợp

> Rất nhiều người đều tôn sùng tự do, hy vọng mình không bị ràng buộc, khao khát một phong cách sống và trạng thái làm việc tự do tự tại, tung hoành ngang dọc. Nhưng quẻ Tiết lại nhắc nhở chúng ta: Phải tiết chế bản thân, mới có thể đạt được sự phát triển tốt hơn. Vậy thì, trong thời đại vật chất dồi dào như vậy, chúng ta rốt cuộc cần tiết chế cái gì? Lại nên tiết chế như thế nào?

Ý nghĩa của quẻ Tiết là, bất cứ sự việc gì đều phải có sự tiết chế hợp lý, nếu không sẽ sinh ra rất nhiều di chứng không tốt. Trước tiên chúng ta hãy xem tượng của quẻ Tiết (hình 135-1), ba hào dương, ba hào âm.



图135–1

Sơ Cửu, Cửu Nhị là hai khớp xương quan trọng ở chân của chúng ta, Sơ Cửu là khớp cổ chân, Cửu Nhị là khớp gối. Nếu hai khớp xương này không cứng, toàn thân khó có thể đứng thẳng lên được, người sẽ bị liệt. Vì vậy hai khớp này nhất định phải là hào dương. Nhưng sự cứng rắn của hai hào dương hợp lại quá lớn, vì thế phải nhanh chóng dùng hai hào âm để tiết chế nó, tức Lục Tam, Lục Tứ. Người luyện võ thường nói "phải thả lỏng hông", Lục Tam chính là khớp hông. Lục Tứ là khớp thắt lưng, thắt lưng nhất định phải mềm mại. Nếu thắt lưng cứng ngắc, đôi khi người ta sẽ cảm thấy người này không có chút lịch sự nào. Hai hào âm hợp lại âm khí thịnh, vì vậy phải dùng ngay một hào dương để tiết chế nó, tức Cửu Ngũ. Cửu Ngũ chính là xương sống, xương sống phải cứng. Khi có người muốn đánh chúng ta, chúng ta sẽ không dùng bụng để

cho họ đánh, mà sẽ xoay người lại, dùng lưng để chống đỡ, xương sống là dương. Mà Thượng Lục vừa đúng là cổ của chúng ta, cổ nhất định phải mềm, nếu không chính là không hòa thuận với chính mình. Chúng ta thường nói, anh cứng cổ như vậy để làm gì, mềm một chút chẳng phải tốt hơn sao? Vì vậy, một người, lúc nên mềm thì phải mềm, lúc nên cứng thì phải cứng.

Tạp Quái Truyện nói: “Tiết, chỉ dã”.

"Tiết", tức là có giới hạn. Làm bất cứ việc gì không thể không có giới hạn. "Chỉ", tức là tiết chế, chính là quy củ hóa, thống nhất bước tiến. Nhưng ý nghĩa của "Tiết" không hoàn toàn là chỉ, nó còn rộng hơn chỉ một chút, đây cũng là lý do vì sao không dùng "chỉ", mà dùng "Tiết" để đặt tên cho quẻ này.

Thoán từ của quẻ Tiết (hình 135-2) nói: “Tiết, hanh. khổ tiết bất khả trinh.”

(Tiết chế thì hanh thông. Nhưng tiết tiết chế đến mức cực khổ thì không ai chịu được lâu.)



图135–2

Quẻ Tiết ngay từ đầu đã cho chúng ta biết là hanh thông, bởi vì nếu sự vật điều chỉnh tốt, sẽ không lệch một bên, tất nhiên là hanh thông. Nhưng ở trong này còn có một điều kiện, tức "khổ tiết bất khả trinh". "Khổ tiết", quá độ tiết chế, không gần tình lý, khiến mọi người đau khổ không chịu nổi. Làm sao đây? "Bất khả trinh", tức là không thể coi nó là hiện tượng bình thường. Thỉnh thoảng tình huống đặc biệt, thực sự không có cách nào, mọi người chịu khổ một chút vẫn có thể nhẫn nại. Nhưng lâu dài như các nhà tu khổ hạnh, thì quá đáng. Hiện nay các nhà tu khổ hạnh dần dần không được hoan nghênh, chính là bởi vì khổ tiết là bất khả trinh, quá mức khắc khổ, quá mức chịu đựng gian khổ, quá mức tiết chế không gần tình lý, không nên coi nó là quy luật. Có thể thấy, bản thân tiết chế cũng có giới hạn, không thể vô biên vô hạn.

Lấy một ví dụ. Trong một năm, số lần chúng ta ăn Tết là có hạn, nếu ngày nào cũng ăn Tết, vậy còn được không? Tất nhiên miệng chúng ta đều sẽ nói, ngày nào cũng ăn Tết, có vẻ rất vui vẻ. Trên thực tế, ngày nào cũng ăn Tết còn thảm hơn không có Tết. Bởi vì mọi người căn bản không có thời gian làm việc chính, căn

bản cung ứng không nổi nhu cầu ăn Tết hàng ngày, cho nên miệng tuy nói ngày nào cũng ăn Tết tốt biết bao, trên thực tế đó là việc bất bình thường. Nếu mỗi lần ăn Tết, đều phải tặng rất nhiều quà, chuẩn bị nhiều rồi vẫn không đủ, đi khắp nơi vay mượn vẫn phải trả, vậy chính là "khổ tiết bất khả trinh". Hơn nữa, làm người khổ cực như vậy để làm gì?

> Quẻ Tiết nhắc nhở chúng ta phải học cách tiết chế. Tiết chế thích hợp, được gọi là "cam tiết", có thể đạt được hiệu quả tốt; mà tiết chế quá mức, được gọi là "khổ tiết", hiệu quả thì không như ý muốn. Vậy thì, tiết chế như thế nào mới là thích độ, hợp lý? Mà quẻ Tiết lại cho chúng ta những phương pháp gì để thực hiện "cam tiết"?

Thoán truyện quẻ Tiết nói: “Tiết hanh. Cương nhu phân. Nhi cương đắc trung. Khổ Tiết bất khả trinh. Kỳ đạo cùng dã. Duyệt dĩ hành hiểm. Đáng vị dĩ tiết. Trung chính dĩ thông. Thiên địa tiết nhi tứ thời thành. Tiết dĩ chế độ. Bất thương tài. Bất hại dân.”

Chúng ta có thể thấy, quẻ Tiết (hình 135-3) quẻ trên là quẻ Khảm, tức là hiểm; quẻ dưới là quẻ Đoài, tức là “vui”. Người phía dưới trong lòng rất hoan hỉ, bởi vì họ biết sự tiết chế này đối với họ là tốt, không phải bóc lột, không phải áp bức, càng không phải muốn ép bức họ để làm giàu cho mình. Vì vậy, tuy có một chút nguy hiểm trở ngại, họ vẫn rất vui lòng phối hợp.

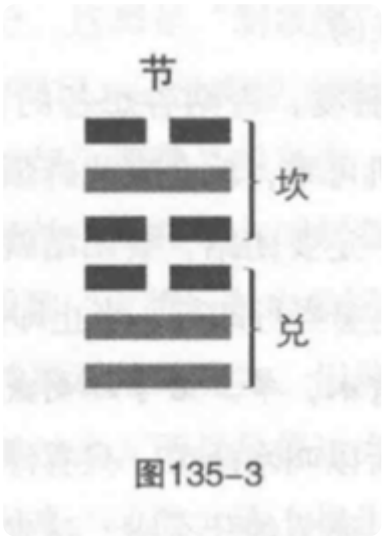


图135–3

Nói thật, không có một sự tiết chế nào là không có nguy hiểm trở ngại. Một người, sống thoải mái quen rồi, bảo anh ta thu liễm một chút, anh ta sẽ cảm thấy rất khó chịu. Giống như trẻ con, nghỉ hè xong, đi chơi khắp nơi, rất vui vẻ, nghe nói hè hết rồi, phải đi học rồi, sẽ không vui, tìm đủ lý do để không đi học. Đây chính là biểu hiện từ quẻ Hoán chuyển sang quẻ Tiết. Vì vậy, những người làm cha mẹ vào một hai ngày cuối của kỳ nghỉ dài, phải giúp con cái thu tâm, nói cho chúng biết nghỉ dài là tình huống đặc biệt, không thể suốt năm như vậy được. Từ từ, trẻ con sẽ có sự chuẩn bị tâm lý như vậy.

Từ đây chúng ta nghĩ đến, chính phủ muốn làm bất cứ việc gì, cũng phải để người dân trong lòng có sự chuẩn bị. Như vậy, họ mới sẽ vui vẻ tiếp nhận sự thay đổi chính sách nào đó của chính phủ, hoặc sự điều chỉnh mệnh lệnh của chính quyền.

"Đáng vị dĩ tiết, trung chính dĩ thông", Thượng Lục đắc chính, Cửu Ngũ đắc chính, ý nói quân vương cùng các thần cận thần của mình, bản thân trước tiên phải tiết chế tốt, còn phải đứng ở lập trường của nhân dân mà suy nghĩ một chút, sự tiết chế như vậy của mình, sự điều chỉnh như vậy, có khiến họ cảm thấy rất khó chịu trong lòng hay không, có thể vui vẻ tiếp nhận hay không, những điều này đều phải suy xét kỹ càng trước.

"Thiên địa tiết nhi tứ thời thành", chúng ta mở mắt nhìn đại tự nhiên, trời đất có nhịp điệu, xuân hạ thu đông, 24 tiết khí, tuần tự luân chuyển, rõ ràng rành mạch, nhân dân mới biết làm sao phối hợp, khi nào gieo giống, khi nào thu hoạch. Nếu không, lúc thế này lúc thế kia, họ căn bản không biết nên làm sao.

"Tiết dĩ chế độ", lấy điển chương chế độ để tiết chế. Nó có hai nguyên tắc: Không thương tài, không hại dân. Hễ thương tài hại dân, mọi người sẽ không vui vẻ, sẽ không chấp nhận pháp lệnh này, sẽ không "dĩ hành hiểm". Cho nên, chế độ tốt chính là không hại dân, không thương tài. Chúng ta thường nói "anh làm như vậy, lao dân thương tài", kỳ thực chính là từ đây mà ra.

Một quốc gia không thể không có chế độ, nếu không mỗi người nghĩ một kiểu, mỗi người nói một kiểu, đó gọi là hoán tán. Hễ hoán tán, các nước khác có cơ hội, sẽ đến gây phiền phức cho bạn, đe dọa bạn, hăm dọa bạn, thậm chí chiếm lĩnh lãnh thổ của bạn. Cho nên quốc gia nhất định phải đoàn kết, muốn đoàn kết thì nhất định phải có chế độ. Nhưng tốt xấu của chế độ quan hệ rất lớn, nhất định phải khi nên tiến thì tiến, khi nên dừng thì dừng, mỗi cái đều có mức độ của nó.

Đại Tượng Truyện quẻ Tiết nói: “Trạch thượng hữu thủy, Tiết. Quân tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh.”

Quẻ Tiết quẻ dưới là Đoài là trạch, quẻ trên là Khảm là thủy (Hình 135-3), cho nên gọi là Thủy Trạch Tiết.



图135–3

Chỉ khi “trạch” có nước, chúng ta mới có thể nói đến tiết kiệm, nếu căn bản không có nước, tiết kiệm cái gì chứ? Điều này cho chúng ta biết, phải nhân lúc bây giờ có nước, nghĩ cách tiết kiệm, mà không phải đợi đến khi nước dùng hết rồi, mới kêu trời than đất, kêu khổ liên thiên, lúc đó thì đã muộn.

Trạch một mặt có thể tích nước, mặt khác cũng có thể dùng để tiết chế nước. Bên cạnh mỗi đập nước thường có một bảng chia độ, cho chúng ta biết mực nước là bao nhiêu. Khi đạt đến một mức độ nào đó, phải bắt đầu xả lũ, nếu không áp lực quá lớn, nước tràn bờ, có thể sẽ phá hủy toàn bộ đập nước. Bây giờ, chia độ nước cho chúng ta biết, mực nước đã rất cạn rồi, vậy thì mọi người phải tiết kiệm dùng nước, mỗi nhà đều dùng ít đi một chút, nếu không mùa hè năm nay không có nước dùng, sẽ khổ hơn bất cứ thứ gì.

Bất kỳ sự việc tự nhiên nào, đều có sự tiết chế hợp lý, người tất nhiên không nên là ngoại lệ. Vì vậy, Đại Tượng Truyện tiếp tục nói: “Quân tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh”. "Chế số độ", chính là ý định lượng hóa. Bất kỳ sự việc gì, đều dùng con số để biểu thị nó, quy định cấp bậc, giới hạn cao nhất và thấp nhất phân biệt ở đâu, đều phải đánh dấu rõ ràng. Nói theo cách nói bây giờ, gọi là ranh giới cảnh báo.

> Mặc dù chúng ta lợi dụng phương pháp "định lượng hóa", đối với sự vật tự nhiên tiến hành tiết chế hợp lý, và đạt được hiệu quả rất tốt, nhưng quẻ Tiết nhắc nhở chúng ta, nếu cũng chiếu theo phương pháp định lượng hóa mà đi tiết chế bản thân con người, lại không phải là lý tưởng nhất. Vậy thì, phương pháp lý tưởng nhất để con người tự tiết chế và tiết chế người khác là gì? Chúng ta lại nên làm từ đâu?

Kinh Dịch nhắc nhở chúng ta, hoàn toàn định lượng hóa, không có tính đàn hồi thì gọi là "khổ tiết bất khả trinh", bởi vì không phải mọi thứ đều có thể dùng con số để giải thích. Cho nên, phải "nghị đức hạnh", tức là nhìn xem phẩm đức tu dưỡng của người này như thế nào. Một người, tốt nghiệp trường danh tiếng, học có chuyên tinh, đã học qua những khóa như thế nào, được điểm cao như thế nào, những thứ này đều là "chế số độ", nhưng những thứ này không nhất định có thể chứng minh người này chắc chắn dùng tốt. Bởi vì đức hạnh của anh ta, vẫn chưa được đánh giá, mà đức hạnh là không thể định lượng.

Chúng ta nói năng lực của người này như thế nào, đó đều là rất sơ sài, rất có tính đàn hồi, không thể dùng để làm tiêu chuẩn đánh giá. Điểm không tốt của người hiện đại là ở chỗ, trong sáu chữ "chế số độ, nghị đức hạnh", chỉ coi trọng "chế số độ", mà không nhìn thấy "nghị đức hạnh" cũng quan trọng như vậy.

Lãnh đạo muốn dùng một người, tất nhiên phải xem năng lực của anh ta. Nhưng năng lực có thể hoàn toàn định lượng hóa không? Có vẻ không được, miễn cưỡng thì có thể, vẫn có thể nói xuôi được. Nhưng về mặt phẩm đức, thì phải tìm mấy người để bàn bạc đánh giá, tổng hợp quan điểm của mọi người lại, mới có thể đại khái đưa ra một cấp bậc. Không thể anh tự cho là như vậy thì là như vậy, nếu không sẽ là định kiến, dẫn đến toàn bộ tiêu chuẩn đánh giá không điều hòa.

Thực ra, thứ chúng ta hiện nay thường nói là pháp chế, chính là chỉ nhìn thấy “chế số độ”. Chúng ta chỉ biết là có vi phạm quy định hay không, có vượt tiêu chuẩn hay không, có vi phạm pháp luật hay không, nhưng còn có một phần bị mọi người lơ là, chính là lễ tiết. "Dùng lễ để tiết", nhân dân mới sẽ tiết kiệm, cũng mới phù hợp yêu cầu của quẻ Tiết. Nếu mỗi người chỉ nói tôi không vi phạm pháp luật là được rồi, vậy cả dân tộc là không có hy vọng. Nghĩ xem, chỉ cần không vi phạm pháp luật, cái gì cũng dám làm, chẳng phải thiên hạ đại loạn sao? Tất nhiên, lương tâm là không thể định lượng, nhưng mọi người sờ lương tâm của mình sẽ biết, làm việc này tuy không vi phạm pháp luật, nhưng trong lòng rất bất an, tự nhiên sẽ tự kiềm chế mình, đây gọi là tâm hổ thẹn.

> Người sống phải nói khí tiết (气节), khí tiết là tôn nghiêm của một người. Chúng ta còn phải cố gắng cật lực (争气, ndlr: “tranh khí”), chính là không để cha mẹ mình bị người ta chê cười, không để con cháu mình học theo gương xấu. Mà những điều này đều không liên quan gì đến cái "chế số độ" kia, ngược lại đều là "nghị đức hạnh". Cho nên, sáu chữ "chế số độ, nghị đức hạnh", đối với người hiện đại mà nói, là cực kỳ quan trọng.
>
> Cốt lõi của quẻ Tiết chính là tiết chế. Trời đất có tiết mới có thể thường tân, quốc gia có tiết mới có thể an ổn, cá nhân có tiết mới có thể hoàn mỹ. Quẻ Tiết yêu cầu chúng ta dùng "lễ" tu thân, vậy thì, quốc gia lại nên "tiết chế" như thế nào, mới có thể an ổn hưng thịnh?

Chế độ của quốc gia có hai mặt, một mặt phải ngăn ngừa nhân dân làm điều xấu, mặt khác phải ngăn ngừa quan lại tham ô hủ bại, hai mặt này đều phải chăm lo. Nhân dân nghe lời, quan lại tham nhũng, chẳng phải tệ lắm sao? Quan lại rất ngay thẳng, nhân dân ngày càng gây khó dễ, động một tí là tụ tập phản đối pháp lệnh của chính phủ, như vậy cũng rất tệ. Trong tình huống này, làm sao đây?

Tất nhiên, qua các đời chúng ta đều biết, chức vị rất quan trọng, Cửu Ngũ là then chốt.

Cửu Ngũ có hai loại, một loại gọi là minh quân, một loại gọi là bạo quân. Minh quân phải thể sát dân tình, nhất định phải khống chế cục diện, nếu không toàn bộ tán loạn mất, quốc gia sẽ mất. Trách nhiệm của minh quân chính là phải tiết chế, nhưng còn phải được lòng dân. Được lòng dân không phải chiều theo nhân dân, bởi vì nhân dân mỗi người có lợi ích quan hệ riêng, mỗi người có trình độ riêng, không có cách nào đều

chăm lo hết. Nhưng ít nhất phải không thương tài, không hại dân. Cho dù có việc bị người khác nói là chuyên chế, cũng phải làm, bởi vì bây giờ không làm, mười năm hai mươi năm sau, muốn làm cũng không kịp, như vậy mới là minh quân. Một loại khác là bạo quân, bạo quân chính là không quan tâm nhân dân nghĩ thế nào, anh ta thích làm sao thì làm vậy, như vậy thì tệ lắm. Cho nên, Mạnh Tử mới nói, gặp phải bạo quân như vậy, cho dù coi anh ta như kẻ thù cũng không quá đáng.

Đối với một quốc gia, chính trị tốt nhất chính là chính thông dân hòa. Chính phủ có chính sách rất tốt, mà mọi người đều có thể dưới chính sách này hòa hợp cùng, ở đây nhất định phải tiết. Chính phủ phải tiết chế, nhân dân phải tiết chế, nhà tôi phải tiết chế, nhà anh cũng phải tiết chế, mỗi người đều phải hợp lý tiết chế. Bây giờ thường không phải như vậy, có người kiếm được chút tiền, liền khoe khoang khắp nơi, đây chính là không biết tiết.

Tiết là một loại tu dưỡng rất quan trọng, trong bốn đức tính trung hiếu tiết nghĩa. Tiết chiếm một phần tư. Tiết chế là gì? Chính là quy định chúng ta không thể thế này, không thể thế kia. Nói cách khác, tự do là phải chịu hạn chế, không ai có tự do vô hạn vô độ, bởi vì giữa trời đất không chỉ có một mình anh.

Người ngày nay rất kỳ lạ, cứ thích nghĩ những thứ rất hư ảo, tự do, bình đẳng, nhân quyền, tôn nghiêm, vinh dự, chúng ta đều đang theo đuổi những thứ này, lại quên mất trước tiên nên tự tiết chế bản thân cho tốt. Có thể thấy, quẻ Tiết là rất quan trọng. Nếu bảo anh chấm điểm cho cuộc đời mình, 60 điểm tính là đạt, vậy 60 điểm chính là quẻ Tiết. Cho nên, không tiết chế được bản thân, cả cuộc đời sẽ bị giảm giá lớn.

> Bất luận là tự nhiên, quốc gia hay con người, muốn làm được "điều tiết thích hợp", yếu tố quan trọng nhất vẫn là bản thân con người. Vậy thì, quẻ Tiết đối với việc chúng ta thực hiện tiết chế hợp lý, còn có những cảnh báo gì?

Con người muốn sinh tồn, sinh tồn thì phải có giới hạn thấp nhất, không thể ngay cả chi phí cơ bản cũng không thỏa mãn được. Trẻ con bây giờ, nếu cha mẹ không cho chúng gì cả, chúng sẽ ra ngoài giả vờ đáng thương, xin người khác, hoặc ăn trộm. Điều này cho thấy cha mẹ không làm tròn trách nhiệm. Nhưng có một điểm, nếu anh là lãnh đạo, anh khắc khổ hơn cấp dưới, điều này là được. "Khổ tiết bất khả trinh", bản thân có hạn chế, yêu cầu bản thân nhiều một chút, yêu cầu người khác ít một chút, vẫn có thể hanh thông. Nhưng ngược lại, bản thân thả lỏng, lại yêu cầu người khác tiết kiệm, đó mới thực sự là "khổ tiết bất khả trinh". Bất kỳ một câu nói, đều phải thể hội qua lại như vậy, mới có thể đạt được toàn bộ ý nghĩa, nếu không, chỉ dừng lại ở giải thích trên giấy thôi.

Chúng ta nhìn tự nhiên, lúc nên lạnh thì lạnh, lúc nên gió thì gió, lúc nên mưa thì mưa, không quan tâm người ta chuẩn bị xong chưa. Cho nên Lão Tử mới nói với chúng ta: “Trời đất bất nhân, coi vạn vật như chó rơm”. Ông trời không phải họ hàng nhà anh, nó cớ gì phải chiếu cố anh? Nhưng ông trời rất công chính, chỉ hỏi nên hay không nên, không bao giờ hỏi cảm nhận của con người thế nào. Nhưng người thì khác, anh

muốn làm lãnh đạo của đám đông, phải thể sát dân tình, hiểu rõ tình hình hiện tại. Vì vậy, mặc dù chúng ta với tự nhiên là một thể, nhưng đã là người, có văn minh của loài người, thì nên nhớ rằng, ngoài "chế số độ", nhất định phải thêm vào "nghị đức hạnh".

Đối với cha mẹ mà nói, "nghị đức hạnh" chính là từ nhỏ phải nói cho con biết, làm người nghèo giàu đều không sao cả, ngày nào cũng có thể sống qua, mới có tính đàn hồi, mới không bị hạn chế. Nếu chỉ có thể sống tốt, tương lai một khi gặp biến cố, làm sao đây? Nếu nhất định phải sống khổ, nếu tốt thì một chút cũng không muốn, vậy thì cần gì chứ!

Điều quan trọng nhất của con người chính là tu dưỡng phẩm hạnh của mình, được mọi người hoan nghênh. Phải dạy trẻ con chung sống hòa thuận với người khác, xem tình hình mà làm, đây chính là tiết. Ngày Tết, không chỉ là dạy nó cười ha hả, ăn bánh trung thu, bánh ú rồi qua đi, như vậy hoàn toàn không có ý nghĩa. Mà phải nói cho nó biết, tại sao ăn bánh ú, ăn bánh trung thu rồi nên hiểu được đạo lý nào, như vậy ăn Tết mới có ý nghĩa. Nếu không, ăn uống vui chơi sẽ phá hủy toàn bộ quẻ Tiết, lại khôi phục trạng thái tán loạn lúc trước.

Hiện nay gần như mỗi gia đình đều là tán loạn, điều này dường như trở thành hiện tượng rất bình thường, lúc thì chạy chỗ này, lúc thì chạy chỗ kia, không biết đâu là nhà, đây chính là quẻ Hoán. Hoán thì phải bắt đầu tiết, tiết chính là phải thu liễm, không thể quá mức. Tiết chế hợp lý, thì có thể dài lâu; tiết chế không hợp lý, qua một thời gian sẽ phản kháng. Thực ra, toàn bộ chính trị, chính là làm thế nào để giữa Tiết và Hoán đạt được một điểm cân bằng. Như vậy chúng ta mới hốt nhiên đại ngộ, trước kia tại sao có quan tiết độ sử, đó chính là đạo lý của quẻ Tiết.

Mục đích của việc điều tiết thích hợp chính là đạt tới chính thông dân hòa, cho nên tiếp theo, chúng ta hãy từ sự biến hóa của sáu hào đến xem làm thế nào mới có thể: Chính thông dân hòa.

Chương 136: Chính thông dân hòa

> Tục ngữ nói: Không có quy củ, không thành phương viên. Vì vậy, bất luận là trị quốc, hay quản lý công ty, đều cần phải lợi dụng pháp luật và quy chương để tiết chế bách tính, điều khiển nhân viên. Nhưng mà, lịch sử đã chứng minh rằng những ví dụ về việc tiết chế quá mức tạo ra sự khắc nghiệt, độc tài đã quá nổi tiếng, vậy thì, rốt cuộc tiết chế như thế nào mới có thể vừa khiến bách tính vui lòng tiếp nhận, vừa cuối cùng thực hiện được chính thông dân hòa? Đối với điều này, sáu hào của quẻ Tiết lại sẽ đưa ra đáp án như thế nào?

Sự thành lập của chính phủ chính là để khiến nhân dân có thể sống cuộc sống ổn định hòa hợp. Nhân dân về cơ bản là một đám cát lỏng, nếu buông thả họ, thì tuyệt đối không phải là chính sách tốt. Vì vậy, nhiệm vụ của chính phủ chính là phục vụ nhân dân, điều này không sai. Nhưng đạt đến một trạng thái như thế nào, mới là điều chúng ta quan tâm, dùng bốn chữ để hình dung, chính là "chính thông dân hòa". Mệnh lệnh của chính phủ có thể thông hành không trở ngại, khiến nhân dân rất muốn tiếp nhận, thực hành, và khiến người với người có thể hòa hợp ở chung, đây là điều tuyệt vời nhất. Sáu hào của quẻ Tiết đang nói về những việc này.

Chúng ta trước hết hãy xem từ hào Sơ Cửu, hào từ của nó (hình 136-1) chỉ có một câu: "Bất xuất hội đình, vô cữu."

(không ra khỏi sân ngõ, không có lỗi.)

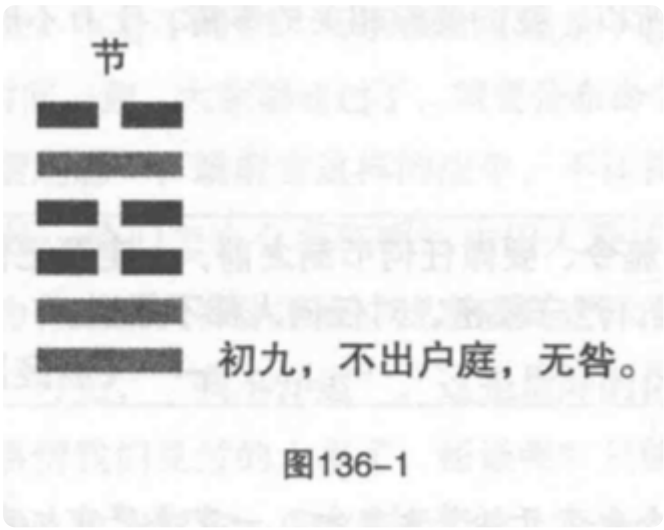


图136–1

Nếu là hào Sơ Lục, hào từ sẽ không viết như vậy, bởi vì hào Sơ Lục chính là "âm cư dương vị" (hào âm ở vị trí dương), nó tự mình sẽ giữ phận, sẽ không loạn mở miệng. Hiện tại không phải, hào Sơ Cửu "dương cư dương vị" (hào dương ở vị trí dương, đắc chính), đây vốn dĩ chính là vị trí của nó. Mà hào Sơ Cửu bản thân chính là dương cương, tích cực, thích thể hiện, cho nên rất dễ loạn mở miệng nói chuyện.

Điều trẻ con sợ nhất chính là tự mình không hiểu, lại thích loạn chuyện, chúng ta thường nói "đứa trẻ miệng còn hôi sữa", đây là lời an ủi. Thực ra, đứa trẻ miệng còn hôi sữa nhất định có điều kiêng kỵ. Một người làm quan tốt đẹp, đột nhiên gặp vấn đề, chính là vì con ở bên ngoài làm loạn, vợ ở bên ngoài nói bậy.

Một chính khách, anh ta đối mặt một xã hội rất phức tạp, muốn ràng buộc nó lại, thì phải lập ra chế độ, ban bố mệnh lệnh, nhưng nhất định phải nhớ, hào Sơ Cửu ở đoạn thời gian ngay lúc bắt đầu những việc này, lúc này tuyệt đối phải bảo mật, tuyệt đối không thể mắc mưu. Hiện nay có rất nhiều người đề xướng chính sách phải minh bạch hóa, nghĩ xem, chính phủ còn chưa làm, mọi người đã biết hết rồi, như vậy liệu có được không? Ví dụ chính phủ muốn thu hồi một mảnh đất để xây dựng công trình công cộng, hoặc có cách sử dụng hiệu quả hơn, nó dám nói không? Nếu nói ra, vốn dĩ khu đất chỉ có vài cây, lỡ như qua đêm đã trồng kín mít; vốn dĩ là căn nhà nát, cũng xây nhà cao tầng rồi, còn có tường rào. Đây đều là do tự mình gây ra.

Cho nên, ở đây "bất xuất hộ đình", chính là giữ nghiêm bí mật, không thể lộ ra ngoài. Chúng ta chính nên như vậy, đối với người ở nội bộ tiết lộ tin tức ra ngoài, thi hành hình phạt nghiêm khắc. Đặc biệt là cổ phiếu, nếu có giao dịch nội gián, cả thị trường sẽ hoàn toàn xong đời. Hiện nay có rất nhiều người nói chuyện rất tùy tiện, vừa không có trách nhiệm, vừa không hiểu đạo lý, khắp nơi yêu cầu nhất định phải minh bạch hóa, đây là rất tệ.

Kinh Dịch nói với chúng ta, trước khi ban bố mệnh lệnh, làm bất cứ tiết chế nào, nhất định phải nhớ rằng khi chưa có động tĩnh, phải giữ nghiêm bí mật, không thể nói với bất kỳ ai, như vậy mới vô cữu. Nếu không, chính là khua trống kêu to cảnh báo trước, vốn dĩ không có việc gì, cũng bị làm cho lộn xộn; vốn dĩ muốn thu hoạch nhân tâm, kết quả làm cho nhân tâm càng loạn. Cho nên, chúng ta muốn làm những việc liên quan, tuyệt đối không thể khua trống kêu to cảnh báo trước, nếu không thì là công dã tràng.

> Mặc dù lúc ban bố mệnh lệnh hoặc bắt đầu tiết chế, nhất định phải giữ nghiêm bí mật, tuyệt đối không thể lộ ra ngoài, mới không đến nỗi công dã tràng. Nhưng quẻ Tiết luôn nhắc nhở chúng ta, tiết chế phải thích độ, nếu không sẽ rơi vào tình cảnh bị động của hào Cửu Nhị. Vậy thì, hào Cửu Nhị rốt cuộc đã xảy ra tình huống như thế nào? Nó lại đưa ra những cảnh báo gì cho con người?

Hào Cửu Nhị thì không giống vậy, hào từ của nó (hình 136-2) là: “Bất xuất môn đình, hung.”

(không ra khỏi cái sân ở trong cửa, xấu.)

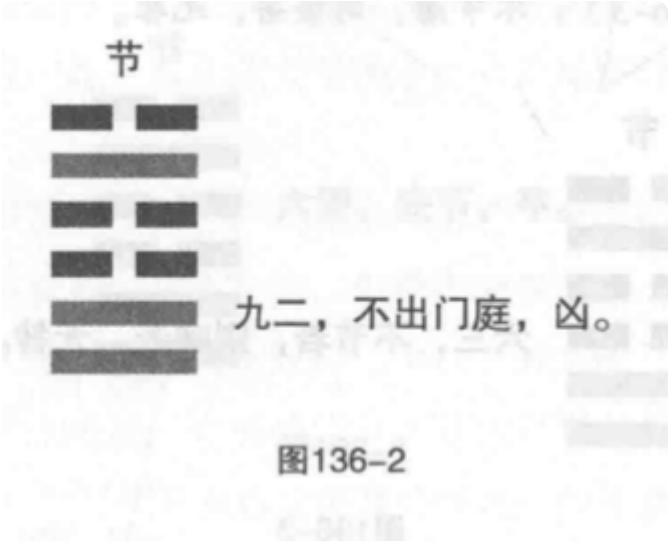


图136–2

Hào Sơ Cửu là "bất xuất hộ đình, vô cữu", hào Cửu Nhị là "bất xuất môn đình, hung". "Môn đình" với "hộ đình" có gì khác nhau? "Hộ đình", chỉ sân trong nhà. "Môn đình", là cổng lớn của nhà. Hào từ ý nói lúc này của hào Cửu Nhị, nếu không bước ra khỏi cổng nhà, thì là hung. Bởi vì đến vị trí của hào Cửu Nhị, thời gian bảo mật đã qua, phải công bố thực thi, hướng tới nhân dân quảng bá rộng rãi, mới là chính đạo.

Tiểu Tượng nói rất rõ ràng: “Bất xuất môn đình hung, thất thời cực dã”.

Hào Cửu Nhị dương cư âm vị (hào dương ở vị trí âm), bản thân bất chính, cho nên rất có thể là không hợp thời nghi, vậy thì phải nghĩ cách điều chỉnh lại. Đến lúc rồi, mọi người đều thông qua, thì phải công bố mệnh lệnh, và quảng bá rộng rãi.

"Bất giáo nhi sát, vị chi ngược" (Luận Ngữ), chính phủ có pháp lệnh như vậy, không để cho bách tính biết, lại căn cứ vào pháp lệnh này để trừng phạt bách tính, họ làm sao phục? Người Trung Quốc lợi hại nhất, khi anh phạt họ, họ hỏi anh: Anh vì sao phạt tôi? Anh trả lời: Quy định là như vậy. Họ sẽ nói: Quy định à? Vậy sao tôi không biết? Có thể thấy, "tôi không biết", đây là lý do tốt nhất, biết thì sẽ không vi phạm như vậy. Loại việc này chúng ta đã thấy quá nhiều rồi, trách ai đây? Chỉ có thể trách cơ quan liên quan không tuyên truyền rộng rãi.

Thành thật mà nói, về hào Cửu Nhị, cả thế giới làm tốt nhất chính là Singapore. Singapore rất đơn giản, chỉ cần chính phủ có một mệnh lệnh mới, mỗi bộ phận đều phải tuyên truyền. Không phải nói đây là việc của giao thông, không liên quan đến kinh tế, giáo dục. Chỉ cần là mệnh lệnh của chính phủ, mỗi đơn vị đều có liên quan, họ làm được điểm này.

Tiếp theo xem hào Lục Tam , vị trí của hào Lục Tam đã nguy hiểm, bởi vì phía trên nó là quẻ Khảm. Trước tiên chúng ta hãy xem hào từ của hào Lục Tam (hình 136-3): “Bất tiết nhược, tất ta nhược, vô cữu.”

(không dè dặt (tự tiết chế mình) mà phải than vãn, không đổ lỗi cho ai được.)

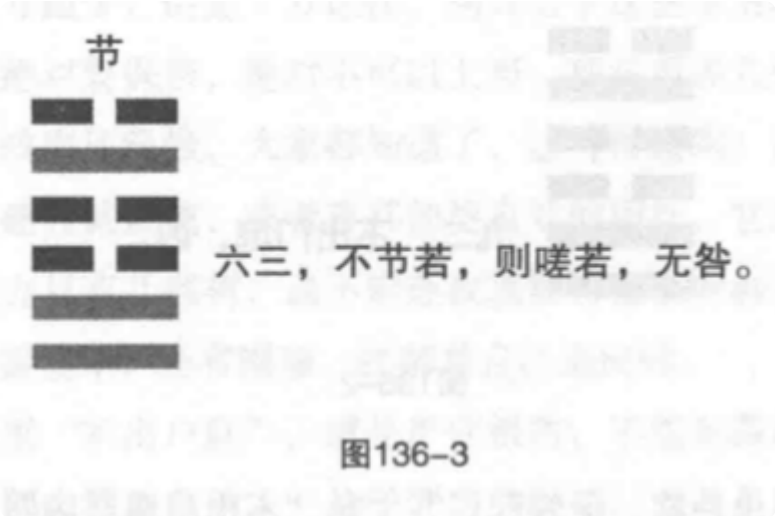


图136–3

"Ta", than thở, thở dài. Hào Lục Tam ở quẻ dưới gần nhất với phía trên, hiểu rõ nhất mệnh lệnh phía trên. Nhưng hào Lục Tam cảm thấy mình cùng phe với hào Lục Tứ, lại có thể thừa ở trên hào Sơ Cửu và hào Cửu Nhị, cho nên không tiết chế, tùy ý mà làm. Kết quả, bị trừng phạt, ngồi đó thở dài. Lúc này, nếu có thể biết sai hối cải, thì vô cữu.

Tất nhiên, vô cữu ở đây không nhất định giải thích là không có di chứng. Cũng có thể nói như vậy, tuy rằng hào Lục Tam đang thở dài, đang oán trách người khác, nhưng lại là không thể quy cữu, bởi vì đây là hào Lục Tam tự làm tự chịu. Cho nên, ý nghĩa của "vô cữu" là có tính đàn hồi, phải tùy tình hình mà định.

Tiểu Tượng nói: “Bất tiết chi ta, hựu thùy cữu dã”.

Tự mình buông thả mình, không tiết chế, cuối cùng bị phạt, mới ngồi đó thở dài, đây có thể trách ai? "Hựu thùy cữu dã", chính là tự mình gây ra tự mình chịu, không thể trách người khác.

> Quẻ Tiết là yêu cầu người ta tiết chế, chỉ có tiết chế hợp lý, mới có thể mang đến kết quả tốt. Như người không biết tiết chế ở hào Lục Tam, cuối cùng cũng chỉ có thể tự làm tự chịu; mà như hào Cửu Nhị tiết chế quá mức, không những sẽ đánh mất thời cơ, còn có thể sẽ đối mặt với tình cảnh hung hiểm. Vậy thì, tiết chế như thế nào mới là tiết chế hợp lý mà quẻ Tiết tán dương? Mà tiết chế hợp lý rốt cuộc sẽ tạo ra những kết quả tốt nào?

Hào từ hào Lục Tứ (hình 136-4) nói: “An tiết, hanh.”

(Vui vẻ tự tiết chế (không miễn cưỡng) hanh thông.)



图136–4

"An tiết", biểu thị nhân dân rất an nhiên tiếp nhận chính sách mới để tiết chế bản thân, và cảm thấy rất hợp lý, vui lòng phối hợp. Như vậy xã hội mới có trật tự, mới tiến bộ, mọi người cũng mới có thể sống tốt hơn, tất nhiên hanh thông.

Hào Lục Tứ đắc chính, phía trên nó là hào Cửu Ngũ, tức dùng nhu thuận cương, cho nên hào Lục Tứ có thể phát huy tính cách nhu thuận của mình. Thành thật mà nói, nếu mệnh lệnh của chính phủ hợp lý, nhân dân tự nhiên sẽ an nhiên tiếp nhận, nếu không thì là dân đảng, là phần tử bất lương quấy rối xã hội, chính phủ đối với loại người này cũng không cần khách khí.

Tiểu Tượng nói: “An tiết chi hanh, thừa thượng đạo dã”

Hào Lục Tứ an nhiên mà hanh thông, chính là bởi vì nó rất muốn tiếp nhận sự tiết chế của hào Cửu Ngũ phía trên đối với mình. Điều này nói với chúng ta, càng là người chủ trì mệnh lệnh, càng là người thi hành chính lệnh, càng phải lấy thân làm gương. Hào Lục Tứ đối với hào Cửu Ngũ mà nói là người gần gũi nhất, cho nên hào Lục Tứ trước tiên an nhiên tiếp nhận, hào Cửu Ngũ sẽ cam tiết.

Hào từ của hào Cửu Ngũ (hình 136-5) cũng rất đơn giản: “Cam tiết, cát. Vãng hữu thượng.”

(Tiết chế mà vui vẻ (cho là ngon ngọt) thì tốt. Cứ thế mà tiến hành thì được người ta trọng, khen.)

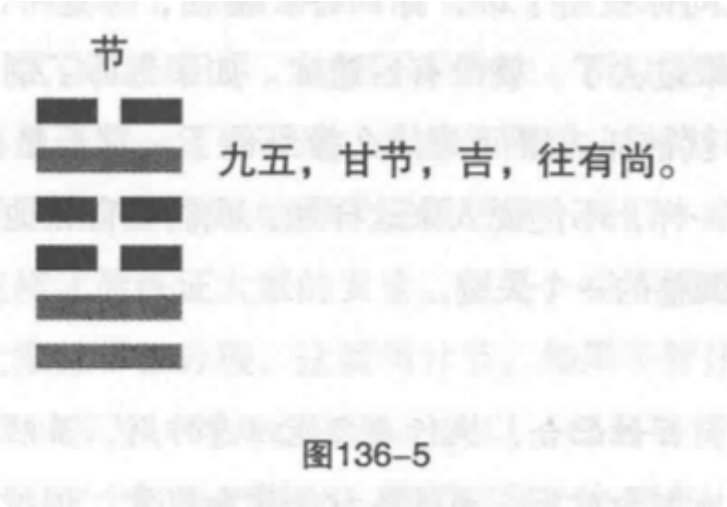


图136–5

"Cam tiết" có ý nghĩa gì? Hào Cửu Ngũ dương cư dương vị (hào dương ở vị trí dương), lại ở hào giữa của quẻ trên, bản thân rất đắc chính, cho nên nhân dân cam tâm tình nguyện nghe theo mệnh lệnh của hào Cửu Ngũ để tiết chế bản thân, bởi vì họ cho rằng yêu cầu của hào Cửu Ngũ rất hợp lý.

"Vãng hữu thượng": "Vãng", có ý là hành động; "Hữu thượng", đáng để mọi người sùng thượng. Chính phủ thi hành một chính lệnh tốt, nhân dân toàn lực ủng hộ, toàn lực phối hợp, cho rằng chính lệnh này quá tốt, tranh nhau sùng thượng. Thành thật mà nói, chính lệnh tốt của một triều đại nào đó, đạt được sự ủng hộ của mọi người, người đời sau cũng không nỡ từ bỏ, đều muốn bắt chước. Việc này cũng là thường thấy.

Tiểu Tượng nói: “Cam tiết chi cát, cư vị trung dã”.

"Cư vị trung", nói theo cách nói bây giờ chính là nắm bắt được điểm hợp lý, không thái quá không bất cập, cương nhưng không mất trung, thi chính không có việc gì là không hợp lý, đây là rất lợi hại. Vì vậy, không những chính phủ rất vui vẻ, toàn dân đều cảm thấy nhận được đức chính của chính phủ, vui vẻ chấp nhận.

Người hiện đại chúng ta động một tí là làm những cuộc điều tra "mức độ thỏa mãn", "chỉ số hạnh phúc", đây chẳng phải là tự tìm phiền phức sao? Có người nói người nước ngoài toàn làm như vậy, họ làm thế nào là chuyện của họ, chúng ta không thể người ta làm gì mình cũng đi theo làm chứ? Đây là việc rất vô vị.

Lấy một ví dụ. Cùng là bầu cử, đối với người nước ngoài, bạn có thể ở bên ngoài điểm bỏ phiếu hỏi anh ta bầu cho ai, anh ta cũng sẽ nói cho bạn biết sẽ bầu phiếu cho ai. Đây gọi là điều tra dân ý. Chúng ta người Trung Quốc làm được không? Bạn đi hỏi người đi bầu cử đã bầu cho ai, anh ta có nói thật không? Rất nhiều việc không thể chỉ nhìn bề ngoài.

Chúng ta thực sự nên học tập Kinh Dịch cho tốt, bởi vì nó bao hàm tất cả trí tuệ của cuộc đời. Bạn tham gia bỏ phiếu, người khác hỏi bạn bầu cho ai, bạn trả lời: “Trời ơi, anh hỏi câu này, tôi có vẻ như bầu sai rồi”. Như vậy qua loa cho xong, sẽ không có di chứng. Nếu nói cho người khác biết bạn bầu cho ai, không chừng

chưa đi mấy bước đã bị bắt đi thẩm vấn tại sao bầu cho người đó. Đây chẳng phải là tự tìm phiền phức sao? Cho nên, dân tình quốc tình không giống nhau, không thể nói người ta làm như vậy, chúng ta cũng mù quáng học theo người ta, đây là điểm chúng ta hiện nay cần điều chỉnh.

> Chính phủ hành đức chính, bách tính phối hợp, người thi hành lại có thể lấy thân làm gương, tuy là bị tiết chế, nhưng bách tính vẫn cam tâm tình nguyện phối hợp chính phủ, thông qua các loại luật pháp quy chương, điều khiển hành vi của mình, từ đó thực hiện "cam tiết". Vậy thì, lúc này hào Thượng Lục của quẻ Tiết còn có thể phát huy tác dụng gì? Tại sao lại không thể thiếu nó?

Hào từ hào Thượng Lục (hình 136-6) nói: “Khổ tiết, trinh hung. Hối vong.”

(Tiết chế mà tới mức cực khổ, nếu cứ giữ mãi (trinh) thôi đó thì xấu. Nếu biết hối hận, bớt thái quá đi thì hết xấu.)

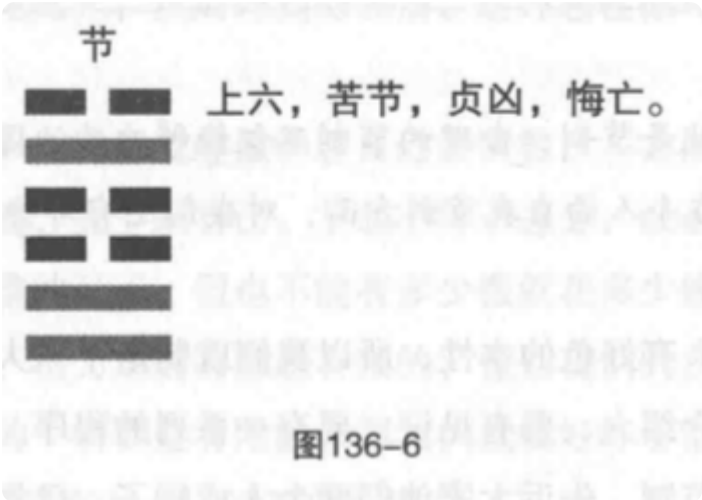


图136-6

"Khổ tiết", hào Thượng Lục ở cực vị cực đoan của quẻ Tiết, nói với chúng ta tiết chế quá mức, tất nhiên là "khổ tiết". "Trinh hung", càng kiên trì, càng tệ, càng thực thi, càng xui xẻo, đây gọi là trinh hung. "Hối vong", nếu đem khổ tiết đặt trên người mình, thì không có gì phải hối hận. Hào Thượng Lục ngày càng tự mình thoải mái hơn, lại khắt khe áp chế người khác, như vậy sẽ không lâu dài.

Tiểu Tượng nói rất rõ ràng: “Khổ tiết, trinh hung, kỳ đạo cùng dã”.

Hậu quả của việc làm như vậy, chính là căn bản không thông. Mệnh lệnh không có tác dụng, chế độ cũng không thực hiện được, tuy có chính phủ nhưng giống như không có chính phủ, thực có thể nói là “thân đạo cùng, chí đạo cùng, tiết đạo cũng cùng” (thân thể/bản thân đã cùng cực, ý chí đã cùng cực, khí tiết cũng đã cùng cực, gặp hoàn cảnh khó khăn tột cùng), đây là một kết cục rất bất hạnh.

Hào Thượng Lục là tổng kết của toàn quẻ, ý của nó là nhắc nhở chúng ta: Tiết chế quá lỏng, sẽ hỏng kỷ cương loạn pháp; tiết chế quá nghiêm, sẽ cùng chung mạt vận, đều không phải cách. Cho nên phải thường

xuyên tu chính pháp lệnh, điều chỉnh sách lược. Ví dụ đường cao tốc nhất định phải hạn chế tốc độ, đặc biệt là khúc cua, đường giao nhau càng quan trọng, nếu không xảy ra tai nạn xe cộ là rất cao. Biển báo hạn chế tốc độ phải rất rõ ràng, chúng ta nhất định phải tuân thủ, vi phạm nhất định phải phạt, như vậy mới có thể bảo đảm an toàn của mọi người. Nhưng ở các đoạn khác nhau, hạn tốc phải có tiêu chuẩn khác nhau, mọi người cảm thấy rất hợp lý, đây gọi là cam tiết. Nếu không quan tâm tình hình, đều hạn chế tốc độ 30 km/giờ, đó gọi là "khổ tiết", tuyệt đối không thông. Cho nên, bất kỳ việc gì đều phải có sự tiết chế thích đáng, hợp lý, cái độ này phải nắm cho tốt. Nắm bắt được điểm hợp lý đó, mọi người sẽ ủng hộ; không nắm bắt được điểm hợp lý đó, mọi người sẽ cố ý vô tình vi phạm. Đạo lý chính là như vậy.

> Cốt lõi của quẻ Tiết chính là tiết chế, tiết chế hợp lý không những có thể để trị quốc, mà còn có thể tu thân tề gia. Vậy thì, quẻ Tiết trong phương diện tự tiết chế của cá nhân, còn có những gợi ý gì cho chúng ta?

Chúng ta đều biết con người có bản tính ham sắc, cho nên chúng ta mới quy định "đại hôn chi định", kết hôn phải rất long trọng, phải có người mai mối, phải có người chứng kiến, phải có một loạt nghi thức. Thực ra, ý nghĩa chân chính của kết hôn chính là một sự tiết chế, nói cho mọi người biết họ hai người kết hôn rồi, đã là có vợ có chồng, không những họ tự mình phải tiết chế, những người khác cũng phải tiết chế, không thể thấy cô dâu rất đẹp là động tà tâm. Nếu không, gây ra hậu quả không tốt, chỉ có thể tự làm tự chịu.

Lấy một ví dụ. Lâm Xung thời đó là người chính trực biết bao, cuối cùng bị bức lên Lương Sơn, chính là vì vợ của anh ta bị con trai của Cao Cầu để ý. Mà vị Cao Gia Nhi này không biết tiết chế, sau đó làm cho một đống hỗn loạn. Cho nên, mỗi người đều phải tự mình làm tốt sự tiết chế hợp lý, sau đó yêu cầu người khác làm tốt sự hạn chế hợp lý, lẫn nhau an ổn không có việc gì, hòa hợp ở chung. Như vậy mới có thể thực hiện chính thông dân hòa.

Người muốn sinh tồn thì phải có giới hạn thấp nhất, không thể ngay cả chi phí cơ bản cũng không thỏa mãn được. Trẻ con bây giờ, nếu cha mẹ không cho chúng gì cả, chúng sẽ ra ngoài giả vờ đáng thương, xin người khác, hoặc ăn trộm. Điều này cho thấy cha mẹ không làm tròn trách nhiệm. Nhưng có một điểm, nếu anh là lãnh đạo, anh khắc khổ hơn cấp dưới, điều này là được. "Khổ tiết bất khả trinh", bản thân là có hạn chế, yêu cầu bản thân nhiều một chút, yêu cầu người khác ít một chút, vẫn có thể hanh thông. Nhưng ngược lại, bản thân thả lỏng, lại yêu cầu người khác tiết kiệm, đó mới thực sự là "khổ tiết bất khả trinh".

Chúng ta đi ăn cơm, gọi món vừa phải, không xa xỉ, không lãng phí, không phô trương, nếu gọi nhiều quá ăn không hết, đóng hộp mang về nhà, đây là mỹ đức, một chút không mất mặt. Tôi từng hỏi người phục vụ: "Như chúng tôi, gọi không nhiều, ăn không hết còn mang đi, anh cảm thấy thế nào?" Người phục vụ nói: "Như vậy tốt nhất, chúng tôi cũng tiết kiệm việc, xử lý mấy thứ đó cũng đủ phiền rồi." Cho nên, mọi người hợp lý tiết chế, ai ai cũng vui vẻ.

Tất nhiên, tiết chế không phải đơn giản như vậy, mệnh lệnh của chính phủ, phải khiến mọi người đều có thể cam tâm tình nguyện, nói dễ nghe không? Huống hồ nhân dân căn bản không hiểu mệnh lệnh của chính phủ tốt hay xấu, họ không có gì để đánh giá, vì vậy rất dễ sinh ra nghi ngờ. Như vậy vốn dĩ là ý tốt, mọi người cũng phản ứng dữ dội, nói ra rất nhiều lời không hay nghe. Cho nên, chính phủ muốn tiết chế, phải có thành tín, để nhân dân tin tưởng. Mà không thể lần này thành tín, lần sau không thành tín, đối với những người này thành tín, đối với những người kia không thành tín, điều này đều không được. Chính phủ nhất định phải rộng thực thi thành tín, cho nên quẻ tiếp theo cũng rất quan trọng, gọi là quẻ Trung Phu. Tiếp theo, chúng ta hãy nói làm thế nào mới có thể: Rộng ban lòng thành tín.

Chương 137: Quẻ 61: Phong Trạch Trung Phu - Rộng ban lòng thành tín

> "Thành là đạo của trời; thành tín là đạo của người." Thành tín là nguyên tắc cơ bản của vũ trụ, thực hành thành tín là gốc của việc làm người và xử thế. Đối với việc quản lý gia đình, kết bạn, kinh doanh cho đến việc cai trị, thành tín đều là một đức tính không thể thiếu. Tuy nhiên trong xã hội hiện nay, hiện tượng mất lòng tin rất nghiêm trọng, đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và làm rối loạn trật tự cuộc sống. Tại sao mọi người không muốn thực hành thành tín nữa? Giữ vững thành tín khó khăn đến mức nào? Về điều này, quẻ Trung Phu trong Kinh Dịch chuyên phân tích về thành tín, có cách nhìn như thế nào?

Tự Quái Truyện nói: "Tiết nhi tín chi, cố thụ chi dĩ Trung Phu" (Tiết chế mà có được lòng tin, nên tiếp nhận bằng quẻ Trung Phu). Muốn tiết chế, nhất định phải làm cho người ta tin tưởng vào bạn, người ta mới sẵn lòng chấp nhận sự tiết chế của bạn. Ngược lại mà nói, bản thân biết tiết chế thì có thể thành tín với người, đây là hai mặt của một vấn đề. Vì thế sau quẻ Tiết, Kinh Dịch sắp xếp một quẻ rất quan trọng gọi là quẻ Trung Phu. "Trung Phu" có nghĩa là bất kể lập thân hay xử sự, đều phải có lòng thành tín, rộng ban lòng nhân, không được có tâm bất thành, giả dối. Tất nhiên những lời này, người hiện đại hầu như ai cũng biết, nhưng không dễ thực hành. Sau khi chúng ta hiểu rõ quẻ này, tự nhiên sẽ tự điều chỉnh.

Tạp Quái Truyện nói: "Trung Phu, tín dã" (Trung Phu là thành tín). Có một số người nghiên cứu Kinh Dịch nói rằng, trong Kinh Dịch, phàm là xuất hiện chữ "phu" thực ra đều có nghĩa là tù binh, khi đó các nước thường đánh nhau, bắt tù binh về, nghe qua có vẻ không giống, nhưng mọi người có phát hiện ra chữ "俘" (phù - tù binh) và chữ "孚" (phu) trong Trung Phu, chỉ khác nhau một chữ "nhân" mà thôi? Điều này nói cho chúng ta biết, một người có thực sự thành tín hay không, bình thường nói thì rất dễ, nhưng thực sự không dễ nhìn ra. Nhưng một khi bị bắt làm tù binh, mới thực sự thấy được người này có thành tín hay không. Bình thường nói nghe hay lắm, nhưng một khi bị bắt làm tù binh, những lời nói hoàn toàn trái ngược, những ví dụ như vậy trong lịch sử không hiếm. Vì vậy, đúng sai không phải chỉ nói suông là được. Một người thành tín phải liên kết với quẻ Khiêm. Chỉ có khiêm tốn để hiểu rõ các tình huống, mới có cách làm được thực sự thành tín.

> Người ta thường dùng những từ như "ngôn tất tín, hành tất quả" (lời nói phải đáng tin, việc làm phải có kết quả), "nhất ngôn cửu đỉnh" (một lời nặng như chín cái đỉnh) để mô tả người thành tín, và cũng cho rằng người đối xử chân thành, làm việc thật thà là người giữ thành tín. Tuy nhiên, thành tín được coi là "gốc của việc làm người và xử thế", có thực sự dễ làm được không? Thế nào mới là thành tín thực sự?

Chúng ta hãy xem Thoán từ của quẻ Trung Phu (Hình 137-1): “Đồn ngư cát, lợi thiệp đại xuyên, lợi trinh.”

(trong lòng có đức tin tới cảm được heo và cá, tốt như vậy thì lội qua sông lớn được, giữ đạo chính thì lợi.)



图137-1

"Trung Phu": "Trung" có thể giải thích là hợp lý, "Phu" chính là thành tín. Điều này cho chúng ta biết, thành tín không phải như chúng ta thường tưởng tượng là chỉ cần làm người thành thật, làm việc đàng hoàng là được. Làm người giữ chữ tín, làm việc thực tế chắc chắn không sai, nhưng từ lâu, chính những quan niệm tuyệt đối hóa này đã gây hại không nhỏ. Vì vậy, thành tín hợp lý mới gọi là Trung Phu.

"Đồn ngư cát": "Đồn" là lợn con, "ngư" là cá nhỏ. Lợn con và cá nhỏ đều là những con vật cứ động đậy, rất khó thuần phục. Mọi người có phát hiện ra không, vật càng nhỏ thì càng hay động, nhìn chính bản thân chúng ta là biết. Trẻ con ngồi không yên, cứ động đậy hoài, người lớn thì không, họp một hai tiếng đồng hồ vẫn không cử động, trẻ con tuyệt đối không làm được. Cho nên phàm là cứ động không ngừng, tức là không kiểm soát được bản thân, tiết chế không tốt. Nhưng tại sao lại "cát" (tốt)? Ý nói nếu thành tín một cách hợp lý, sẽ làm cho những người hoàn toàn không có cảm ứng, cứng đầu cứng cổ, cũng có thể có cảm ứng. Do đó có thể hóa giải được khó khăn lớn, nên gọi là "lợi thiệp đại xuyên" (lợi về việc vượt sông lớn).

Tin rằng mọi người đều có kinh nghiệm này, đối với người phản ứng nhạy bén, chúng ta thành tín với họ, họ lập tức có thể cảm nhận được; còn đối với một số người phản ứng không nhạy bén, dường như chúng ta đối xử tốt với họ, họ cũng không có cảm ứng. Lúc này phải suy nghĩ xem, lợn con và cá nhỏ còn cứng đầu hơn những người mà chúng ta cho rằng không có cảm ứng này nhiều, vậy có phải là khả năng cảm ứng của chính chúng ta vẫn còn thiếu sót? Vì vậy, Thoán từ nói rất rõ, "lợi trinh", tức là có lợi cho việc giữ vững chính đạo. Không thể vì ta đối xử với họ tốt như vậy, họ lại đối xử với ta thế này, mà ta không còn tốt với họ nữa. Hãy nghĩ xem Khổng Tử đã làm thế nào, bất kỳ ai hỏi vấn đề gì, ông đều không ngại phiền hà mà giải đáp, hơn nữa còn tùy theo trình độ hiểu biết của người đó mà đưa ra câu trả lời khác nhau, đây mới gọi là Trung Phu.

> Thành tín thực sự quý ở chỗ phù hợp với chính lý, giữ vững chính đạo, là một loại năng lượng tích cực có thể cảm hóa người khác, vậy yếu tố then chốt để có được năng lượng tích cực này là gì? Trong Kinh Dịch, những quẻ có hình tượng dương bao âm như quẻ

> Trung Phu, phần lớn đều nhấn mạnh tầm quan trọng của lý trí, vậy con người nên vận dụng lý trí như thế nào để làm được thực sự thành tín?

Thoán truyện của quẻ Trung Phu nói: "Trung phu. Nhu tại nội nhi cương đắc trung. Duyệt nhi tốn. Phu nãi hóa bang dã. Đồn ngư cát. Tín cập đồn ngư dã. Lợi thiệp đại xuyên. Thừa mộc chu hư dã. Trung Phu dĩ lợi trinh. Nãi ứng hồ thiên dã."

Mọi người có thể thấy, quẻ này dường như chỉ cần một nửa là đủ, nửa còn lại đúng là phản chiếu của nó, điều này thể hiện sự phản ánh thực tế, không chút giả dối, không chút thay đổi, như vậy mới gọi là Trung Phu. "Nhu tại nội nhi cương đắc trung": "Nhu" chỉ hai hào âm là hào lục tam và hào lục tứ, chúng ở bên trong toàn quẻ; "Cương" chỉ hào cửu ngũ và hào cửu nhị, bởi vì hào giữa của cả hai quẻ trên dưới đều là hào dương cương. Vì vậy, toàn bộ quẻ Trung Phu là quẻ dương bao âm, điều này cho chúng ta biết, nội tâm phải rất nhu, nhưng bên ngoài phải cương, không thể cùng với nội tâm đều nhu nhược, khiến người ta cảm thấy thiếu kiên định. Cương và nhu phải được phối hợp một cách hợp lý, chứ không phải cho rằng mình là người tốt, người khác nói gì cũng nghe, cũng tin, thì đó không phải là Trung Phu.

"Duyệt nhi tốn", "duyệt" 说 thông với “vui” 悦. Quẻ Trung Phu (Hình 137-2) nội quái là Đoài, tức là vui; ngoại quái là Tốn là gió, biểu thị thuận.



图137–2

Phải rất vui vẻ mà thuận theo, mới thể hiện sức mạnh của Trung Phu là đủ lớn. "Phu nãi hóa bang dã": "Phu" là thành tín; "hóa bang" là cả nước đều được cảm hóa. Một người nội nhu ngoại cương, khiến mọi người rất vui vẻ. Vui vẻ không phải là cười đùa, một tổ chức mà chỉ biết cười đùa thì vĩnh viễn không có tương lai. Vì vậy nhiều ông chủ nói với tôi rằng họ có quan hệ rất tốt với các cán bộ của mình, tôi thấy thật buồn cười. Cả ngày ăn uống vui chơi rất vui vẻ, mỗi tháng tăng lương là vui vẻ nhất, nhưng trong lòng họ có thực sự thuận theo bạn không? Kiểu lãnh đạo như vậy là có vấn đề.

"Đồn ngư cát" cho chúng ta biết thành tín phải "tín cập đồn ngư dã" (lòng tin thành thật đến nỗi có thể cảm động cả cá và lợn). Phải khiến cho những người dân cứng đầu đều được cảm hóa. "Lợi thiệp đại xuyên, thừa mộc chu hư dã", "mộc chu" là thuyền làm bằng gỗ. Chúng ta nhìn hình tượng quẻ Trung Phu, hai hào trống ở giữa, giống như giữa được khoét rỗng, bây giờ chúng ta gọi là thuyền độc mộc. Thuyền độc mộc sở dĩ có thể chở người, chính là vì nó rỗng ở giữa. Nếu là một khúc gỗ tròn, ai dám ngồi? Lập tức sẽ lật xuống nước. "Trung phu dĩ lợi trinh", ý nói muốn cho người ta tin tưởng một việc có thể làm lâu dài, chứ không phải đột nhiên thay đổi liên tục. Chúng ta dám ngồi thuyền độc mộc, là vì có niềm tin vào nó, biết rằng ngồi trên đó vượt sông lớn là an toàn. "Nãi ứng hồ thiên dã", đây chính là thuận ứng với thiên lý.

Dân tộc Trung Hoa chúng ta đặc biệt tin vào trời, từ lâu đã biết trời không lừa dối chúng ta. Chúng ta đều có cảm giác rất không tin tưởng người khác, cho rằng hầu như tất cả mọi người đều sẽ lừa dối chúng ta, chỉ là sớm hay muộn, bởi vì người sẽ luôn thay đổi. Còn trời thì sao? Mỗi năm đều là xuân hạ thu đông, mỗi ngày đều có mặt trời mặt trăng, chưa bao giờ thay đổi. Vì vậy, con người muốn thay đổi, nhất định phải có một nguyên tắc cơ bản không đổi, giống như bầu trời vậy. Dù đông năm nay có thể đặc biệt lạnh, mùa hè mưa nhiều hơn, nhưng nguyên tắc cơ bản không thay đổi. Nếu không, ngay cả trật tự lớn của xuân hạ thu đông cũng thay đổi, người ta cũng sẽ không tin vào trời nữa.

Khổng Tử nói: "Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên". Trời không nói lời nào, bốn mùa vẫn vận hành như thường, vạn vật vẫn sinh trưởng như thường. Trời rất công chính, không đi áp chế ai, cũng không riêng phạt ai, nên chúng ta có niềm tin vào trời. Cùng một đạo lý, thành tín của con người, phải hướng đến mọi người, chứ không phải hướng đến một người nào đó.

> Một người muốn làm được thực sự thành tín, phải kiên trì nguyên tắc và đối xử công bằng với mọi người. Tuy nhiên đối với một xã hội, nền tảng của thành tín là gì? Về điều này, Đại tượng truyện của quẻ Trung Phu lại giải thích như thế nào?

Đại tượng truyện nói: "Trạch thượng hữu phong, Trung Phu. Quân tử dĩ nghị ngục hoãn tử"

(Trên đầm có gió, là quẻ Trung Phu. Người quân tử thấy vậy nên bàn xét việc ngục để hoãn án tử).

Chúng ta nhìn hình tượng quẻ Trung Phu (Hình 137-2), dưới là đầm, trên là gió. Gió thổi qua đầm, rất đều đặn, rất chu đáo, không phải chỉ thổi góc này, không thổi góc kia. Gió đến cảm động nước, nước cảm nhận được, rất vui vẻ mà tạo sóng theo gió. Trong đó hoàn toàn không có thành phần nhân tạo, thuần túy tự nhiên, rất công chính, tình trạng như vậy mới gọi là Trung Phu.



图137-2

Người quân tử nhìn thấy cảnh tượng này, ngộ ra một đạo lý, đạo lý này đến nay vẫn còn có tác dụng, đó là "dĩ nghị ngục hoãn tử". "Hoãn tử" không phải là bãi bỏ án tử hình. Hiện nay có nhiều người chủ trương bãi bỏ án tử hình, thực ra điều này không chính xác, chúng ta có thể không thi hành án tử hình, nhưng không thể bãi bỏ án tử hình. Bởi vì chỉ cần chính phủ tuyên bố bãi bỏ án tử hình, sẽ có nhiều người liều mạng, dù sao không có án tử hình, còn sợ gì nữa? Như vậy chẳng phải tự mình tìm phiền phức sao? Vì vậy, nhiều người cho rằng mình là dựa theo lương tâm, là vì mọi người mà suy nghĩ, nói một đống đạo lý, thực tế là không hiểu bản chất con người. Nhất định phải có một thứ gì đó để kiềm chế bản tính con người, chỉ và tiết là như vậy. Ham muốn của con người là vô hạn, không có tiết chế, hậu quả không thể tưởng tượng được. Vì vậy, không thể bãi bỏ án tử hình, nhưng có thể sau khi tuyên án tử hình, không thi hành ngay, mà hoãn lại một thời gian, hoãn một thời gian tức là nói có thể còn thay đổi.

"Nghị ngục" tức là phải thẩm nghị. Người trong ngục, nên chịu hình phạt gì, phải qua thẩm nghị, chứ không phải giam họ ở đó mà không quan tâm gì. Khi xét xử người ta, thường trước tiên phán họ không chết, thực sự không còn cách nào thì phán họ chết cũng được, nhưng không thể thi hành ngay, bởi vì làm như vậy, nếu oan chết người thì không thể cứu vãn được. Tất nhiên, chúng ta không thể buông thả những tù nhân đáng chết, nếu không sẽ không công bằng với nạn nhân, không có thành tín.

Quẻ Trung Phu nói về chữ "tín", nhưng tên quẻ không dùng chữ "tín", có thể thấy chữ "tín" không thể thể hiện hoàn toàn ý nghĩa của cả quẻ. Toàn bộ hình tượng quẻ Trung Phu chính là hai hào âm nhu ở chính giữa. Điều này cho chúng ta biết, "thành" tồn tại trong tâm, chứ không phải trên miệng. Vì vậy, người Trung Quốc luôn nghi ngờ lời nói của một người có đáng tin cậy hay không, là có lý do. Bởi vì chúng ta chỉ nghe được lời nói từ miệng họ, mà không nhìn thấy được sự thành thật trong lòng họ. Cả hai quẻ trên dưới đều lấy hào dương làm vị trí giữa, thể hiện tinh thành có thể thấu đá. Ý nói nếu không phải là rất thành tâm, chỉ có thể cảm hóa được số ít người, chứ không thể khiến đa số người tin phục.

Trong Pháp gia, có một nhân vật rất quan trọng là Thương Ưởng. Thương Ưởng để thể hiện mình ra lệnh phải thi hành, đã đặt một cây cột gỗ ở đó và công khai tuyên bố: ai đem cây cột này từ điểm A đến điểm B

sẽ được thưởng lớn. Mọi người đều cảm thấy đây là đang đùa, một cây cột gỗ nhẹ nhàng di chuyển một chút là được tiền, thiên hạ làm gì có chuyện như vậy? Vì vậy nhiều người không tin. Nhưng Thương Ưởng để thể hiện quyết tâm của mình, chỉ cần có người di chuyển, ông thực sự cho tiền. Mọi người nghĩ làm như vậy có đúng không? Tất nhiên là không đúng.

Chúng ta thường nói một câu "trọng thưởng chi hạ, tất hữu dũng phu" (phần thưởng lớn, ắt có người dám làm), và luôn cho rằng đây là cách hay. Thực ra xuất phát điểm đã sai, bởi vì đây là khuyến khích người khác nảy sinh lòng tham. Làm gì có chuyện dễ dàng như vậy mà được một trăm đồng? Nếu như vậy, có nghĩa là một số người có thể chờ đợi những việc không cần lao động mà vẫn có được, thậm chí rất dễ dàng kiếm được tiền, động cơ cơ bản như vậy đã sai. Thương Ưởng cuối cùng chết thảm như vậy, thực sự nên tự kiểm điểm. Một người, bản thân nhất định phải trung hư, nhất định phải không có quan hệ lợi hại, mới gọi là thành tín.

> Cách làm của Thương Ưởng chỉ chạy theo hình thức, không chú trọng đến nội tâm, là trái ngược với yêu cầu thực sự của thành tín. Thực ra, mặc dù xã hội hiện đại không ngừng đề xướng thành tín, nhưng có nhiều người giống như Thương Ưởng, thường xuyên hiểu sai về thành tín. Vậy xã hội hiện đại đối với thành tín có những hiểu lầm gì? Và nên đề xướng thành tín một cách đúng đắn như thế nào?

Hiện nay nhiều trẻ em, tương lai rất đáng thương, tại sao nói vậy? Hiện nay nhiều tin tức đều đưa tin, một đứa trẻ chỉ trong năm phút đã bị lừa. Chỉ một câu "bố con ở ngoài kia, chúng ta đi tìm bố" là nó đã tin. Làm cha mẹ, rốt cuộc là bảo con phải tin tưởng, hay bảo con đừng tin tưởng, đây là việc rất khó. Nếu bảo nó đừng tin tưởng, nó sẽ nghi ngờ cả cha mẹ; nếu bảo nó phải tin tưởng, trẻ sẽ rất dễ bị lừa. Chúng ta thường nói, lần đầu bị lừa là xui xẻo, nhưng bị lừa hai lần thì là ngu ngốc.

Như vậy mọi người mới biết, **tại sao người Trung Quốc từ xưa không bao giờ thông cảm với người bị lừa**. Người nước ngoài thông cảm với người bị lừa, cảm thấy một người bị lừa thật đáng thương. Vì vậy truyền hình nước ngoài có thể mời những người bị thiệt hại, bị lừa đến làm nhân chứng, sau đó mọi người đều rất thông cảm với họ. Người Trung Quốc ngàn vạn lần đừng làm việc như vậy, bởi vì đó chính là tổn thương lần thứ hai. Chúng ta xem trên truyền hình có người khóc lóc kể lể mình bị lừa như thế nào, bị xui xẻo ra sao, đều cảm thấy rất buồn cười, cảm thấy họ sao mà ngốc thế, ngay cả chuyện này mà cũng bị lừa, thật đáng đời. Đây là một điểm rất thú vị của người Trung Quốc. Chúng ta dùng điều này để **nhắc nhở bản thân đừng bị lừa, nếu bị lừa thì ghi nhớ trong lòng là được, cũng không cần nói ra.** Làm như vậy không phải là hại người, mà là giúp người. Bởi vì người nước ngoài sau khi tiết lộ toàn bộ chi tiết, mọi người sẽ cảm thấy lừa đảo kiểu này sớm muộn sẽ bị phát hiện. Còn người Trung Quốc suy nghĩ hoàn toàn ngược lại, người Trung Quốc nói trò lừa đảo này sở dĩ bây giờ bị vạch trần, là vì chỗ này không cẩn thận, hoặc chỗ kia có sơ hở, sau đó bịt hai chỗ này lại rồi tiếp tục lừa, hoàn toàn là hiệu quả ngược lại.

Tôi thường cảm thấy, người không hiểu Kinh Dịch mà muốn bàn luận về xã hội Trung Quốc, thực sự nên cân nhắc công tội. Có nhiều việc, không thể nói thì đừng nói, bởi vì không nói thì người ta không nghĩ tới, một khi nói ra thì hại người. Chúng ta thường nói "gia xấu bất khả ngoại dương" (việc xấu trong nhà không nên phô ra ngoài), bởi vì không ai thông cảm, chính là đạo lý này. Nhấn mạnh thêm một lần nữa, đây không phải là vấn đề ai đúng ai sai, với đúng sai cũng hoàn toàn không liên quan, mà là vấn đề tư duy. Tư duy của người phương Tây là như vậy, còn tư duy của người Trung Quốc là thế này, hai bên không giống nhau. Nếu bạn muốn thay đổi, đó cũng là việc của cá nhân bạn, còn về hậu quả, tự làm tự chịu.

Con người phải giữ thành tín, đặc biệt là hiện nay, mọi người thường không tin tưởng lẫn nhau. Nếu chúng ta có thể rất tự nhiên mà nói mọi người đều rất thành tín, thì hai chữ "thành tín" có thể bỏ đi. Con người sau khi không còn đạo đức, bắt đầu nói nhân nghĩa rất quan trọng; nhân nghĩa không còn nữa, bắt đầu nói lễ trí rất quan trọng; nhân nghĩa lễ trí đều không còn, lại bắt đầu nói phải thành tín. Con người đã đến bước cuối cùng rồi, nếu chúng ta vẫn như hiện nay, dạy trẻ em phải thành tín, rồi sau khi chúng bị thiệt thòi, ắt sẽ bắt đầu nghi ngờ thành tín. Cứ thế này, hiệu quả giáo dục của chúng ta ở đâu?

Vì vậy, chúng ta phải học tập thuyền độc mộc. Thuyền độc mộc là lắc lư, không phải nói người vừa lên, nó có thể đảm bảo an toàn. Tại sao nó phải đảm bảo cho bạn? Bạn tự mình lắc lư, rơi xuống lại đi trách nó, trách nó có ích gì? Điểm tốt của thuyền độc mộc là sau khi tự mình lật, người rơi xuống rồi, nó lại lật trở lại, bản thân không sao. Bạn có tin nó hay không là việc của bạn, nó có thành thật với bạn hay không là việc của nó, bởi vì bản thân thuyền độc mộc với người ngồi trên đó vốn không có quan hệ gì, là người muốn ngồi nó, nó đâu có mời người đến ngồi. Nhưng hiện nay **chúng ta đều hiểu sai về điều này, cứ đòi người khác phải bảo đảm với mình**. Tại sao người khác phải bảo đảm với bạn?

Chúng ta đã trải qua vài lần thiệt thòi, bị lừa vài lần, liền bắt đầu thất vọng, cảm thấy người thành tín đều xui xẻo, người giảng nhân nghĩa đều thiệt thòi, vậy học để làm gì? Chúng ta từ nhỏ đều học nhân nghĩa, nhưng đến cuối cùng đều không dám nhân nghĩa, chính là vì một khi giảng nhân nghĩa là gặp xui xẻo, thực ra là chúng ta không có bản lĩnh làm cho bản thân suốt đời giữ vững niềm tin vào nhân nghĩa. Đó là việc của bạn, không phải việc của người khác. Thành tâm không vọng không dễ dàng, chúng ta thường đều là hư vọng, đều là có vọng niệm, bản thân đã bắt đầu không thành thật.

Vì vậy, quẻ Trung Phu trong thời điểm hiện tại rất có ý nghĩa, mọi người thực sự phải nghiêm túc lĩnh hội, và cẩn thận quan sát sự biến động của sáu hào, mới biết được hóa ra hiểu biết thông thường của chúng ta về thành tín thực sự quá kém. Tiếp theo, chúng ta sẽ nói về: Thành tâm không vọng.

Chương 138: Thành tâm không vọng

> "Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín" được gọi là Ngũ thường của Nho gia, là năm đức tính cơ bản mà con người cần có để phát triển bản thân và thúc đẩy tiến bộ xã hội. Trong khi đó, học giả Chu Đôn Di thời Tống đã từng nói: "Thành tín là gốc của Ngũ thường, là nguồn của trăm hạnh." Đã biết thành tín có ý nghĩa quan trọng như vậy đối với sự tồn tại của loài người, vậy chúng ta nên thực hành thành tín như thế nào? Về điều này, sáu hào của quẻ Trung Phu có những lời khuyên gì?

Một người muốn giữ chữ tín, phải có một điểm khởi đầu. Nếu điểm khởi đầu này sai, thì cả quá trình sau đó sẽ bị lệch lạc. hào Sơ Cửu của quẻ Trung Phu là khởi đầu của việc lập tín, hào từ chỉ có sáu chữ (Hình 138-1): "Ngu cát, hữu tha, bất yên."

(liệu tính cho chắc chắn rồi mới tin thì tốt; có lòng nghĩ khác thì không yên.)

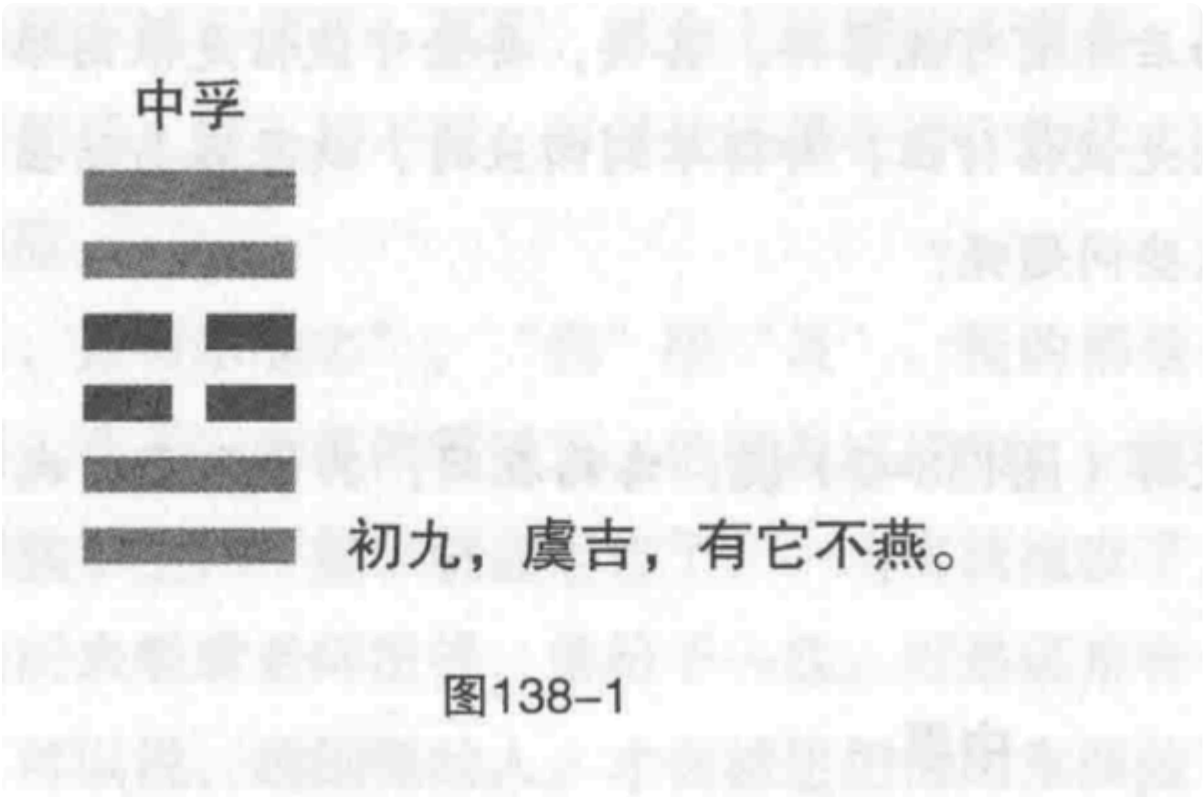


图138–1

"Ngu" 虞 nghĩa là suy nghĩ kỹ càng. Tất nhiên, từ "suy nghĩ" 思考 không thật sự phù hợp, vì "nghĩ" 考 thiếu đi chữ tâm 心, tốt nhất nên dùng "tư lự" 思慮, vì chữ "lự" 慮 mới có tâm 心. Chúng ta thường nói "việc này có nên làm hay không, để tôi suy nghĩ đã", chính là đạo lý này. "Cát" nghĩa là phù hợp với đạo đức thì tốt, không phù hợp với đạo đức mà vẫn tin thì kết quả chắc chắn không tốt. Sau khi đã suy xét kỹ càng, xác định mình sẽ tin tưởng, thì không thể "hữu tha" (có điều khác). "Hữu tha" là không chuyên tâm, còn có những suy nghĩ khác, có những suy nghĩ khác thì "bất yên" (bất an). "Yên" có nghĩa là an. Nói cách khác, đã xác định việc đó có giá trị, đáng để tin tưởng, thì phải tin sâu không nghi, không nên có quá nhiều lý do. Sau khi đã xác định thì phải thực hành, khi thực hành không được xen lẫn những mối quan hệ lợi hại khác.

Người Trung Quốc thường nói, đã hứa với người ta thì dù có bị thiệt thòi hay bị lừa cũng phải làm đến cùng. Nhưng câu nói này có một tiền đề, đó là đừng dễ dàng tin người khác. Chúng ta đứng từ góc độ không tin để tin, đứng từ góc độ không muốn để muốn, đứng từ góc độ không nói để nói, đứng từ góc độ không biết để thể hiện mình biết một số điều, mới là cách làm hợp lý.

Tiểu tượng nói: "Sơ cửu dụ cát, chí vị xuất dã"
(hào Sơ Cửu xét kỹ thì tốt, ý chí chưa phát ra).

hào Sơ Cửu đắc chính, vừa cương vừa minh. Rõ ràng, chúng ta vốn nên tin người khác, nhưng khi lập tín phải thận trọng, bởi người như vậy rất dễ trung thành một cách mù quáng. Vì thế, ngay từ đầu phải phân biệt rõ ràng việc này có giá trị hay không, nếu có giá trị thì dù không có báo đáp cũng phải tin tưởng, đó mới gọi là quân tử.

> Chữ tín là căn bản trong cách đối nhân xử thế, nhưng giữ chữ tín với người cũng có tiền đề, đó là phải phân biệt phải trái, thận trọng từ đầu thì mới có thể kết thúc tốt đẹp. Thực ra, việc giữ vững chữ tín rất khó khăn, sẽ gặp đủ loại cám dỗ, đặc biệt là khi đã giữ chữ tín nhưng không được đáp lại, rất dễ dao động. Vậy mọi người nên đối mặt với những vấn đề này như thế nào?

Hào từ của hào Cửu nhị nói (hình 138-2): “Minh hạc tại âm, kỳ tử hoạ chi; Ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhĩ mĩ chi.”

(Như con hạc mẹ gáy ở bóng râm, con con nó hoạ lại; lại như tôi có chén rượu ngon, tôi cùng anh chia nhau.)

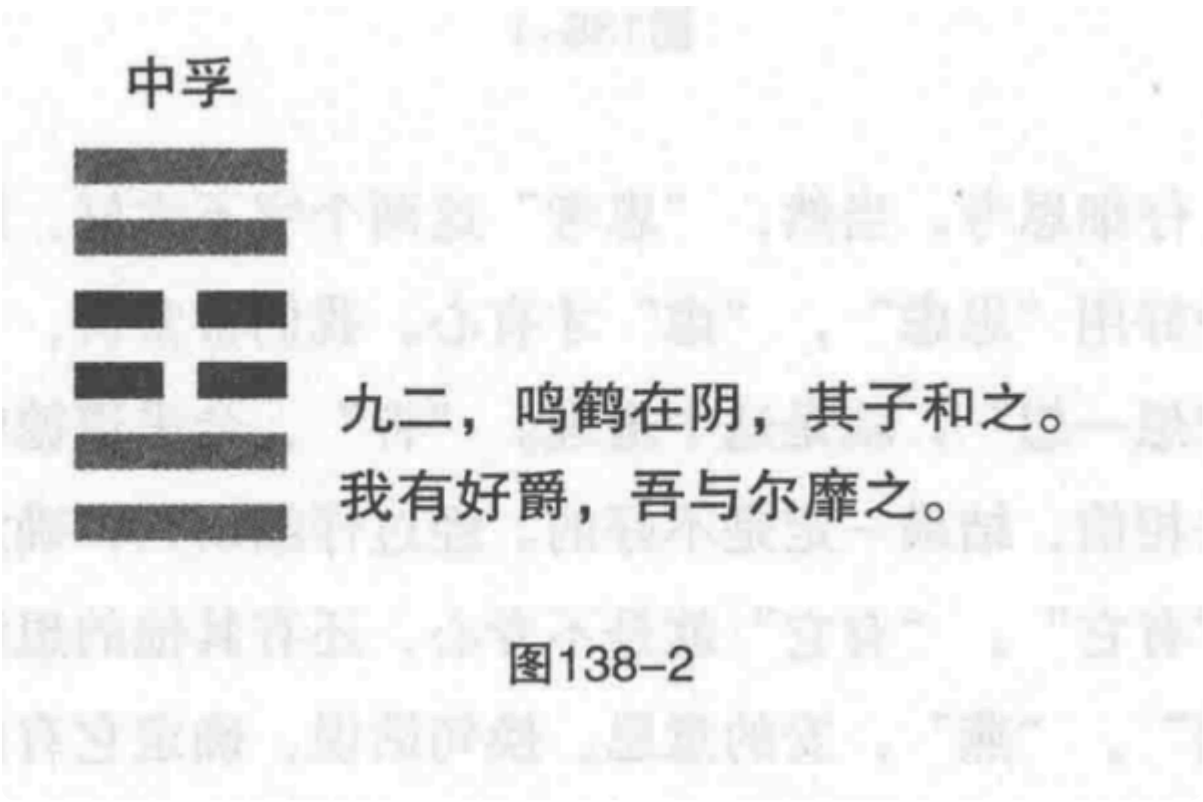


图138–2

"Minh hạc tại âm", tức là hạc kêu ở nơi tối tăm. Tại sao lại "tại âm"? Hào Cửu nhị dương cư âm vị, bản thân ở vị trí âm, phía trên lại có hai hào âm. Nói cách khác, hào Cửu nhị ở vị trí mà người ta không coi trọng, không dễ nhìn thấy, nên giống như hạc kêu ở đó nhưng không ai nghe thấy. Nhưng vẫn có người nghe thấy, đó là "kỳ tử hòa chi", con nó nhất định nghe thấy, đây gọi là cốt nhục tương liên.

"Tử" chỉ hào Sơ Cửu. Ở đây xuất hiện một mối quan hệ rất quan trọng, hào Sơ Cửu và hào Lục tứ tương ứng. Nhiều người vấp ngã ở chỗ này, cho rằng trong triều có người thì có thể làm bừa. Vậy tại sao hào Lục tứ lại có sức hấp dẫn như vậy? Vì nó ở gần hào Cửu ngũ, có tin tức nội bộ, lại có quyền thế có thể kéo hào Sơ Cửu một tay, còn sợ gì nữa? Vì thế, hào Sơ Cửu thường không để ý đến hào Cửu nhị, vì phía trên nó có hào Lục tứ.

Trong cuộc sống thực tế, nhiều người trực tiếp vượt qua cấp trên trực tiếp, rồi đi quan hệ với người thân tín của sếp, chính là đạo lý này. Theo lý thuyết, có hào tương ứng, họ có thể thăng chức cho bạn, có thể giúp đỡ bạn, có thể khiến bạn cảm thấy có can đảm để làm việc, nhưng trong quẻ Trung Phu này, lại nhấn mạnh việc tránh những mối quan hệ tương ứng kiểu này, đây chính là chỗ tinh tế của quẻ. Nói thật, muốn an toàn, hào Sơ Cửu nhất định phải có quan hệ tốt với hào Cửu nhị, không thể trong lòng chỉ có hào Lục tứ; nói cách khác, hào Sơ Cửu phải cắt đứt mối quan hệ tương ứng này với hào Lục tứ, nếu không sẽ không thành thật, không giữ được chữ tín.

Thực ra, trong xã hội có rất nhiều người như vậy, không có vị trí, cấp trên không tin tưởng, nói gì người ta cũng không hỏi không nghe, nhưng họ vẫn cứ nói, tại sao? Vì tự nhiên sẽ có người cùng loại tương ứng.

"Ngã hữu hảo tước, ngô dữ nhĩ mĩ chi", "ngã" và "ngô" đều chỉ trời, trời sẽ cho ta tước vị tốt. Khổng Tử cả đời đều xui xẻo tột cùng, ông chính là như vậy, luôn luôn là "minh hạc tại âm". Những học trò của ông, hễ có khả năng là đi làm quan, hễ làm quan là hỏng, hễ có tiền là bỏ đi, nhiều lắm là về thăm thầy, không có tiền thì cho ít đồ. Nhưng vẫn có một số người kế thừa tư tưởng của Khổng Tử. Có thể nói, người càng xui xẻo, mới càng muốn truyền lại những gì họ có, điều này rất thú vị. Đây gọi là "thiên tước" (tước vị trời cho).

Chúng ta thường nói, đi theo đạo lý, trong nghiệp chính, dù không kiếm được tiền thậm chí thua lỗ, trời cũng sẽ bù đắp ở chỗ khác. Tôi tin nhiều người đều có kinh nghiệm như vậy. Đạo Đức Kinh nói rất rõ: "Thiên địa vô thân, thường dữ thiện nhân". Trời không thiên vị, không đặc biệt chăm sóc ai, nhưng thường hay chăm sóc người thực sự thiện lành, đây chính là "ngô dữ nhĩ mĩ chi". **Trời có những thiên tước vô hình, sẽ cho bạn, người khác không thấy được, bản thân cũng chưa chắc cảm nhận được.** Qua các triều đại, thực ra người có cống hiến nhiều nhất chính là hào Cửu nhị, tuy bất chính, không có vị trí trong xã hội, nhưng cần làm gì vẫn thực sự làm đến nơi đến chốn, hoàn toàn xuất phát từ tâm thành bên trong, không cầu báo đáp, danh lợi không liên quan, cũng không sao cả.

> Chữ tín cần phát xuất từ nội tâm, trong phải chân thành thì ngoài mới giữ được chữ tín với người, vì thế người thực sự giữ chữ tín, bất kể người khác đáp lại thế nào, đều sẽ kiên trì giữ vững. Tuy nhiên không phải ai cũng có thể thực sự giữ được chữ tín, vậy người thiếu chữ tín sẽ gặp những vấn đề gì? Mọi người nên ứng xử thế nào với người không giữ chữ tín?

Hào từ của hào Lục tam khá phức tạp (hình 138-3): "Đắc dịch, hoặc cổ, hoặc bãi, hoặc khấp, hoặc ca."

(gặp được bạn (địch) lúc thì đánh trống vui múa, lúc thì chán nản mà ngừng, lúc thì khóc, lúc thì hát.)

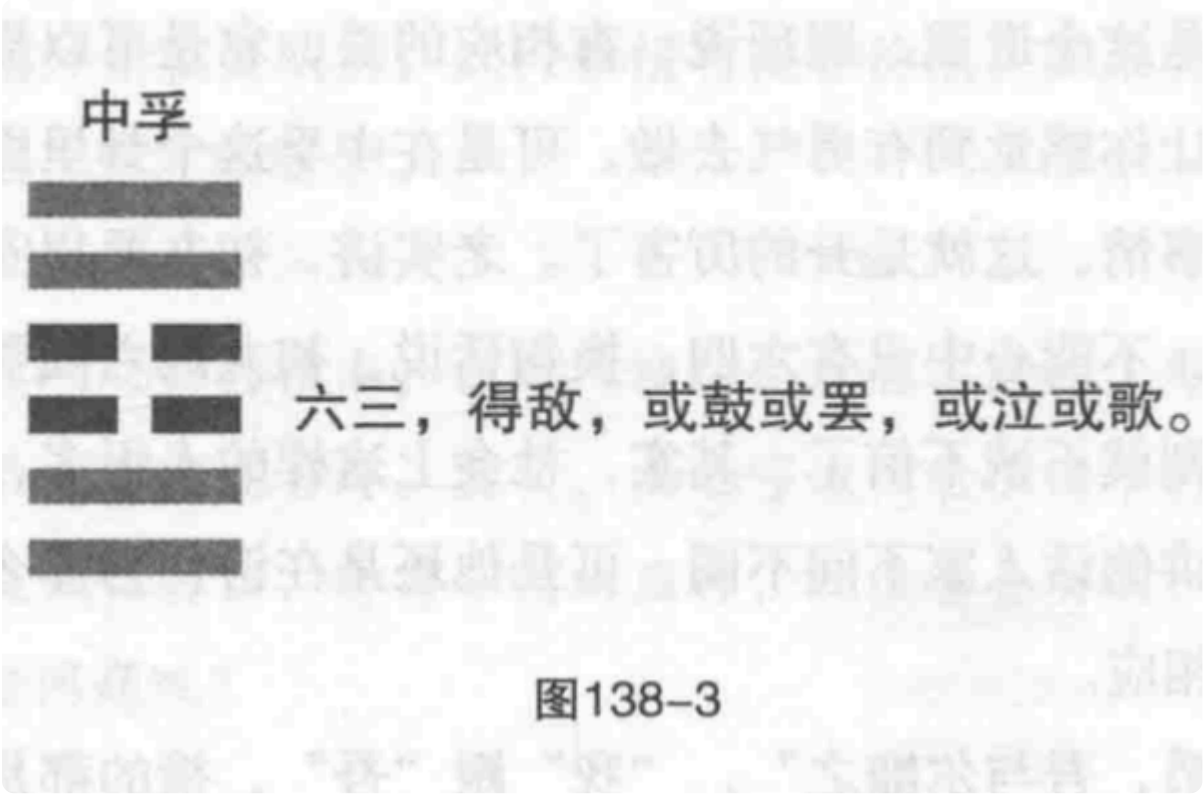


图138–3

"Dịch" chỉ hào Lục tứ. Bởi vì hào Lục tam và hào Lục tứ đều là hào âm, đồng tính tương xích, vị trí cũng khác nhau. Hào Lục tam bất chính, hào Lục tứ đắc chính, hậu quả tự nhiên khác nhau. Hào Lục tam bị hào Lục tứ áp chế, vì hào Lục tứ gần hào Cửu ngũ hơn, nó sẽ không quản hào Lục tam, chỉ muốn quan hệ tốt với bên trên, vì điều này quan trọng hơn, như vậy không phải đã tạo ra quan hệ lợi hại sao? Cả quẻ đều dựa vào hào Cửu ngũ, nếu hào Cửu ngũ không chính, những cái khác đều không cần bàn. Như vậy mọi người mới hiểu, tại sao người Trung Quốc động một tí là phải củng cố trung tâm lãnh đạo, điều đó tuyệt đối có lý, vì ảnh hưởng của họ rất lớn.

Vấn đề của hào Lục tam nằm ở đâu? Vì nó là âm cư dương vị (hào âm nằm vị trí dương), và hào Thượng cửu với nó âm dương tương ứng, nên muốn nhanh chóng đi qua, vừa đi qua mới phát hiện hào Lục tứ chặn đường, giống như là kẻ thù của hào Lục tam vậy. Lúc này, hào Lục tam chỉ có hai cách, thứ nhất là "hoặc cổ", "cổ" là đánh trống tấn công, ngươi muốn chặn ta, ta sẽ liều với ngươi. Thứ hai là "hoặc bãi", ta đánh không lại ngươi, chạy trốn thảm hại. "Hoặc khấp hoặc ca", đánh thua thì buồn bã khóc lóc, đánh thắng thì vui vẻ ca hát, chúng ta thường "đắc thất hành chi ư sắc" (vui buồn hiện rõ trên nét mặt) như vậy.

Tiểu tượng nói: "Hoặc cổ hoặc bãi, Vị bất đáng dã"

Hào Lục tam dù tiến hay lui, đều bất chính, không có chữ tín, mới rơi vào tình thế khó xử. Nhưng hào này không nói hung, vì hào Lục tứ là người giữ chữ tín. Hào Lục tứ không giống hào Lục tam, không so đo với hào Lục tam, nó chỉ chặn hào Lục tam, và điểm xuất phát của việc làm này là tốt. Vì thế hào từ nói hoặc đánh hoặc chạy, không nói bị giết hay bị xử tử.

Thiếu chữ tín, dù là hỷ nộ ai lạc, đều không đúng đạo, ở trong hoàn cảnh của quẻ Trung Phu mà không giữ chữ tín, cuối cùng nhất định là phản phúc vô thường. Chúng ta nói rất rõ, một người thẳng thắn thừa nhận mình không thành thật không giữ chữ tín, đó là tiểu nhân, người ta muốn dùng thì dùng, không dùng thì thôi, không giả làm quân tử, đó gọi là chân tiểu nhân. Chân tiểu nhân tương đối không đáng sợ, còn ngụy quân tử mới là đáng sợ nhất. **Người Trung Quốc sợ nhất chính là ngụy quân tử, ngược lại có khi còn thích chân tiểu nhân hơn.**

Chúng ta đều biết, quân tử và tiểu nhân là hai cực. Quân tử tốt, tiểu nhân không tốt, nhưng phải cẩn thận có người bên ngoài là quân tử, bên trong lại là tiểu nhân; có người bên ngoài là tiểu nhân, nhưng bên trong lại là quân tử. Đáng sợ hơn là quân tử có thể biến thành tiểu nhân, tiểu nhân có thể biến thành quân tử, càng cần phải lưu ý. Nếu một người đối với việc của người khác đều là quân tử, riêng với bạn, trước mặt bạn lại luôn là tiểu nhân, thì chẳng phải rất tệ sao! Chính vì có những tình huống phức tạp như vậy, nên mỗi người chúng ta đều phải tự cầu phúc. Tự cầu phúc giống như chân của chúng ta, phải đứng cho vững mới được, nếu không thì có lý cũng nói không rõ, vì đạo lý là kéo qua kéo lại, không thể một dao chặt đứt. Chúng ta thường nói, một bàn tay không thể vỗ thành tiếng. Ý nói phàm là có tranh chấp, có phải trái, đều là hai bàn tay, mà hai bàn tay, làm sao biết ai đúng ai sai?

> Trong xã hội hiện đại, nhiều người bị của cải vật chất nô dịch, muốn thành công nhanh chóng, thấy lợi quên nghĩa. Nhưng hào Lục tứ của quẻ Trung Phu cảnh báo người ta rằng, vì lợi ích mà từ bỏ chữ tín, cuối cùng đổi lại thường là kết cục bi thảm. Vậy hào từ của hào Lục tứ nói như thế nào?

Hào từ của hào Lục tứ nói (Hình 138-4): “Nguyệt cơ vọng, mã thất vong, vô cữu.”

(Trăng mười bốn (gần tới rằm), con người bỏ bạn mà tiến lên, không lỗi.)

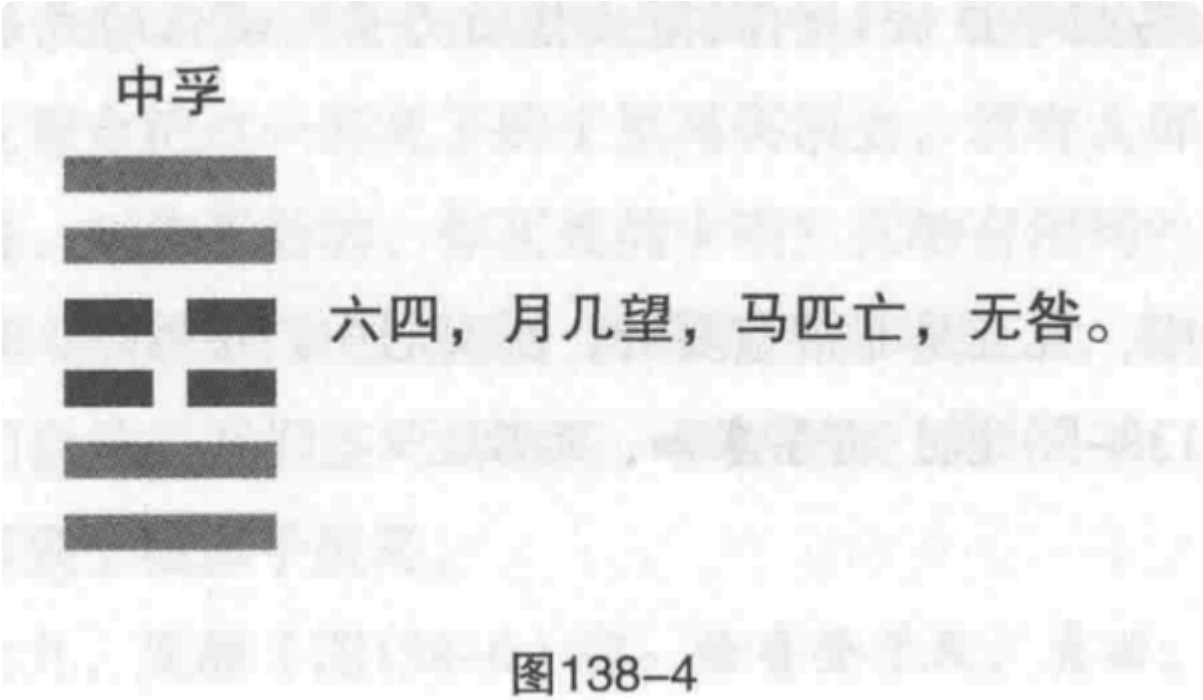


图138–4

"Nguyệt cơ vọng", trăng sắp tròn mà chưa tròn, khoảng ngày mười hai, mười ba, nhiều nhất là mười bốn âm lịch, trông thấy sắp tròn, nhưng vẫn chưa tròn. "Mã thất vong", rõ ràng có ngựa tốt để cưỡi, giờ lại mất đi. Điều này lại nói lên điều gì?

Hào Lục tứ đắc chính, lại tương ứng với hào Sơ Cửu, đây là điều rất có lợi. Điểm này nhiều người cả đời đều không hiểu thấu, rồi chết rất thảm. Hào Lục tứ rất gần, rất thân với hào Cửu ngũ, mọi người đều biết hào Cửu ngũ rất tin tưởng hào Lục tứ, rồi bắt đầu lợi dụng nguồn lực của hào Lục tứ để lấy lòng dân. "Dân" chỉ hào Sơ Cửu. Hào Lục tứ đi chăm sóc hào Sơ Cửu, hào Cửu ngũ sẽ nghĩ gì? Hào Cửu ngũ nhất định nghĩ hào Lục tứ muốn thay thế mình, nếu không tại sao phải lấy lòng dân chúng? Nói chung người ta đều nghĩ vậy, đã có nguồn lực lớn như vậy, không dùng thì phí, vậy bây giờ phải tranh thủ lòng dân, tranh thủ dư luận. Phàm là nhân viên đều nói tốt về một cán bộ, ông chủ phần lớn sẽ nghi ngờ người đó có phải đã lén dùng cái gì đó cho nhân viên không. Đạo lý là như vậy.

Đã như vậy, tại sao lại "vô cữu"? Chính là nói hào Lục tứ cắt đứt quan hệ với hào Sơ Cửu, vẫn có thể không có lỗi. Chúng ta có thể thấy trong lịch sử, có bao nhiêu bề tôi công cao chấn chủ, rất giữ chữ tín, vua cũng tin tưởng họ, nên phái họ đi cứu trợ thiên tai, hoặc làm những việc khác, đến khi dân chúng phản ứng rất tốt thì vua lại bắt đầu nghi ngờ họ muốn làm gì. Cho nên, làm người khó là khó ở chỗ này.

Hào Lục tứ có thể ứng nhưng không thể ứng, trong lịch sử người làm tốt nhất hào Lục tứ chính là một thuộc hạ của Tào Tháo tên là Giả Hủ. Giả Hủ rất được Tào Tháo tin tưởng, nhưng ông lại nói với gia đình:

nhà chúng ta không thể qua lại với người khác, cũng không thể để người ta khen ngợi chúng ta, nếu không chúng ta sẽ chết rất thảm. Có thể thấy, Giả Hủ rất hiểu hào Lục tứ.

> Đối với một quốc gia hay một tổ chức, muốn tạo ra bầu không khí giữ chữ Tín, điều quan trọng nhất là cần người lãnh đạo cao nhất đại diện bởi hào Cửu ngũ phải giữ vững chữ tín. Vậy hào Cửu ngũ của quẻ Trung Phu nói gì? Người lãnh đạo cao nhất nên tập hợp sức mạnh của chữ tín như thế nào? Thành quả của chữ tín lại nên giữ gìn ra sao?

Trong quẻ Trung Phu, hào Cửu ngũ rất quan trọng, đắc chính đắc trung, vị trí tốt, bản thân lại hợp lý. Hào từ của hào Cửu ngũ nói (hình 138-5): “Hữu phu quyên như, vô cữu.”

(Có lòng chí thành ràng buộc, không lỗi.)

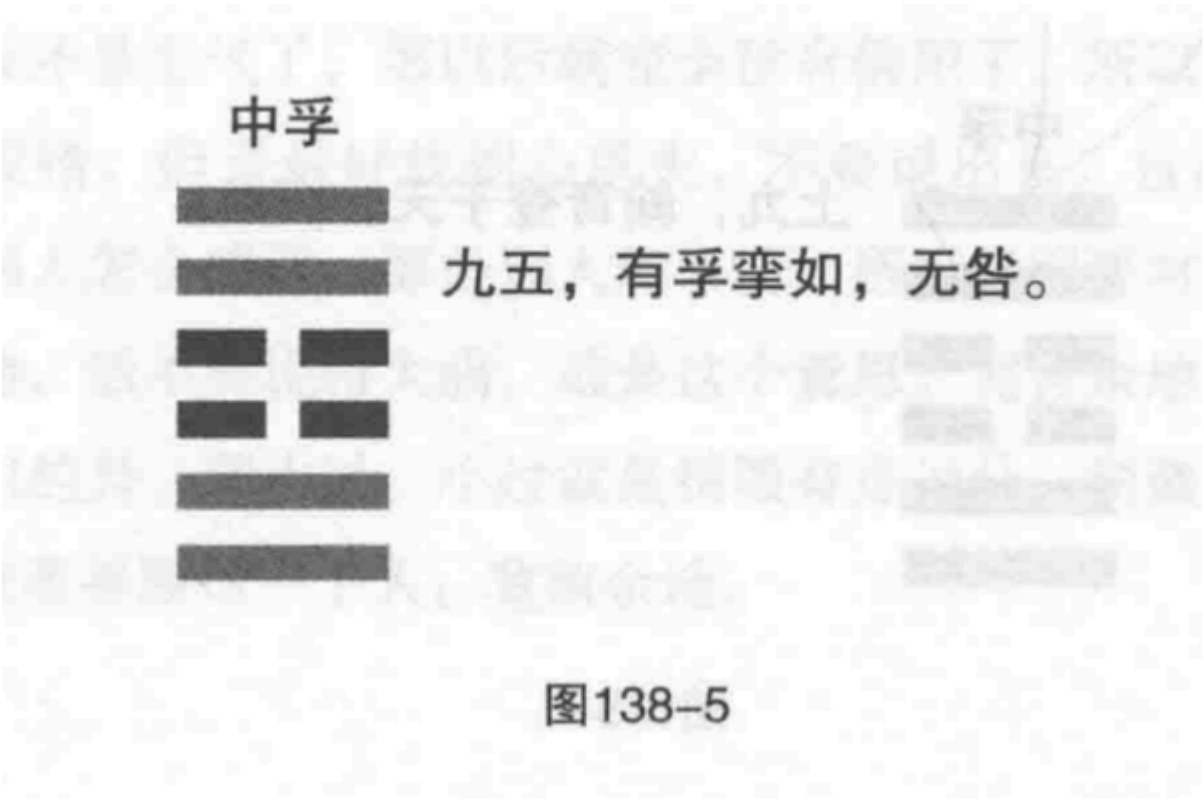


图138–5

"Hữu" 有 là nên; "phụ" 孚 là chữ tín; "quyên" 挛 là năm ngón tay nắm chặt, không buông lỏng chút nào. Một người muốn đi đến hào Cửu ngũ, không phải dễ dàng, phải vô tư. Có câu nói "vị thiên hạ giả bất cố gia" (người vì thiên hạ không lo cho gia đình), nói chính là ý này. Phàm là một lãnh đạo, để người nhà thường xuyên đi lại trong văn phòng, nhân viên sẽ nghĩ thế nào? Vì thế, nhất định phải tiết chế bản thân trước, mới có cách tiết chế người khác. Bất kể người ta thế nào, bản thân trước hết phải giữ chữ Tín.

Hào Cửu ngũ và hào Cửu nhị không tương ứng, thể hiện hào Cửu ngũ rất khó chung sống với hào Cửu nhị. Ta có tính khí, người ta cũng có tính khí, ta có cá tính, người ta cũng có cá tính, ta có nguyên tắc, người ta cũng có nguyên tắc, đạo lý là như vậy. Hào Cửu nhị cũng có nguyên tắc của mình, tuy chỉ là "minh hạc tại

âm", tiếng kêu rất yếu ớt. Hào Cửu ngũ có thể không ưa thích, nhưng phải luôn giữ chữ tín với nó, vĩnh viễn không buông lỏng, mới không có lỗi.

Nếu ở một nơi, những người nói thật đều bắt đầu không nói nữa, nơi đó có lẽ sẽ càng ngày càng loạn, có một câu chuyện có thể chứng minh điểm này. Có một vị vua (hào Cửu ngũ) rất thích ngựa thiên lý, rất muốn có một con, nên bảo bề tôi (hào Cửu nhị) đi mua một con ngựa thiên lý. Vị bề tôi là "minh hạc tại âm", ông kiên trì nguyên tắc làm việc, tìm đi tìm lại, cũng không tìm được ngựa thiên lý, nhưng tuyệt đối không làm ẩu, đây chính là cá tính của hào Cửu nhị. Cuối cùng biết được ở đâu có ngựa thiên lý, vui mừng chạy đến, kết quả ngựa đã chết. Thế là bỏ tiền lớn mua con ngựa thiên lý đã chết về, mọi người đều cười ông. Vua cũng rất không vui, nói: bảo ngươi mua con sống, ngươi mua con chết làm gì? Con chết có dùng được không? Bề tôi nói: khi chúng ta mua cả ngựa chết về, tất cả những người có ngựa thiên lý đều sẽ chủ động tìm đến chúng ta, vì họ sẽ nghĩ chúng ta ngựa chết còn mua, thì ngựa sống càng phải mua. Vua tin lời ông, quả nhiên có được rất nhiều ngựa thiên lý.

Tiếp đến xem hào Thượng cửu, hào từ nói (Hình 138-6): “Hàn âm đăng vu thiên, trinh hung.”

(Hào trên cùng, dương: tiếng gà lên tận trời, dù có chính đáng cũng xấu.)

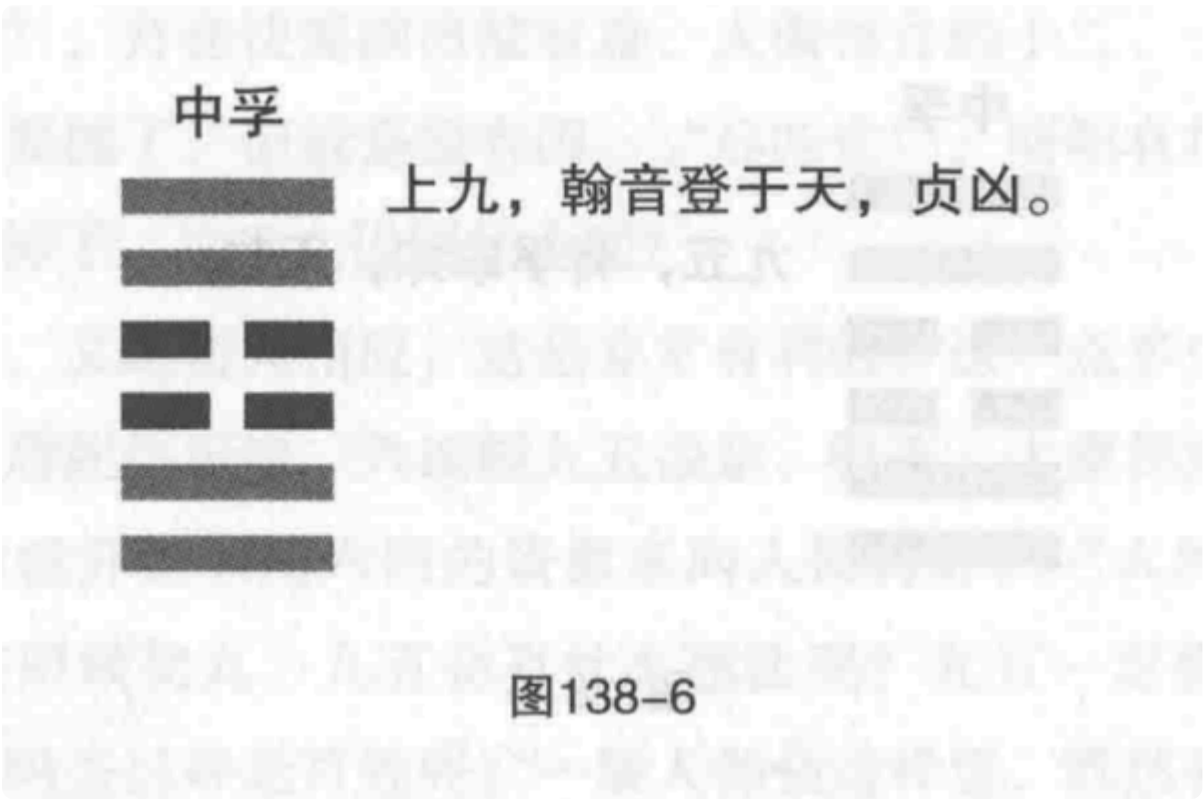


图138–6

"Đăng" nghĩa là đi lên. "Hàn âm đăng vu thiên", chim bay lên cao, khi phát hiện mình rất mệt, khó có thể chống đỡ được nữa, chỉ còn cách kêu than. "Trinh hung", nhất định có hung họa.

Thực ra khi chúng ta nói đến quẻ Tiểu Quá, sẽ cảm nhận sâu sắc rằng chim chỉ có thể bay xuống không thể bay lên, vì bay xuống rất an toàn, mệt thì có thể đậu xuống bất cứ lúc nào.

Hào Thượng cửu bất chính, trong lòng hoàn toàn không có chữ Tín. bất chính, không có chữ Tín, lại muốn tỏ ra giỏi giang, giống như chim bay, bay lên cao, cô độc không có ai giúp đỡ, bản thân lại không có sức để chống đỡ, cuối cùng số phận rất thê thảm. Nói cách khác, một người chỉ có hư danh, bây giờ trông có vẻ ghê gớm lắm, bay rất cao, nhưng hư danh làm sao có thể bền lâu được? Sẽ ngã xuống rất nhanh .

Hào Thượng cửu ở trên hào Cửu ngũ, giống như âm thanh còn vương vấn lại vậy, theo gió bay cao, hư mà không thực. Chim bay càng cao, tiếng kêu càng yếu ớt, thể hiện sắp đứt hơi rồi. Nói thật, chúng ta nghe giọng một người, có thể phân biệt người đó khỏe mạnh hay không. Nếu âm cuối của họ không thực, rơi xuống, nói chuyện lúc đầu có sức, càng nói càng không có sức, thì có thể đoán được sức khỏe người này có vấn đề.

Chúng ta thường nói: “Đại danh chi hạ, nan dĩ cửu cư” (Dưới danh tiếng lớn, khó ở lâu được). Một người nói mình giữ chữ tín, thì mọi người đều phải thử xem người đó có thực sự giữ chữ tín không. Nếu sếp nói "mọi người cứ nói thẳng, tôi không giận đâu", thì xong rồi, mọi người sẽ nghĩ hết cách để thử xem sếp có thực sự không giận không. Nếu cuối cùng chứng minh sếp vẫn giận, thì sau này hoàn toàn không có uy tín nữa. Vì thế, một người kiên trì giữ chữ tín không sai, nhưng tốt nhất giữ trong lòng, đừng nói ra. Bản thân trong lòng phải giữ chữ tín, còn người khác cảm thấy thế nào, đó là việc của người ta. Vì thế chúng ta phải để lại chút dư địa cho chữ tín của mình, đừng nói quá đầy đủ, chính là ý này. Lưu dư địa, trong Kinh Dịch có một quẻ chuyên nói về điều này, đó là quẻ Tiểu Quá. Tiểu Quá chính là hơi quá một chút, hơi có chút lỗi lầm. Lần sau, chúng ta sẽ nhắc nhở mọi người: lưu dư địa (giữ lại một chút không gian để có thể thay đổi, điều chỉnh hoặc linh hoạt hơn trong tương lai).

Chương 139: Quẻ 62: Lôi Sơn Tiểu Quá - Lưu dư địa

> Tục ngữ có câu: "Nhân phi thánh hiền, thục năng vô quá" (người không phải thánh hiền, ai có thể không có lỗi). Trong Kinh Dịch, quẻ Tiểu Quá dạy chúng ta rằng trong đời người khó tránh khỏi những lỗi nhỏ. Tuy nhiên, nếu vì sợ có lỗi mà không dám tiến lên, thì cuộc đời cũng mất đi ý nghĩa. Vậy chúng ta nên làm thế nào để tránh lỗi lầm? Khi có lỗi nhỏ rồi, phải điều chỉnh ra sao? Sửa sai có nhất thiết phải quá đà không? Và câu nói thường gặp "tiểu quá bất đoạn, đại quá bất phạm" (lỗi nhỏ liên tục, không phạm lỗi lớn) có đúng không?

Tiểu quá nghĩa là hơi quá một chút, hơi có một chút lỗi lầm. Dĩ nhiên quá đáng và lỗi lầm đều không tốt. Nhưng nếu một người đến mức nhỏ nhất cũng không dám phạm sai, thì quá câu nệ, quá thận trọng, thực ra đó cũng là một cái quá. Không dám thử nghiệm điều gì, sợ mọi thứ quá đáng, kết quả khiến bản thân không thể tiến bước, ngược lại không thu được kinh nghiệm quý báu, do đó không bao giờ có thể đạt đến mức độ vừa phải.

Bởi vì con người không phải thần tiên. Ai cũng có lý tưởng, ra đòn là muốn trúng đích, nhưng đâu có dễ? Làm việc gì cũng muốn vừa đúng tiêu chuẩn, thêm một phần thì thừa, bớt một phần thì thiếu, đó thực sự là chuyện khó gặp được.

Ví dụ, trẻ con khi cầm đồ vật thường va vào những thứ khác, vì chưa được rèn luyện thuần thục, chúng không nắm được độ. Người già cũng vậy, cầm cái này đụng cái kia, muốn làm bên này thì bên kia lại bị rối, đó là do tuổi già, động tác không nắm được đúng mực. Vì thế người ta chơi bóng rổ chỉ được mấy năm, qua giai đoạn đó, tay nghề trước đây thần chuẩn giờ cũng sẽ kém đi. Gần như ai cũng từng trải qua nỗi khổ của sự quá đáng và không đủ. Cho nên quẻ Tiểu Quá mới bảo chúng ta, trong một số nguyên tắc nhất định, thà hơi quá một chút, hơi có phần quá đáng đều là tốt. Vốn là không tốt, nhưng trong một số tình huống, lại biến thành tốt, có thể thấy, ngay cả thiện ác cũng không cố định.

Tạp Quái Truyện nói: "Tiểu quá, quá dã" (Tiểu quá là quá vậy). Dù là rất nhỏ, rất nhỏ của cái quá, nhưng dù sao cũng là quá. Vậy có phải điều đó bảo chúng ta đừng phạm tiểu quá? Có lẽ không phải, một chút quá độ nhỏ, ở chỗ này tính là lỗi, ở chỗ khác lại không tính là lỗi. Cho nên Tự Quái Truyện mới nói: "Hữu kỳ tín giả tất hành chi, cố thụ chi dĩ Tiểu Quá" (Đối với người có lòng tin, việc đã được cân nhắc kỹ lưỡng, hành động đương nhiên rất quyết đoán. Sự quyết đoán này khó tránh khỏi sửa sai quá đà, nên tiếp nhận bằng Tiểu Quá). Điều này nói với chúng ta, một số việc nhỏ thà quá một chút, nhưng không thể quá đáng, càng không thể coi quá đáng là bình thường, đó mới gọi là Tiểu Quá.

> Tục ngữ nói: "Làm việc có khí độ, làm người có thước đo". Quẻ Tiểu Quá dạy chúng ta, mọi việc phải thu liễm, nắm vững thước đo, đó mới là trí tuệ lớn của đời người. Trong những việc nhỏ, yêu cầu bản thân quá độ là có lợi vô hại; nhưng trong việc lớn, nếu tham vọng quá cao, không lượng sức mình, sẽ chuốc lấy tai họa. Vậy thoán từ của quẻ Tiểu Quá nói thế nào?

Thoán từ nói (Hình 139-1): "Tiểu quá: Hanh, lợi trinh. Khả tiểu sự, bất khả đại sự. Phi điểu di chi âm, bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát."

(Hanh thông hợp đạo chính thì lợi. Có thể làm việc nhỏ, không thể làm việc lớn. Con chim bay mà để tiếng kêu lại, không nên lên cao mà nên xuống thấp. Người quân tử biết được như vậy thì tốt.)

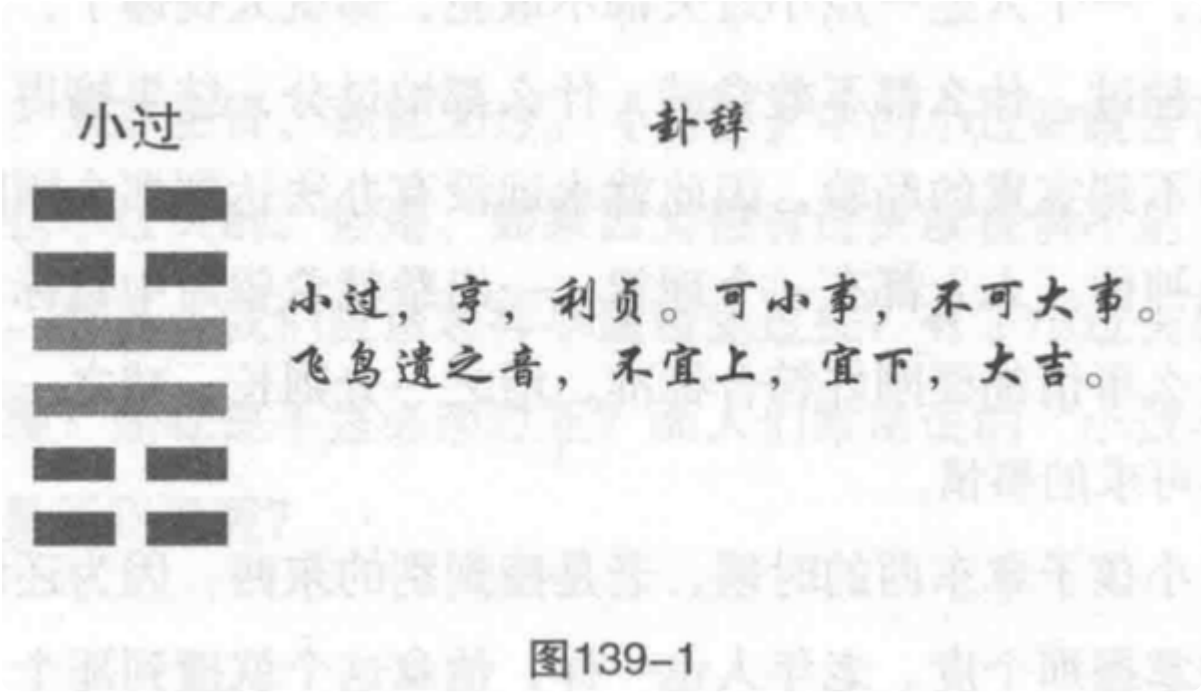


图139-1

Tiểu Quá là tên quẻ, trực tiếp nói với chúng ta, nó hanh thông, có lợi cho việc giữ nguyên tắc. Giữ nguyên tắc gì? Chính là "có thể làm việc nhỏ, không thể làm việc lớn", trong việc nhỏ thà quá một chút, nhưng trong việc lớn tuyệt đối không thể quá đáng. Trong sáu hào của quẻ này, có bốn hào âm, hai hào dương, âm là nhỏ, dương là lớn, hào nhỏ có bốn, hào lớn có hai, hào nhỏ nhiều hơn hào lớn, do đó nó chỉ việc nhỏ. **Nếu ngay cả việc nhỏ cũng không dám thử, thì việc lớn càng không dám làm.**

Vậy làm sao biết được thế nào là việc lớn, thế nào là việc nhỏ? Thiệt hại nhỏ, tổn thương nhẹ, người có thể gánh vác được, đó gọi là việc nhỏ. Nếu nói thiệt hại rất lớn, tổn thương rất nặng, người ta không thể chịu nổi, và cũng không thể được người khác tha thứ, thì đừng nên thử.

Quẻ Tiểu Quá rất khéo léo dùng chim bay làm ví dụ, mọi người có phát hiện ra quẻ tượng này trông rất giống một con chim không? Hào cửu tam, hào cửu tứ là thân chim, hào lục ngũ, thượng lục giống một cánh, hào sơ lục, hào lục nhị giống cánh còn lại, hai cánh ở giữa là thân chim, điều này có ý nghĩa gì? Chính là biểu thị con chim đang bay.

"Phi điểu di chi âm" (chim bay để lại tiếng), xem ra con chim này rất thích bay. Nhưng nếu bay đến mức không biết quay về, thì rất đáng sợ. Con người cũng vậy, cứ tiến lên, tiến lên, tiến đến gần như hết mạng

mới nhớ về nhà, như vậy đương nhiên là không đúng. Có cách thì bay xa, không có cách thì về quê, như vậy mới đúng. Mà con chim này càng bay càng hăng, càng bay càng cao, càng bay càng xa khỏi bầy, sau đó dần dần cảm thấy sức lực không đủ, bèn phát ra tiếng kêu thảm thiết, tiếng kêu thảm thiết gọi là "di chi âm". Ví dụ một người chết đi, ảnh của họ gọi là “di ảnh”, một tiếng kêu chỉ nghe thấy mà không thấy ai phát ra, đó gọi là “di âm”.

Do đó, thoán từ chính xác nói với chúng ta: không nên lên cao, nên xuống thấp. Khi không có cách nào khác mới phạm Tiểu Quá, sức mạnh hiện thực quá lớn, muốn làm việc chỉ có thể theo hướng đó mà làm, nhưng có thể vô ý đi quá xa, phải kịp thời quay lại. Còn nếu không phân biệt phải trái mà đi ngược thế, không chỉ làm hỏng việc, rất có thể còn hủy hoại bản thân. Cho nên nói, chúng ta tốt nhất đừng ngược thế mà hành động, mà phải thuận thế làm tốt việc, như vậy mới "đại cát".

Thoán truyện nói: "Tiểu Quá. Tiểu giả quá nhi hanh dã. Quá dĩ lợi trinh. Dữ thời hành dã. Nhu đắc trung. Thị dĩ tiểu sự cát dã. Cương thất vị nhi bất trung. Thị dĩ bất khả đại sự dã. Hữu phi điểu chi tượng yên. Hữu phi điểu di chi âm. Bất nghi thượng nghi hạ. Đại cát. Thượng nghịch nhi hạ thuận dã."

"Tiểu quá, tiểu giả quá nhi hanh dã", quẻ này gọi là Tiểu Quá, là vì việc nhỏ, hơi có chút quá đáng, nhưng vẫn có thể hanh thông. Nếu một quá đáng đã không hanh thông, thì biểu thị đó là việc lớn, chứ không phải việc nhỏ.

"Quá dĩ lợi trinh", chữ "dĩ" ở đây giải thích là "chi hồ giả dã" của chữ "chi", cũng tức là bây giờ nói "quá chi", vẫn sẽ "lợi trinh". Quá đáng mà vẫn có thể lợi trinh, điều này nghĩa là gì? "Dữ thời hành dã", chính là phối hợp vừa đúng thời cơ, vừa hợp hoàn cảnh. Mọi người đều như vậy, bạn cũng có thể như vậy. Tuy có một chút sai, nhưng không thể quản được nhiều người như vậy, nên sẽ tha cho bạn một lần.

Ví dụ người Trung Quốc thường vượt đèn đỏ, mà là theo người khác vượt, trong lòng có tâm lý "pháp bất trách chúng" (luật không trách phạt số đông), không vượt thì thiệt, tâm lý này chính là từ đây mà ra. Thực tế, quả thực có quá nhiều người vượt đèn đỏ, cảnh sát cũng chẳng có cách nào. Tất nhiên ở đây chỉ nói về tâm lý đám đông này, chứ không phải khuyến khích vượt đèn đỏ.

"Nhu đắc trung", nhu là hào lục nhị và hào lục ngũ đều ở hào giữa của nội ngoại quái, biểu thị trên dưới có cùng ý nghĩ, đều cho rằng đây là việc nhỏ. Hơn nữa đều rất mềm mỏng mà hơi quá đáng, không phải rất cứng rắn mà quá đáng. Cứng rắn quá đáng gọi là nghịch, mềm mỏng quá đáng gọi là thuận. "Thị dĩ tiểu sự cát dã", nên việc nhỏ là tốt. Bởi vì việc nhỏ, ngược lại có thể khích lệ người ta.

"Cương thất vị nhi bất trung", quẻ Tiểu Quá chỉ có hai hào dương, một là hào cửu tam, hai là hào cửu tứ, nếu nói hào cửu tam dương cư dương vị, thì nó là đắc chính, hiểu "cương thất vị" như vậy rõ ràng không đúng. Hai hào này đặt cạnh nhau, một là hào dương cư dương vị, hai là hào dương cư âm vị, tại sao cả hai

đều “thất vị” ? Bởi vì sau đó còn hai chữ "bất trung". "Cương thất vị", là nói hai hào dương này, đều không ở vị trí giữa của nội ngoại quái.

Một người có tài năng lớn đến đâu, nếu không chiếm được vị trí ở thiên vị, địa vị thì chỉ chiếm nhân vị vẫn luôn là bất ổn, đây là nói về tầm quan trọng của vị trí. Cho nên chúng ta thường nói địa vị, địa vị, chính là không dám nói về thiên vị, tùy tiện chiếm thiên vị là phải chém đầu. Bởi vì thiên vị thuộc về vị lớn, là do trời định đoạt, trời muốn bạn lên thì bạn mới lên được, trời không muốn bạn lên, ngay cả trong mơ cũng không được nghĩ đến, thậm chí không thể mơ tưởng. Vậy thì chúng ta chỉ có thể nghĩ đến địa vị, mà địa vị chính là hào giữa của nội quái.

Hai hào dương của quẻ Tiểu Quá, cả một vị trí ở giữa nội quái cũng không giành được, đừng nói chi đến hào giữa của ngoại quái. Hai hào dương đều không chiếm được vị trí, nên mới nói “cương thất vị”. Mà "bất trung" chính là nói, tài đức tu dưỡng đều không được người ta nhận ra, "thị dĩ bất khả đại sự dã" (do đó không thể làm việc lớn vậy), cho nên dù là dương, dù có tài giỏi đến đâu, cũng không làm được việc lớn, bởi vì toàn bộ hoàn cảnh đều bất lợi.

"Hữu phi điểu chi tượng yên", toàn quẻ nhìn giống như một con chim. Nếu đặt quẻ tượng ngang, chúng ta sẽ thấy nó rất giống chữ "phi" 非 trong "thị phi" 是非. Đặt hai hào dương ở giữa dựng đứng lên, rồi hai bên mỗi bên hai hào âm, (hình 139-2) không phải giống chữ "phi" 非 trong "thị phi" sao? 是非

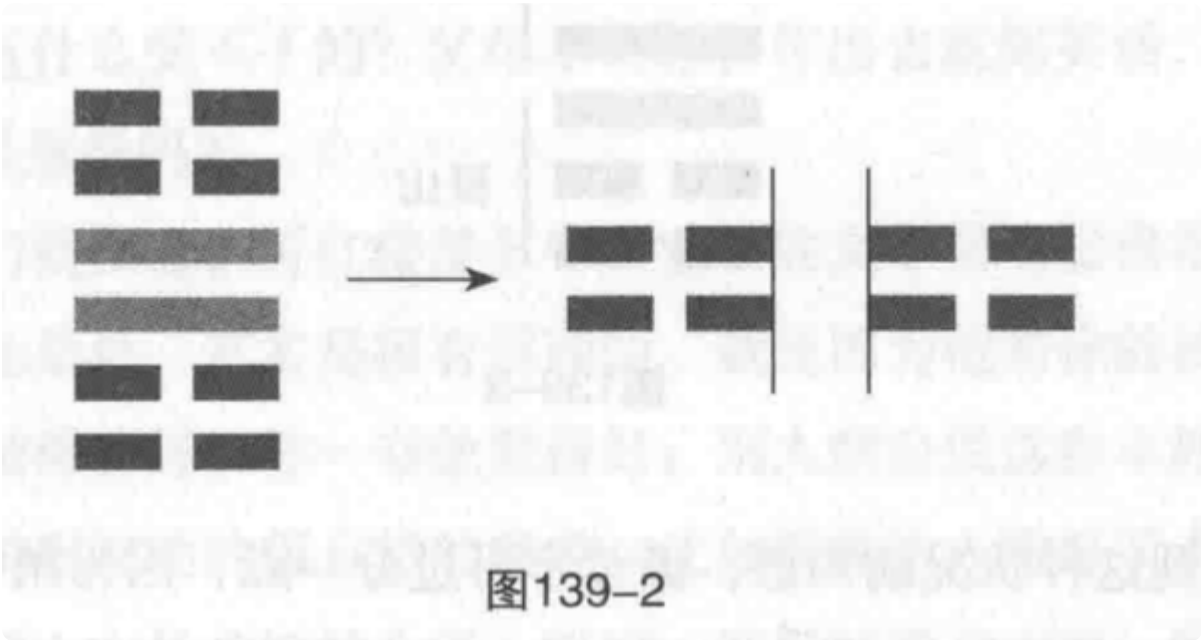


图139–2

Mà "phi" 非 đồng âm với "phi" (bay) 飛, chính là nói vốn không bay lên được, lại cứ muốn bay, điều này là không đúng. "Phi điểu di chi âm" (Chim bay để lại tiếng), chim bay đến mức người ta không còn thấy bóng dáng nữa, chỉ nghe thấy tiếng kêu nó để lại, điều này quá đáng sợ, cũng quá bi thảm.

"Bất nghi thượng, nghi hạ, đại cát" (Không nên lên cao, nên xuống thấp, rất tốt), nếu chúng ta hiểu được quẻ Tiểu Quá, sẽ hiểu rằng bay đến lúc cần phải dừng lại nghỉ ngơi. Thích hợp mà dừng, dù điều kiện tốt đến đâu cũng không bay cao nữa, mà còn phải bay xuống, như vậy sẽ "đại cát". Bởi vì "thượng nghịch nhi hạ thuận dã", chim muốn bay lên chắc chắn rất vất vả, dù hết sức cũng không chịu nổi, nhưng bay xuống thì nhờ gió mà xuống, thuận thế mà làm, đương nhiên vừa thuận vừa tốt. Chúng ta thực sự nên hiểu rõ về con chim đó, hiểu rõ trạng thái của nó, cũng như hậu quả của nó.

Đại Tượng Truyện nói: "Sơn thượng hữu lôi. Tiểu Quá. Quân tử dĩ hành quá hồ cung. Tang quá hồ ai. Dụng quá hồ kiệm."

Quẻ Tiểu Quá nội quái là quẻ Cấn (hình 139-3), quẻ Cấn tức là núi. Ngoại quái là quẻ Chấn, quẻ Chấn là sấm (hình 139-3). Sấm là âm thanh đó, núi là thế cao đó, tiếng sấm vang trên núi, chỉ là âm lượng hơi quá, nên không thể gọi là đại quá, mà gọi là tiểu quá.



图139–3

Người quân tử thấy tình trạng này liền biết, khiêm cung thà quá một chút, bởi vì hơi thiếu một chút, người ta sẽ cho rằng bạn không khiêm cung, thế thì phiền phức. Ví dụ chúng ta cúi chào người khác, cũng phải chú ý xem người ta có thấy không, khi người ta không thấy thì ta cúi chào, đến lúc người ta nhìn thì ta lại không có động tĩnh gì, người ta sẽ thấy chúng ta rất kỳ lạ, rất kiêu ngạo, đây chính là không "dữ thời hành dã".

"Táng quá hồ ai", khi tiến hành tang lễ, mặt không thể cười, dù muốn cười cũng không được cười. Người ta bây giờ sẽ mời người khác đến khóc tang, vì người nhà khóc không ra nước mắt, nên mời người khác khóc

hộ, để hàng xóm đều nghĩ rằng nhà này rất bi ai. Như vậy đương nhiên là không đúng, đó không còn là tiểu quá nữa, mà là lỗi lầm nghiêm trọng.

"Dụng quá hồ kiệm", dụng là chỉ việc dùng của mình, đối với bản thân thà tiết kiệm một chút, giản ước một chút, còn đối với khách thì có thể rộng rãi một chút. Người Trung Quốc thường mắng người ta "đánh sưng mặt cho ra vẻ béo". Nhà nghèo thì cứ nghèo đi, khách đến lại đi mượn Đông mượn Tây, bề ngoài làm ra vẻ rất đẹp. Lời phê bình này đương nhiên không đúng. Thật lòng mà nói khi một người nghèo, điều cần nhất chính là bạn bè đến thăm, khi chúng ta nghèo khó, vẫn có bạn bè đến thăm, đó chẳng phải là người đến cứu chúng ta sao!

Chúng ta thường phải lấy cao để được trung. Chúng ta thường phải sửa sai quá đà mới đạt được sự đúng đắn. Nhiều lúc, nhiều việc, thường là kéo qua bên kia rồi kéo về mới vừa đúng, đây chính là sự cần thiết của việc sửa sai quá đà, cũng chính là tầm quan trọng của quẻ Tiểu Quá.

> Quẻ Tiểu Quá bảo chúng ta, sửa sai phải quá đà. Trong cuộc sống, trong công việc chúng ta cũng cảm nhận được, một số lỗi nhỏ là không thể tránh khỏi, chỉ cần chúng ta thường xuyên điều chỉnh, thì có thể tránh được những lỗi lớn hơn. Tục ngữ nói: "Tiểu quá bất đoạn, đại quá bất phạm" (Lỗi nhỏ liên tục, không phạm lỗi lớn). Đạo lý trong đó là gì?

Tôi thường nói với người trẻ, thà ở nhà bị bố mẹ mắng, còn hơn ra ngoài bị người ta cười. Thực tế, có rất nhiều người trẻ lòng tự trọng đặc biệt mạnh, sợ bố mẹ mắng, vừa bị mắng đã thấy không chịu nổi. Thực ra có gì không chịu nổi? Bố mẹ không mắng bạn, bạn ra ngoài sẽ gây chuyện cười, giữa hai điều này không phải rất dễ chọn sao?

Như vậy chúng ta biết được, trong Hồng Lâu Mộng, bài văn của Giả Bảo Ngọc rõ ràng làm rất tốt, cha anh ta lại phê bình không còn gì là tốt, thực ra rất có lý. Chính vì đó là con bạn, bạn phê bình con, con mới làm tốt hơn được. Bạn vừa khen con làm tốt, người khác sẽ nói chỗ này không tốt chỗ kia không tốt. Đây cũng là một hiện tượng tự nhiên của sự tương tác âm dương. Ví dụ, thợ may may quần áo cho người ta, khi khách thử đồ, người thợ may hiểu lòng người sẽ nói, ôi, chỗ này có vẻ hơi rộng. Khách hàng ngược lại cảm thấy không phải, thấy vẫn khá ổn. Nếu anh ta nói bạn mặc vừa khít, hoàn hảo không tì vết, khách hàng lại thấy, không thì chỗ này quá chật, hoặc chỗ kia quá rộng. Tâm lý con người là như vậy, không nhất định là cố ý, đây là âm dương bổ sung cho nhau, và đã trở thành một thói quen của chúng ta. Vì thế khi một người còn trẻ, gặp phải ông chủ nghiêm khắc hay khoan dung tốt hơn, bản thân phán đoán chưa chắc đã chính xác: **nếu gặp một ông chủ khá khó tính, khá nghiêm khắc, hơi có chút quá đáng, với chúng ta lại là chuyện tốt**; nếu gặp một ông chủ khá thoải mái, nên quản không quản, nên nói không nói, người chịu thiệt có lẽ mãi mãi là chúng ta.

Ý nghĩa quan trọng của quẻ Tiểu Quá là **khuyến khích chúng ta dũng cảm làm việc, đừng sợ phạm sai lầm**. Chúng ta nhất định phải nhớ, vì sợ phạm sai mà dùng dằng không tiến, vì sợ mất mặt mà không dám

làm gì, người như vậy là hỏng. Nếu cả xã hội đều như vậy, thì xã hội làm sao tiến bộ được? Nhưng phải nhớ kỹ, không được thay đổi lung tung mới là tiền đề lớn. Dưới nguyên tắc lớn không thay đổi lung tung, hơi biến thông một chút, hơi thử nghiệm một chút, đều không sao cả.

Người ta thường nói, "tiểu quá bất đoạn, đại quá bất phạm" (lỗi nhỏ liên tục, không phạm lỗi lớn). Nghe có vẻ như là lời xấu, thực ra nên có thêm một mặt khác.

Muốn có được kinh nghiệm thì phải không ngừng thử nghiệm, không ngừng thử nghiệm thì không tránh khỏi phạm sai lầm nhỏ. Tại vì lỗi nhỏ rất dễ sửa, nên cuối cùng mới có thể vừa vặn. Điều này không phải học là có thể được, cần phải thực sự luyện tập. Nếu ngay từ đầu đã yêu cầu không được sai, thì tương đương với trói hai tay người ta lại. Dù sao không làm thì không sai, làm thì đương nhiên có thể sai. Cho nên người làm lãnh đạo, ở một số chỗ phải rộng lượng một chút, ở một số chỗ khác phải khắt khe một chút, chính là nắm bắt mức độ phân biệt giữa việc lớn và việc nhỏ. Người thường không hiểu đạo lý này, họ lúc thì nói, sao cậu ngay cả cái này cũng quản? Lúc lại nói, sao cậu ngay cả cái này cũng không quản? Họ luôn cho rằng quản và không quản nên xác định một ranh giới rõ ràng.

Dĩ nhiên, phải nhớ điểm quan trọng nhất, chính là điều mà cả sáu hào của quẻ Tiểu Quá nói với chúng ta. Phải thuận thế mà làm, đừng ngược thế hành động.

Tiếp theo, chúng ta tiếp tục bàn về: Tận dụng tình thế

Chương 140: Tận dụng tình thế

> Người Trung Quốc rất coi trọng đạo Trung Dung, giỏi trong việc giữ thăng bằng và sức căng cần thiết giữa hai cực của sự vật, đúng như câu "Cực cao minh nhi đạo trung dung" (hiểu biết cao nhưng theo đạo trung dung). Nhưng trong cuộc sống thực tế, muốn đạt được "trung dung" là vô cùng khó khăn. Đa số tình huống, không thì "quá" thì là "không đủ" (bấp cập), ranh rới giữa "quá" và "bất cập" rất mong manh . Chỉ khi nắm bắt được mức độ phù hợp và biết tận dụng tình thế, mới có thể đạt được thành công trong công việc và cuộc sống. Vậy trong thực tế, chúng ta làm thế nào để nắm bắt được độ trong đó, không còn bị "quá" và "bất cập" làm phiền não? Sáu hào của quẻ Tiểu Quá sẽ lần lượt giải thích điều này như thế nào?

Quẻ Tiểu Quá tổng cộng có sáu hào, hai hào trên hai hào dưới đều là âm, hai hào ở giữa là dương, mà trong hai quái, ngoại quái là quẻ Chấn, nó là động, nội quái là quẻ Cấn, nó bảo chúng ta thích hợp thì dừng, nên trong cái quá và không đủ này, chúng ta nên nắm bắt hợp lý.

Chúng ta bắt đầu từ nội quái, hào từ của hào sơ lục nói (hình 140-1): “Phi điểu dĩ hung.”

(Chim (nên nấp mà lại) bay, nên xấu.)

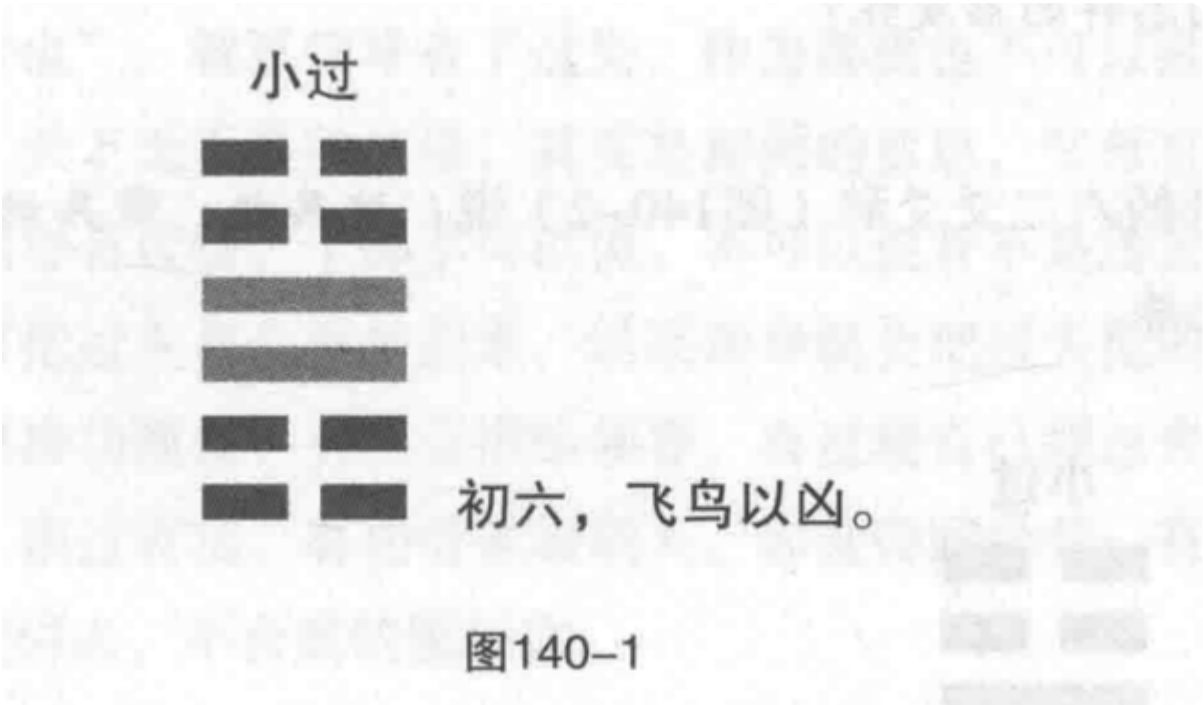


图140–1

Tức là bảo chúng ta, không lượng sức mình, hậu quả rất đáng sợ. Tại sao hào sơ lục lại không lượng sức mình? Bởi vì nó là hào âm cư dương vị, ý nghĩa âm cư dương vị (hào âm ở vị trí dương) chính là tài năng không đủ, lại muốn giả vờ rất giỏi. Vì hào sơ lục phía trên có hào cửu tứ, âm dương tương ứng, kết quả lại tạo thành kết cục "phi điểu dĩ hung". Ví dụ một người vừa mới đi tìm việc, chỉ dựa vào có quan hệ ở trên, mới quyết định nhận việc, vì có người thân, có quan hệ, rõ ràng không có tài năng, kinh nghiệm không đủ, lại gánh vác trọng trách, lúc này phải cẩn thận.

Vậy kết quả của "phi điểu dĩ hung" sẽ như thế nào? Chính là vì cứ bay lên mãi, rèn sắt phải thừa nóng, phải thừa thế tấn công, cơ hội tốt không để nó mất đi, cuối cùng dẫn đến bay trên không trung mà kêu thảm thiết, lúc này hối hận cũng đã muộn. Điều này nhắc nhở chúng ta, khi chúng ta tiến lên phía trước, nhất định phải tự trọng, lượng sức mà làm, thích hợp thì dừng. Thực sự không được thì phải rất thẳng thắn nói với cấp trên, năng lực của mình chỉ đến đây, xin kịp thời tìm người dạy tôi hoặc giúp tôi.

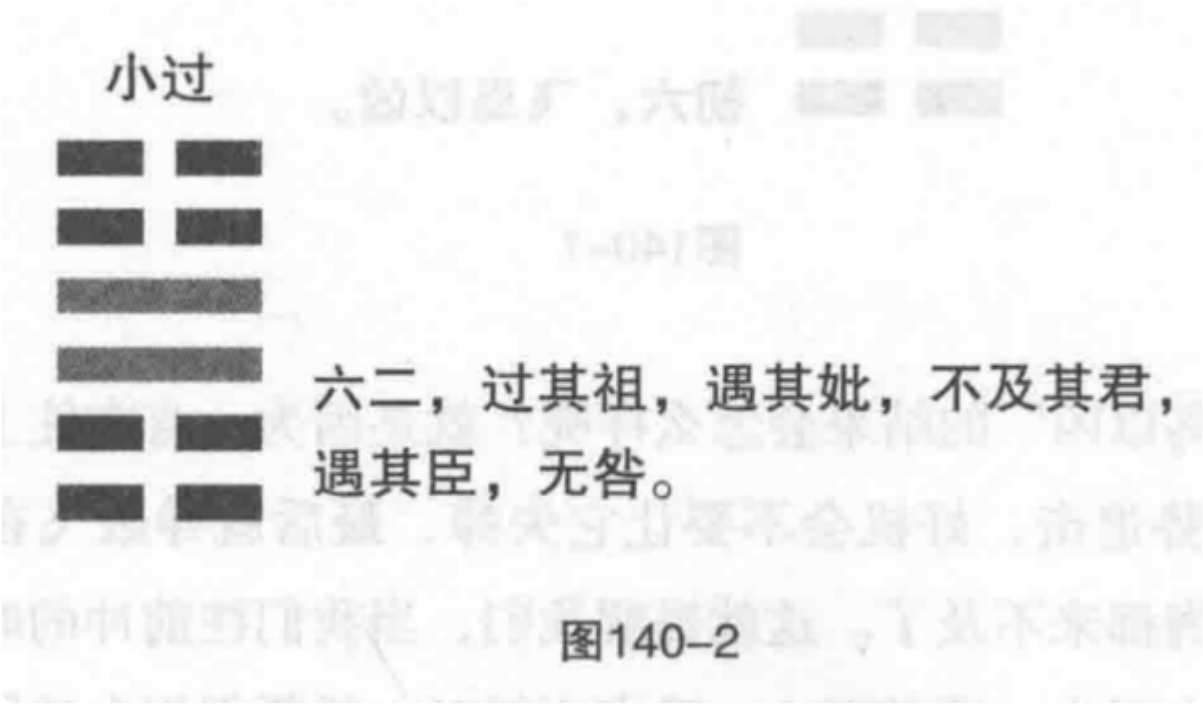
Trong thực tế thường thấy, vì cấp trên rất tin tưởng chúng ta, nên rất yên tâm giao việc cho ta, vì cơ hội khó được hoặc sợ phụ lòng tốt của cấp trên, chúng ta sẽ nhận lời ngay. Nhưng đến khi cuối cùng không đưa ra được thành quả, chúng ta mới như chim bay kêu thảm thiết: Tôi đã cố hết sức, tôi không ngờ có nhiều khó khăn thế, không ngờ kết quả lại thế này! Thực ra, cấp trên không phải vì chúng ta không có năng lực nào đó mà tức giận, mà sẽ tức giận vì chúng ta cố chấp làm lãng phí thời gian. Không làm được thì phải thẳng thắn nói ra, nếu không, làm lãng phí thời gian có thể hoàn thành nhiệm vụ mới là tội lớn nhất, đây không còn là Tiểu Quá nữa.

Cho nên chúng ta không thể nói tôi rất nhiệt tình, lúc nhận lời không nghĩ đến năng lực không đủ, ít nhất sự nhiệt tình này là tốt. Tiểu tượng nói rất rõ: "Phi điểu dĩ hung, bất khả như hà dã". Làm lãng phí thời gian quý báu hay gọi là thời gian vàng ngọc, đã gây ra tổn thất không thể bù đắp, xin lỗi cũng vô ích, đương nhiên không còn thuộc phạm vi Tiểu Quá.

> Tục ngữ nói: "Trăng tròn thì khuyết, nước đầy thì tràn". Nếu người không đánh giá được khả năng của mình, một mực ham cao chuộng xa, sẽ rơi vào tình cảnh như hào sơ lục, "phi điểu dĩ hung", hậu quả rất đáng sợ. Chỉ có thuận theo thời cơ, lượng sức mà làm, mới có thể tránh được tai họa. Vậy hào lục nhị của quẻ Tiểu Quá cho chúng ta những gợi ý gì?

Hào từ của hào lục nhị nói (hình 140-2): "Quá kì tổ, ngộ kì tỉ, bất cập kì quân. Ngộ kì thần ,vô cữu."

(Vượt qua ông mà gặp bà; không được gặp vua thì nên giữ phận bề tôi, như vậy không lỗi.)



Hào lục nhị của quẻ Tiểu Quá có một đức tính rất tốt, đó là "bất cập", "vô cữu". Do đó rất giữ bổn phận, vừa đắc chính vừa đắc trung, rất tôn trọng hai hào dương ở trên. Tôn trọng đến mức nào? Coi hào cửu tam như cha mình, coi hào cửu tứ như ông nội mình, mà lên trên nữa là bà nội, bà nội chính là hào lục ngũ.

"Quá kỳ tổ", chính là vượt qua hào cửu tứ. "Ngộ kỳ tỷ", chính là gặp bà nội hào lục ngũ. Lúc này nó còn có thể vượt qua hào lục ngũ không? Không thể, vì "bất cập kỳ quân", chữ bất cập này có nghĩa là không quá. Nó phải coi mình là tôi của vua, như vậy mới có thể thể hiện bổn phận tốt của người làm tôi, thì "vô cữu". Cho nên ở đây, "tổ" và "tỷ" có thể giải thích là hào cửu tứ và hào lục ngũ. Còn "quân" và "thần" chính là giải thích hào lục ngũ và hào lục nhị, đây là một cách nói. Cách nói khác, "tổ" chính là hào sơ lục. Tại sao "tổ" lại thành hào sơ lục? Bởi vì chúng ta nói "sơ tổ", hào sơ lục tượng trưng cho sự khởi đầu (ndlr : "Sơ" (初) thường liên quan đến sự khởi đầu, bước đầu, và "Tổ" (祖) biểu thị cho tổ tiên, nguồn gốc).

Tiểu tượng nói: "Bất cập kỳ quân, thần bất khả quá dã"

Hào lục nhị không thể trực tiếp tương tác với hào lục ngũ, bởi vì hào lục nhị cũng như hào sơ lục, đều là vị thần tử. Vị thần tử đối với vị quân chủ mà nói, có vấn đề giữ bổn phận, dù vị quân chủ có sai lầm, phạm lỗi, ở vị thần tử cũng không thể nói, gọi là thần không nói lỗi vua. Thần tử ngược lại phải gánh vác hết trách nhiệm việc vua làm, đây mới là ý nghĩa của tiểu quá. Trong tình huống thực tế, nếu sếp làm sai, cấp dưới trực tiếp chỉ ra cho sếp, e rằng mãi mãi không có kết quả tốt. Nếu chúng ta dứt khoát gánh vác trách nhiệm của sếp, sếp ngược lại sẽ biện minh cho chúng ta, bởi vì trong lòng ông ấy biết đó là vấn đề của mình.

"Thần bất khả quá dã", dù lãnh đạo có lỗi, là bề tôi cũng không thể phê bình. Điều này cùng một câu khác "thiên hạ vô bất thị chi phụ mẫu" (thiên hạ không có cha mẹ nào không đúng), thực ra cùng một ý nghĩa.

Cha mẹ có lỗi, con cái không thể nói, lãnh đạo có lỗi, cán bộ không thể nói. Không thể nói không phải nhắm mắt không quản nó, mà là thà tự mình gánh vác lỗi lầm, kết quả là lãnh đạo sẽ nhận lấy lỗi lầm về mình. Cho nên chúng ta thường nói, phải đẩy công đón lỗi, có công lao đẩy cho lãnh đạo, có lỗi lầm tự mình nhận lấy. Kết quả là, tranh công thành lỗi, nhận lỗi có công. Có công lao đẩy cho người khác, bạn sẽ được công lao; có lỗi lầm bạn nhận lấy, người ta sẽ kéo về, không thực sự oan uổng bạn.

> Tục ngữ nói: "Biết lỗi có thể sửa, thiện không gì lớn hơn". Hào lục nhị của quẻ Tiểu Quá bảo chúng ta, trong môi trường công việc, nên giữ gìn bổn phận của mình, biết vào lúc thích hợp thừa nhận sai lầm, gánh vác trách nhiệm, như vậy mới có thể giành được sự hiểu biết và tôn trọng của lãnh đạo và đồng nghiệp. Vậy hào cửu tam và hào cửu tứ nói với chúng ta điều gì?

Hào cửu tam là hào chủ của nội quái, hào từ (hình 140-3) là: "Phất quá phòng chi, tòng hoặc tường chi, hung."

(Chẳng quá phòng bị (tiểu nhân) thì rồi sẽ bị chúng làm hại đấy.)

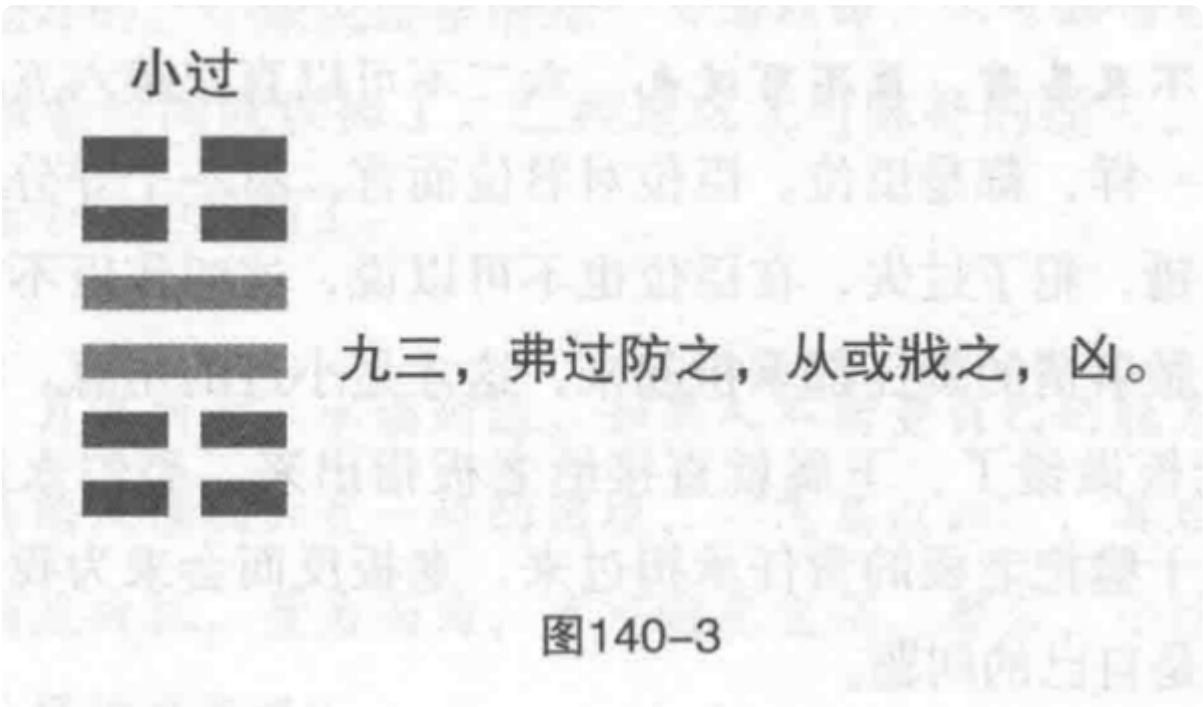


图140-3

Hào cửu tam là hào dương, ở trên hai hào âm, có trách nhiệm ngăn ngừa tiểu quá, nhưng nó lại vô ý một lúc, quên mất, lại đi tương ứng với thượng lục, nên nó bị tổn thương. Nó không ngăn ngừa tiểu quá, lại đi phụ họa với tiểu nhân. Tiểu nhân là ai? Chính là thượng lục ở vị trí cao.

Tiểu tượng nói: "Tòng hoặc tường chi. Hung như hà dã."

Vì như vậy mà bị tổn thương, mức độ hung hiểm khó có thể tưởng tượng và dự đoán được. Hào cửu tam cho rằng mình xuất phát từ ý tốt, tuân theo ý trên có gì không đúng? Thực ra phía trên sẽ không chịu trách

nhiệm, ở Trung Quốc, trên luôn có quyền mà không có trách nhiệm, không như phương Tây, quyền và trách nhiệm đi đôi với nhau.

Tiếp theo xem hào cửu tứ, (hình 140-4) hào từ là: “vô cữu, phất quá ngộ chi, vãng lệ, tất giới; vật dụng vĩnh trinh.”

(không lỗi vì không quá dương mà vừa đúng với đạo lý thời Tiểu quá; nếu tiến tới thì nguy, nên răn về điều đó, đừng cố giữ đức cương của mình, mà nên biến thông.)

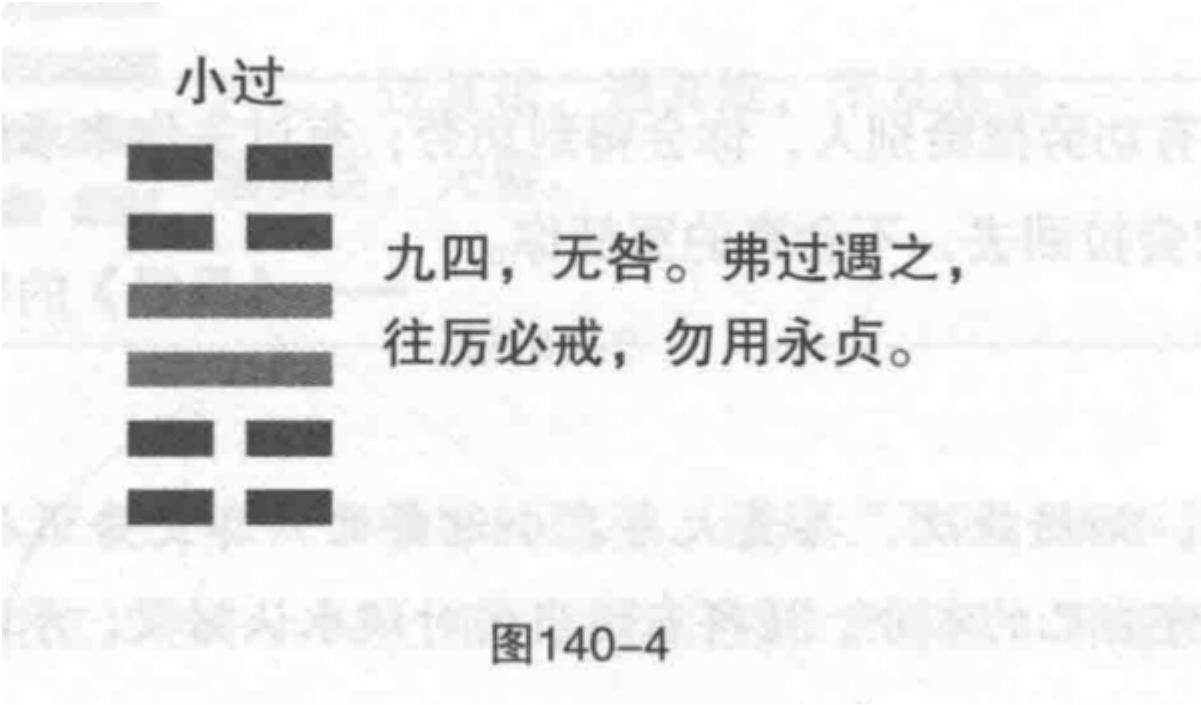


图140–4

Hào cửu tứ ngay từ đầu đã bảo chúng ta "vô cữu", bởi vì hào này đã ở ngoại quái. Ngoại quái là quẻ Chấn, mà hào cửu tứ lại là hào chủ của quẻ Chấn, nên làm thế nào cũng không có vấn đề. Vì vị trí tốt, dương cư âm vị, ở hào dưới của quẻ Chấn, biểu thị dù là tài năng hay phẩm đức, đều đủ để ngăn ngừa tiểu quá, nên ngay từ đầu đã bảo chúng ta vô cữu. Tại sao lại vô cữu? Bởi vì "phất quá ngộ chi", tức là không vượt vị mà hành sự, mà rất giữ bổn phận. Làm như vậy đương nhiên là đúng. "Phất quá" là chỉ ngôn hành không quá đáng, "ngộ chi" nghĩa là làm như vậy vừa đúng phù hợp với bổn phận của mình, nên không có sai.

"Vãng lịch tất giới", nếu vượt vị, tự cho rằng vô cữu, tiến tới buông thả bản thân, tùy tiện làm, nhất định là có nguy hiểm.

"Vật dụng" nghĩa là phải nhớ, bất kể thế nào, hào cửu tứ dù hiện giờ đã là vị cao quyền trọng, nhưng so với hào lục ngũ vẫn là người nhỏ lời nhẹ. "Vĩnh trinh" nghĩa là phải mãi mãi giữ sự chính trực.

Chúng ta xem Tiểu tượng: "Phất quá ngộ chi. Vị bất đáng dã. Vãng lệ tất giới. Chung bất khả trường dã.”

"Phất quá ngộ chi", chính là không quá đáng, sẽ vừa đúng phù hợp với tình huống hiện có. "Vị bất đáng dã", không thể quá cố chấp, bởi vì vị trí không đúng. "Vãng lịch tất giới, chung bất khả trường dã", nếu muốn tiến lên nữa, nhất định phải lấy đây làm răn, điều này cũng không phải có thể kiên trì mãi mãi. Bởi vì có tình huống đặc biệt, không thể thường xuyên như vậy, nhưng thỉnh thoảng vẫn phải làm, như vậy mới gọi là "chung bất khả trường dã". Chính là bảo chúng ta kiên trì nguyên tắc không sai, nhưng thỉnh thoảng khi cần thiết, trong tình huống rất đặc biệt, vẫn có thể có biến động. Nhưng những tình huống đặc biệt này quá nhiều, cũng là không đúng. Chính là phải xoay chuyển như thế, chúng ta mới có thể làm rõ nhiệm vụ khó khăn của hào cửu tứ này.

> Con người quý ở chỗ có khả năng nhận thức rõ về bản thân. Giống như hào cửu tứ vậy, có thể ở vị trí của mình, giữ gìn bổn phận, không vượt vị hành sự, không cố chấp ý kiến của mình, giữ vững ranh giới đạo đức của mình, luôn kiên trì chính đạo, như vậy mới có thể thuận lợi, từ đó thành tựu sự nghiệp của mình. Vậy hào lục ngũ của quẻ Tiểu Quá, lại cho chúng ta những gợi ý gì?

Hào từ của hào lục ngũ là (Hình 140-5): "Mật vân bất vũ, tự ngã tây giao; Công dặc, thủ bỉ tại huyệt."

(mây kịt mà không mưa ở cõi tây của ta, công bắn mà bắt lấy nó ở hang.)

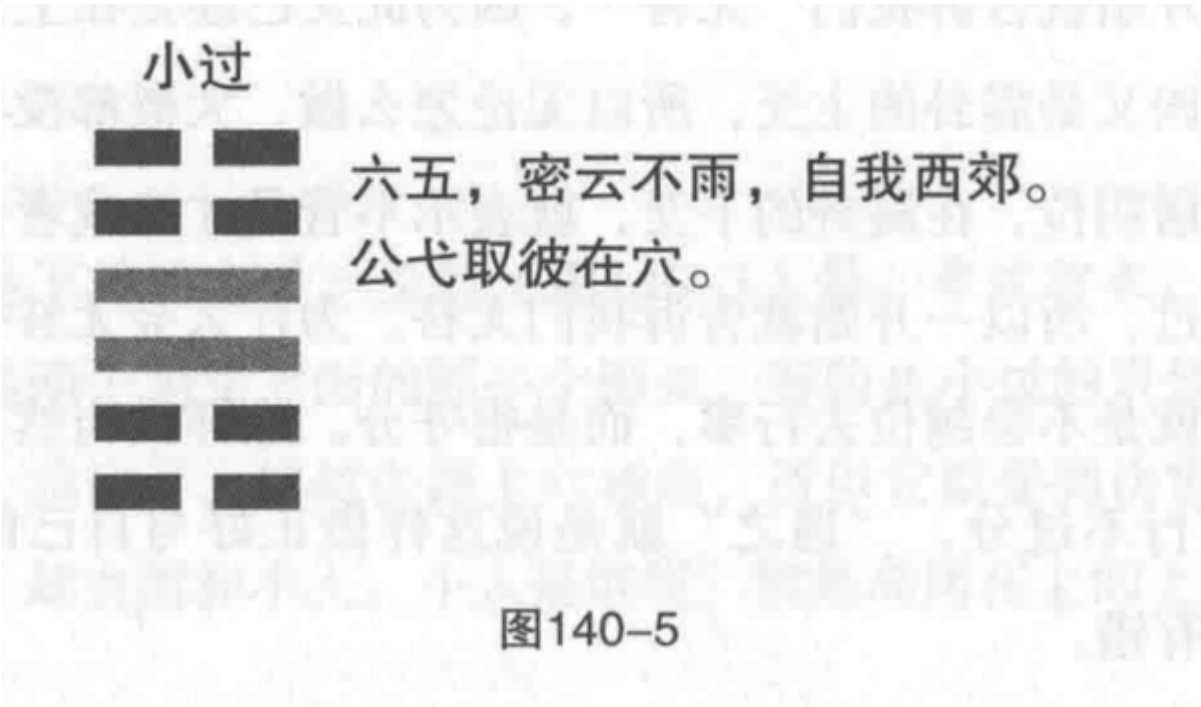


图140–5

Hào lục ngũ này là vị vua, nhưng nó là hào âm, bất chính, nên nó không thể làm việc lớn. "Mật vân bất vũ", chính là rất ngột ngạt, rất không thoải mái, dân chúng mong mưa, đầy trời mây đen nhưng không thấy một giọt mưa rơi xuống. "Tự ngã tây giao" nghĩa là gì? Hào lục ngũ là từ ngoài thành đến, vì nó bất chính, nhưng vẫn phải tự phản tỉnh mình, đừng luôn đẩy hết trách nhiệm cho hào cửu tứ. Bởi vì hào cửu tứ thực sự rất khó xử, nghe cũng không đúng, không nghe cũng không đúng, làm nhanh cũng không đúng, làm chậm

cũng không đúng, nên hào lục ngũ thỉnh thoảng cũng nên nghĩ cho hào cửu tứ. "Công dịch thủ bỉ tại uyên", "công" chính là chỉ hào lục ngũ. Tại sao nó ở ngôi vua không gọi là vua, mà gọi là công? Chính là nói hào lục ngũ phải cân nhắc cân nhắc, tuy nắm quyền lớn, nhưng dù sao tài năng không đủ, không thể phát huy đầy đủ quyền chủ đạo của mình, nên cũng phải thích hợp thì dừng.

Quẻ Tiểu Quá là một quẻ rất đặc biệt, mọi người đều không chịu phạm tiểu quá, thì trở nên trì trệ, không làm gì cũng không thể tiến bộ. Tiểu tượng nói: "Mật vân bất vũ, dĩ thượng dã". Tại sao lại tạo thành xã hội trì trệ, lòng người rất ngột ngạt, như mây đen đầy trời, nhưng không thể đổ mưa xuống? Hào lục ngũ nên nhìn lại mình, dưới có hai hào dương cương, còn mình ở trên hai hào dương cương này, giống như thuộc hạ giỏi hơn mình, kinh nghiệm phong phú hơn mình, nên vị trí này của mình rất khó ngồi. Nhưng bạn là lãnh đạo, bạn phải làm sao? Hoàn cảnh lúc này chính là tiểu quá.

Lúc này nên xuống thấp không nên lên cao, nên thường xuyên đi giao tiếp với hào cửu tứ và hào cửu tam, thậm chí còn phải xuống liên lạc với hào lục nhị, đi quan tâm họ, lắng nghe tiếng nói và đề xuất của họ. Vì vậy làm ông chủ, có thể từ quẻ này nhận được gợi ý, từ đó xây dựng phong cách lãnh đạo tốt. Nếu hào lục ngũ của quẻ Tiểu Quá phát sinh biến hóa, biến thành hào cửu ngũ, thì hào vua này sẽ cứng rắn lên, bởi vì bản thân tài năng đủ, do đó có thể yên tâm mà lãnh đạo.

> Chúng ta thường nói, người hướng lên cao, nhưng nào hay chốn cao lạnh lẽo, tuy nước chảy xuống thấp, nhưng chỗ thấp thu trăm sông. Cho nên người ở địa vị cao, càng phải thận trọng hành sự, dễ gần gũi, xử sự nắm vững mực thước, như vậy mới không đến nỗi đánh mất bản thân. Vậy hào thượng lục của quẻ Tiểu Quá, lại cho chúng ta những cảnh báo gì?

Hào từ của thượng lục (Hình 140-6) là: “phất ngộ quá chi, phi điểu ly chi. Hung, thị vị tai sảnh.”

(không đúng với đạo mà lại sai quá, như cánh chim bay cao quá, xa quá, sợ bị tai vạ.)

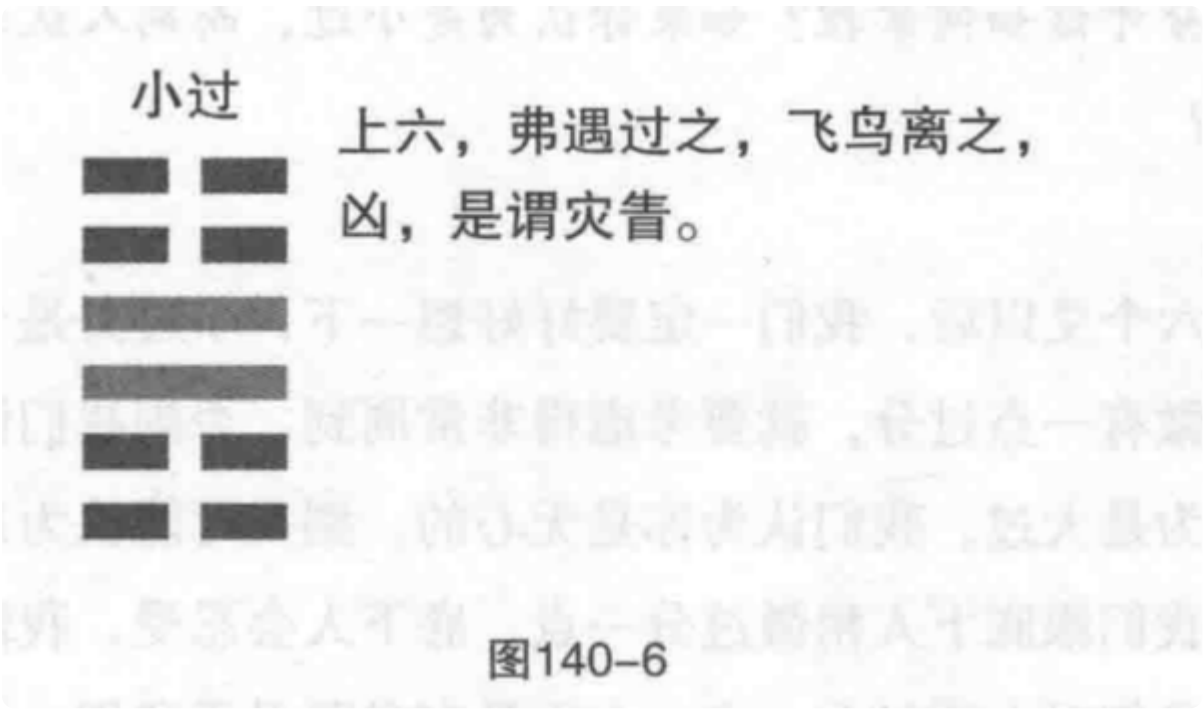


图140-6

"Ly" chính là nghĩa gặp phải. Gặp phải cái gì? Gặp phải bay cao không xuống được, nếu đột ngột xuống sẽ chết ngã, nên chỉ còn cách phát ra tiếng kêu thảm thiết. Đã phát ra tiếng kêu thảm thiết, thì biểu thị tình thế rất nghiêm trọng. "Thị vị tai sảnh", đây gọi là thiên tai nhân họa.

Tiểu tượng nói như thế này: "Mật vân bất vũ. Dĩ thượng dã."

Bởi vì là thượng lục, chỉ có cao ngạo, mà không có hối hận, nó không phải thượng cửu, thượng cửu mới có "kháng long hữu hối". Rồng bay đến chỗ cao, đều sẽ cao ngạo, đều sẽ có hối hận, thượng lục của quẻ Tiểu Quá bản thân không phải rồng, nên ở địa vị cao ngạo thì càng thảm. Chúng ta nói rõ một chút, người làm lãnh đạo nếu cao ngạo, người khác còn không dám làm gì, cũng còn có người đến cứu họ; nếu là người làm tôi mà đến địa vị cao ngạo, chính là vi phạm đạo lý làm tôi, chính là không giữ bổn phận đến cực điểm, lúc đó không ai cứu họ. Do đó, chúng ta có thể nói, thượng lục là vượt quyền nghiêm trọng. Chúng ta so sánh thượng lục với sơ lục, mọi người sẽ biết, sơ lục là thất chức, tức là việc nên làm không làm tốt, thượng lục là vượt quyền, việc không nên quản lại quản nhiều quá.

Vậy, rốt cuộc là vượt quyền đáng sợ hay thất chức đáng sợ? Nếu một người nói thất chức đáng sợ, điều đó biểu thị chức vị của họ rất thấp, hoàn toàn không biết quyền là gì, chưa từng hưởng thụ mùi vị của quyền lực. Nếu một người chức vị rất cao, họ sẽ không nói thất chức đáng sợ, thực sự có thất chức thì bù đắp một chút là được, có gì là ghê gớm? Họ sẽ cho rằng vượt quyền xa so với thất chức đáng sợ hơn. Đây là điều người bình thường rất khó hiểu, bởi vì đa số người cấp bậc đều không cao, mà càng cấp cao càng sợ vượt quyền, không nên hỏi mà bạn hỏi, không nên làm mà bạn làm, thế thì còn gì nữa!

> Sáu hào của quẻ Tiểu Quá bảo chúng ta, mọi việc phải thu liễm, nắm vững mức độ tiến và lùi, trong cái quá và không đủ nắm bắt tốt phân tấc. Trong một số việc nhỏ, dù hơi có phần quá đáng, cũng là hanh thông. Nhưng, phân tấc này nên nắm bắt thế nào? Nếu bạn cho rằng là tiểu quá, mà người khác cho rằng là đại quá, thì phải làm sao?

Xem xong sáu hào này, chúng ta nhất định phải suy nghĩ kỹ, quẻ Tiểu Quá là một tình huống rất đặc biệt. Nếu hơi có một chút quá đáng, phải cân nhắc rất chu đáo. Nếu không chúng ta cho rằng là tiểu quá, người khác có thể cho rằng là đại quá, chúng ta cho rằng bạn là vô tâm, người khác có thể cho rằng là cố ý, thế thì phiền phức. Chúng ta với người dưới hơi quá một chút, người dưới sẽ nhẫn nhịn, chúng ta còn có cơ hội phản tỉnh; chúng ta đối với người trên quá một chút, người trên không cần phải nhẫn nhịn chúng ta, cuối cùng chúng ta chắc chắn xui xẻo. Cho nên trong sự cân nhắc này, chúng ta sẽ cảm thấy, phạm thượng tương đối nghiêm trọng, có lúc trách oan thuộc hạ, ngược lại không nghiêm trọng. Như vậy không phải là không bình đẳng, không công bằng sao? Thực ra không phải.

Người ở địa vị thấp nên hiểu, cấp trên trách oan mình, thực ra là cơ hội tốt của mình, cấp trên mãi mãi không trách oan mình, thì mình không có một chút cơ hội nào. Chúng ta phải hiểu rõ điểm này, tất cả đạo lý Kinh Dịch nói đều không hại ai cả. Nếu chúng ta làm sai việc, cho rằng cấp trên không biết thì có thể che giấu được; thực ra là che giấu không được, che giấu được một lúc không che giấu được lâu dài. Chi bằng chúng ta chủ động báo cáo với cấp trên, cấp trên rất dễ hóa giải.

Nói đến đây, chúng ta biết được nói thành tín rất không dễ dàng, ngay cả phạm tiểu quá cũng không đơn giản như vậy. Đồng thời, giữ thành quả cũng không dễ dàng. Chúng ta người thường đều cho rằng, khởi nghiệp gian nan, thực tế giữ thành quả chưa chắc đã nhẹ nhàng hơn khởi nghiệp, cho nên quẻ tiếp theo chúng ta sẽ bàn về Ký Tế. Mọi người đừng cho rằng, Ký Tế là chúng ta đã làm xong hết mọi việc, sự nghiệp đã đạt được thành tựu rực rỡ, bây giờ có thể "thu binh nhập khố, thả ngựa về nam sơn" (kết thúc chiến tranh và trở về thời bình). Ký Tế đang bảo chúng ta: Giữ thành quả khá là gian nan.

Chương 141: Quẻ 63: Thủy Hỏa Ký Tế - Giữ gìn thành quả là điều khó

> Từ khi cải cách mở cửa đến nay, nhiều người đã nắm bắt được cơ hội và đạt được thành công. Tuy nhiên, cũng có nhiều người sau khi thành công đã nhanh chóng sa sút và biến mất không còn dấu vết. Hiện tượng phù du này không khỏi khiến người ta cảm thán: Khởi nghiệp đã khó, giữ gìn thành quả còn khó hơn! Trong Kinh Dịch, quẻ Ký Tế tượng trưng cho thành công, quẻ Vị Tế tiếp theo tượng trưng cho thất bại. Thứ tự của chúng là trước Ký Tế, sau Vị Tế. Điều này dường như ngụ ý: Thành công đến trước, thất bại theo sau. Vậy sau thành công có nhất định là thất bại không? Làm thế nào để duy trì lâu dài những thành quả mà chúng ta đã phấn đấu vất vả để có được?

Giờ đây chúng ta đã đến hai quẻ cuối cùng trong 64 quẻ - Ký Tế và Vị Tế (hình 141-1).

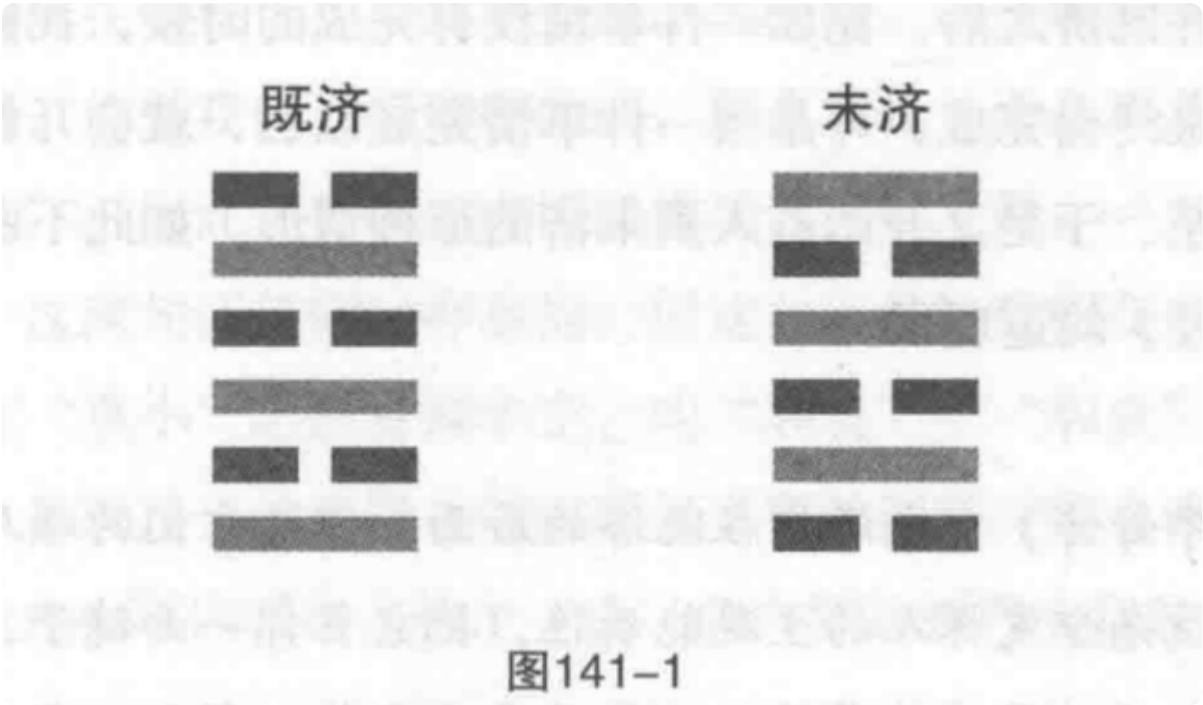


图141–1

Ký Tế và Vị Tế là sự phối hợp mật thiết nhất của quẻ Càn và quẻ Khôn, đồng thời cũng là một dạng giao hợp có trật tự nhất. Thuần Càn và Thuần Khôn nguyên chắc chắn sẽ tương tác với nhau, kết quả của sự tương tác này không phải là Ký Tế thì là Vị Tế. Khi chúng ta làm một việc sẽ có hai kết quả: một là thành công, hai là thất bại; một là hoàn thành nhiệm vụ, hai là không thể hoàn thành.

Tuy nhiên về thứ tự của Ký Tế và Vị Tế, chúng ta cần nhận thức rõ ràng, nếu sau Ký Tế nhất định là Vị Tế, thì nhiều người sẽ cho rằng sau thành công nhất định là thất bại, như vậy thà không thành công còn hơn. Vì thế việc nhận thức rõ thứ tự của Ký Tế và Vị Tế là rất quan trọng. Chúng ta không thể vì thứ tự quẻ là sau Ký Tế có Vị Tế mà cho rằng sau thành công nhất định là thất bại, đây không phải là ý nghĩa của Kinh Dịch, chúng ta **tuyệt đối không thể coi thứ tự quẻ là một trật tự tất yếu**, không thể thay đổi. Nếu thứ tự quẻ là tất yếu, thì toàn bộ vũ trụ sẽ trở thành cơ giới luận. Thực ra dù là vũ trụ hay nhân sinh, đều không phải là

cơ giới, cũng không phải là cố định, ngược lại, chúng linh động và có thể chuyển hóa. Vì vậy ngay từ đầu chúng ta phải nói rõ, **Vị Tế không phải là sự kế tục của Ký Tế**, thực tế nên nhìn từ hỗ quái trong quẻ Ký Tế và quẻ Vị Tế, như vậy chúng ta sẽ hiểu rõ hơn.

Trước hết hãy xem quẻ Ký Tế, hỗ quái của quẻ Ký Tế có Ký Tế, Vị Tế, quẻ Ly, quẻ Khảm. Tiếp đến xem quẻ Vị Tế, hỗ quái của Vị Tế có Ký Tế, Vị Tế, quẻ Ly, quẻ Khảm. Nhìn như vậy, hai quẻ Ký Tế và Vị Tế dường như hoàn toàn giống nhau, nhưng nếu nhìn kỹ hơn sẽ thấy trong Ký Tế có hai Ký Tế, chỉ có một Vị Tế, hai quẻ còn lại là quẻ Ly và quẻ Khảm; còn trong quẻ Vị Tế có hai Vị Tế, chỉ có một Ký Tế, hai quẻ còn lại là quẻ Khảm và quẻ Ly. Do đó có thể thấy, hỗ quái của Ký Tế và Vị Tế trong sự giống nhau vẫn tồn tại sự khác nhau. Vì thế chúng ta thường nói, khi nhìn thấy sự giống nhau, sự vật sẽ giống nhau; khi nhìn thấy sự khác biệt, sự vật sẽ hoàn toàn khác biệt. Điều này rất huyền diệu, nhất định phải tự mình lĩnh hội. Thành phần Ký Tế nhiều hơn một chút, chúng ta gọi là quẻ Ký Tế, thực ra trong đó cũng có thành phần Vị Tế; xác suất Vị Tế cao hơn một chút, chúng ta gọi là quẻ Vị Tế, nhưng không có nghĩa là nó không có thành phần Ký Tế.

Như vậy chúng ta biết rằng, hai quẻ Ký Tế và Vị Tế là liên động. Nói cách khác, Vị Tế có trước Ký Tế, cũng có sau Ký Tế. Ví dụ khi một việc chưa hoàn thành, chúng ta sẽ có một kỳ vọng, mong mỏi cuối cùng sẽ hoàn thành; nhưng khi một việc hoàn thành rồi, lại bắt đầu cảm thấy việc này còn cần phải sửa chữa, và như vậy lại bắt đầu bước vào tình trạng Vị Tế. Cứ tuần hoàn như vậy mới phù hợp với đạo lý của Kinh Dịch.

> Mặc dù trong "Tự Quái Truyện", Vị Tế xếp sau Ký Tế, nhưng thứ tự của chúng không phải là cố định. Chúng ta nên phát huy đầy đủ tính chủ quan năng động của con người, lấy đó làm tấm gương, luôn nhắc nhở bản thân, khi đạt được thành công cần phải giữ cảnh giác, thì có thể phòng ngừa trước khi xảy ra. Vậy thế nào mới được coi là đạt được thành công? Quẻ Ký Tế được định nghĩa như thế nào?

Thoán từ của quẻ Ký Tế (hình 141-2) là: “Kí tế: Hanh tiểu, lợi trinh. Sơ cát, chung loạn.”

(Hanh thông, nếu làm nốt các việc nhỏ, cố giữ được những việc đã thành rồi thì mới lợi. Mới đầu tốt, cuối cùng thì loạn (nát bét).)

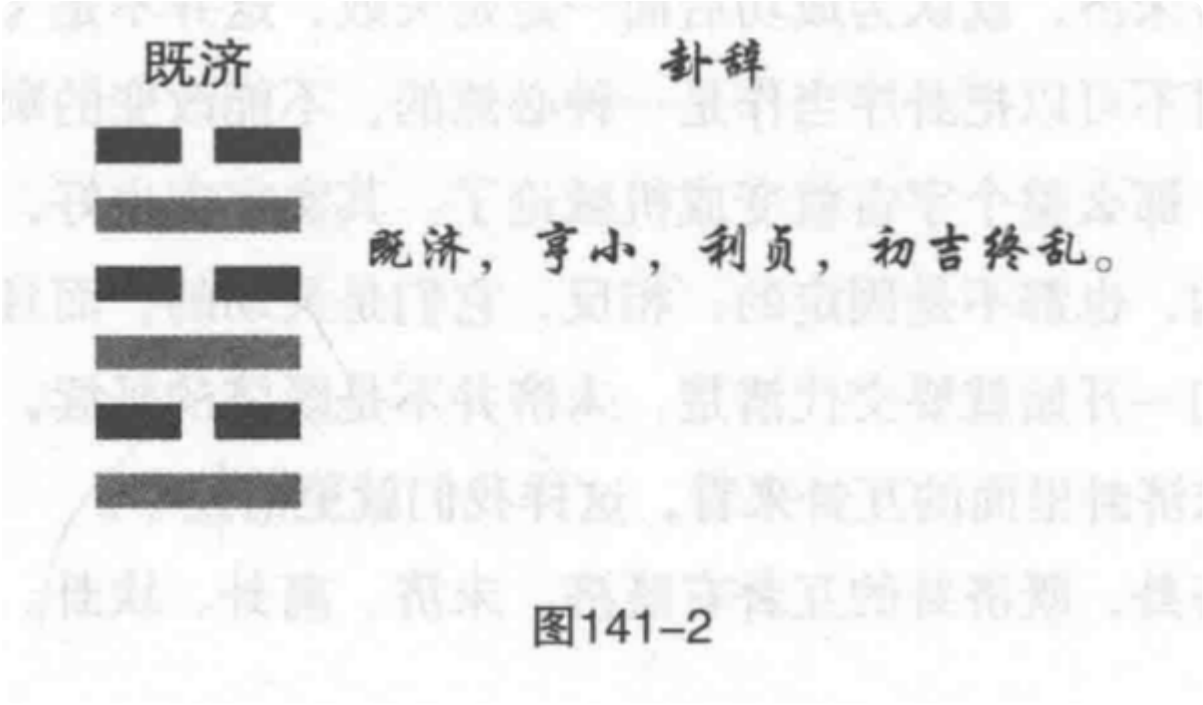


图141–2

> Về "Ký Tế, hanh tiểu", có mấy cách giải thích sau: Cách thứ nhất, đã gọi là Ký Tế, thì có nghĩa là tất cả đã hoàn thành. Nhưng vào lúc này, thường sẽ còn một chút nhỏ chưa hoàn thành, thường còn một chút nhỏ mà người ta chưa được hưởng lợi từ sự hoàn thành, như vậy vẫn chưa thể gọi là Ký Tế. Chúng ta nói khi vượt qua bờ bên kia nếu thiếu hai người, thì việc vẫn chưa hoàn thành. Cách giải thích thứ hai, làm việc không thể coi nhẹ điều nhỏ, nếu chúng ta cho rằng việc đã đại hanh, thì sau này e rằng sẽ thảm hại, bởi vì "đắc ý quên hình" mà "đại ý thất Kinh Châu" (ndlr: chỉ người quá đắc chí, vui mừng đến nỗi quên mất tư cách, cư xử không còn giữ gìn; từ điển tích về Quan Vũ trong Tam Quốc, vì chủ quan, không thận trọng mà mất Kinh Châu), thì một cái là chìm thuyền trong cống rãnh, việc đã hoàn thành cũng lập tức trở thành Vị Tế, từ Ký Tế đến Vị Tế thường chỉ trong khoảnh khắc mà sinh ra. Sở dĩ nói "hanh tiểu", là để cho chúng ta nâng cao cảnh giác.

"Sơ cát chung loạn" cũng là đạo lý như vậy, khi chúng ta cảm thấy một việc đã hoàn thành, nên kết thúc rồi, nhưng sự việc phát triển về sau thường sẽ càng ngày càng rối. Đạo lý trong đó rất dễ hiểu, một việc bây giờ làm tốt rồi, sau đó bắt đầu xuất hiện biến số. Và những biến số này, càng ngày càng nhanh, càng ngày càng nhiều, nếu chúng ta không điều chỉnh lại, thì một ngày nào đó sẽ không thích ứng được, cuối cùng dẫn đến "sơ cát chung loạn". Vì vậy, một mặt chúng ta nói thành công là mẹ của thất bại, mặt khác lại nói thất bại là mẹ của thành công, hai câu này đồng thời tồn tại. Nhưng điều này không phải để chúng ta sau khi thành công thì ngồi đợi thất bại, bởi vì sau "hanh tiểu" có hai chữ, gọi là "lợi trinh". "Lợi trinh" tức là phải tuân theo con đường chính đáng, áp dụng phương thức chính đáng, kịp thời thực hiện những điều chỉnh cần thiết, làm cho bản thân hợp lý, như vậy sẽ có lợi. Từ đó cũng có thể thấy, nội hàm của chữ "trinh" này là vô cùng phong phú.

> Thoán truyện của Kinh Dịch là để giải thích thoán từ, thoán truyện nói: "lợi trinh, cương nhu chính nhi vị đáng dã". "Cương nhu chính nhi vị đáng dã" là gì? Từ quẻ tượng của quẻ Ký Tế, chúng ta lại có thể được những gợi ý gì?

Thoán truyện quẻ Ký Tế nói: “Ký Tế. Hanh. Tiểu giả hanh dã. Lợi trinh. Cương nhu chính nhi vị đáng dã. Sơ cát. Nhu đắc trung dã. Chung chỉ tắc loạn. Kỳ đạo cùng dã.”

"Cương nhu chính nhi vị đáng dã", câu này tuyệt vời, bởi vì trong sáu mươi tư quẻ, chỉ có quẻ Ký Tế này, ba hào dương ba hào âm, mỗi hào đều đắc chính, Sơ Cửu đắc chính, Lục nhị đắc chính, Cửu tam đắc chính, Lục tứ đắc chính, Cửu ngũ đắc chính, Thượng Lục đắc chính. Trong sáu mươi tư quẻ, chúng ta không thể tìm thấy quẻ thứ hai như vậy, các quẻ khác ít nhiều đều có vài hào bất chính, ít nhất cũng có một hào bất chính.

Mà quẻ Ký Tế sáu hào đều đắc chính, nên gọi là "cương nhu chính nhi vị đáng dã". Quẻ Ký Tế, hào đầu và hào bốn âm dương tương ứng, hào hai và hào năm âm dương tương ứng, hào ba và hào trên âm dương tương ứng. Những cái cần tương ứng đều đã tương ứng, những cái cần đắc chính đều đã đắc chính, nên mới "lợi trinh". Nhưng phía sau còn có bốn chữ, chúng ta phải luôn đặt trong lòng: “sơ cát chung loạn” .

"Sơ cát" là vì "nhu đắc trung dã", tức là chỉ Lục nhị ở giữa nội quái, nên gọi là sơ cát. Còn “chung loạn” là chỉ Thượng Lục, bởi vì Thượng Lục "vô sở vãng", nó không biết mình nên đi đâu, nên nó là tượng kết thúc. "Chung chỉ tắc loạn, kỳ đạo bàng dã", nên "chung loạn" có nghĩa là "chung chỉ tắc loạn" (cuối cùng sẽ dẫn đến hỗn loạn), bởi vì Thượng Lục “cùng tắc biến”, khi biến thì nhất định sẽ loạn.

Có người có thể sẽ thắc mắc, không phải nói “cùng tắc biến, biến tắc thông” sao? Cách nói này tuy không sai, nhưng trước khi thông, sẽ có một khoảng thời gian là loạn, hơn nữa “cùng tắc biến” là tất nhiên, nhưng “biến tắc thông” không phải là tất nhiên. “Cùng tắc biến” là tất yếu, nhưng “biến tắc thông” không phải là tất yếu, thông là cần phải rất nỗ lực, rất dụng tâm mới có thể đạt được kết quả. Vì vậy chúng ta tuyệt đối không nên nghĩ đương nhiên, cho rằng “cùng tắc biến, biến tắc thông”, thì cứ để nó cùng đi, để nó biến đi, dù sao cuối cùng tự nhiên sẽ thông, chuyện này là không có. "Kỳ đạo bàng dã", là chỉ Thượng Lục là âm nhu, khi đến lúc cùng khốn, vì lực đạo không đủ mà không thể biến thông, cuối cùng lại tiến vào Vị Tế. Vì vậy hào Thượng Lục của quẻ Ký Tế, chính là hào Sơ Lục của quẻ Vị Tế, bởi vì chúng là tương tổng với nhau.

> Quẻ Ký Tế bề ngoài cát lợi, thực ra ngầm chứa nguy cơ. Bởi vì quẻ tượng của quẻ Ký Tế là trên Khảm dưới Ly, Khảm là nước, Ly là lửa, nước đi xuống, còn lửa đi lên, chính là như người ta thường nói “thủy hỏa bất dung”. Quẻ tượng “thủy hỏa bất dung”, tại sao có thể Ký Tế? Đại tượng truyện đã giải thích điểm này như thế nào?

Đại tượng truyện nói: "Thủy Hỏa tại thượng. Ký Tế. Quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi."

Chúng ta thường nói “thủy hỏa bất dung”, vậy thì không thể để nước lửa trực tiếp chạm vào nhau, như vậy mới có thể Ký Tế. Vì vậy giữa nước và lửa nhất định phải có một trung gian thích hợp, tức là phải có sự phối hợp thích hợp thì mới có thể làm cho sự việc hoàn thành. Trong quẻ Ký Tế, nước lửa không phải là tương khắc, mà trở thành “thủy hỏa tương thành”, nên chúng ta không thể xem tương khắc là cố định, thực ra quan hệ giữa nước và lửa, vừa tương khắc vừa tương thành, đây mới gọi là Kinh Dịch.

Quân tử nhìn thấy hiện tượng tự nhiên này, tự nhiên sẽ cảm ngộ được một số đạo lý: "quân tử dĩ tư hoạn nhi dự phòng chi". Ý nói mỗi người chúng ta đều phải cư an tư nguy, đều phải phòng ngừa trước, dự phòng trước những họa hoạn có thể xảy ra do xử lý sự việc không đúng đắn. Nếu việc gì cũng có thể nghĩ sẵn đối sách, đến lúc đó lấy ra dùng, thì sự việc tự nhiên sẽ rất thuận lợi.

Quan hệ giữa nước và lửa rất khó xử lý, chỉ cần hơi không đúng, nước sẽ dập tắt lửa, hoặc lửa sẽ đốt cạn nước, Ký Tế cũng không từ đó mà có. Vì vậy làm bất cứ việc gì đều không thể nghĩ đương nhiên, muốn hoàn thành bất cứ việc gì, nhất định phải làm trước sa bàn diễn tập, ngày nay gọi là đánh giá tính khả thi. Trước khi một việc chưa bắt đầu, trước hết phải xem xét hậu quả của nó, đồng thời nghĩ xem dùng biện pháp gì có thể ngăn chặn tất cả hậu chứng, hoặc giữa chừng làm một số điều chỉnh, như vậy mới gọi là Ký Tế.

Quay trở lại, chúng ta lại xem Đại tượng truyện. Nếu chúng ta xem sáu hào của quẻ Ký Tế, những hào âm đều xem là nước, những hào dương đều xem là thuyền, thì thuyền đều ở dưới nước. Tình huống quẻ Vị Tế ngược lại, thuyền đều ở trên nước. Thuyền nên ở trên nước, hay nên ở dưới nước, hoàn toàn tùy thuộc vào cách chúng ta nghĩ. Nếu thuyền ở trên nước, thì thuyền sẽ trống rỗng, không có gì cả mới, thuyền trống không chở được người, đương nhiên là Vị Tế. Ngược lại, thuyền sẽ chìm xuống nước là vì nó chở đầy, thuyền có sức chở lớn mới có thể chở người đến bờ bên kia, mới có thể làm tốt việc, mới có thể Ký Tế. Nhưng chúng ta còn phải chú ý một điểm, đó là nếu lượng chở quá nặng, cả con thuyền sẽ chìm xuống nước. Như vậy chúng ta mới biết tại sao nước có thể tải thuyền, cũng có thể lật thuyền, mấu chốt là phải xem lượng thuyền chở, xem mức độ đó có hợp lý không.

Trong cuộc sống, có rất nhiều thuyền như vậy, khi trốn nạn đem tất cả vàng để lên thuyền, tuy trên thuyền người không nhiều, nhưng vàng còn nặng hơn người, kết quả là chìm xuống biển. Nhưng ngược lại, không có gì cũng không được, thì sẽ thành Vị Tế, hoàn toàn không đạt được mục đích Ký Tế. Vì vậy chúng ta từ hai quẻ Ký Tế và Vị Tế này cẩn thận thể hội, thực sự sẽ thể hội được rất nhiều đạo lý sâu sắc.

> Các quẻ của Kinh Dịch, nhìn từ góc độ khác nhau, sẽ có ý nghĩa khác nhau. Một mặt sáu hào của quẻ Ký Tế, ba hào âm ở trên ba hào dương, có thể xem là thuyền trong nước, chở nặng vượt sông, Ký Tế. Mặt khác, trong Kinh Dịch, hào âm ở trên hào dương, gọi là "âm thừa dương", là một quẻ tượng không tốt. Bởi vì hào dương thường đại diện cho quân tử, còn hào âm thường đại diện cho tiểu nhân, nên âm thừa dương có thể hiểu là tiểu nhân khinh nhờn quân tử. Quẻ Ký Tế ba hào âm thừa lăng ba hào dương, ba quân tử đều bị tiểu nhân khinh nhờn, điều này rốt cuộc là tốt hay không tốt?

Sáu hào của quẻ Ký Tế, ba hào âm ở trên ba hào dương, ba hào âm đè lên ba hào dương. Ba quân tử đều bị tiểu nhân khinh nhờn, việc này mỗi người có cách nhìn riêng, theo tôi thấy đương nhiên là việc tốt. Nếu quân tử không bị tiểu nhân làm nhục, ngày tháng qua quá an nhàn, sẽ không tiến bộ, cũng không thành tài, cuối cùng không thể Ký Tế. Vì vậy trời đã sắp xếp rất khéo léo, đối với quân tử, trời sẽ đặt một tiểu nhân ở trên họ, khiến quân tử mất mặt, buồn bực, ban đêm ngủ không yên. Trời sắp xếp như vậy, là vì chỉ có như

thế, quân tử mới nỗ lực phấn đấu, chỉ có như thế, mới có thể kích phát tiềm lực của quân tử, quân tử mới có thể thành đại sự, thành đại nghiệp. Chúng ta nhìn những trung thần qua các thời đại, mỗi người đều vô cùng đau khổ, khi thì bị chủ nghi ngờ, khi thì bị đồng liêu đả kích. Nhưng mỗi lần đều đánh không bại, cuối cùng họ mới có thể có những thành quả vĩ đại như vậy, đây là gợi ý tốt nhất mà quẻ Ký Tế cho chúng ta.

Âm là nhỏ, dương là lớn, nhưng trong quẻ Ký Tế, mỗi hào âm nhỏ đều ở trên hào dương lớn, đây chính là ý nghĩa tiểu nhân ức hiếp quân tử. Nhưng nếu chúng ta nghĩ như vậy, thì kết quả cuối cùng không thể Ký Tế được. Chúng ta nên đổi góc độ khác để nhìn, tiểu nhân đang giúp đỡ đại nhân, tiểu nhân đang tạo điều kiện cho quân tử. Lý do một người tốt trở thành tiểu nhân là vì ông trời muốn tạo điều kiện cho một người khác trở thành quân tử. Để cho quân tử thành tựu sự nghiệp vĩ đại, nên mới có tiểu nhân vô cớ gây khó dễ, mới có tiểu nhân gây khó khăn cho bạn. Quân tử có bao nhiêu bản lĩnh, đều là do tiểu nhân kích thích ra, tiểu nhân cứ kích thích như vậy, quân tử cuối cùng sẽ trở thành đại nhân.

Thực ra trong cuộc đời khó vượt qua nhất chính là cửa ải nhẫn nhục, bị người ta tát một cái mà ba ngày ba đêm không ngủ được, thử hỏi họ còn có thể làm được việc lớn gì? Trong quẻ Ký Tế, ý nghĩa này rất sâu sắc, **người có chí nếu không bị kích thích lớn thường không biết nỗ lực**. Ví dụ một người trở thành tướng quân, khi chiến đấu trên chiến trường, chúng ta thấy họ vô cùng anh dũng, nhưng ai biết được, từ nhỏ họ đã bị cha luyện từ sáng đến tối, từ nhỏ chịu đòn, bất đắc dĩ phải luyện, nếu không, ai muốn chịu nhiều khổ như vậy, sống nhàn nhã tốt biết bao.

Qua những lời giải thích trên, tôi tin rằng mọi người có thể hiểu được, Kinh Dịch nhiều lần nói với chúng ta, quân tử không thể ghi nhớ thù hận của tiểu nhân, bởi vì không có sự kích phát của tiểu nhân, quân tử sẽ không có ngày trở thành đại nhân. "Ký Tế, hanh tiểu", chính là muốn nói với chúng ta, từ trường của đại nhân và tiểu nhân không giống nhau, vì vậy đại nhân mới có thể cảm hóa tiểu nhân, mới có thể lãnh đạo tiểu nhân. Nếu đại nhân giống như tiểu nhân, thì sẽ không Ký Tế được. Dân gian có câu: Đại nhân không ghi nhớ lỗi của tiểu nhân. Câu này nghe như làm đại nhân luôn phải chịu thiệt, thực ra không phải vậy, bởi vì chỉ có chúng ta làm như vậy, người khác mới thấy chúng ta là đại nhân. Chúng ta thấy nhiều đại nhân hoàn toàn có thể chế phục tiểu nhân, nhưng họ không động thủ, bởi vì đại nhân một khi động thủ thì biến thành tiểu nhân rồi. Đạo lý này trong Kinh Dịch có ý nghĩa rất sâu xa, đạo lý này dạy chúng ta đừng ghét cái ác như kẻ thù, đừng tận diệt, chỉ có như vậy mới là lượng của đại nhân.

Trong Thái Cực đồ, chúng ta có thể thấy trong dương có âm, trong âm có dương. Tương tự trong quẻ Ký Tế, chúng ta cũng có thể thấy, trong dương có âm, trong âm có dương. Cái âm đó chính là tiểu nhân, một tiểu nhân trong một nhóm quân tử phát huy tác dụng, biến cả nhóm quân tử thành tiểu nhân. Mặt khác, một quân tử trong một nhóm tiểu nhân, vô cùng vất vả biến cả nhóm tiểu nhân thành quân tử. Tiểu nhân biến quân tử, quân tử biến tiểu nhân, quân tử biến tiểu nhân, tiểu nhân biến quân tử, Ký Tế biến Vị Tế, Vị Tế biến Ký Tế, như vậy mới tuần hoàn bất tận, sinh sinh bất tức.

Tất cả mọi người đều vượt qua an toàn, tất cả mọi việc đều hoàn thành, mới gọi là Ký Tế. Nhưng vào lúc này rất dễ "đắc ý quên hình", "thiên đạo ố doanh" (Đắc ý quên đi thân phận; đạo trời ghét sự tràn đầy/kiêu ngạo), vì vậy Ký Tế lập tức biến thành Vị Tế. Vì thế sáu hào của quẻ Ký Tế, nghiêm khắc cảnh báo chúng ta: phúc quá tai sinh. Chính khi chúng ta cảm thấy mình rất hạnh phúc, hạnh phúc trong khoảnh khắc đã qua đi; chính khi chúng ta cảm thấy mình rất trẻ trung, tuổi trẻ trong nháy mắt đã không còn; chính khi chúng ta cảm thấy một bộ quần áo rất mới mẻ, kiểu dáng rất nhanh đã không còn thời thượng nữa... Vì vậy chúng ta phải đặc biệt cẩn thận, phúc qua đi, tai họa sẽ sinh ra. Tiếp theo, chúng ta tiếp tục nói: phúc qua họa sinh.

Chương 142: Phúc qua họa sinh

> Trung Quốc có câu cổ ngữ: "Phú bất quá tam đại". Còn có một cách nói sinh động hơn là "Nhãn khán tha khởi chu lâu, nhãn khán tha yến tân khách, nhãn khán tha lâu tháp liễu" (Mắt thấy người ta xây lầu son, mắt thấy người ta mở tiệc đón khách, mắt thấy lầu sụp đổ). Cảnh điêu tàn sau khi phúc qua họa sinh tuy khiến người ta thương tiếc, nhưng rút ra bài học, tích cực thay đổi mới là điều sáng suốt. Vậy, rốt cuộc những yếu tố nào đã dẫn đến tai họa? Sự biến hóa của sáu hào trong quẻ Ký Tế cho chúng ta những gợi ý gì?

Trước tiên chúng ta hãy xem hào Sơ Cửu của quẻ Ký Tế, hào từ của nó (hình 142-1) là: "duê kì luân, nhu kì vĩ, vô cữu.”

(kéo lết bánh xe (chậm lại), làm ướt cái đuôi thì không có lỗi.)

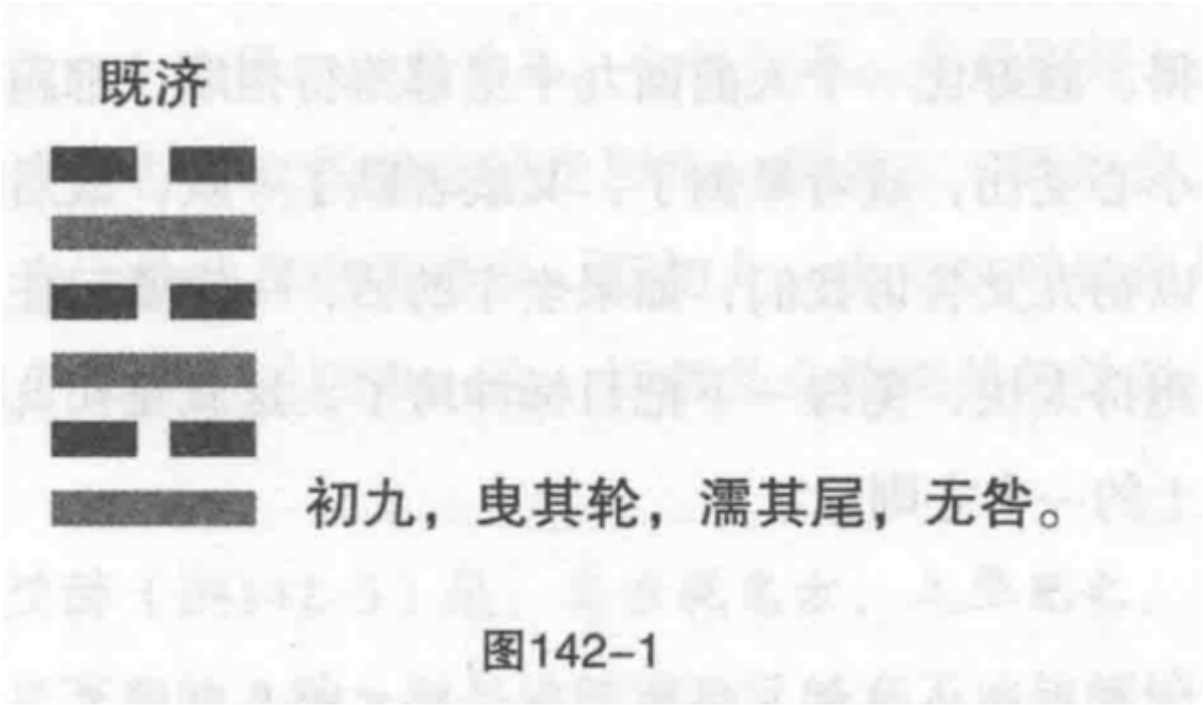


图142–1

Mặc dù quẻ Ký Tế để lại cho chúng ta ấn tượng tốt về việc hoàn thành công việc lớn, nhưng hào từ của Sơ Cửu đã đưa ra cảnh báo nghiêm trọng. "Duệ kỳ luân, nhu kỳ vĩ" - luân là bánh xe, duệ là giữ bánh xe lại, nói theo cách hiện đại là phanh xe lại. Bởi vì Sơ Cửu là khởi đầu của quẻ Ký Tế, gọi là thành công trong tầm tay. Nhưng vẫn chưa hoàn thành, vừa mới bắt đầu cảm thấy thành công trong tầm tay, nên rất dễ nóng vội, tục ngữ nói "Đả thiết yếu thừa nhiệt" (rèn sắt phải thừa lúc còn nóng), nhiều người có quan niệm này, nên phải học cách đạp phanh.

Sơ Cửu là hào dương cương, lại ở trong môi trường thành công, giống như một người trẻ tuổi, vừa mới đi làm đã vào một công ty lớn - quản lý tốt, phúc lợi tốt, danh tiếng tốt, mọi thứ đều tốt, anh ta sẽ cảm thấy cơ hội khó có được, mình phải thể hiện thật tốt, dốc toàn lực để phấn đấu. Đặc biệt hào Sơ Cửu và hào Lục Tứ

ở trên tương ứng với nhau, nghĩa là ở trên có người đánh giá cao Sơ Cửu. Bản thân Sơ Cửu vốn đã muốn phấn đấu, giờ lại có người đánh giá cao mình, bản thân lại có năng lực, kết quả là sẽ rất nóng vội. Nhưng một khi nóng vội sẽ lo lắng thiếu sót, như vậy sẽ vi phạm nguyên tắc "sự hoãn tắc viên" (việc từ từ mới trọn vẹn). Đây chính là điều chúng ta thường nói, phô trương hết tài năng sẽ khiến người trẻ thiệt thòi. Bởi vì một khi phô trương hết tài năng, người đó sẽ trở thành mục tiêu bị mọi người công kích.

Hào từ của Sơ Cửu nói "Nhu kỳ vĩ", là bảo chúng ta chú ý đến cái đuôi của mình. Một con cáo nhỏ khi vừa muốn vượt sông, điều cần phải thận trọng nhất là phải giữ cho đuôi vểnh lên, đừng để nó chạm nước. Bởi vì đuôi một khi chạm nước, sẽ bị chìm xuống, đuôi chìm xuống thì cáo cũng không thể bơi nhanh được. Giống như một người, vốn rất có tài năng, nhưng khi phía sau có người kéo chân thì anh ta cũng không thể chạy nhanh được, cũng không thể thể hiện hết khả năng của mình. Người Trung Quốc thường nói về việc "xỏ giày nhỏ", "kéo chân sau" và những điều tương tự, thực ra đều xuất phát từ đây.

Một người quá giỏi, sẽ có người làm như không thấy tài năng của họ, thậm chí còn tìm cơ hội để giữ chân sau của họ lại, hoặc tạo ra những "chiếc giày nhỏ" để họ mang vào, rồi đứng bên cạnh xem trò cười.

> Tất nhiên đây chỉ là những phương diện nhỏ, phương diện lớn thực sự là chỉ việc một sự việc đang nhìn thấy sắp thành công rồi, chỉ cần vượt qua rào cản cuối cùng là về nhất. Nhưng đúng vào lúc này, không cẩn thận ngã một cái, điều này thật đáng thương, cũng thật đau khổ. "Hành bách lý giả bán cửu thập" (Đi trăm dặm, nửa đường là chín mươi), nói chính là ý này. Giai đoạn cuối cùng để đạt được thành công mới là quan trọng nhất, lúc này càng phải thận trọng cẩn thận, tuyệt đối không được chủ quan. Giống như một người chạy chín mươi dặm đầu rất thuận lợi, đều chạy ở phía trước, nhưng mười dặm cuối cùng không cẩn thận bị thương, hoặc bị ngất, hoặc bị ngã một cái, cuối cùng lại rớt lại phía sau. "Công cốc nhất thê" (ndlr: "công cốc vì một giỏ đất", ý nói công việc đã gần hoàn thành nhưng thiếu một chút nỗ lực cuối cùng nên thất bại). Vì vậy hào Sơ Cửu bảo chúng ta, nếu ngồi xe thì nhất định phải nhớ "duệ kỳ luân", đừng để xe chạy quá nhanh, tránh một phát đâm vỡ mục tiêu. Đây chính là quy tắc mà hào Sơ Cửu muốn nói với những người đang thấy thành công trong tầm tay.
>
> Trên con đường theo đuổi thành công chúng ta cẩn thận, cuối cùng có được một số thành tích nhất định, lúc này thường sẽ bị một số tiểu nhân quấy rối. Đối mặt với tình huống như vậy, chúng ta nên đối phó thế nào?

Hào từ của Lục Nhị (hình 142-2) là: "Phụ táng kỳ phất, vật trục, thất nhật đắc."

(Như người đàn bà đánh mất cái màn xe, đừng đuổi theo mà lấy lại cứ đợi bảy ngày sẽ được.)

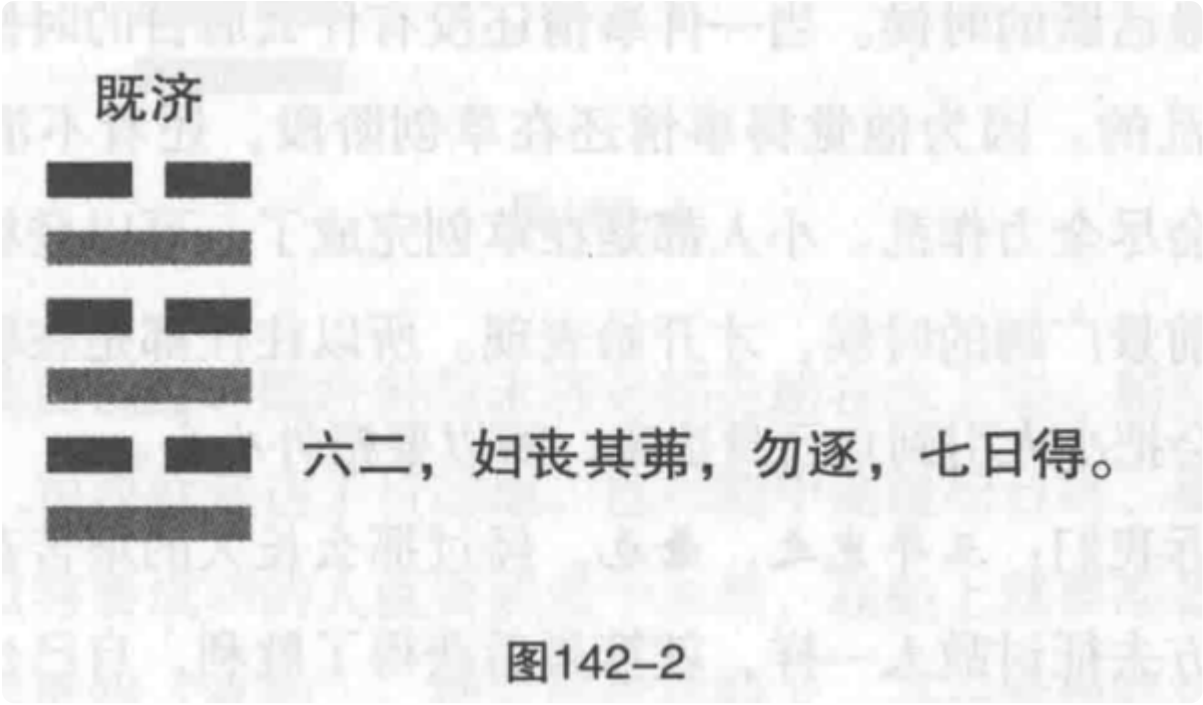


图142–2

"Mệnh" là đồ trang sức. Một người phụ nữ có đồ trang sức, biểu thị cô ấy có thân phận có địa vị, bởi vì Lục Nhị vừa đắc chính vừa đắc trung, đồng thời còn tương ứng với Cửu Ngũ ở trên. Chúng ta có thể tưởng tượng, nếu chồng của một phu nhân đi công tác, hoặc chồng cô ấy ở bên ngoài làm quan, thì sẽ có hai người thường xuyên đến quấy rối cô ấy, một người gọi là Sơ Cửu, một người gọi là Cửu Tam. Sơ Cửu, Cửu Tam đối với Lục Nhị, gọi là "cận thủy lâu đài tiên đắc nguyệt" (Lâu đài gần mặt nước trước tiên nhận được ánh trăng), họ trước tiên đùa giỡn với Lục Nhị, sau đó sẽ xúc phạm, động tay động chân.

Ví dụ, anh ta nửa đùa nửa thật cướp mất đồ trang sức của phu nhân, vị phu nhân này phải làm sao? Bà không thể nổi giận, vì nổi giận rất dễ gây ra lời đồn đại của người khác, người khác sẽ nghĩ chắc chắn là bạn đã quyến rũ người ta trước, nếu không tại sao người ta lại quấy rối bạn? Vì vậy vị phu nhân này chỉ có thể "vật truy, thất nhật đắc", đừng đi tìm, tự nhiên nó sẽ trở về.

Chúng ta xem Tiểu Tượng: "Thất nhật đắc, dĩ trung đạo dã".

Bảy ngày không nhất định là đúng bảy ngày, mà là nói không lâu sau đồ trang sức tự nhiên sẽ được trả lại. Bởi vì Lục Nhị vừa đắc chính vừa đắc trung, hơn nữa ứng với Cửu Ngũ, biểu thị thân phận của bà rất tôn quý. Còn Sơ Cửu, Cửu Tam làm như vậy sớm muộn sẽ gây công phẫn, mọi người tự nhiên sẽ bắt họ trả lại. Tất cả đều là kết quả tự nhiên, nên không cần phải gấp.

Hào từ của Cửu Tam (Hình 142-3) là: “Cao Tôn phạt Quỉ Phương tam niên, khắc chi. Tiểu nhân vật dụng.”

(Vua Cao Tôn đánh nước Quỉ Phương, ba năm mới được, đừng dùng kẻ tiểu nhân.)

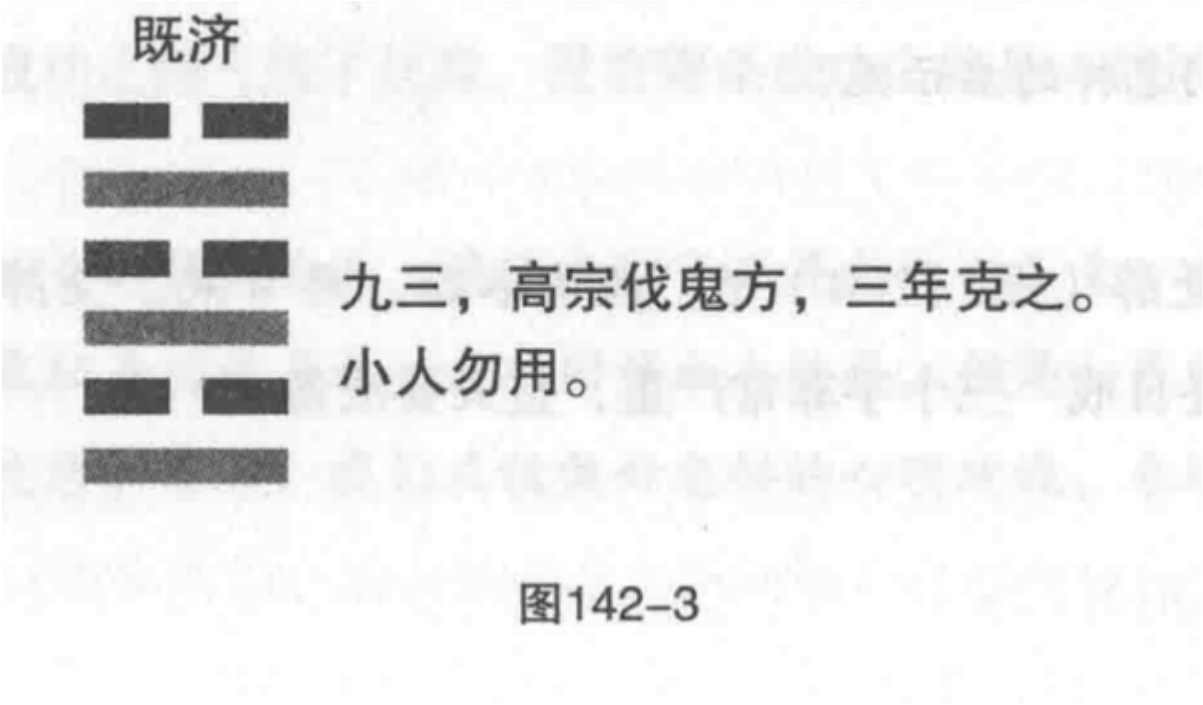


图142–3

Vị trí của Cửu Tam là ở trên cùng nội quái Ly, nghĩa là thành công của nó đã có thành quả khá rực rỡ, mọi người đều thấy được.

Cao Tông là một vị hoàng đế triều Ân, tên là Vũ Đinh, Ân Cao Tông Vũ Đinh đi chinh phục Quỉ Phương, vì đường đi rất xa, nên đánh mất ba năm. "Tam niên khắc", khắc là nói hoàn thành việc thắng địch này, tuy việc đã thành, nhưng nguyên khí bị tổn thương nặng. Hào từ này nói với chúng ta, từ lúc bắt đầu đến hiện tại đã rất gần thành công, nhưng bản thân cũng đã kiệt sức, lúc này phải đặc biệt cẩn thận, bởi vì đây chính là lúc tiểu nhân hoạt động mạnh nhất.

Khi một việc còn chưa có manh mối gì, tiểu nhân sẽ không dốc hết sức phá hoại. Bởi vì họ cảm thấy việc còn trong giai đoạn sơ khai, còn chưa thấy rõ triển vọng thành công, nên sẽ không dốc toàn lực phá hoại. Tiểu nhân đều đợi đến khi giai đoạn sơ khai hoàn thành, có thể đăng đàn xuất hiện, hơn nữa dự đoán triển vọng tương lai rộng mở, mới bắt đầu thể hiện. Vì vậy thường khi việc đã có manh mối, chúng ta sẽ dẫn tiểu nhân đến bên cạnh mình, nên phải đặc biệt cẩn thận.

Tiểu Tượng nói với chúng ta: "Tam niên khắc chí, bại dã".

Trải qua thời gian dài gian khổ phấn đấu như vậy, giống như chạy đến nơi rất xa để chinh phạt địch nhân, cho dù cuối cùng đạt được thắng lợi, bản thân cũng mệt mỏi không còn sức. Nhưng nếu lúc này lơ là phòng bị, thêm vào đó trong quá trình chinh chiến, cảm thấy một số người thực sự rất tốt, thì sẽ rất nguy hiểm. Chúng ta thường không để ý, tại sao có những người khi gần thắng lợi lại biểu hiện tốt hơn người khác? Bởi vì bản chất của họ chính là tiểu nhân. Tất nhiên, chúng ta cảm thấy tiểu nhân rất tốt cũng không sai, bởi vì

đó là cảm nhận thực tế của chúng ta. Nhưng như vậy, thành công mà chúng ta đã vất vả có được sẽ gặp nguy hiểm, bởi vì hiện tại đã gieo nhiều mầm họa.

> Quẻ Ký Tế có tượng là thượng Khảm hạ Ly, Ly tượng trưng cho ánh sáng và hy vọng, biểu thị một người, sau khi trải qua nỗ lực của ba hào dưới, cuối cùng đã nhìn thấy hy vọng thành công. Nhưng quẻ trên lại là tượng Khảm, tượng trưng cho con đường phía trước đầy hiểm nguy. Tại sao khi sắp đạt được thành công lại là lúc nguy hiểm nhất? Ba hào trên của quẻ Ký Tế lại cho chúng ta những gợi ý gì?

Hào từ của Lục Tứ (Hình 142-4) là: "chu hữu y như, chung nhật giới."

(Thuyền bị nước vào, có giẻ để bít lỗ, phải răn sợ suốt ngày.)

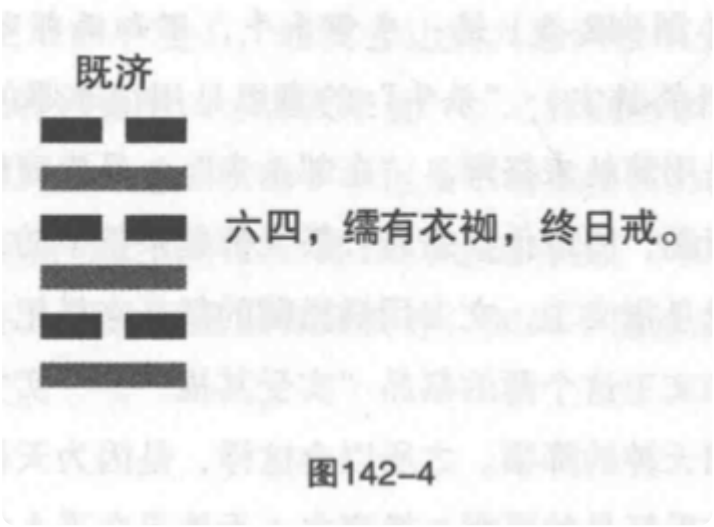


图142–4

Hào từ khiến người ta khá không an tâm, bởi vì ba chữ "chung nhật giới" rất nghiêm trọng, cả ngày phải đề phòng.

Trước đây chúng ta đã nói, quẻ Ký Tế và quẻ Vị Tế đều là thuyền đi trên nước. Thuyền đi trên nước có thể đi rất thuận lợi, rất nhanh đến được đích, cũng có thể giữa đường gặp bão táp, hoặc thuyền bị rò rỉ, nên người sắp thành công phải phòng ngừa từ trước, trên thuyền phải chuẩn bị một số bông vải dự phòng, ở đây gọi là "y giáp". Cất nó trên thuyền, nếu phát hiện chỗ nào rò rỉ, thì lập tức dùng bông vải để bịt lại. Và mỗi ngày đều phải cảnh giác, nếu thuyền rò rỉ quá lớn thì lúc bịt sẽ không bịt được. Điều này cũng nói với chúng ta, khi chúng ta cảm thấy mọi thứ đều không có vấn đề, sẽ bỏ qua những vấn đề nhỏ, kết quả công cốc một thời.

Những ví dụ như vậy trong cuộc sống rất nhiều, ví dụ như chúng ta đi đặt hàng ở nơi xa, nơi xa gọi điện nói hàng hóa đã xếp lên tàu khởi hành rồi, nhưng tàu lại rất lâu không đến, cuối cùng mới biết hóa ra là tàu đã chìm. Sở dĩ phải "chung nhật giới" (cảnh giác suốt ngày), là vì Lục Tứ này tuy đắc chính, nhưng dưới nó có

Cửu Tam, trên có Cửu Ngũ, một âm ở giữa hai dương, giống như con thuyền rò rỉ đi trên nước, bất cứ lúc nào cũng có thể chìm.

Tiểu Tượng nói: "Chung nhật giới, hữu sở nghi dã".

"Nghi" là lo lắng, lo trên thuyền đồ đạc có bị trộm lấy mất không, có gặp tàu cướp biển không, có bị rò rỉ nước chìm giữa đường không, một đống vấn đề cần lo lắng. Con đường thành công đầy rẫy hiểm nguy, không có con đường thành công nào là một đường thẳng tiến.

> Trải qua bốn hào trước một cách cẩn thận, cuối cùng đến hào Cửu Ngũ của quẻ Ký Tế, Cửu Ngũ là hào chủ của quẻ Ký Tế, tượng trưng cho công thành danh toại. Thành công tất nhiên khiến người ta vui mừng, nhưng nếu xử lý không đúng, rất nhanh sẽ vui quá hóa buồn. Vậy, chúng ta nên chuẩn bị tâm lý thế nào để đón nhận thành quả của thành công?

Hào từ của Cửu Ngũ (Hình 142-5) là: "Đông lân sát ngưu, bất như tây lân chi thược tế, thực thụ kì phúc."

(Hàng xóm bên đông mổ bò (làm tế lễ lớn) mà thực tế không hưởng được phúc bằng hàng xóm bên tây chỉ tế lễ sơ sài.)

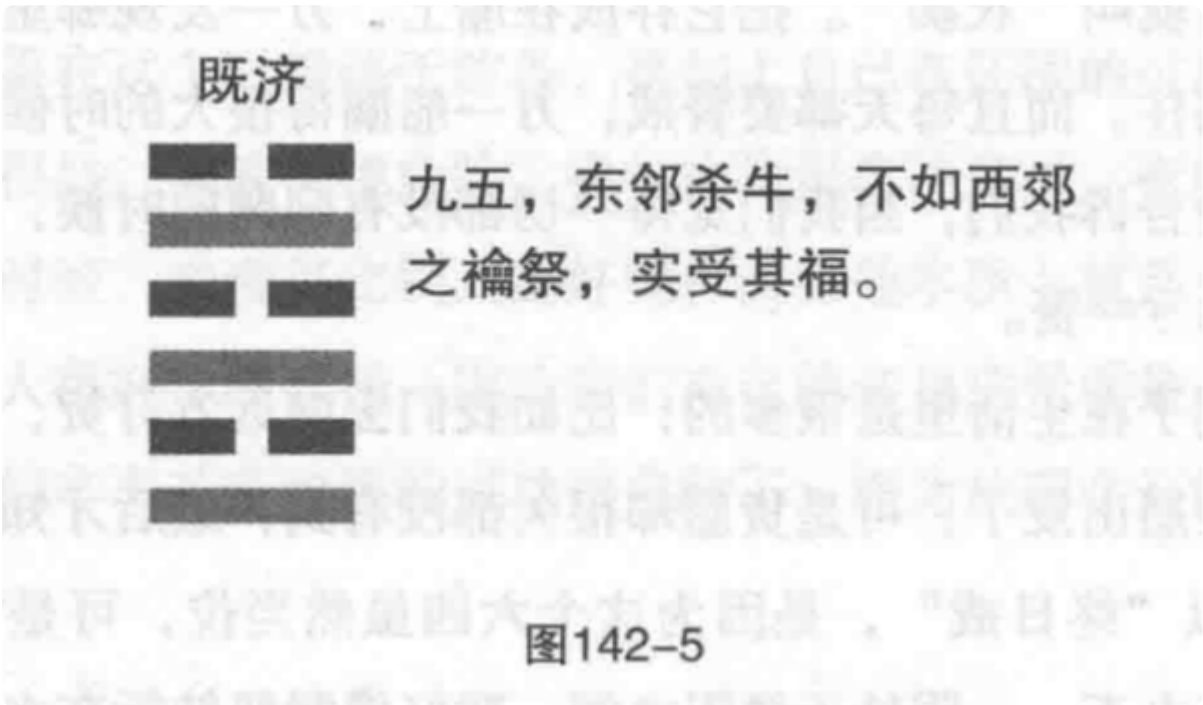


图142-5

Cửu Ngũ là chủ quái của quẻ Ký Tế, "sát ngưu" nghĩa là dùng lễ vật rất hậu để tế trời, "thiện tế" nghĩa là dùng lễ mỏng để tế bái. "Đông lân sát ngưu" chỉ Thương Trụ Vương, bởi vì Thương Trụ Vương nắm giữ tài nguyên cả nước, nên ông ta tế tông miếu, tế trời đều giết cả con trâu, lễ vật hậu hĩnh không thể tả. "Tây lân" chỉ Văn Vương, Văn Vương dùng lễ vật mỏng nhất để tế tự, nhưng Thương Trụ Vương giết cả con trâu tế tự, không bằng lễ vật mỏng của Văn Vương "thật thọ kỳ phúc". "Thật thọ kỳ phúc" nghĩa là sẽ thực sự nhận

được phúc từ thần tiên. Sở dĩ như vậy, là vì thần tiên chỉ quan tâm đến lòng thành của người ta khi tế tự, mà không quan tâm đến lễ vật dày mỏng. Nói cách khác, thần tiên chỉ quan tâm đến phương diện tinh thần của con người, chỉ xem người ta có thành kính không, có thiện lương không, có quang minh chính đại không. Đối với người thành kính, thần tiên sẽ giúp đỡ, bởi vì lễ vật tế tự dù tốt đến đâu, thần tiên cũng không thể ăn được, nên chỉ xem phương diện tinh thần của con người.

Tiểu Tượng nói: "Đông lân sát ngưu. Bất như Tây lân chi thời dã. Thực thụ kỳ phúc. Cát đại lai dã.".

Trong đó "thời dã" chính là chữ "thời" trong câu "thời dã mệnh dã" của Khổng Tử, "thời" chỉ vận thời khác nhau. Một người, vận thời khác nhau, tâm thái sẽ khác nhau. Hào Cửu Ngũ đưa ra cảnh báo, khi chúng ta thành công, lễ vật trở nên hậu hĩnh, quy mô trở nên xa hoa, đồng thời cũng muốn để mọi người đều biết, chúng ta không phải khoe khoang phô trương. Về tâm thái có thể giữ được như lúc ban đầu, mọi người tự nhiên sẽ dần dần hiểu được lòng thành của chúng ta, lúc này mới có thể thực sự "thực thụ kỳ phúc". Một người nếu có thể làm được, **không vì sự thay đổi của "thời" mà có biểu hiện tâm lý khác nhau**, thì người đó sẽ "thực thụ kỳ phúc".

Trong cuộc sống, mọi người đều sẽ chú ý đến hành vi của chúng ta, nếu chúng ta khi nghèo một kiểu, khi giàu sang lại một kiểu khác, khi nghèo thì chào hỏi láng giềng, vừa có chút thành tựu thì chẳng thèm để ý ai nữa, điều này sẽ khiến người khác cảm thấy rất khó chịu. Vì vậy trong Tiểu Tượng của hào Cửu Ngũ đặc biệt nhắc nhở "cát đại lai dã". Sở dĩ có thể "cát đại lai dã" là vì tuy đã đạt đến trạng thái rất thịnh vượng rồi, nhưng không lãng phí vật chất, không phô trương, mà vẫn theo đuổi những thứ về tinh thần, thể nghiệm niềm vui trong tâm. Đồng thời còn phải chú ý đến "hanh tiểu", bởi vì hiện tại Cửu Ngũ chỉ nhìn thấy thần tiên, nếu không thể chú ý đến các phương diện khác, thì rất nhanh sẽ Vị Tế.

> Trong xã hội có rất nhiều người, khi thành công đến, không đối phó thỏa đáng, kết quả rất nhanh đã tụt dốc, chỉ như hoa nở một đêm. Hào Thượng Lục của quẻ Ký Tế, chính là phản ánh hiện tượng này. Vậy, hào Thượng Lục nói thế nào? Chúng ta lại có thể rút ra những bài học gì từ đó?

Hào từ của Thượng Lục (Hình 142-6) là: “Nhu kì thủ, lệ.”

(Ướt cái đầu, nguy.)

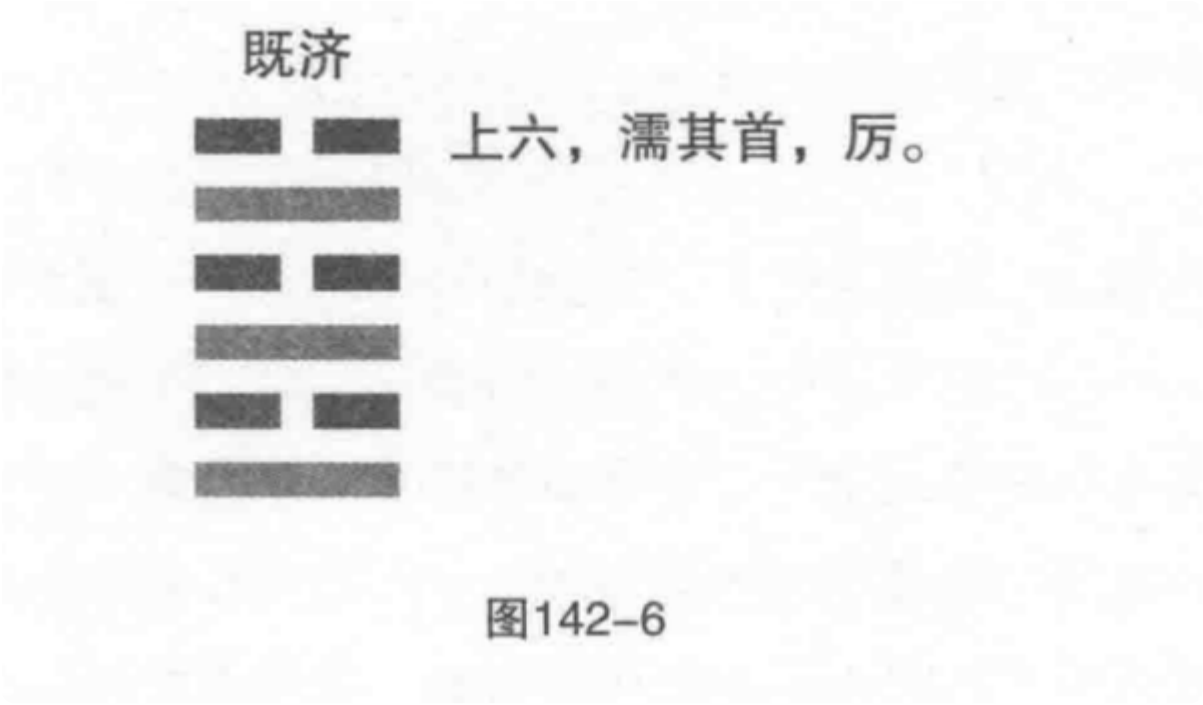


图142–6

Trong tiệc mừng công mọi người uống rượu, kết quả cả đầu cũng chúi vào vò rượu, có thể thấy đuôi cũng ở trong đó, nên "nhu kỳ thủ" nghĩa là toàn thân đều rơi xuống nước. Trong cuộc sống thực tế, khi chúng ta có một con thuyền sắp cập bến, nhất định sẽ phấn khởi, cảm thấy lô hàng này đã đến nơi an toàn, cuối cùng mình có thể kiếm được nhiều tiền. Vì thế tối đó phải đến quán rượu uống say mới thôi, kết quả một phút bất cẩn rơi xuống nước. "Lệ" là vì Thượng Lục ở trên Cửu Ngũ, đã vượt quá Ký Tế, sắp bước vào Vị Tế, đương nhiên là "lệ".

Nếu chúng ta so sánh "nhu kỳ thủ" của Thượng Lục với "nhu kỳ vĩ" của Sơ Cửu, sẽ phát hiện, lúc đầu chỉ cần chú ý cái đuôi, vì lúc đó sẽ không rơi xuống nước, đầu sẽ không bị ướt, nhưng hiện tại cả đầu cũng rơi xuống nước, nên gọi là "chung loạn" (hỗn loạn). Đây gọi là nhân quả, nhưng nhân quả này không phải cố định, nếu nhân quả là cố định, thì chúng ta không cần phải hành động. Chúng ta phải biết, một nhân có thể sinh ra nhiều quả, một quả khi truy cứu lại có nhiều nhân. Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa, Vị Tế không phải là sự tiếp nối của Ký Tế, đừng bao giờ nghĩ rằng sau thành công nhất định là thất bại. Hào Thượng Lục bổ sung cho chúng ta một điều, nhắc nhở chúng ta nếu thành công rồi, nhất định phải **trân trọng thành quả của mình, tuyệt đối không được hoang phí, xa hoa, chỉ có như vậy mới có thể bảo đảm thành quả của mình.** Trong lòng có sự chuẩn bị về Vị Tế mới không bị “chung loạn”, “chung loạn” là có thể tránh được.

Xem xong quẻ Ký Tế thì biết, người thường xuyên thành công đều sẽ tự nhủ, chỉ vui vẻ một đêm, ngày mai bắt đầu vẫn phải sống cuộc sống bình thường. Nếu ba ngày ba đêm cuồng vui, cuối cùng say rượu gây họa, say rượu làm bậy, không chỉ khiến người khác nhìn không vừa mắt, mà quả báo tạo ra chỉ có thể tự mình gánh chịu. Vì vậy chúng ta nhất định phải nhớ tiến thủ một cách thận trọng, cẩn trọng, một người nhất định

phải tiến thủ, nhưng phải thận trọng. Bài giảng tiếp theo, chúng ta sẽ bước vào giảng giải quẻ Vị Tế, hãy cùng xem làm thế nào để: thận trọng tiến thủ.

Chương 143: Quẻ 64: Hỏa Thủy Vị Tế - Thận trọng tiến thủ

> Quẻ Vị Tế là quẻ cuối cùng trong 64 quẻ của Kinh Dịch, nó và quẻ Ký Tế đại diện cho quá trình cực thịnh rồi suy. Quẻ Ký Tế tượng trưng cho thành công, còn quẻ Vị Tế thì hàm ý suy bại. Tuy nhiên Kinh Dịch cũng bảo chúng ta, quy luật phát triển của mọi sự vật đều là "tuần hoàn vãng phục", giống như cực thịnh tất suy, bĩ cực mới thái lai. Vậy tại sao 64 quẻ lại xếp quẻ Vị Tế tượng trưng cho suy bại vào vị trí cuối cùng? Cách sắp xếp quẻ này lại có ý nghĩa đặc biệt gì?

Quẻ Càn và quẻ Khôn thực ra tương đối đơn giản. Giữa chúng chỉ có một mối quan hệ, gọi là hỗ thác. Nhưng hai quẻ Ký Tế và Vị Tế thì khá phức tạp. Bởi vì chúng không chỉ là quẻ thác của nhau, mà còn là quẻ tổng của nhau, đồng thời lại quẻ giao của nhau (Hình 143-1).

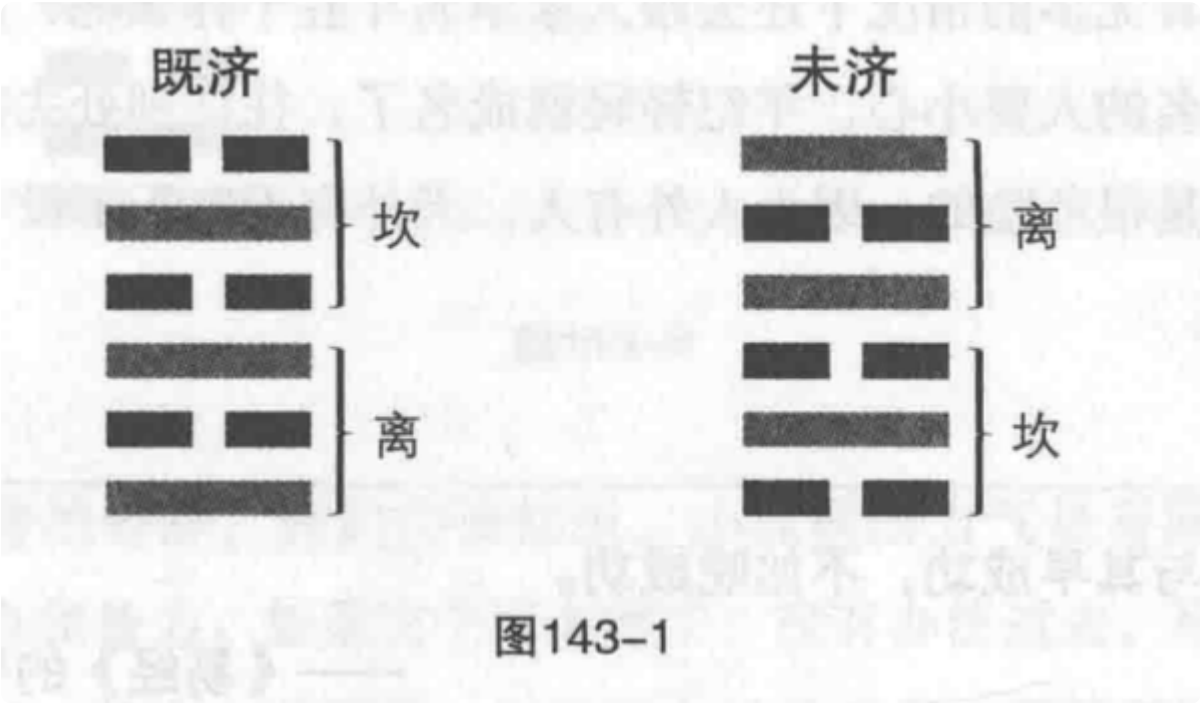


图143–1

Trong 64 quẻ, mối quan hệ của hai quẻ này đặc biệt mật thiết. Đối với tình huống này, chúng ta có thể dựa theo nguyên tắc của Kinh Dịch, đơn giản hóa cái phức tạp, và phức tạp hóa cái đơn giản để hiểu.

Làm sao đơn giản hóa? Quẻ Ký Tế và Vị Tế đều do quẻ Khảm và quẻ Ly tạo thành, chỉ là vị trí đổi chỗ cho nhau, kết quả trở thành những quẻ khác nhau.

Trước tiên chúng ta xem Ký Tế, Ký Tế ngoại quái là quẻ Khảm, nội quái là quẻ Ly. Ý nghĩa mà Ký Tế đại diện là đã thấy thành công trong tầm tay, mắt nhìn thấy toàn là cảnh tượng quang minh. Nhưng nếu đi sai một bước, sẽ bước vào hiểm nguy. Chúng ta lấy một ví dụ đơn giản, một người khi chưa nổi tiếng, thường rất thận trọng, sợ nói sai lời đắc tội người khác, cũng sợ làm sai việc cản trở tiền đồ. Nhưng một khi nổi tiếng, nói năng rất tùy tiện, như thể cái gì cũng biết, như vậy sẽ đắc tội rất nhiều người, những người như vậy quá

nhiều. Người ta thường nói “gánh nặng của danh tiếng”, thực ra đều là bào chữa cho mình, danh tiếng có gì mà nặng? Tự mình tìm phiền phức mới nặng. Chúng ta phải nhìn rõ, tượng của quẻ Ký Tế là nội Ly ngoại Khảm, nếu trong lòng cảm thấy đã công thành danh toại rồi, thì rất khó nhìn thấy bên ngoài là một vùng hiểm nguy.

Bên ngoài có rất nhiều người muốn tìm thiếu sót của chúng ta, thậm chí rất nhiều người muốn lật đổ chúng ta, nghiêm trọng hơn là rất nhiều người muốn thay thế chúng ta, điều này cũng khó tránh khỏi.

Ngược lại mà nói, tượng của quẻ Vị Tế là nội Khảm nhi ngoại Ly. Nội Khảm nghĩa là thân ở hiểm cảnh, người đang vật lộn, tuy bên ngoài một hào quang minh, nhưng bản thân đều không thể thoát khỏi hiểm cảnh, ánh sáng bên ngoài cũng không có tác dụng gì. Cũng có nghĩa là, một người khi thân ở hiểm cảnh, ngoài việc cứu mình ra thì căn bản không có khả năng đi cứu người khác. Tự cứu còn không xong, làm sao có thể phân tán tinh lực đi cứu người khác? Người trong tình huống này ngược lại sẽ đặc biệt thận trọng. Vì vậy Vị Tế không phải là bất tế, ngược lại nó chứa đầy hy vọng, chỉ là còn chưa thành công mà thôi.

Từ đây chúng ta cũng có thể lĩnh hội được, thà thành công muộn hơn là thành công sớm. Nói thẳng ra một chút, người thành công muộn dù muốn nói bậy cũng không được, vì thể lực của họ đã rất suy yếu rồi, trong tình huống ngày tháng không còn nhiều thì đi tranh danh đoạt lợi với người ta làm gì? Ngược lại là những người tuổi còn trẻ đã nổi tiếng phải cẩn thận, tuổi còn trẻ đã nổi tiếng, thường đi khắp nơi tìm người so tài, tranh đấu, làm vậy rất nguy hiểm, bởi vì bao giờ cũng có người giỏi hơn bạn và thiên hạ không có chuyện một người luôn luôn thắng.

Bất tế là không thể, Vị Tế là thường xuyên tồn tại, vì vậy Tự Quái Truyện nói: "Vật bất khả tế dã, thụ chi dĩ Vị Tế chung yên". Một người không quan trọng có bao nhiêu pháp bảo, cuối cùng cũng có ngày dùng hết; không quan trọng có bao nhiêu tiền của, cuối cùng cũng có ngày tiêu hết; không quan trọng xây dựng biệt thự như thế nào, cuối cùng cũng có ngày không còn. Lấy quẻ Vị Tế làm quẻ cuối cùng trong 64 quẻ của Kinh Dịch, chính là muốn nói với chúng ta, tất cả đều là “tuần hoàn vãng phục”, “chu nhi phục thủy”. Chỉ có “tuần hoàn vãng phục”, nhân loại mới có thể sinh sinh bất tức; chỉ có “chu nhi phục thủy”, nhân loại mới có tương lai.

> Kinh Dịch nhắc nhở chúng ta, bất kỳ sự vật nào cũng đều là chu nhi phục thủy, tuần hoàn vãng phục. Vì vậy, Vị Tế không phải là bất tế, chỉ là chưa thành công mà thôi, không chỉ vậy, quẻ Vị Tế còn chứa đầy vô hạn hy vọng. Vậy, đã là quẻ Vị Tế tiềm ẩn vô hạn cơ hội phát triển, tại sao lại rơi vào cảnh địa "vô du lợi"? Quẻ Vị Tế có thật sự có thể dẫn dắt chúng ta đi đến thành công không?

Thoán từ của Vị Tế (Hình 143-2) là: “Vị tế: Hanh. Tiểu hồ ngật tế, nhu kì vĩ, vô du lợi.”

(được hanh thông. Con chồn nhỏ sửa soạn vượt qua sông mà đã ướt cái đuôi, không qua được, không có gì lợi cả.)

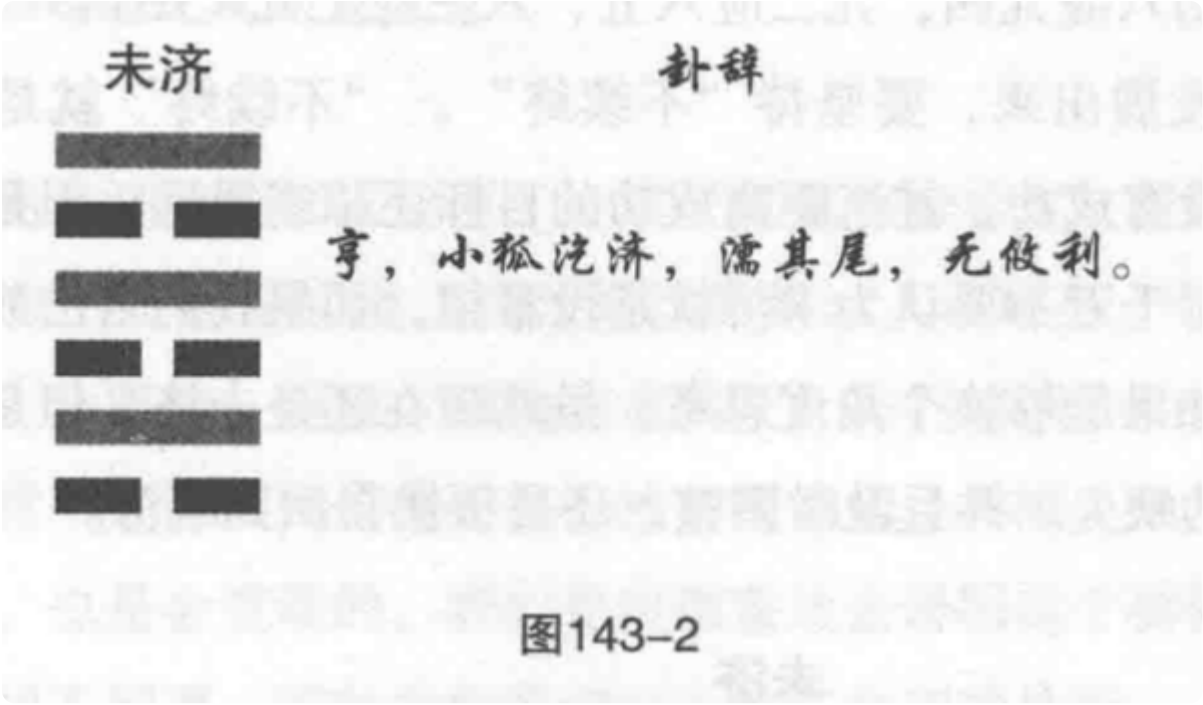


图143–2

"Tiểu hồ ngật tế" nghĩa là sắp thành công. Con cáo nhỏ vật lộn hết sức, cuối cùng sắp đến bờ và gần thành công rồi. Lúc này "nhu kỳ vĩ", đuôi bị ướt. Từ đuôi ướt có thể biết đầu cũng rơi vào. "Vô du lợi", cuối cùng không thành được gì.

Đọc xong thoán từ của Vị Tế, chúng ta nên biết, sức lực của con cáo nhỏ có hạn, muốn vượt sông, trước tiên phải tự lượng sức mình: nếu con sông này quá rộng, không có cách nào vượt qua, thì hãy rèn luyện thêm, đợi thời cơ, lớn thêm một chút rồi tính. Nếu bây giờ đã vượt rồi, thì phải dốc hết sức lực, cẩn thận hơn người khác, để tránh khi sắp đến nơi, vì một phút vui mừng mà cả thân thể chìm xuống. Vì vậy phải cẩn thận hơn người khác, thận trọng hơn, nhẫn nại hơn, không thể để đuôi bị ướt, phải nghĩ hết cách bảo vệ mình. Làm được như vậy sẽ có lợi, không thể nào vô công lợi, vì vậy vô công lợi cũng không phải nói tuyệt đối vô công lợi. Nếu hiểu “vô du lợi” là tuyệt đối, Vị Tế sẽ là hoàn toàn vô vọng, điều đó là không đúng.

> Quẻ Vị Tế tuy chứa đầy hy vọng, nhưng khi năng lực chúng ta không đủ, không tránh khỏi vẫn sẽ gặp thất bại, rơi vào cảnh "vô du lợi". Vậy, chúng ta rốt cuộc nên làm thế nào mới có thể phá vỡ giới hạn "vô du lợi" của quẻ Vị Tế, quay về trạng thái thành công của quẻ Ký Tế?

Thoán truyện của Vị Tế là: "Vị Tế. Hanh. Nhu đắc trung dã. Tiểu hồ ngật tế. Vị xuất trung dã. Nhu kỳ vĩ. Vô du lợi. Bất tục chung dã. Tuy bất đáng vị. Cương nhu ứng dã".

"Nhu kỳ vĩ" (đuôi bị ướt) thì "vô du lợi" (không có lợi), vì "bất tục chung dã" (không kiên trì đến cùng). "Bất tục chung" không phải nói bơi không được thì từ bỏ. Mà là phải tiếp tục nỗ lực, kiên trì đến cùng, như vậy mới có thể phá vỡ giới hạn “vô du lợi”, cuối cùng vẫn có thể có thành tựu.

Do đó có thể thấy, mỗi quẻ trong Kinh Dịch đều là để khích lệ chúng ta, bảo chúng ta **tuyệt đối không được từ bỏ bất kỳ cơ hội nhỏ nhoi nào.** Câu cuối cùng trong thoán truyện của Vị Tế là "tuy bất đáng vị, cương nhu ứng dã", nghĩa là nói tuy sáu hào này, không có hào nào đắc chính, nhưng vẫn có cái có thể lợi dụng, đó là "cương nhu ứng dã", Sơ Lục ứng Cửu Tứ, Cửu Nhị ứng Lục Ngũ, Lục Tam ứng Thượng Cửu (Hình 143-3).

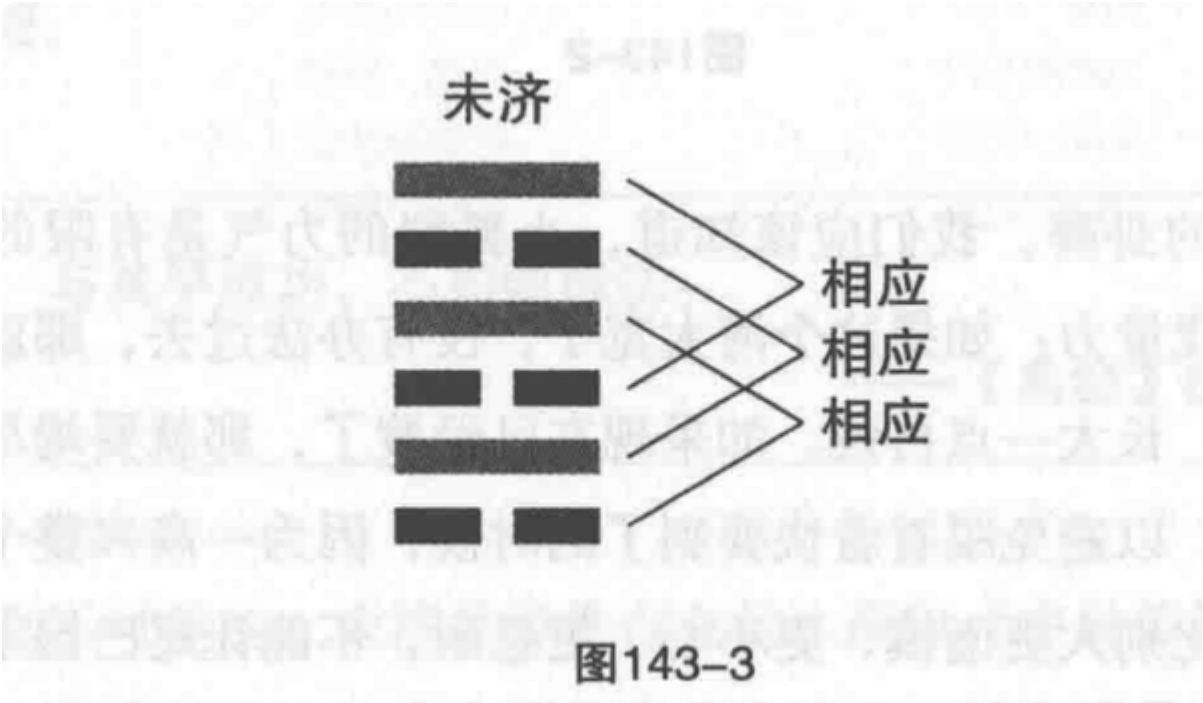


图143–3

Chúng ta phải phát triển ưu thế này, phải kiên trì "bất tục chung". "Bất tục chung" nghĩa là vĩnh viễn không từ bỏ, tuy còn chưa thành công, thậm chí khoảng cách đến mục tiêu thành công còn khá xa, nhưng chúng ta nhất định phải tràn đầy hy vọng. Tuyệt đối không được cho rằng Vị Tế là không có hy vọng, nếu chúng ta tự từ bỏ, đó gọi là "tự bạc tự khí" (tự làm suy yếu chính mình). Nếu có thể đổi góc độ suy nghĩ, tuy bây giờ vẫn là Vị Tế, nhưng chỉ cần tìm cách tìm ra thiếu sót hiện tại, và kịp thời điều chỉnh, vẫn sẽ rất nhanh quay về Ký Tế.

Một người khi đến lúc Ký Tế, tình thế rất tốt, ngược lại phải càng thêm cẩn thận, bởi vì một không cẩn thận lại rơi vào Vị Tế. Những bài học như vậy quá nhiều, rất nhiều người vất vả phấn đấu rất lâu, cuối cùng thành công rồi, kết quả không đến vài tháng lại thất bại. Mọi người xem con sâu bò lên cây cũng vậy, bò bò bò, rơi xuống, bò bò bò, rơi xuống, bò bò bò, rơi xuống... Ngỗng bơi trên nước, muốn tìm đá để bước lên bờ, một chân bước lên lại rơi xuống, một chân bước lên lại rơi xuống... Cuộc đời cũng vậy.

Đại Tượng Truyện viết rất rõ ràng: "Hỏa tại thủy thượng. Vị Tế. Quân tử dĩ thận biện vật cư phương".

Vị Tế là do vị trí không đúng, hỏa là hướng lên trên, thủy là hướng xuống dưới, hai cái hoàn toàn không có giao điểm. Quẻ Ký Tế thủy ở trên hỏa, hỏa có thể đun nước thành nước sôi; còn quẻ Vị Tế nước ở dưới, hỏa

ở trên, không tiếp xúc với nhau, như vậy không thể hoàn thành bất kỳ tác dụng nấu nướng nào.

> Quẻ Ký Tế và Vị Tế là hai quẻ tượng trong 64 quẻ về sự tuần hoàn của thịnh suy. Ký Tế, Vị Tế bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra chuyển đổi, nhưng từ suy đến thịnh thì khó, còn từ thịnh chuyển suy lại có thể xảy ra trong chớp mắt. Vậy, chúng ta rốt cuộc phải làm thế nào mới có thể vừa tạo ra và giữ gìn được thành quả chiến thắng, vừa tránh được việc đi đến suy bại?

Quân tử nhìn thấy cảnh tượng Vị Tế thì giác ngộ: "Quân tử dĩ thận biện vật cư phương". Nghĩa là phải nhìn cho kỹ, bản thân với ai là đồng đạo, bởi vì "vật dĩ loại tụ, nhân dĩ quần phân". Vật đều nói về cùng loại, mèo với mèo, chó với chó, mèo rất ít khi kết bạn với chó. Chúng ta kết bạn, cũng phải xem trước có cùng Đạo hay không. Tất nhiên không phải nói không cùng Đạo thì phải đánh đập họ, phân chia ranh giới với họ, không bao giờ lui tới, bởi vì cùng Đạo hay không cùng Đạo, cũng sẽ thay đổi. Chúng ta phải rất thận trọng để phân biệt vật này có cùng loại không, người này có cùng Đạo với mình không, đồng thời chúng ta phải sắp xếp nó vào vị trí hợp lý, "phương" chính là vị trí. Loại hiện tại không dùng thì chúng ta để xa một chút, loại hiện tại cần dùng, chúng ta để gần một chút. Với người cùng Đạo với chúng ta, chúng ta tìm cách lui tới nhiều hơn, người không cùng Đạo thì “kính nhi viễn chi” (kính trọng nhưng giữ khoảng cách).

Thực ra "Quân tử dĩ thận biện vật cư phương" ý nghĩa thực sự là nói, khi chúng ta thấy mình vẫn còn ở trạng thái Vị Tế, thấy thủy hỏa không có tác dụng, không thể coi trạng thái này là bình thường. Nếu coi nó là bình thường, thì sẽ vĩnh viễn không có tác dụng, đó chính là “vô du lợi”. Chúng ta nhất định phải biến bất lợi này thành có lợi, như vậy mới đúng. Muốn làm được điều này, chúng ta phải thay đổi những khuyết điểm hạn chế sự thành công của bản thân, phải suy nghĩ về nguyên nhân tại sao việc làm không tốt, không thành, đồng thời còn phải tìm cách hóa giải, đây mới gọi là tận dụng tốt tình hình. Vì vậy Vị Tế là nghĩa chưa định, là chưa hoàn thành, không phải là không thể hoàn thành, vì thế chúng ta không thể dừng lại. Tất nhiên, không thể dừng lại cũng có điều kiện, đó là việc này phải là việc nên làm, nếu là việc không nên làm, thì sớm dừng lại, nếu không sẽ tự chuốc phiền phức.

Mục đích của Vị Tế là thúc đẩy chúng ta không ngừng tiến về mục tiêu đã định, vượt qua khó khăn, phá vỡ chướng ngại, sau đó tự mình trưởng thành. Nhưng cuối cùng vẫn phải nói với chúng ta, **chỉ có thể tận nhân sự, còn về kết quả thì phải nghe thiên mệnh.** Vì vậy thoán truyện của Vị Tế nhiều lần nhấn mạnh "vô du lợi". **Có lợi hay không là do trời an bài, cho dù không có kết quả, việc nên làm chúng ta vẫn phải làm**, bởi vì trải qua quá trình này, chúng ta sẽ thu được rất nhiều.

> Quẻ Vị Tế tuy là quẻ cuối cùng trong 64 quẻ, nhưng không phải là sự kết thúc của sự vật. Nó tượng trưng cho sự phát triển tuần hoàn và sinh sinh bất tức của vạn vật. Nhưng sự vật phát triển đến những thời kỳ, giai đoạn khác nhau, đều sẽ gặp phải những tình huống khác nhau. Vậy, trong môi trường không ngừng biến đổi, chúng ta lại phải điều chỉnh thế nào mới có thể hóa giải vấn đề, đạt được thành công?

Chúng ta thường nói điều chỉnh theo giai đoạn, cuộc đời chính là điều chỉnh theo giai đoạn. Khổng Tử bảo chúng ta, mười lăm tuổi mới có thể "chí ư học" (lập chí học tập). Trong Kinh Dịch quẻ thứ mười lăm chính là quẻ Khiêm. Một người không khiêm tốn thì không học được gì. Vì vậy trẻ nhỏ học được một chút đã thích thể hiện, cảm thấy mình biết rất nhiều, rồi muốn làm khó thầy, từ đó xem thường thầy. Đây chính là quẻ Khiêm chưa học tốt, chỉ khi học tốt quẻ Khiêm mới thực sự là đang học. Trẻ nhỏ không hiểu được Khiêm, điều này cần phụ huynh dạy bảo: "không có ai là biết hết mọi thứ, thầy giáo cũng không ngoại lệ. Nếu con có điều gì không hiểu có thể đi hỏi thầy, nhưng thầy có thể trả lời, cũng có thể không trả lời. Có lẽ thầy cần về chuẩn bị một chút, tra cứu tài liệu rồi mới nói". Như vậy, trẻ nhỏ sẽ dần dần hiểu ra, sau đó tự mình sẽ biết, đối với những vấn đề mình không hiểu phải hỏi như thế nào. Tuyệt đối không thể hỏi đến cùng, cuối cùng khiến người khác bí, nếu như vậy, sau này không ai thích trả lời câu hỏi của con nữa, cuối cùng thiệt thòi vẫn là mình.

"Tam thập nhi lập", quẻ thứ ba mươi chính là quẻ cuối cùng của Thượng Kinh - quẻ Ly. Quẻ Ly chỉ chúng ta ít nhất phải hiểu được hiện tượng tự nhiên, bản thân đã nhìn thấy mặt quang minh của sự việc, cảm thấy đi tiếp như vậy là không sai, bởi vì mục tiêu đó là quang minh chính đại, và đã xuất hiện cảnh tượng quang minh. Trong tình huống này, chúng ta đương nhiên có thể lập định nguyên tắc làm người xử thế, mục tiêu cũng có thể "lập". Nếu không chúng ta không thể "lập", nếu "lập" ở chỗ không đúng, kết quả sẽ rất thảm.

"Tứ thập nhi bất hoặc", quẻ thứ bốn mươi là quẻ Giải, nghĩa là giải được hoặc rồi, tất cả nghi hoặc đều được giải, nên gọi là "Tứ thập nhi bất hoặc".

"Ngũ thập nhi tri thiên mệnh", quẻ thứ năm mươi là quẻ Đỉnh. Người đến năm mươi tuổi nhất định sẽ kính trời, bởi vì **họ biết thành tựu của mình đều là trời cho**, nếu không có trời cho chúng ta, có thể là "vô du lợi". Ngày nay chúng ta càng phải thành kính để tạ trời, như vậy mới không nghi hoặc. Nếu không, con người rất dễ nghi hoặc, đặc biệt hiện nay các loại tin tức đều có, các loại lời đều có người nói, việc gì cũng có người dám làm. Cuối cùng, chúng ta sẽ đi nghi ngờ: mình làm vậy có đúng không? Đây chính là **vì trong lòng không có trời**, gọi là "vô pháp vô thiên".

"Lục thập nhi nhĩ thuận", một người muốn làm được "nhĩ thuận" (nghe đều lọt tai) thực sự là quá khó. Trong Kinh Dịch quẻ thứ sáu mươi là quẻ Tiết, nghĩa là nói người ta phải biết tiết chế bản thân. Người đến sáu mươi tuổi tai đã suy thoái nghiêm trọng rồi: hoặc là nghe không thấy, hoặc là nghe không rõ, hoặc là nghe sai, hoặc là định kiến sẵn có. Như vậy, không quan trọng người ta nói gì, chúng ta đều là tưởng tượng cái mình nghe được chính là như vậy, chủ quan phán đoán tất cả, đây là việc có hậu quả rất nghiêm trọng.

Cuối cùng Khổng Tử nói, "thất thập nhi tòng tâm sở dục" (làm theo điều mình muốn mà không vượt khỏi quy củ). Đọc xong 64 quẻ Kinh Dịch mà vẫn không làm được "tòng tâm sở dục" này, thì vẫn phải dựa vào bản thân không ngừng hoàn thiện, không ngừng lĩnh ngộ. Kết hợp tất cả các quẻ lại để nhìn thấy mối liên

hệ bên trong của chúng, cuối cùng mới chợt hiểu ra: hóa ra là như vậy! Lúc đó mới có bản lĩnh "tòng tâm sở dục", đồng thời lại không vi phạm quy luật tự nhiên.

Khi chúng ta giải quẻ, thường không theo mặt chữ để giải thích, cũng không theo thoán từ để giải thích, như vậy chúng ta mới hiểu, tại sao Khổng Tử cuối cùng nói "bất chiêm nhi dĩ hĩ", ông bảo chúng ta, chiêm bốc chỉ có thể làm tham khảo. Chúng ta nhìn rõ quẻ Ký Tế, Vị Tế này rồi, sẽ phát hiện: nếu trên dưới đổi chỗ, Ký Tế thành Vị Tế, Vị Tế thành Ký Tế, sự khác biệt giữa Vị Tế và Ký Tế quá nhỏ. Vì vậy chúng ta có thể rất thoải mái mà nói, quẻ Ký Tế và Vị Tế này chính là nói với chúng ta, cuộc đời chính là "thủy thâm hỏa nhiệt".

Khi bạn ở trong "thủy thâm" (nước sâu), thèm muốn "hỏa nhiệt" (lửa bỏng), sẽ cảm thấy lúc này có lửa đến sưởi ấm thì tốt biết mấy! Nhưng khi bạn hết sức thoát khỏi "thủy thâm", nhập vào "hỏa nhiệt" sau đó, bạn lại rất hối hận, cảm thấy ở trong nước còn mát mẻ hơn một chút. Sau đó lại thủy thâm, hỏa nhiệt, thủy thâm, hỏa nhiệt, đến chết mới thôi, không bao giờ hết. Như vậy xem ra cuộc đời không phải rất đau khổ sao? Điều này xem bạn nghĩ thế nào, bạn cho rằng cuộc đời rất vui vẻ, thì nó sẽ rất vui vẻ, bởi vì chúng ta có nhiều việc có thể làm, tuy rất gian khổ.

Thực ra bất kỳ gian nan hiểm trở nào, đều là đối tượng để chúng ta học tập, nếu chúng ta chưa từng trải qua việc này, thì chỉ có thể học từ sách vở, chỉ có thể dùng trí tưởng tượng, nhưng không thực tế. Trải qua rồi chúng ta mới biết, hóa ra không phải đơn giản như sách viết, không phải như người khác nói, sách vở và lời người khác nói khác xa quá nhiều, như vậy bạn sẽ rất vui vẻ.

Vì vậy chúng ta phải nhớ kỹ: khi ở vào Ký Tế, đừng chủ quan, đừng "đắc ý quên hình" (quá vui mừng, tự mãn về thành công của mình đến mức quên mất cách cư xử lịch sự). Khi ở vào Vị Tế, đừng từ bỏ, phải tiếp tục nỗ lực. Đây chính là điều gợi ý lớn nhất mà Ký Tế, Vị Tế cho chúng ta, chỉ bốn chữ mà thôi -- "vĩnh hoài hy vọng" (luôn mang hy vọng). Tiếp theo, chúng ta sẽ từ sự biến hóa của lục hào để phân tích một chút, tại sao quẻ Vị Tế là luôn mang hy vọng.

Chương 144: Luôn mang hy vọng

> Tục ngữ nói: "Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục". Sự vật đều là đối lập thống nhất, "tuần hoàn văng phục". Giống như phúc có thể chuyển thành họa, họa có thể chuyển thành phúc vậy. Quẻ Vị Tế và quẻ Ký Tế giữa chúng cũng sẽ tương hỗ chuyển hóa. Vì vậy, quẻ Vị Tế tuy xếp cuối cùng trong 64 quẻ, nhưng không phải kết thúc, mà là chứa đầy hy vọng, bất cứ lúc nào cũng có thể chuyển hóa thành Ký Tế. Vậy, 6 hào của Vị Tế rốt cuộc diễn biến chuyển hóa như thế nào? Sau khi khổ tận cam lai đạt được thắng lợi, quẻ Vị Tế lại sẽ cung cấp cho chúng ta những phương pháp giữ gìn thành quả nào?

Hào từ của Sơ Lục quẻ Vị Tế (hình 144-1) nói: "Nhu kỳ vĩ, lận".

(để ướt cái đuôi, đáng ân hận.)

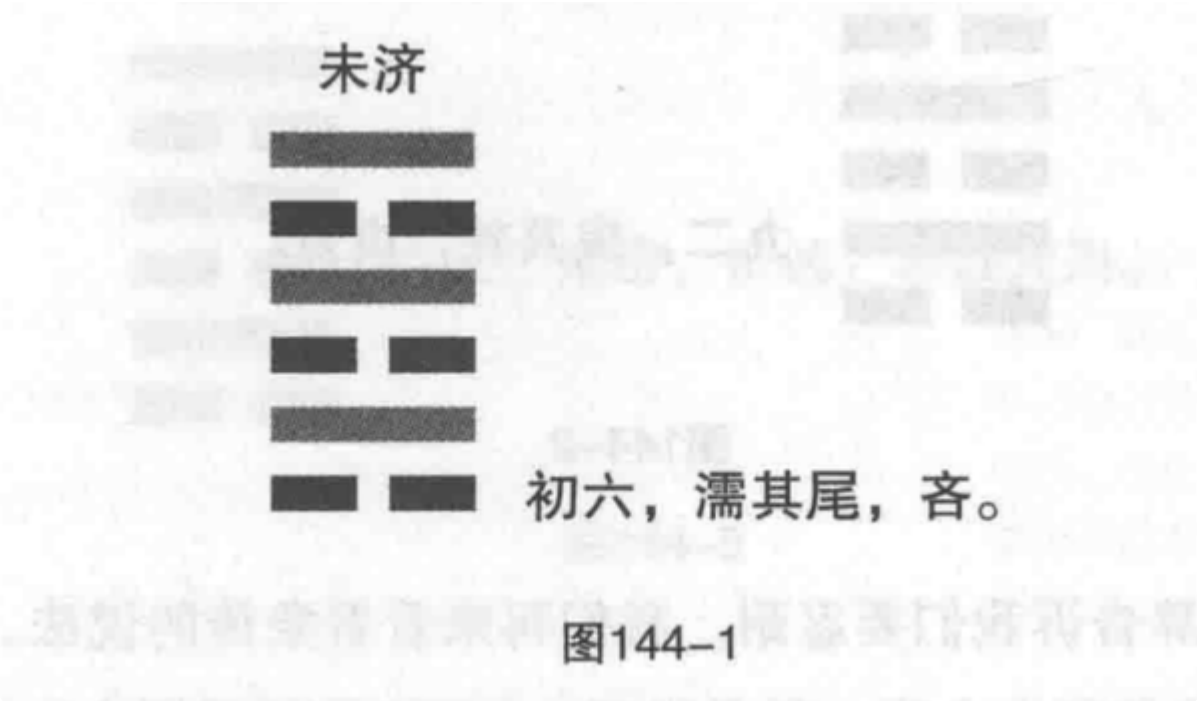


图144–1

Sáu hào của Vị Tế có thể giải thích từ nhiều góc độ khác nhau, Sơ Lục bất đắc chính, hơn nữa ở đáy của nội quái Khảm, đương nhiên là rất bất an. Nhưng nó không chịu thua, người Trung Quốc đều không chịu thua, mắt chúng ta luôn nhìn lên trên, vì vậy hào Sơ Lục ngước lên nhìn, thấy trên có Cửu Tứ, Sơ Lục cảm thấy Cửu Tứ tương ứng với mình, nhưng không nghĩ rằng Cửu Tứ cũng bất đắc chính. Cửu Tứ vừa bất trung vừa bất chính, nó cũng rất khó giúp được Sơ Lục, e rằng chỉ có thể giúp phản tác dụng. Nhưng người thường không nghĩ nhiều như vậy, luôn cảm thấy mình có cơ hội, không quản gì hết, làm rồi tính sau, kết quả là "nhu kỳ vĩ, lận". "Lận" chính là hành động không lượng sức mình, "nhu kỳ vĩ" ở đây biểu thị toàn thân đều ướt hết, không chỉ đuôi ngâm vào nước mà thôi, vì vậy mới "lận". Nếu chỉ là đuôi ngâm vào nước thì rất đơn giản, động vật chỉ cần nhảy lên lắc hai cái là khô. Vì vậy "nhu kỳ vĩ" của Sơ hào nói với chúng ta, từ đầu đến đuôi đều ướt hết, đều ngâm vào nước rồi, vị trí của nó chính là đáy của quẻ Khảm, cuối cùng không có tác dụng gì nữa.

Âm nhu ở dưới, lại không an phận, nắm lấy sợi dây của Cửu Tứ lại không đáng tin cậy, vì vậy Tiểu Tượng nói: "Nhu kỳ vĩ, diệc bất tri cực dã".

Chữ "diệc" này nghĩa là quá, quá không biết giới hạn của mình, quá không biết năng lực của mình. Rất nhiều người khi nhận lời nhờ vả của người khác, sẽ không do dự mà nói để tôi để tôi, thậm chí việc còn chưa đến lượt mình, họ đã nóng lòng không chờ được. Cuối cùng làm cho bản thân toàn thân chìm trong nước, quá không biết giới hạn, quá tin tưởng vào bản thân, cuối cùng mọi người đều xem trò cười.

Hào từ của Cửu Nhị (Hình 144-2) là: "Duệ kỳ luân, trinh cát".

(kéo lết bánh xe, giữ đạo trung chính thì tốt.)

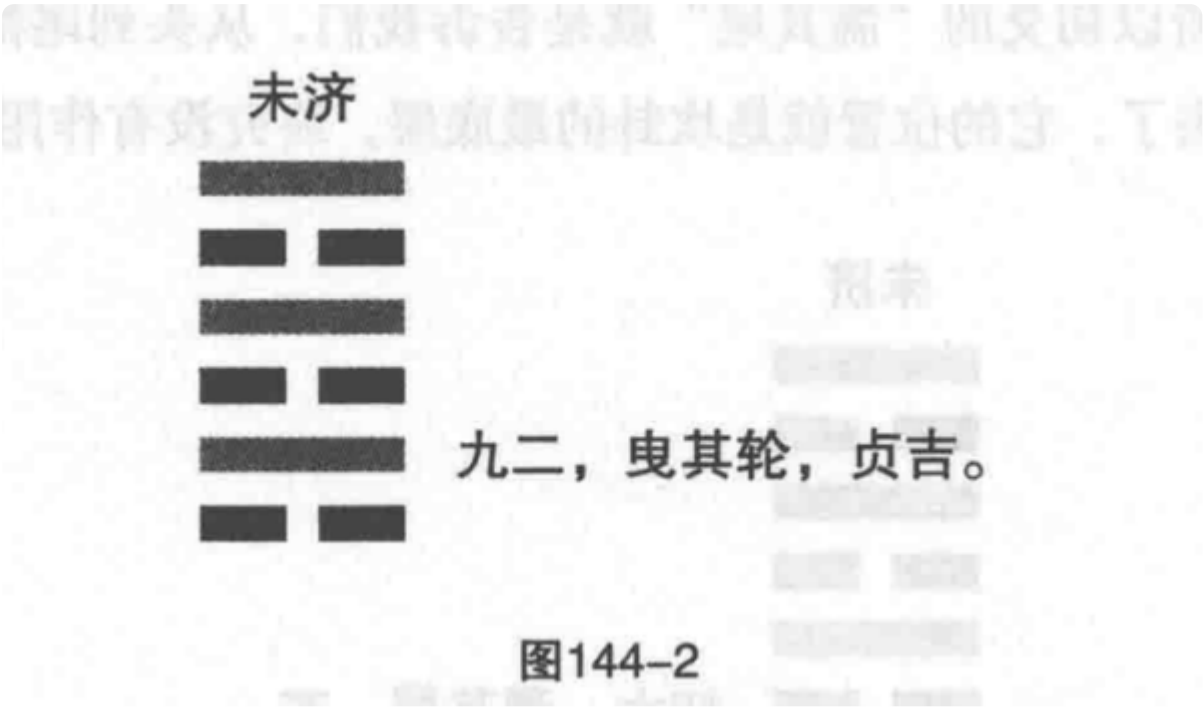


图144–2

Chữ "duệ kỳ luân" này, trong quẻ Ký Tế cũng từng xuất hiện, chính là phanh xe lại. Nhưng quẻ này vốn đã Vị Tế rồi, còn phanh xe lại, không phải rất kỳ lạ sao? Vì vậy "duệ kỳ luân" ở đây, với "duệ kỳ luân" của quẻ Ký Tế không hoàn toàn giống nhau.

"Duệ kỳ luân" trong quẻ Ký Tế là ở phía trước phanh xe giảm tốc mới an toàn, còn Cửu Nhị của Vị Tế là dương hào cư âm vị, vì vậy rất có thể sẽ quá cương, cho rằng mình đã nổi lên rồi thì cứ tiến lên, kết quả thể lực không chịu nổi. Vì vậy "duệ kỳ luân" ở đây giải thích là, phanh xe lại để kiềm chế khí thế của Cửu Nhị, khiến nó đừng quá xông xáo mới sẽ “trinh cát”. Bởi vì quẻ Vị Tế là lấy cầu chung là “trinh”, có thể bảo tồn mình không bị tiêu diệt mới có thể trinh. Hiện tại có khả năng công toi, thậm chí bị hủy diệt, vì vậy khi vừa mới xuất hiện không nên quá mạo hiểm, hơn nữa còn phải nhẫn nại thêm một chút, chờ đợi cứu binh, để có được một kết thúc tốt đẹp và an toàn. Cửu Nhị cần kiên trì nguyên tắc của mình, bảo tồn thể lực của mình,

không nên tạo thêm vấn đề, đồng thời duy trì trạng thái tiến chậm mà không phải xông xáo, bởi vì tuy bây giờ đã nổi lên rồi, nhưng bản thân vẫn đang ở trong tình huống Vị Tế.

Hào từ của Cửu Nhị nói với chúng ta phải nhẫn nại. Chúng ta lại xem Tượng nói gì. Tiểu Tượng nói: "Cửu Nhị trinh cát, trung dĩ hành chính dã".

Cửu Nhị là vị quan mạnh, phía trên Lục Ngũ là ông vua yếu. Nếu là vua mạnh quan yếu thì rất đơn giản, quan yếu nghe lời là tốt rồi. Nhưng hiện tại ngược lại, quan thì mạnh, vua thì yếu, như vậy cần quan phải xử lý ngay thẳng, không để tà ác dẫn dụ. Trong tình huống vua yếu, quan mạnh này, rất dễ bị dụ dỗ, vua đều phải nghe theo lời mình, làm bề tôi rất có thể tùy tiện làm bậy, kết quả không trinh cát.

> Quẻ Vị Tế, nội quái là quẻ Khảm, tượng trưng cho hiểm nguy. Vì vậy khi chúng ta ở giai đoạn ban đầu, phải làm đến vững vàng từng bước, không ngừng nỗ lực, mới trinh cát. Còn hào Lục Tam đã đến phía trên của quẻ Khảm, sắp thoát khỏi hiểm nguy, thắng lợi trong tầm tay rồi, nhưng lúc này lại đột nhiên gặp phải cục diện "hung". Đây là vì sao? Chúng ta ở vào hoàn cảnh này, lại phải làm sao mới có thể tránh được hung họa giáng xuống?

Hào từ của Lục Tam (Hình 144-3) là: "Vị tế, chinh hung, lợi thiệp đại xuyên".

(chưa thành đâu, nếu cứ tiến hành thì bị hoạ, vượt qua sông lớn thì lợi.)

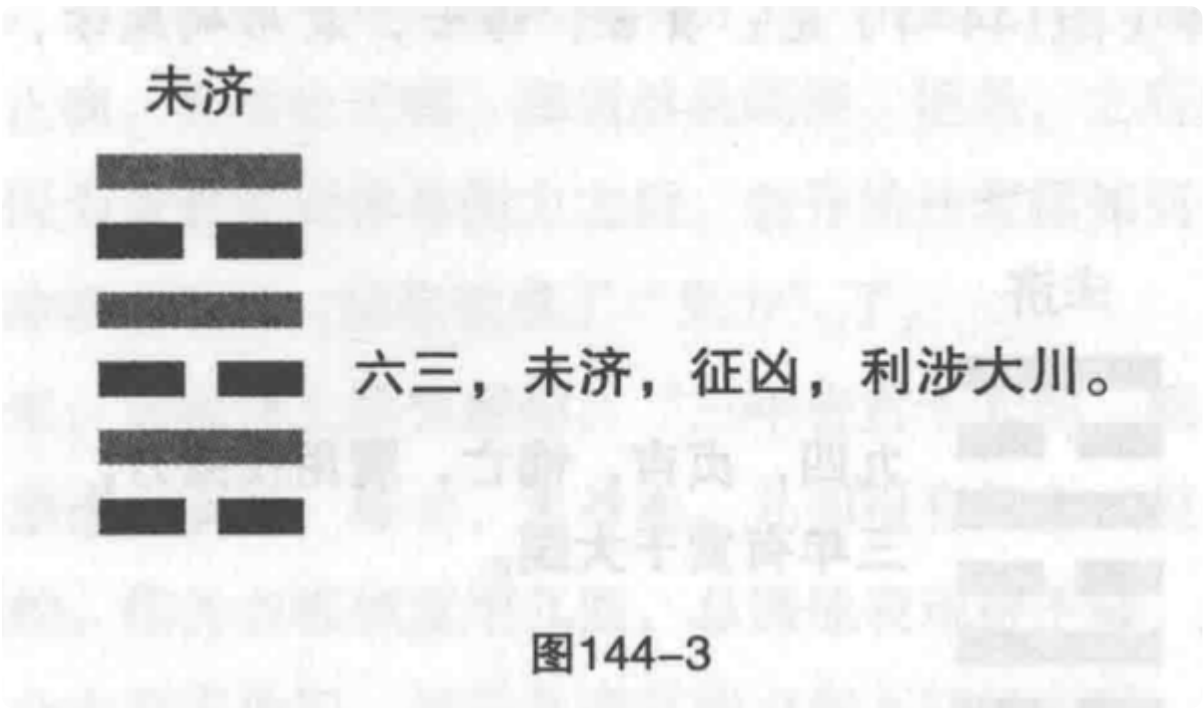


图144–3

Tình huống của Lục Tam lại khác với Cửu Nhị, Lục Tam là cuối nguy nan, đã nổi lên mặt nước rồi, lúc này có cơ hội thoát nguy, vì vậy phải đặc biệt cẩn thận. Tuy còn chưa thoát nguy, nhưng cơ hội thoát nguy đã gần đến rồi, thời khắc cuối cùng càng không thể đại ý, nếu vì đại ý mà mất cơ hội thì càng đáng tiếc. Đồng thời

vì có Thượng Cửu tương ứng với Lục Tam, nên Lục Tam muốn làm nước rút cuối cùng, nhưng không biết phía trên còn có một âm một dương ngăn cản ở đó.

Như vậy, Lục Tam không thể nhanh chóng trèo qua được, nên "chinh hung". Nhưng "chinh hung" không phải hoàn toàn không có hy vọng.

Đồng thời trong hào từ của Lục Tam còn có hai chữ - Vị Tế. Trong quẻ Vị Tế này, chỉ có hào từ của Lục Tam đặc biệt chỉ ra "Vị Tế, chinh hung". Giống như một người rất giỏi bơi từ chỗ rất cao nhảy xuống, vừa nhảy xuống mới biết trong nước có xoáy nước, rồi rơi vào không nổi lên được, đây gọi là "Vị Tế". Đến cảnh "Vị Tế", không quan trọng vùng vẫy thế nào cũng không lên được, bởi vì ngay khi sắp nổi lên thì đã kiệt sức rồi, kết quả công cốc. Vì vậy lúc ở Cửu Nhị phải thích hợp bảo tồn thể lực, nổi lên thì nhìn rõ đâu là an toàn, lập kế hoạch phải đi như thế nào, lúc này mới lên mới đúng.

Tình hình hiện tại, tiến lên là hung, nhưng hào từ phía sau lại thêm bốn chữ "lợi thiệp đại xuyên", điều này không phải tự mâu thuẫn sao?

Trong tình huống thông thường, khi chúng ta thân ở hiểm cảnh, phía trên có người ném một sợi dây xuống, đương nhiên phải lập tức nắm lấy, càng sớm thoát khỏi hiểm cảnh càng tốt. Nhưng trong tình huống của Lục Tam này không nên mạo hiểm, phải luôn nhớ Vị Tế. Vị Tế nghĩa là thể lực cũng không đủ rồi, cần phải vững vàng từng bước mới được, nếu mắt chỉ nhìn thấy Thượng Cửu mà mạo hiểm xông lên thì sẽ hung. Ngược lại, cần chúng ta theo tinh thần của Cửu Nhị để học tập sự điềm tĩnh của nó, nhớ "duệ kỳ luân" thì mới có thể "lợi thiệp đại xuyên". Như vậy chúng ta mới biết, tại sao trong hào từ của Lục Tam đặc biệt thêm hai chữ "Vị Tế" này.

> Hào Cửu Tứ giống như ngã tư đường của cuộc đời: quá độ mạo hiểm, quá độ xông xáo, có thể sẽ gặp hung họa. Còn vững vàng tiến lên, thực tế tiến bước thì có thể lợi thiệp đại xuyên, thuận buồm xuôi gió. Vậy, khi chúng ta thoát khỏi nội quái Khảm đầy hiểm nguy, tiến vào ngoại quái Ly, có phải thực sự là đường không chướng ngại, một mảnh quang minh không? Ngoại quái của quẻ Vị Tế lại đưa ra cho chúng ta những cảnh báo gì?

Hào từ của Cửu Tứ (Hình 144-4) là: “trinh cát, hối vong. Chấn dụng phạt Quỉ Phương, tam niên. Hữu thưởng vu đại quốc.”

(giữ đạo chính thì tốt, hối hận mất đi. Phấn phát (Chấn) tinh thần, cổ vũ dũng khi mà đánh nước quỉ Phương, lâu ba năm, nhưng rồi được nước lớn thưởng cho.)

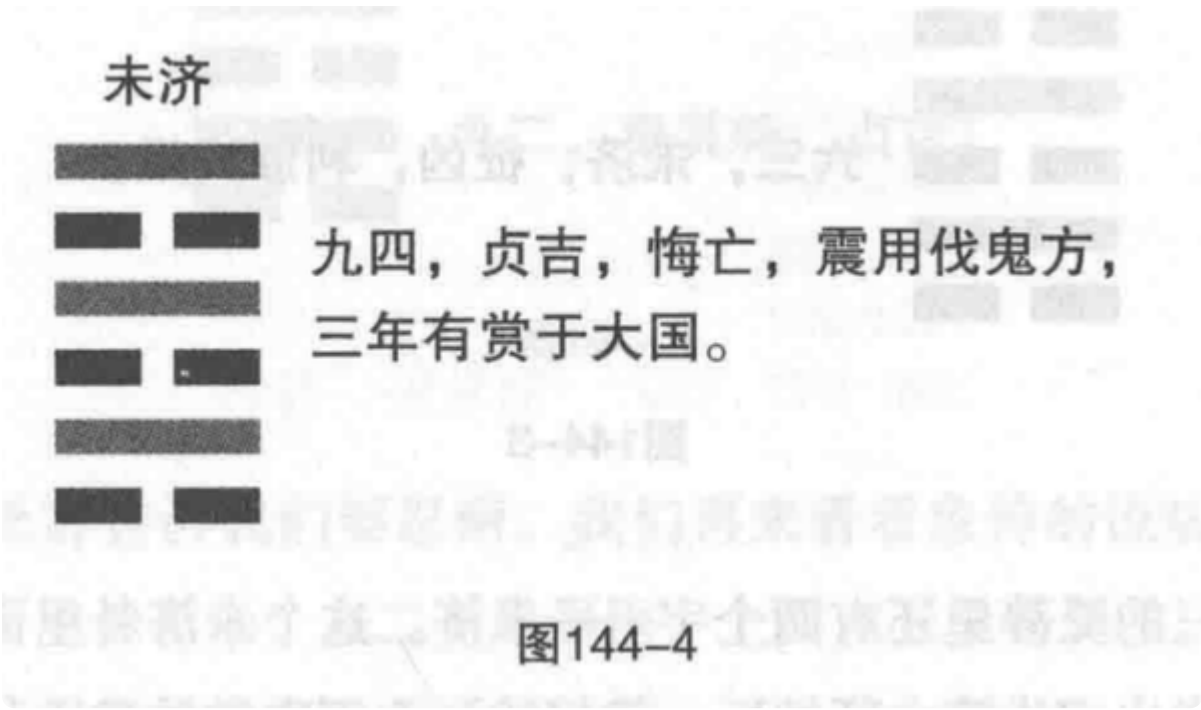


图144–4

Cửu Tứ đã thoát nguy rồi, nên hào từ của nó bắt đầu là "trinh cát". "Trinh cát" nghĩa là, tiếp tục đi đường chính thì rất thuận lợi, không cần phải do dự nữa. Cửu Tứ cư âm vị, vốn là bất chính, có hối, nhưng vì "trinh cát", nên "hối vong", "hối vong" nghĩa là không có hối. Hào từ phía sau lại nói "chấn dụng phạt Quỉ Phương", "Quỉ Phương" chính là những người rất xa bên ngoài, không phục tùng chúng ta.

"Chấn dụng phạt Quỉ Phương" nghĩa là nói, một người phải giữ nguyên tắc của mình, đừng mù quáng học theo người khác mà đánh mất bản thân. Đồng thời, một người nên đặt năng lực của mình vào việc đối phó bên ngoài, mà không phải nội đấu. "Tam niên hữu thưởng ư đại quốc" nghĩa là nói, làm như vậy sẽ được thưởng lớn. Nhưng điều này không phải tuyệt đối, bởi vì phía trên Cửu Tứ là Lục Ngũ, Cửu Tứ gọi là cận thần, cũng gọi là trọng thần, còn Lục Ngũ vì tương đối yếu nên gọi là “chủ nhược” (vua yếu). Vốn dĩ là vị trí âm hào, phải thuận theo vị quân, nhưng hiện tại quan mạnh, vua yếu, không tránh khỏi sẽ “công cao chấn chủ” (công lao quá lớn khiến chủ tể phải lo sợ), một khi công cao chấn chủ sẽ bị chủ đề phòng. Vì vậy ở đây rất rõ ràng là nói với chúng ta, Cửu Tứ phải đem sức mạnh công cao chấn chủ này, đem đi chinh phạt ngoại di mới có thể được tin tưởng. Là trọng thần như Cửu Tứ, đối nội phải làm cho lãnh đạo yên tâm về mình, đối ngoại phải có năng lực đi chinh phục những "Quỉ Phương" ngoan cố kia. Như vậy đương nhiên sẽ được phong thưởng rất lớn.

Nhưng khi được phong thưởng đồng thời còn có một việc phiền phức hơn. Nếu chỉ biết "trinh cát", cho rằng mình đã thoát nguy rồi, nhìn thấy ánh sáng rồi, từ đó bắt đầu thể hiện tất cả sức mạnh, cũng không quan tâm phía trên mình là ông vua yếu đuối Lục Ngũ, thì nhất định sẽ “công cao chấn chủ”. “Công cao chấn chủ” sẽ trở thành "Quỉ Phương" trong mắt Lục Ngũ, điều đó càng đáng sợ hơn, bởi vì rất nhiều người đều không nghĩ rõ năng lực của mình nên thể hiện ở đâu, nếu thời vị không đúng, kết quả sẽ Vị Tế. Vốn dĩ một người có năng lực là phải thể hiện, mục tiêu cũng đúng, phương pháp cũng đúng, thì đương nhiên là

Ký Tế. Nhưng, sở dĩ sẽ tạo thành kết quả Vị Tế, là vì sau khi sếp thấy bạn có năng lực, liền bắt đầu chú ý bạn thể hiện năng lực của mình như thế nào, nếu bạn nhắm vào sếp mà đến, thì bạn đã trở thành "Quỉ Phương" rồi.

Như vậy, sếp lập tức sẽ trở mặt, "tam niên. Hữu thưởng ư đại quốc" (ba năm, nhưng rồi được nước lớn thưởng cho) thì hoàn toàn không còn gì để nói nữa. Vì vậy Tiểu Tượng nói: "Trinh cát hối vong. Chí hành dã."

Cửu Tứ rất có năng lực, nhưng người có năng lực cũng rất phiền phức, là sếp muốn trọng dụng Cửu Tứ, lại luôn chê anh ta thể hiện chưa đủ. Những người không có năng lực, sếp sẽ không đòi hỏi họ, nhưng Cửu Tứ có năng lực mà không chịu thể hiện tốt, sếp sẽ cảm thấy đáng ghét. Nhưng Cửu Tứ một khi thể hiện, tất cả đồng sự đều sẽ sinh lòng oán hận, họ cảm thấy Cửu Tứ cố gắng thể hiện như vậy, sẽ khiến mọi người đều bị bỏ lại phía sau, chỉ có một mình Cửu Tứ được sếp trọng dụng. Như vậy, kết quả của Cửu Tứ cũng là Vị Tế.

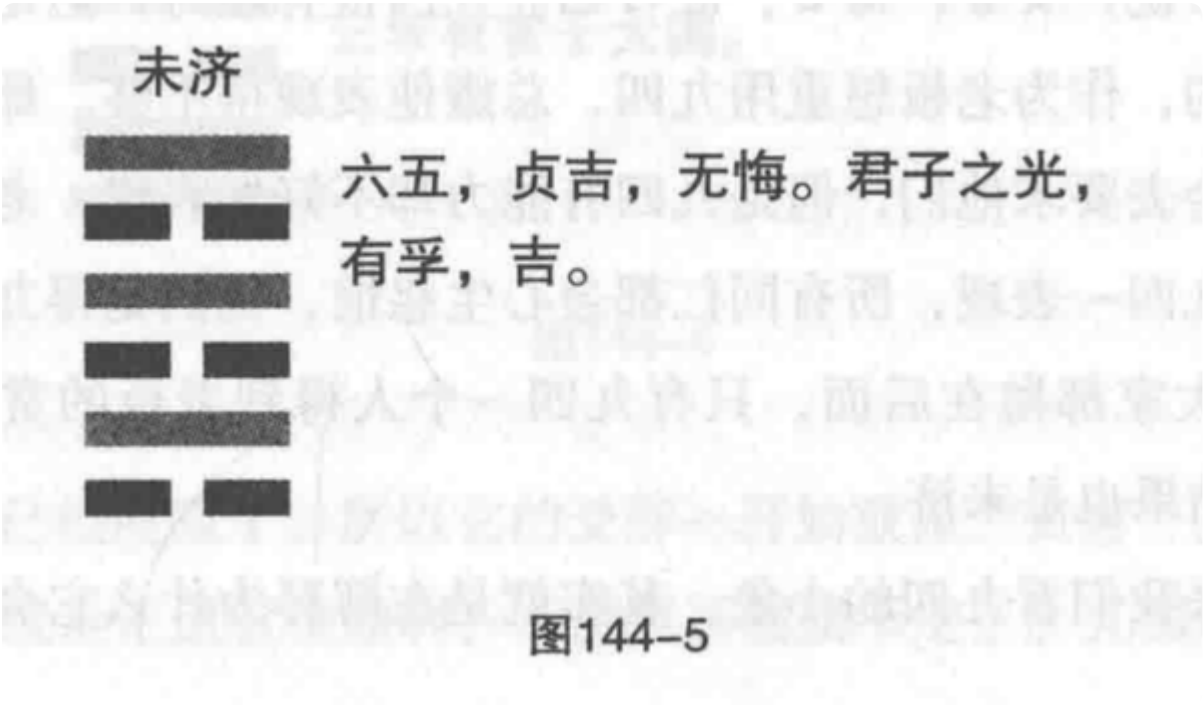
Quay lại xem Tiểu Tượng của Cửu Tứ, thực ra chính là đang giải thích tại sao nó sẽ "trinh cát, hối vong". Thực ra Cửu Tứ vốn là có hối, nhưng nó có thể thông qua nỗ lực của mình đạt đến "trinh cát, hối vong", chính là vì phía sau còn có ba chữ, gọi là "chí hành dã". "Chí hành dã" nghĩa là bản thân hành xử đúng đắn, không có tư tâm, cho dù mọi người một thời gian có hiểu lầm, cuối cùng cũng nhất định sẽ hiểu rõ tình hình thực tế. Ngoài điều này ra, Cửu Tứ không có đường nào để đi, bởi vì nếu Cửu Tứ không thể hiện, tất cả mọi người đều nghi ngờ năng lực của anh ta, nhưng thể hiện quá mức, lại sẽ gây ra sự đố kỵ của những người khác, Cửu Tứ đang ở vị trí rất khó xử như vậy. Sếp càng tin tưởng Cửu Tứ, người đến nhờ vả càng nhiều, đáp ứng cũng không đúng, không đáp ứng cũng không đúng, đây chính là chỗ rất khó xử của Cửu Tứ. Khi tất cả mọi người đều trong bóng tối, mọi người sẽ đoàn kết chân thành, không chỉ trích lẫn nhau; nhưng một khi có ánh sáng, có lợi ích, sẽ sinh ra hiềm khích với nhau, lúc này chúng ta không có cách nào khác, con đường duy nhất chính là kiên trì nguyên tắc của mình. "Chí hành dã", một người ý chí rất kiên định, có thể không bị bất kỳ cám dỗ nào làm thay đổi ban đầu, cuối cùng mọi người mới hiểu được chân tướng sự việc, ngoài ra không có con đường nào khác.

> Tiến vào hào Cửu Tứ, đã bắt đầu sự chuyển đổi từ quẻ Vị Tế sang quẻ Ký Tế, tuy không phải một đường suôn sẻ, nhưng vẫn đạt được kết quả cát tường. Vậy, với tư cách là quân chủ, hào Lục Ngũ lại phát huy tác dụng của nó như thế nào?

Nhìn thấy Lục Ngũ chúng ta liền nghĩ đến một câu, “đốt mình để soi sáng cho người khác”. Hào chủ trong quẻ Ly sở dĩ là hào âm, chính là vì nó bị đốt cháy gần đứt rồi, còn ánh sáng bên cạnh, đều là mượn sự tự hy sinh của nó mà có. Do đó có thể thấy, Lục Ngũ đang dùng nhu để hành cương.

Lục Ngũ không có cách nào thể hiện năng lực của nó, nhưng nó vẫn có cách đạt được trinh cát. Chúng ta xem hào từ của Lục Ngũ (Hình 144-5) sẽ rõ: "Trinh, cát, vô hối. Quân tử chi quang hữu phu, cát.”

(Có đức trung chính, tốt, không có lỗi. Đức văn minh của người quân tử do chí thành mà rực rỡ, tốt.)



Mọi người xem Lục Ngũ là lãnh đạo, nhưng Lục Ngũ lại quá mềm yếu như vậy, rất có thể sẽ có nhiều cổ đông bắt nạt ông ta. Và cách duy nhất của Lục Ngũ, chính là phát huy "quang minh của quân tử". "Quang minh của quân tử" là gì? Chính là phong độ nhún nhường, đây gọi là "quang minh của quân tử".

Như vậy mọi người sẽ hiểu, tại sao làm sếp, trong tình huống chưa nắm rõ môi trường đều rất thấp điệu, chính là đạo lý này. Khi họp, sếp thường có hai cách làm: một là nghênh ngang đến ngồi ở vị trí rất nổi bật, khiến mọi người không rõ anh ta là ai, nói không chừng còn mời anh ta sang bên cạnh ngồi, như vậy hoàn toàn mất mặt; nhưng có những sếp sẽ trốn ở bên cạnh, sau đó nhìn rõ môi trường rốt cuộc thế nào, anh ta nghĩ trong lòng, cái gì của mình sẽ không chạy đi đâu được, tự nhiên sẽ có người mời mình, mình vội vàng làm gì? Đây gọi là tu dưỡng khiêm nhường.

"Hữu phu" nghĩa là nói, chỉ cần một người được mọi người tin tưởng sâu sắc, thì hoàn toàn không cần phải vội vàng. Người ta sợ nhất là không có uy vọng mà còn muốn ra mặt, dùng tư thế khoe khoang là vô dụng. Chỉ cần không phụ lòng mong đợi của mọi người, trong lòng mọi người có bạn, thì năng lực dù yếu cũng không sợ, bởi vì mọi người sẽ cảm thấy bạn là do khiêm tốn, chứ không phải vì không có năng lực, vì vậy tự nhiên sẽ "trinh cát", lúc này sẽ "vô hối".

Thực ra Lục Ngũ vốn là có hối, phải xử lý tốt mới sẽ "vô hối". Tiểu Tượng nói rõ ràng: "Quân tử chi quang, kỳ huy cát dã".

"Huy" chính là quang thái, cũng chính là màu sắc của mặt trời, mặt trời mùa đông là ấm áp, nhưng mặt trời mùa hè lại là đáng sợ. Vì vậy Lục Ngũ phải suy nghĩ kỹ, cùng là mặt trời, bản thân rốt cuộc là muốn làm mặt trời mùa hè, hay muốn làm mặt trời mùa đông?

Mặt trời mùa hè, mọi người sợ đến chết khiếp, trước mặt không dám nói gì, nhưng sau lưng đều bàn tán xôn xao, nói ông chủ này quá bá đạo. Chúng ta xem trong lịch sử có bao nhiêu đế vương đều là bá vương, kết cục của bá vương đều không tốt, bởi vì họ không hiểu được tôn trọng người khác. Chúng ta lại xem mặt trời mùa đông, nếu một người trong ánh nắng mùa đông tận hưởng nửa ngày, nhưng vẫn chưa cảm nhận được mặt trời cho mình lợi ích gì, thì người này phải tự mình đi phản tỉnh phản tỉnh rồi.

Có "quang minh của quân tử" mới được cấp dưới toàn tâm toàn lực đầu tư, phân công hợp tác trợ giúp, đây chính là quang huy vô song của Lục Ngũ, mà không phải bản thân phát ra sức mạnh gì, cuối cùng mới có thể "trinh cát, vô hối". "Quang minh của quân tử" phải dựa vào tu dưỡng, nó là thứ mà chức vị không thể ban cho.

> Thông qua sự kiên trì và nỗ lực từ hào Sơ Lục đến hào Lục Ngũ, quẻ Vị Tế cuối cùng mới có thể thực hiện chuyển đổi sang quẻ Ký Tế. Nhưng, đã là Vị Tế có thể chuyển hóa thành Ký Tế, thì Ký Tế cũng tương tự có thể bất cứ lúc nào chuyển hóa về Vị Tế. Chúng ta làm thế nào mới có thể giữ được thành quả đã đạt được bằng nỗ lực? Hào Thượng Cửu của quẻ Vị Tế, đưa ra cho chúng ta những phương pháp giữ gìn thành quả nào?

Vị trí của Thượng Cửu đã đến đỉnh rồi, biểu thị hiểm nguy đã qua, đất nước thái bình, một mảnh quang minh, vì vậy mọi người đều rất hòa vui. Chúng ta xem hào từ của Thượng Cửu (Hình 144-6) : "Hữu phu vu ẩm tửu, vô cữu. Nhu kì thủ, hữu phu, thất thị."

(tin tưởng chờ đợi như thong thả uống rượu chơi thì không lỗi, nếu quá tự tin mà chìm đắm trong rượu chè (ướt cái đầu) thì là bậy.)

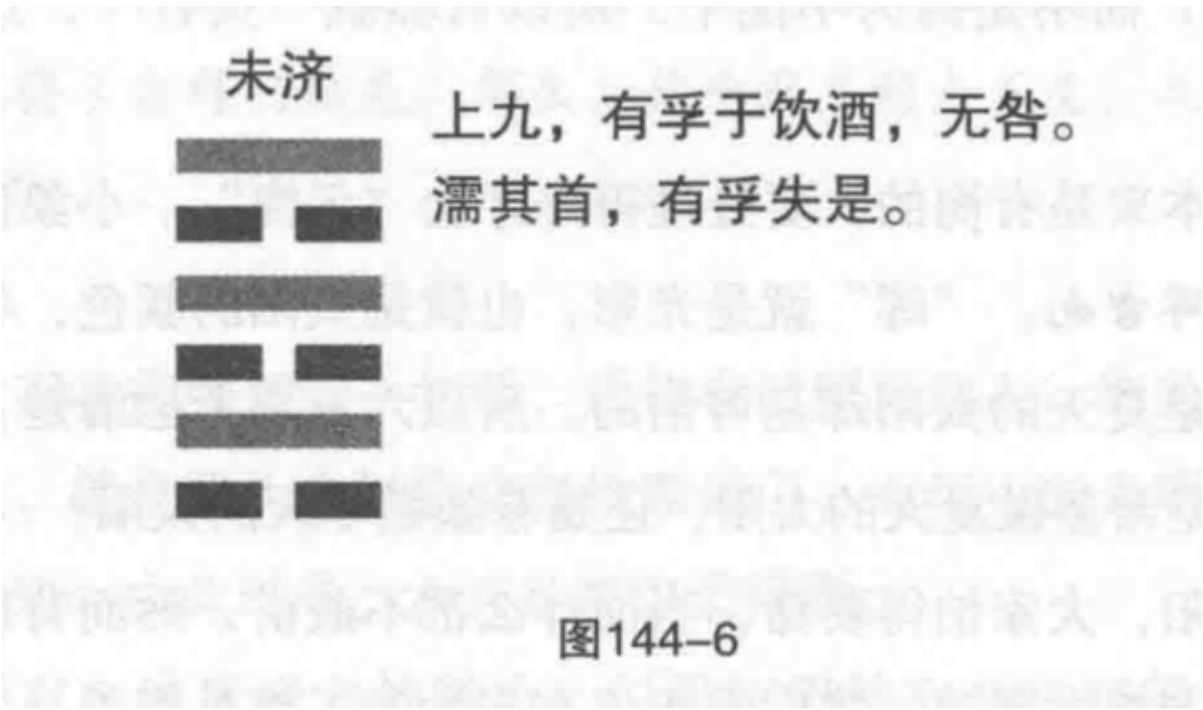


图144–6

Điều này rất tuyệt. Bởi vì lúc này chính là lúc uống rượu ca hát, cả nước cùng vui mừng. Nhưng một khi như vậy, họa hoạn lại nổi lên, bởi vì sau khi ca vũ thái bình, người ta hoàn toàn không còn đấu chí, đã quét sạch tinh thần phấn đấu trước kia. Vì vậy chúng ta phải luôn nhắc nhở mình, bởi vì con người là động vật hay quên, nếu có thể nhớ được tất cả bài học trước đây, con người tuyệt đối sẽ không làm bậy, nhưng con người thường sẽ quên hết tất cả những gì trước đây.

Từ nhỏ đến lớn, chúng ta nhận được những bài học rất nhiều, ví dụ như đi xe đạp không ai là không ngã, không ngã thì hoàn toàn không học được; lại ví dụ như chơi cờ tướng không ai là không thua, không thua thì không biết chơi. Vì vậy bất luận người ta làm gì đều là từ thất bại mà học được, đều là từ Vị Tế mà đi đến Ký Tế. Nhưng đáng sợ nhất chính là một khi người ta đi đến Ký Tế, liền quên sạch đoạn Vị Tế đó, học phí trả uổng phí rồi, khổ sở chịu đựng uổng phí rồi, kinh nghiệm quên sạch rồi, cuối cùng thiệt thòi vẫn là mình.

"Hữu phu ư ẩm tửu", sau khi đạt được thành tích mọi người cùng nhau ăn mừng, uống rượu vui vẻ. Làm vậy cũng không có gì sai, tiệc mừng công có gì sai đâu? Nhưng nếu mở tiệc mừng, Đông một lần, Tây một lần, cuối cùng mọi người lấy tiệc mừng làm gốc rễ của công ty; giống như mới làm việc được một tháng, khi họp đã có người đề xuất, năm nay phải đi du lịch Hy Lạp, không làm sếp tức chết mới là lạ. Tình huống này gọi là "hữu phu ư ẩm tửu", nhưng hào từ nói "vô cữu". "Vô cữu" nghĩa là vốn nên như vậy, nên vô cữu. Nhưng hào từ tiếp theo nói "nhu kỳ thủ, hữu phu thất thị". Nghĩa là khi một người quá đáng rồi, vô tình chìm đắm trong rượu chè, cuối cùng cả đầu lẫn đuôi đều ướt hết, lần này không phải ngâm trong nước, mà là ngâm trong vò rượu rồi. Như vậy thì hoàn toàn không có cách nào thoát hiểm, không quan trọng người này từng có bao nhiêu uy tín, lần này cũng không còn gì hết.

Vì vậy Tiểu Tượng nói: "Ẩm tửu nhu thủ. Diệc bất tri tiết dã."

Chúng ta có thể thấy rất nhiều người đều như vậy, một khi sự nghiệp thành công rồi, sau đó cứ ngày ngày đi uống rượu, cảm thấy mình tiền tiêu không hết, đến khi quay đầu lại mới phát hiện tất cả đều bị mình làm hỏng hết. Điều này hoàn toàn là do không biết tiết chế, bởi vì sau khi hình thành thói quen xấu, muốn quay đầu lại là vô cùng khó khăn. Đặc biệt là cờ bạc, người cờ bạc vĩnh viễn là lên bàn dễ, xuống bàn khó, thua rồi còn muốn gỡ lại, thắng rồi còn muốn thắng thêm. Cờ bạc chính là cái hố không đáy, đánh đến cuối cùng lại xuống dưới quẻ Khảm đó, lại từ hào thấp nhất bắt đầu, đây chính là vì sao nói ở đây hào trên cũng chính là hào sơ. Nhưng hào sơ của Vị Tế này rất bất hạnh, không phải hào sơ của Ký Tế, từ hào sơ của Ký Tế một cái lại rơi xuống hào sơ của Vị Tế, nói rõ không biết tiết chế thì rơi xuống nhanh, từ đó chúng ta cũng có thể thấy quá trình của nhân sinh chính là Khảm Ly, Khảm Ly.

Cuộc đời chính là không ngừng “thủy thâm, hỏa nhiệt, thủy thâm, hỏa nhiệt”, sắp xếp như vậy chính là mỹ đức của thượng thiên. Thượng thiên là muốn mượn điều này để nói với chúng ta cuộc đời nên bước từng bước, an bước đương xa, mọi việc không thể vội vàng được. Vì vậy Khổng Tử mới có câu nói như vậy, "tận nhân sự, tri thiên mệnh" (làm hết khả năng của mình, biết rõ mệnh trời).

Cuối cùng, chúng tôi chúc phúc mọi người thiên mệnh đều rất tốt, hy vọng mọi người đọc Kinh Dịch, mỗi lần đọc đều có lĩnh ngộ sâu sắc hơn, cuộc đời có thể càng đi càng thuận lợi, tốt nhất còn có thể dẫn dắt người thân, bạn bè học tập trí tuệ của Kinh Dịch, như vậy toàn xã hội sẽ hài hòa rồi.

Dịch từ trang sau đây, bài viết năm 2010 :

http://paper.people.com.cn/rmwz/html/2010-05/01/content_543447.htm?div=-1
https://www.szlib.com/pdcn/Home/Content/20758

Ông là học giả Đài Loan đầu tiên xuất hiện trên chương trình "Bách gia giảng đường" (百家讲坛) https://tv.cctv.com/2013/07/02/VIDA1372753217540879.shtml ; Ông được các doanh nhân yêu thích nhờ cuốn sách "Sự khai sáng của Hồ Tuyết Nham" (胡雪岩的启示); Ông truyền bá trí tuệ cổ xưa của Trung Hoa thông qua cuốn "Bí ẩn của Kinh Dịch" (易经的奥秘). Ông chính là giáo sư Tăng Sĩ Cường 76 tuổi.

Tiến sĩ Triết học Quản lý của Đại học Leicester (Anh), Thạc sĩ Quản trị Hành chính của Đại học Truman (Mỹ), may mà, Tăng Sĩ Cường đứng trước mọi người không phô trương hàng loạt từ ngoại lai, mà ngược lại, cử chỉ lời nói lại mang phong cách cổ xưa của một vị "sư gia" (师爷) truyền thống Trung Quốc. Ví dụ, ông có tình cảm đặc biệt với con số "cửu" (九), là "lão dương" trong quẻ Kiền.

Năm 39 tuổi, là một bước ngoặt (mệnh Khảm) trong cuộc đời ông. Năm đó, ông được thăng chức giáo sư chính thức, "điều này ở Đài Loan cũng rất hiếm, nhưng sức khỏe tôi cũng gần như cạn kiệt." Văn phòng ông ở tầng hai, ông phải bám vào cầu thang mới leo lên được, "cảm giác rất yếu ớt, đầu nặng chân nhẹ, hai chân vô lực. Đi khám ở bệnh viện, tôi lại được chẩn đoán mắc 5 loại bệnh". Lúc này, ông lại bị một mớ rắc

rối nhân sự phức tạp trong trường học làm phiền lòng, tức giận, không hiểu nổi, trong tình trạng kiệt sức, Tăng Sĩ Cường nghỉ ngơi nửa năm.

Lúc này, người cha già của ông kê cho con trai một "đơn thuốc": "Sớm bảo con đọc Kinh Dịch, sao con không đọc?" Tân giáo sư Tăng Sĩ Cường tự nhận lúc đó "khá Tây hóa", ông hỏi lại: "Kinh Dịch là thứ người ta dùng để xem bói, xem Phong Thủy, con học khoa học, hoàn toàn không tin mấy thứ đó! Hơn nữa, đọc Kinh Dịch thì liên quan gì đến bệnh tật chứ?!" Người cha chỉ dặn một câu: "Con cứ đọc Dịch truyện (易传) trước đã rồi sẽ hiểu".

Mùa xuân 2009, tại Bắc Kinh, tại trường quay "Bách gia giảng đường" của CCTV, giáo sư Tăng Sĩ Cường liệt kê "Kinh Dịch là gì" vào phần đầu của loạt 15 tập giảng. Ông mở đầu một cách rõ ràng: "Kinh Dịch đứng đầu các kinh điển (“quần kinh chi thủ”), là nguồn gốc của văn hóa Trung Hoa".

Thực ra, ông tuân theo chính là lời dạy ngày xưa của người cha: trước lý Dịch, sau tượng số, tái hiện con đường hiệu quả của chính ông khi tiếp cận Kinh Dịch, giúp khán giả truyền hình toàn quốc có thể từ nông đến sâu, tuần tự tiến dần mà thân cận với bộ cổ thư "vừa cổ xưa vừa mới lạ, vừa xa lạ vừa thân quen, vừa huyền ảo khó lường vừa đơn giản dễ hiểu" này.

Nhưng theo Tăng Sĩ Cường, Kinh Dịch luôn đồng hành với cuộc sống của người Trung Quốc, "bất kể đã từng đọc hay chưa từng đọc Kinh Dịch, tất cả hành vi của bạn đều không rời xa Kinh Dịch. Nó đã biến thành thứ ở trong máu của chúng ta, gen trong sinh mệnh của chúng ta."

Đứng ở điểm nhận thức sự việc của thính giả, từ chi tiết cuộc sống mà đi vào, có người cho rằng giáo sư Tăng Sĩ Cường giảng dạy có lợi thế nhờ "xuất thân sư phạm". Thực ra, một chú giải sâu xa hơn là: ông xuất thân từ một gia tộc Kinh Dịch -- tổ tiên ông tạm trú ở Triệu Châu, và nhiều đời làm nghề y.

Người lên "đàn" giảng "kinh", mang theo tiền thế và hiện sinh của mình.

Khi giảng "Bí ẩn của Kinh Dịch" đã là lần thứ ba Tăng Sĩ Cường lên "Bách gia giảng đường".

Mà ông được khán giả đại chúng biết đến, là nhờ "Sự khai sáng của Hồ Tuyết Nham" phát sóng trong thời gian Thế vận hội Bắc Kinh, những phân tích sâu sắc của ông về thương nhân Hồ Tuyết Nham, cho dù trong tình huống tin nóng về thi đấu liên tục xuất hiện, vẫn đạt được tỷ suất người xem rất cao.

Thực ra, lần đầu tiên Tăng Sĩ Cường lên "Bách gia giảng đường", là loạt giảng "Tôi đọc kinh điển" năm 2007. Biên tập thực hành Vương Vịnh Cầm của "Bách gia giảng đường" hồi tưởng: "Buổi 'Kinh Dịch và nhân sinh' của giáo sư Tăng là phần cuối của loạt giảng, sau khi phát sóng có phản ứng mạnh mẽ trên mạng. Lúc đó chúng tôi đã muốn đưa Kinh Dịch lên 'Bách gia giảng đường', nhưng do lúc đó các điều kiện chưa chín muồi, nên chưa thành như ý".

Nhưng nhờ đó mà Tăng Sĩ Cường trở thành học giả Đài Loan đầu tiên lên "Bách gia giảng đường". Có người nói đùa: "Người đầu tiên ăn cua, cũng là người đầu tiên đau bụng". Một nhân viên của "Bách gia giảng đường" nói, quá trình "lên TV" của vị học giả Đài Loan đầu tiên, những trắc trở trong đó, có thể viết thành một cuốn tiểu thuyết.

Lên TV đã không dễ, giảng Kinh Dịch lại càng không đơn giản như tưởng tượng. Vương Vịnh Cầm nói: "Điều này chủ yếu là do xã hội hiểu lầm từ lâu, cho rằng Kinh Dịch là một cuốn sách xem bói, là mê tín phong kiến. Chúng tôi đã ba lần đệ trình báo cáo để chính danh cho Kinh Dịch: nó là nguồn gốc của văn hóa Trung Hoa, là nguồn gốc của tư tưởng triết học Trung Quốc; sau đó với sự ủng hộ của nhiều lãnh đạo, chương trình đã được phê duyệt".

3 tháng sản xuất căng thẳng, thương thảo đi thương thảo lại nội dung giảng dạy, khắc phục những khó khăn kỹ thuật chưa từng gặp trước đây, ví dụ như nét âm và nét dương của các hào, phải cẩn thận vẽ ra từng nét. Khi hậu kỳ, vì thứ tự sắp xếp tượng số của 64 quẻ, nhóm làm chương trình còn tranh cãi "rất nghiêm túc", cho đến khi mời học trò Lý Chí Phong của Tăng Sĩ Cường đến "phán quyết", vượt qua ải này đến ải khác.

Khi nghe nói việc phát sóng chương trình có thể sẽ gặp một số trở ngại, cụ già lại rất thản nhiên, an ủi mọi người: "Đừng gấp. Năm 2009 Kinh Dịch nhất định sẽ phát sóng!" Ông thậm chí khẳng định: "Phát ngày mồng Một là tốt nhất".

Vương Vịnh Cầm trong lòng lại thầm kêu khổ: "Ngày mồng Một là kỷ niệm 60 năm Quốc khánh, loạt giảng kinh điển đó đã được quyết định từ Tết rồi. Xem ra cụ già đang ấp ủ ý định riêng". Thế mà trời thương, kỳ nghỉ dài 7 ngày "Quốc khánh", loạt giảng kinh điển đó sau nhiều lần điều chỉnh cuối cùng được biên tập thành 5 tập. Từ ngày 6/10, phát sóng "Bí ẩn của Kinh Dịch", nhưng chỉ phát 5 tập đầu, nghe nói là "thả đá hỏi đường, xem phản ứng thế nào".

Không ngờ, chỉ 5 tập chương trình thôi, đã gây phản ứng mạnh mẽ của khán giả, điện thoại của "Bách gia giảng đường" gần như bị làm tắc nghẽn, nhiều người đều phản ánh "chưa đã": chưa giảng quẻ tượng thì chưa giải thích rõ "bí ẩn của Kinh Dịch", hy vọng có thể tiếp tục phát sóng.

Nhóm làm chương trình lại trình báo cáo lên lãnh đạo chủ quản, xin ý kiến về việc "phát sóng liên tục 15 tập". Nhưng cho đến giờ tan làm thứ Sáu tuần đó, vẫn chưa có bất kỳ phản hồi nào. Điều này có nghĩa là, nếu lãnh đạo không "đập bàn", tức là "không có hi vọng", "Bí ẩn của Kinh Dịch" có thể sẽ phải gác lại đến năm 2010.

Không ngờ, sáng thứ Hai vừa đến cơ quan, thông báo bằng điện thoại đã đến: 15 tập được phép phát sóng liên tục. Nếu nói trong đời có "niềm vui lớn", thì đó chính là tâm trạng chung của toàn thể thành viên nhóm

làm chương trình lúc đó. Mọi người báo tin mừng, chúc mừng lẫn nhau, ngay cả ông Ngô phụ trách nội vụ, cũng liên tục gửi tin nhắn "tin vui" bằng điện thoại di động.

Ngày 9/11/2009, toàn bộ “Bí ẩn của Kinh Dịch” được phát sóng trên "Bách gia giảng đường". Phản ứng xã hội mạnh mẽ, sách và đĩa liên quan một thời cháy hàng, loạt chương trình này còn nhận được đánh giá tốt của bộ phận chủ quản tuyên truyền.

Nói về quá trình phát sóng đầy trắc trở của "Bí ẩn của Kinh Dịch", Tăng Sĩ Cường cũng thốt lên: "Công đạo tự tại nhân tâm, đây là kết quả của sự hợp nhất giữa trời và người", đúng như Khổng Tử đã nói "Thời dã, mệnh dã". Ông luôn tin chắc chương trình Kinh Dịch có thể phát sóng, vì "Trung Quốc cần Kinh Dịch”.

Kinh Dịch đã xa rời chúng ta quá lâu, trong một trăm năm qua, nó tiến bước trên chính quẻ Khảm - quẻ Cấn của mình. Mà "bĩ cực thái lai" chính là quy luật phát triển của trời đất vạn vật mà Kinh Dịch đã hé lộ, Kinh Dịch đã chứng thực luận giải này bằng chính vận mệnh của nó..

—----------

Gặp gỡ Kinh Dịch ở nơi cuộc đời đau đớn nhất, "giác kim thị nhi tạc phi" (biết hôm nay đúng mà hôm qua sai).

Ông Diêu đến nay vẫn nhớ rõ, mùa thu 4 năm trước, ông gặp Tăng Sĩ Cường dưới một gốc cây quế ở Đô Giang Yển. Năm đó, giáo sư Tăng đã ngoài 70 tuổi, tinh thần hăng hái; còn ông mới 40 tuổi, râu dài hơn một thước rủ xuống ngực.

Dù đi đến đâu, bộ râu này cũng khiến ông trở nên khác biệt. Nghe nói, ông vốn có thể được chọn vào một vị trí nào đó, nhưng người ta muốn ông cắt bỏ bộ râu, ông lắc đầu từ chối; khi mở đại hội ông vốn có thể ngồi trên bục chủ tịch, nhưng chỉ vì bộ râu này mà ông thà không lên bục.

Ông để râu để ghi nhớ, vì chuyện "không thể nghĩ thông" thời đại học. Không chỉ vậy, do "thất vọng với bản tính con người và một số thực tế xã hội", ông còn suýt "xuất gia" hai lần, ẩn mình vào cửa Phật. Loại người "một gân" này, tiếng địa phương Tứ Xuyên gọi là "đầu vuông".

4 năm trước, trong một buổi nói chuyện ở Thành Đô, ông tiếp xúc với Tăng Sĩ Cường và gặp gỡ Kinh Dịch. Sau khi biết hoàn cảnh của ông, giáo sư Tăng tặng một câu: "Từ biệt quá khứ." Và trong mỗi bài diễn thuyết, Tăng Sĩ Cường luôn nhấn mạnh "cuộc đời cần điều chỉnh từng giai đoạn", đó chính là tư tưởng "dịch", "khi bạn không thể thay đổi hoàn cảnh, hãy thuận theo hoàn cảnh, tìm ra con đường của riêng mình".

Sau đó, ông Diêu "đầu vuông", râu dài nói mình "đã nhận thức lại cuộc đời". Khi ông cắt bỏ bộ râu ấy, mọi người xung quanh đều ngạc nhiên: "Đổi thành một người khác rồi!"

Ông Ngao Vĩ người Quý Châu, kém ông Diêu vài tuổi, tính cách cứng đầu không kém. "Tôi là con út trong bốn anh em, mẹ vốn hy vọng sinh con gái, tôi đã khiến bà thất vọng. Từ nhỏ quan hệ giữa chúng tôi đã không tốt, thường xuyên cãi nhau, tôi thậm chí còn nghi ngờ có phải bà sinh ra tôi không. Lúc 10 tuổi tôi đã đòi 'chia tài sản', đòi lấy mấy mẫu ruộng của mình, còn tìm đến chính quyền xã để giải quyết. Giận dỗi với gia đình, ngay cả Tết tôi cũng không về nhà. 14 tuổi bắt đầu đi làm, sửa đường, vác xi măng. Vác 2000 cân xi măng kiếm được 1 đồng 5, một tháng kiếm được 90 đồng, mừng lắm! Lương một tháng của giáo viên trường học chỉ có 60 đồng."

"Tôi đã làm bán hàng, làm trợ lý giám đốc, trong khoảng thời gian này đã tham gia không ít các lớp đào tạo, cho đến khi nghe bài giảng "Quản lý theo nguyên lý của Kinh Dịch" của giáo sư Tăng ở Bắc Kinh, tôi quyết tâm ở lại Bắc Kinh học tiếp, nên đã từ bỏ công việc giám đốc bán hàng. Mọi người xung quanh rất khó hiểu: 'Thằng này điên rồi! Bị thần kinh, đuổi theo một ông già!' Những ngày 'lang bạt Bắc Kinh', đôi khi tiền ăn, tiền ở đều phải nhờ bạn học giúp, học phí thì càng không đóng nổi. Sau này tôi nghĩ ra một cách: làm thêm cho đơn vị tổ chức để miễn học phí. Cứ thế theo học giáo sư Tăng, đã có tiến bộ rất lớn. Bây giờ quan hệ với gia đình rất hòa thuận, việc lớn trong nhà, bố mẹ nhất định đợi tôi về để quyết định."

Hiện tại, Ngao Vĩ là trưởng học tập của "lớp fan cứng" này. Trong lớp có ba bốn chục người, đều là những người theo học quản lý kiểu Trung Quốc và đi theo giáo sư Tăng, có người đã hơn chục năm. Mỗi khi biết Tăng Sĩ Cường bay qua eo biển sang đại lục giảng bài, họ đều tự túc từ khắp nơi đến, hình thành một nhóm "du học", trong đó có: Viện trưởng bệnh viện huyện Hà Nam, ông chủ than Sơn Tây, doanh nhân tư nhân Chiết Giang...

Nhiệm Bằng 28 tuổi kinh doanh thiết bị y tế ở Trịnh Châu, sách của Tăng Sĩ Cường là "đòi" được khi đi đòi nợ. Do bệnh viện nợ tiền, anh ta đến nhà viện trưởng Tưởng đòi nợ. Không ngờ, trong nhà viện trưởng Tưởng toàn sách, anh ta bị các tác phẩm của Tăng Sĩ Cường thu hút, chưa kết sổ mà đã ôm mấy cuốn sách về nhà đọc. Cuốn "Kinh Dịch thực sự rất dễ" anh đọc hơn trăm lần. "Bây giờ, tôi ra ngoài gặp khách hàng, mang theo một bao sách, tặng mỗi người một cuốn "Bí ẩn của Kinh Dịch."

Ông Mã người Nội Mông, từ hồi cấp ba đã cùng cha nghiên cứu Kinh Dịch, cha con họ vẽ quẻ, bói quẻ đạt đến trình độ chuyên gia. Nhưng khi nghe bài giảng của Tăng Sĩ Cường, ông không kìm được sự phấn khích, lập tức gọi điện chia sẻ với cha. Bởi vì lúc này Kinh Dịch mà ông hiểu đã khác trước, đó là một trí tuệ lớn, là phương thức tư duy triết học.

Phải nói rằng, sự chuyển biến phương thức tư duy là thu hoạch lớn nhất của các "fan". Tăng Sĩ Cường cho rằng: "Đặc điểm nổi bật nhất của người không hiểu lý Dịch là: phân biệt rõ phải trái. Thường chọn một trong hai giữa "đúng" và "sai", đúng thì không sai, đây là kiểu người "nửa não" thiếu tính đàn hồi." Mà lý Dịch "âm trung hữu dương, dương trung hữu âm" thì tránh được tư duy tuyệt đối hóa. "Trong thực tế, "đúng" thì vô dụng; hợp lý mới hữu dụng." Ông cho rằng, "người nửa não" có tư duy điển hình "hình

vuông", là phương thức tư duy của người phương Tây, còn triết học Trung Quốc theo đuổi "viên dung, viên thông".

Về điều này, Lý Huệ Trí người được gọi là "sư huynh cả" trong "lớp fan" đã được lợi rất nhiều: "Hiểu được cảnh giới viên thông, giống như đả thông kinh lạc, thông một thì thông tất cả." Ông từng đi khắp nơi bái sư cầu học, để cảm tạ sự chỉ điểm của Tăng Sĩ Cường, ông gác lại mọi công việc bận rộn, sớm tối hầu hạ vị tiên sinh già. Lần đó, Tăng Sĩ Cường diễn thuyết ở Đại học Chiết Giang, Lý Huệ Trí mua 5000 cuốn "Sự khai sáng của Hồ Tuyết Nham", tặng tại chỗ cho sinh viên Chiết Đại, đáng gọi là "fan cốt cán".

Công viên di tích núi lửa thành phố Hải Khẩu, giữa sườn núi có một sân khấu ngoài trời, trên bàn thờ xây bằng đất cúng bài vị Thần Núi Lửa, Thần Mưa Gió, Thần Đất. Chỉ thấy Tăng Sĩ Cường dặn dò vài câu với "sư huynh cả" Lý Huệ Trí, rất nhanh, hơn 30 người đã xếp hàng trước bàn thờ.

Tăng Sĩ Cường chắp tay, cất giọng sang sảng: "Chư thần trên cao, chúng ta ở đây nguyện rằng--" Hơn 30 người cùng hô to: "Hòa bình hai bờ! Trung Quốc thống nhất! Thế giới đại đồng!" Xong nghi lễ, mọi người vỗ tay reo hò.

Ông từng nói: "Người Trung Quốc thực ra không phải một dân tộc thờ thần, chúng ta là dân tộc lễ Phật. Lễ Phật khác gì với thờ thần? Lễ Phật là phép lịch sự, tức là khi chúng ta nhìn thấy Phật Tổ thì chào hỏi một tiếng." Ông cho rằng "tế lễ là một loại giáo hóa chứ không phải mê tín".

Mặc dù có người dùng Kinh Dịch để xem bói, thái độ của giáo sư Tăng là: không phản đối. Nhưng ông nói, đó chỉ là công dụng nhỏ của Kinh Dịch. "Dịch có đại dụng. Trước hết là dùng để nhìn thế cục thế giới. Trời đã cho phương Tây cơ hội phát triển 400 năm, nhưng khoa học kỹ thuật hiện đại của họ đi sai hướng, thương mại hóa quá độ, gây lãng phí tài nguyên nhân loại. Phong thủy luân lưu chuyển, thế kỷ 21 dân tộc Trung Hoa nhất định sẽ phục hưng."

Ông nói, sau khủng hoảng tài chính, nhiều người Mỹ đều đang học quản lý kiểu Trung Quốc. Ông cho rằng, đối với những vấn đề khó khăn trên phạm vi toàn thế giới như ô nhiễm môi trường, khan hiếm tài nguyên, chỉ có quay về con đường "thiên nhân hợp nhất" của Kinh Dịch, hòa hợp với thiên nhiên thì "nhân loại mới có thể tự cứu". Thứ hai, người Trung Quốc có triết học xử thế và tâm lý văn hóa độc đáo của riêng mình, có sự khác biệt rất lớn với phương Tây. Phương Tây coi trọng "pháp-lý-tình", còn người Trung Quốc coi trọng "tình-lý-pháp", nếu người Trung Quốc cứ một mực đi theo quản lý của phương Tây, thì đó là thảm họa.

Ông nói "Trung Quốc cần Kinh Dịch", Kinh Dịch đối với việc hòa hợp quan hệ gia đình, quản lý cảm xúc cá nhân đều "thiện mạc đại yên".

Năm nay là năm thứ 20 giáo sư Tăng Sĩ Cường giảng dạy ở đại lục. Trước đó, ông nhiều lần được mời diễn thuyết trong giới thương nghiệp ở Đài Loan, Hồng Kông, Singapore, Malaysia, sách của ông là tài liệu bắt buộc để một số doanh nghiệp gia tộc đào tạo người kế nhiệm thế hệ thứ hai.

Nghe nói, thỉnh thoảng cụ già cũng nổi nóng, nhưng trước mặt học trò, ông luôn là bậc trưởng bối ôn hòa, giảng kinh luận đạo, khiến người ta như tắm gió xuân. Nhiều năm giảng dạy, ông đã nhận được nhiều tấm biển gỗ, khắc chữ vàng đánh giá của những người được ông truyền thụ: "dưỡng dục anh tài", "truyền bá trí tuệ", "một lần nghe ông nói, hơn cả đọc sách mười năm"...

Văn hóa Trung Hoa lấy đức hạnh dày để chở vật, sở hữu sức mạnh như vậy.

Phóng viên: Ngay cả ở một thành phố nghỉ dưỡng như Hải Khẩu, cũng có thể thấy khắp nơi người ta bắt tay, chụp ảnh, xin chữ ký của ông, có thể thấy sức ảnh hưởng của "Bách gia giảng đường". Nhưng với những chuyện này, lúc đầu sẽ rất vui, nhưng lâu dần, đặc biệt là sau khi giảng xong mệt mỏi, ông vẫn phải chụp ảnh, ký tên, liệu có phiền không?

Tăng Sĩ Cường: Lấy tâm bình thường đối đãi là được. Với danh và lợi, ta phải tỉnh táo. Tại sao một số ca sĩ, ngôi sao tự tử, vì họ sống trong tiếng vỗ tay, một khi không còn vỗ tay nữa, tâm lý mất cân bằng không chịu nổi. Tiếng vỗ tay có thể khiến người ta vui mừng, cũng có thể lấy mạng của ta.

Phóng viên: Trên mạng, blog của ông liên tục được cập nhật, còn có 50 câu nói kinh điển về quản lý kiểu Trung Quốc của Tăng Sĩ Cường, ông chăm chỉ như vậy sao?

Tăng Sĩ Cường: Ha ha, những cái đó đều không liên quan gì đến tôi, không biết ai làm ra, nhưng đều là thiện ý cả.

Phóng viên: Liệu có vấn đề gì về bản quyền không?

Tăng Sĩ Cường: Có người bán sách đem bốn tập sách quản lý của tôi gộp thành một quyển bán 10 tệ, tôi giữ thái độ mặc kệ. Những người dùng xe đẩy bán sách lậu, nếu trong đó có sách lậu của tôi, tôi sẽ vô cùng vui mừng. Dù sao cũng không phải ai cũng có khả năng bỏ ra mấy chục tệ để mua sách. Muốn nước giàu mạnh, phải dựa vào sự nâng cao phẩm chất toàn dân, văn hóa là công cụ của xã hội.

Bài viết trên trang : https://m.thepaper.cn/newsDetail_forward_2625065

Giáo sư Đài Loan Tăng Sĩ Cường qua đời, từng giảng về Kinh Dịch và Hồ Tuyết Nham trên chương trình "Bách gia giảng đường"

Phóng viên The Paper, Tưởng Tử Văn

Ngày 12/11/2018 10:52

Nguồn: The Paper

Vào lúc 21 giờ 39 phút ngày 11/11, tài khoản được Weibo chính thức xác minh @曾仕强-教授 đã đăng thông tin: "Vào lúc 19:54 ngày 11/11, nhà quốc học đại sư, cha đẻ của quản lý kiểu Trung Quốc, ông Tăng Sĩ Cường đã an tường rời khỏi cõi đời tại Đài Loan, hưởng thọ 84 tuổi."

Ngày 12/11, tài khoản WeChat công cộng cá nhân chính thức của Tăng Sĩ Cường đã đăng cáo phó và nhìn lại cuộc đời và sự nghiệp của ông.

Theo cáo phó, Tăng Sĩ Cường sinh tại Phúc Kiến, lớn lên ở Đài Loan, sau đó đi du học ở các nước như Âu-Mỹ, lần lượt lấy bằng cử nhân giáo dục học tại Đại học Sư phạm Đài Loan, thạc sĩ quản trị hành chính tại Đại học Truman của Mỹ, tiến sĩ triết học quản lý tại Đại học Leicester của Anh, tiến sĩ danh dự triết học quản lý tại Đại học Oxford của Anh. Ông từng giữ các chức vụ như giáo sư tại Đại học Giao thông Đài Loan, hiệu trưởng Học viện Quản lý Hưng Quốc Đài Loan, hiệu trưởng Đại học Trí Tuệ Đài Loan, viện trưởng Viện Quốc học Lạc Phủ Sơn,... Ông có hàng chục tác phẩm như "Bí ẩn của Kinh Dịch", "Quản lý kiểu Trung Quốc", "Trí tuệ của Kinh Dịch", "Bí ẩn của Đạo Đức kinh", "Sự khai sáng của Hồ Tuyết Nham",...

Tăng Sĩ Cường được thế giới bên ngoài tôn vinh là "cha đẻ của quản lý kiểu Trung Quốc". Cáo phó trên đề cập, năm 1979, Tăng Sĩ Cường giảng bài ở Singapore, trong quá trình nghiên cứu lâu dài về tư tưởng quản lý Trung-Tây, kết hợp với tinh túy của văn hóa chính thống Trung Hoa, ông đã lần đầu tiên đề xuất tư tưởng "quản lý kiểu Trung Quốc". Ông cho rằng phong tục nhân văn của Trung Quốc khác rất nhiều so với phương Tây, không thể một mực bắt chước và đi theo mô hình quản lý của phương Tây, mà nên dùng phương pháp của người Trung Quốc để hóa giải vấn đề của người Trung Quốc, mới có thể đạt được hiệu quả gấp đôi với nửa công sức.

Tăng Sĩ Cường từng nhiều lần xuất hiện trên chương trình "Bách gia giảng đường" của Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc

Đáng chú ý là từ năm 2007, Tăng Sĩ Cường đã nhiều lần xuất hiện trên chương trình "Bách gia giảng đường" của Đài truyền hình Trung ương Trung Quốc, lần lượt ghi hình các loạt bài giảng như "Sự khai sáng của Hồ Tuyết Nham", "Bí ẩn của Kinh Dịch", "Huyền diệu của Đạo Đức kinh",...

Theo một bài báo khác được Tạp chí Nhân dân đăng năm 2010, Tăng Sĩ Cường là học giả Đài Loan đầu tiên được lên "Bách gia giảng đường".

Dịch từ : https://www.sohu.com/a/651861987_121123925

1. Một gia đình phải có chồng có vợ mới được coi là một gia đình. Chừng nào còn tách rời chỉ còn một người thì không được coi là gia đình.

2. Cái gì thường xuyên bị lật đổ thì chưa chín muồi.

3. Ý tưởng trở thành gia đình là tất cả các học trò đều coi suy nghĩ của mình như một phần mở rộng của thầy.

4. Sự hiểu biết của chúng ta phát triển sau khi đã nắm bắt toàn cục, trái ngược với họ (người phương Tây) là mò mẫm tích hợp từng chút một, và nó vẫn chưa hoàn thiện.

5. Tại sao tổ tiên chúng ta chỉ đọc vài cuốn sách suốt đời mà vẫn hiểu hết? Bây giờ chúng ta đọc quá nhiều sách nhưng cuối cùng vẫn không hiểu được. Đó là vì chúng ta chỉ đọc thứ của người phương Tây chứ không đọc thứ của người Trung Quốc chúng ta.

6. Kinh Dịch cho chúng ta không phải là kiến thức mà là tư tưởng.

7. Chỉ cần chúng ta không quên nguyên lý của Kinh Dịch, cho dù có một ngày chúng ta gặp vận rủi thì cũng sẽ gượng dậy được.

8. Người càng có năng lực thì càng không dám trả lời câu hỏi. Họ giống như lúa chín, càng chín thì càng cúi đầu.

9. Âm tức dương, dương tức âm, âm có thể biến thành dương, dương có thể biến thành âm.

10. Niềm tin của người phương Tây chỉ dừng lại ở tôn giáo. Niềm tin của chúng ta cao hơn tôn giáo, gọi là Đạo.

11. Kinh Dịch giải thích nguyên lý cuộc sống thông qua mọi hiện tượng trong vũ trụ.

12. Kinh Dịch nguyên bản có một số nguyên tắc được rút ra từ tự nhiên.

13. Nghỉ ngơi chính là đi một chuyến dài hơn.

14. Nơi nào có quy luật thì nơi đó có ngoại lệ.

15. Tất cả mọi thứ trong vũ trụ đều động và thay đổi trong từng khoảnh khắc; vận mệnh con người cũng động và thay đổi trong từng khoảnh khắc.

16. Kinh Dịch nói về thống nhất, tất cả sự phân chia là vì thống nhất.

17. Con người nên biết sợ, không nên thả lỏng làm bừa theo nhu cầu của mình.

18. Thứ gì dùng đúng chỗ thì đều có giá trị.

19. Xem bói tức là bạn tính toán mà xem, tôi nghe mà xem. Nếu điều đó có lợi thì tôi sẽ cố gắng đạt được, nếu điều đó bất lợi thì tôi sẽ cố gắng tránh. Đó là điều Kinh Dịch dạy chúng ta về cầu cát tị hung.

20. Chỉ khi sống điều độ hơn thì bạn mới chín chắn.

21. Đừng tin hoàn toàn vào kết quả bói toán.

22. Mỗi người đều phải có một cách tự hiểu mình, bởi vì người khác thì dễ hiểu mà bản thân thì khó hiểu.

23. Trong Kinh Dịch không có tốt xấu. Tốt sẽ biến thành xấu, xấu sẽ biến thành tốt. Ý nói tốt cũng là xấu, xấu cũng là tốt. Bởi vì trong điều tốt có yếu tố xấu, có thể xảy ra bất kỳ lúc nào; trong điều xấu cũng có nhiều yếu tố tốt, chúng sẽ lật ngược lại bất kỳ lúc nào và thay thế tất cả yếu tố xấu.

24. Kinh Dịch khai sáng cho chúng ta: đừng chỉ nhìn hiện tại, mà hãy biết những thay đổi trong tương lai.

25. Chúng ta quen ghi công cho cấp trên. Người Trung Quốc chúng ta sẽ không đua tranh công lao với lãnh đạo cấp trên.

26. Nếu một người không coi bạn là đối thủ thì người đó không có giá trị gì.

27. Nếu một người không nổi tiếng, không kiếm được tiền thì nguy cơ tự hủy hoại tương đối thấp; nếu một người đang nổi tiếng, giàu có, quyền lực thì đang đứng trước nguy cơ tự hủy hoại.

28. Người phương Tây giỏi về năng lực. Người Trung Quốc không nói năng lực, không phải không coi trọng năng lực mà là nói một thứ sâu xa hơn năng lực, gọi là khả năng.

29. Khả năng là gì? Tức là bạn có khả năng và bạn còn phải làm sao để người ta tiếp nhận bạn, chấp nhận bạn và tâm phục bạn.

30. Khi một người đến một nơi (mới), trước tiên phải bình tĩnh lại, tìm hiểu tình hình địa phương và tính cách của người lãnh đạo, chỉ khi nào quen với môi trường và giao lưu được với mọi người, khi mọi người ủng hộ thì bạn mới có thể tự tin mà hành động. Nếu chưa chắc mọi người ủng hộ mình thì tốt nhất đừng lộ diện, kẻo sẽ bị mất mặt.

31. Nếu cấp trên thích bạn thì bạn mới thành công được, nếu cấp trên không thích bạn thì dù bạn giỏi đến đâu cũng không được đâu.

32. Khi bạn gặp được cơ hội, khi được đề bạt, khi được nhiều người yêu mến, bạn phải đặc biệt chú ý đừng làm quá sức mình.

33. Điều khó nhất trong cuộc đời là biết được phần của mình ở đâu. Đọc Kinh Dịch chỉ cho chúng ta biết phần của mình ở đâu.

34. Trinh tiết là yêu cầu đối với cả nam và nữ. Cách nam giới thể hiện trinh tiết khác với nữ giới. Đó gọi là sự khác biệt nam nữ.

35. Mỗi chúng ta phải nỗ lực hết sức và nhận lấy phần mình đáng được hưởng.

36. Việc kiếm tiền không phụ thuộc vào năng lực. Việc kiếm tiền thực ra phụ thuộc vào cơ hội, nhưng tiêu tiền thì phụ thuộc vào trí tuệ. Cho nên, trước khi một người muốn kiếm tiền thì tốt nhất nên học cách tiêu tiền trước.

37. Kinh Dịch dạy chúng ta cách tiêu tiền bằng tám chữ: dùng thì không tiếc, không dùng thì tiết kiệm.

38. Thượng đế dùng tiền tài để thử thách mỗi người chúng ta. Tiền là công cụ chứ không phải mục đích.

39. Cong là một quá trình cần thiết để thẳng.

40. Liên kết phải có người thực hiện, mà thực hiện thì cần một lãnh đạo tốt. Đó gọi là thiên địa phối hợp.

41. Trinh tiết của đàn ông có thể tóm gọn trong hai chữ: trách nhiệm;

42. Khi một cô gái chọn chồng, phải xem anh ta có đáng tin cậy không, có trách nhiệm không. Làm sao để biết có trách nhiệm không? Đơn giản rõ ràng đến mức bạn chỉ cần đến nhà anh ta nhìn cha anh ta là biết ngay.

43. Quan hệ giữa người với người phải lấy tự nhiên và tâm thành làm nền tảng. Nếu bây giờ bạn gặp ai cũng cười thì khi gặp bạn ai cũng sợ.

44. Khi một người hợp tác với người khác đến mức biết hết mọi chuyện lớn nhỏ, biết quá nhiều bí mật của đối phương thì phải cẩn thận.

45. Cách chắc chắn nhất để một người tiến bộ là tu dưỡng tính cách đạo đức của bản thân.

46. Nếu tính cách đạo đức không tốt, quyền lực càng lớn thì càng xui xẻo; nếu tính cách đạo đức không tốt, của cải càng nhiều thì càng nguy hiểm; địa vị càng cao thì càng té đau.

47. Dù làm việc gì, bạn đều phải làm vừa phải trong giới hạn khả năng của mình.

48. Muốn một thứ nào đó lớn mạnh và vĩ đại hơn thì tốt nhất nên làm lâu dài.

49. Khi có người nói khẽ, bạn hãy lắng nghe nhiều hơn để hấp thụ kinh nghiệm bù đắp cho thiếu sót của mình.

50. Trách nhiệm của đàn ông là thời thời khác biệt tùy địa vị và dịp.

51. Dù ở chỗ nào, chỉ cần bạn làm tốt công việc của mình thì sẽ là quý báu nhất.

52. Có lợi chính là bất lợi, bất lợi chính là có lợi.

53. Là con gái, bạn là một mảnh đất, nhưng không phải ai cũng có thể trồng trọt trên đó.

54. Cuộc sống là để trải nghiệm và là để gánh vác trách nhiệm.

55. Hễ làm việc gì cũng khó khăn và nguy hiểm. Chúng ta phải tập trung sức lực và hành động thận trọng. Đồng thời phương hướng phải đúng, phương pháp phải hợp lý và cách làm phải chính đáng.

56. Cẩn thận chọn bước đi là nguyên tắc số một khi bắt đầu bất kỳ việc gì.

57. Tôi cầu học trò, học trò cầu tôi. Không phải là tôi (thầy giáo) cầu các con (học trò) chăm học, mà tôi muốn các con (học trò) phải hỏi thầy trước thầy mới cho đáp án. Đó là nguyên tắc cơ bản của giáo dục.

58. Bạn phải tự học lấy. Cha mẹ và thầy cô chỉ có thể gợi lên hứng thú thích hợp mà thôi.

59. Thầy giáo phải nghiêm khắc nhưng đồng thời cũng phải dễ gần.

60. Tất cả nguyên tắc đều phải đổi mới theo thời gian.

61. Khi học sinh hỏi thầy giáo vấn đề, thầy giáo căn cứ vào trình độ của học sinh mới cho phần học sinh hiểu được.

62. Con người phải kiềm chế dục vọng, kiểm soát nhu cầu của mình, bởi vì dục vọng quá nhiều thì không thể thỏa mãn nổi.

63. Vấn đề của sự khai sáng của chúng ta là chỉ khai sáng ở mức kiến thức chứ không phải ở mức trí tuệ.

64. Mọi nhu cầu đều cần thông qua một quá trình mới được thỏa mãn.

65. Đặt ra một tiêu chuẩn hợp lý đối với dục vọng của mình, đưa ra phán đoán sâu sắc về việc có nên muốn thứ gì đó hay không.

66. Không thể cứ muốn là được, không thể muốn bao nhiêu cũng được. Chỉ có rèn luyện thói quen biết đợi thì mới có thể bình tĩnh.

67. Nếu một người làm cho người khác không thích mình, thì bản thân người đó cũng có một phần trách nhiệm; nếu một người làm cho người khác ghen tị với mình, thì bản thân người đó cũng có một phần trách nhiệm.

68. Kiềm chế dục vọng một cách hợp lý, dừng lại đúng mức và đừng tham lam. Đó là hạnh phúc lớn nhất.

69. Người Trung Quốc không thể làm hài lòng nhưng cũng không thể làm mất lòng.

70. Trong mọi trường hợp, trước tiên bạn phải hiểu phận mình ở đâu, tận tâm tận lực làm những việc nên làm và đừng nghĩ đến những việc không nên nghĩ.

71. Trên đời không có sự công bằng, chỉ có công lý.

72. Địa vị càng cao thì thân hình càng thấp.

73. Kẻ thua kiện thì chắc chắn sẽ thua, kẻ thắng kiện rốt cuộc cũng sẽ thua.

74. Chữ Hán và từ ngữ Trung Quốc là uyển chuyển nhất thế giới. Người ta gọi là một từ, một thái cực.

75. Tận tâm với bản thân là sự khai sáng tốt nhất mà Kinh Dịch mang lại cho chúng ta.

76. Điều chúng ta theo đuổi là sự bất công hợp lý, chứ không phải sự công bằng mà người thường nói ngày nay.

77. Nếu bạn kiện (tranh chấp) bằng cách không kiện (tranh chấp), thì sẽ không kiện (tranh chấp) bừa bãi và không khiến cả hai bên đều thua.

78. Kiện tụng là để giải quyết vấn đề chứ không phải để kiện ai.

79. Người Trung Quốc chỉ đoàn kết khi gặp trận mạc. Bởi vì (nếu) bình thường ai cũng đoàn kết như vậy, vậy thì khi có ý kiến sẽ không nói ra được và sẽ không có cách giao lưu.

80. Sinh thái tự nhiên của người Nhật Bản khiến họ rất đoàn kết. Sinh thái tự nhiên của người Trung Quốc khiến chúng ta đoàn kết khi cần đoàn kết. Chúng ta không đoàn kết khi không cần đoàn kết.

81. Chúng ta không nói đến từ rút lui. Chúng ta đều nói đến quay đầu sang hướng khác và tiến lên.

82. Người thắng phải giả vờ không thắng, người thua phải chịu đựng và giả vờ không thua.

83. Hiện nay chúng ta chỉ có đào tạo nghề. Cái chúng ta gọi là đại học thực ra không đủ tư cách gọi là đại học. Lý do đại học được gọi là đại học là vì dạy con người toàn diện chứ không phải nhân cách nghề nghiệp.

84. Không có chiến tranh không có nghĩa là không cần chiến tranh, mà có nghĩa là không cần đánh nhau.

85. Sự hòa hợp hợp lý là điều mà nhân loại hiện nay cần nhất.

86. Tại sao mọi người lại tức giận như vậy khi so sánh với nhau? Nói cách khác, khi nên so sánh thì chúng ta không so, khi không nên so thì chúng ta lại cứ khăng khăng so sánh.

87. Mọi người chỉ có thể so sánh một thứ, không cần so sánh bất cứ thứ gì khác, đó là văn hóa đạo đức.

88. "Tỷ" thực sự là gì? Đơn giản chỉ là so sánh xem cái nào đáng để học, thì tôi sẽ so sánh với nó.

89. Bạn cần người khác biết đến mình, cần người khác khẳng định mình, cần người khác giới thiệu mình, thì bạn mới có giá trị.

90. Nếu một công ty giữ lại 5% những tiếng nói khác biệt này, thực ra lại tốt hơn cho tổng giám đốc.

91. Ngày nay, khi mọi người nhìn Trung Quốc theo tiêu chuẩn phương Tây, họ thấy Trung Quốc hoặc là một thảm họa, hoặc là vô dụng.

92. (Về cách chọn sếp) Điều chúng ta cần chọn là xem mình có thể học hỏi được gì từ ông chủ này và liệu mình có thể nâng cao tính cách đạo đức của mình hay không.

93. Người Trung Quốc luôn giới thiệu chứ không bầu cử. Giới thiệu là khi mọi người đều nghĩ người đó tốt và đưa người đó lên; bầu cử là tự mình đại diện cho mình.

94. Tất cả đều phải thông qua con người mà làm. Cho nên làm việc là không thể tách rời khỏi làm người.

95. Ở Trung Quốc, chỉ có đối xử tốt với người khác thì công việc mới có thể làm tốt được.

96. Người Trung Quốc có nhiều việc chỉ có thể làm chứ không thể nói.

97. Chúng ta chỉ lấy thứ tốt, vứt bỏ thứ không tốt với mình. Đó gọi là độ lượng.

98. Người Trung Quốc chúng ta có một loại trí tuệ sơ sài và chúng ta làm mọi thứ đều sơ sài.

99. Với người Trung Quốc, phải làm nhiều cho họ xem, nói với họ chẳng ích gì.

100. Là một con người, trước tiên bạn phải bảo vệ bản thân, nhưng không được ích kỷ. Chỉ khi đó bạn mới có năng lực bảo vệ người khác, và chỉ khi đó bạn mới có năng lực làm điều gì đó có ý nghĩa cho đất nước, xã hội và nhân dân.

Trên đây là toàn bộ 100 câu nói hay của giáo sư Tăng Sĩ Cường. Hy vọng điều này sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về quan điểm và triết lý sống của ông.

Mục lục

- Mục lục - 1
Chương 121: Long mã mang thiên tượng trên mình 2
Chương 122: Rùa thần mang sách 10
Chương 123: Thiên Nhân hợp Đức 20
Chương 124: Lấy con người làm gốc 28
Chương 125: Quẻ 56 - Hỏa Sơn Lữ : Đạo của Lữ khách 37
Chương 126: Những điều cốt yếu khi lưu trú xa nhà 44
Chương 127: Quẻ 57 - Thuần Tốn: Nhu hòa đúng mực 52
Chương 128: Khiêm nhường mà bản lĩnh 60
Chương 129: Quẻ 58: Thuần Đoài - Hòa Duyệt Tương Xử 68
Chương 130: Lạc quan nhân sinh 74
Chương 131: Quẻ 59: Phong Thủy Hoán - Khi tan thì hãy tan 82
Chương 132: Quy tụ nhân tâm 89
Chương 133: Quẻ trong quẻ 97
Chương 134: Tự bói tự giải 105
Chương 135: Quẻ 60: Thủy Trạch Tiết - Điều chỉnh thích hợp 113
Chương 136: Chính thông dân hòa 121
Chương 137: Quẻ 61: Phong Trạch Trung Phu - Rộng ban lòng thành tín 130
Chương 138: Thành tâm không vọng 137
Chương 139: Quẻ 62: Lôi Sơn Tiểu Quá - Lưu dư địa 147
Chương 140: Tận dụng tình thế 154
Chương 141: Quẻ 63: Thủy Hỏa Ký Tế - Giữ gìn thành quả là điều khó 163
Chương 142: Phúc qua họa sinh 170
Chương 143: Quẻ 64: Hỏa Thủy Vị Tế - Thận trọng tiến thủ 179
Chương 144: Luôn mang hy vọng 186